**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 14/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Mục Lục

[Tập 131 2](#_Toc420910506)

[Tập 132 19](#_Toc420910507)

[Tập 133 35](#_Toc420910508)

[Tập 134 54](#_Toc420910509)

[Tập 135 71](#_Toc420910510)

[Tập 136 88](#_Toc420910511)

[Tập 137 105](#_Toc420910512)

[Tập 138 124](#_Toc420910513)

[Tập 139 145](#_Toc420910514)

[Tập 140 163](#_Toc420910515)

# Tập 131

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi tám, xem từ hàng cuối cùng:

*“Thiện năng phân biệt chúng sanh ngữ ngôn”* (khéo có thể phân biệt ngôn ngữ của chúng sanh). Trong các bản dịch gốc, câu kinh văn này trích từ bản Đường dịch; kinh văn trong bản Ngụy dịch ghi là *“nhập chúng ngôn âm, khai hóa nhất thiết”* (hiểu ngôn âm của đại chúng, nhằm khai hóa hết thảy). Ý nghĩa như nhau, nhưng văn tự được phiên dịch khác nhau. Chúng ta đọc phần chú giải dưới đó: *“Tịnh Ảnh Sớ viết: Nhập vị giải dã, vị giải chúng sanh chủng chủng ngôn âm, dụng chi khởi thuyết. Hội Sớ dẫn Mật Tích kinh vân: Thử tam thiên đại thiên thế giới hữu bát thập tứ ức bách thiên cai chúng sanh chi loại, ngôn từ các dị, kế thị nhất thiết giai quy nhất nghĩa chí chân chi huệ, Bồ Tát ứng thù xướng dị ngôn, thuyết pháp khai hóa. Mật Tích kinh phục vân: Thử Bồ Tát năng nhập chủng chủng ngôn âm, năng thuyết pháp khai hóa”* (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Nhập có nghĩa là hiểu; hiểu biết các ngôn âm của chúng sanh, dùng đó để khởi lên các lời nói”. Hội Sớ dẫn lời kinh Mật Tích như sau: “Tam thiên đại thiên thế giới này có tám mươi bốn trăm ngàn cai loại chúng sanh, ngôn từ đều khác biệt” (Cai là một trăm triệu). Xét ra, hết thảy đều quy về trí huệ nhất nghĩa chí chân. Bồ Tát thuận theo các loại chúng sanh sai khác mà nói những lời khác nhau để thuyết pháp, khai hóa. Kinh Mật Tích cũng chép: *“*Bồ Tát này có thể nhập các thứ ngôn âm, nên có thể thuyết pháp, khai hóa”). Chúng ta xem đến chỗ này.

 Đây là [câu kinh văn được ghi trong] bản dịch của ngài Khang Tăng Khải: *“Nhập chúng ngôn âm, khai hóa nhất thiết”.* Tịnh Ảnh Sớ là tác phẩm chú giải bản Ngụy dịch. Bản chú giải này được lưu thông rất rộng tại Trung Quốc, người đọc rất nhiều. Tịnh Ảnh là ngài Tiểu Huệ Viễn, tức là pháp sư Huệ Viễn đời Tùy. Ngài chú giải chữ Nhập (入), Nhập có nghĩa là Giải (解), tức là lý giải. Không chỉ lý giải, mà còn lý giải ở một mức độ khá sâu, nên dùng chữ Nhập, chẳng dùng chữ Giải. Ý nghĩa là *“vị giải chúng sanh chủng chủng ngôn âm, dụng chi khởi thuyết”* (có nghĩa là hiểu các thứ ngôn ngữ, âm thanh của chúng sanh, dùng điều đó để khởi lên các lời nói). Câu này nói theo cách hiện thời sẽ là *“thiên tài ngôn ngữ”*, trong Phật pháp gọi là Vô Ngại Biện Tài. Người ấy có thể hiểu ngôn âm, ngôn ngữ của hết thảy chúng sanh. Người ấy đã có thể hiểu, lại còn có thể sử dụng ngôn ngữ giống hệt như họ để thuyết pháp, chỉ dạy họ, giúp họ khai ngộ. Chữ Nhập này có ý nghĩa sâu xa! Nếu chẳng tinh thông ngôn ngữ cùng loại với chúng sanh, làm sao quý vị có thể dạy họ cho được? Bồ Tát chẳng thể thiếu năng lực ấy. Nếu thiếu, sẽ chẳng thể phổ độ chúng sanh. Chúng sanh có bao nhiêu? Quá nhiều! Đúng là vô lượng vô biên, chẳng có cùng tận!

 Trong đoạn kinh Mật Tích được sách Hội Sớ trích dẫn, đã nói đến khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật, ở ngoài khu vực giáo hóa của Phật Thích Ca bèn chẳng nói đến, chỉ nói một khu vực giáo hóa này. Khu vực giáo hóa này là một tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới (Trisāhasra Mahāsāhasra Lokadhātu), thưa cùng chư vị, là một đại thiên thế giới. Vì sao nói một đại thiên thế giới là tam thiên? Nó được kết hợp bởi tiểu thiên (Sāhasra Cūḍika Lokadhātu), trung thiên (Dvisāhasra Madhyama Lokadhātu), và đại thiên thành một đại thiên thế giới, những điều này trong phần trước đã có nói rồi. Lấy núi Tu Di (Sumeru) làm trung tâm, vây quanh núi Tu Di là bốn đại bộ châu, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, đó là một đơn vị thế giới (tiểu thiên thế giới). Trước kia, rất nhiều người trong chúng ta hiểu lầm, tôi cũng chẳng phải là ngoại lệ, đều nghĩ Thái Dương Hệ là một đơn vị thế giới. Sau này, gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ là một người học khoa học, dạy môn vô tuyến điện trong nhà trường, cụ dạy môn ấy. Cụ cũng tu trì Phật pháp rất tốt đẹp, có thể nói là *“thông Tông, thông Giáo, Hiển, Mật viên dung”*, chẳng phải là một vị cư sĩ bình phàm. Chúng tôi thường nói cụ phải thuộc vào đẳng cấp Bồ Tát. Cụ bảo tôi: “Đức Phật nói một đơn vị thế giới, trên thực tế là một hệ Ngân Hà như trong khoa học hiện tại đã nói”. Tôi nghe cụ nói lời ấy, suy nghĩ cũng thấy rất có lý, vì sao? Trung tâm của một đơn vị thế giới là núi Tu Di, quý vị thấy mặt trời cũng xoay quanh lưng chừng núi Tu Di. Thái Dương Hệ đúng là xoay quanh bên ngoài hệ Ngân Hà. Trung tâm của hệ Ngân Hà là Lỗ Đen (Black Hole), các khoa học gia hiện thời cho biết [trung tâm của hệ Ngân Hà] là một lỗ đen rất lớn.

 *…….* Chính giữa Ngân Hà là lỗ đen có sức hút quá lớn, ngay cả ánh sáng cũng chẳng thoát ra được, đều bị hút vào đó! Sức hút mạnh dường ấy! Nếu sức hút ấy trực tiếp đối diện với mặt trời, [sẽ tạo thành] những cơn bão trên bề mặt của mặt trời. Chúng ta biết mặt trời là một quả cầu lửa, là một khối lửa to, hoặc biển lửa. Dường như mặt trời to hơn địa cầu một trăm ba mươi vạn lần. Thể tích ấy so với địa cầu to dường ấy, là một biển lửa. Sức hút ấy tạo thành cơn bão mặt trời, bão mặt trời có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến địa cầu…… Cũng có người nói điều này sẽ khiến cho địa cầu nẩy sanh vấn đề, vấn đề gì vậy? Trên địa cầu có rất nhiều núi lửa, sức hút ấy khiến cho núi lửa trên địa cầu bùng nổ, vấn đề bèn nghiêm trọng. Nếu các núi lửa trên địa cầu đều bùng nổ, sẽ gây nên động đất nghiêm trọng. Dưới đáy biển cũng có rất nhiều núi lửa, sẽ gây ra sóng thần rất lớn, phiền phức to lớn.

 Chúng ta chớ nên chẳng nghiêm túc niệm Phật. Niệm Phật sẽ không sợ, sẽ thấy [những tai nạn vừa nói trên đây] như một cộng nghiệp, do cộng nghiệp cảm vời…... Chính vì người trên địa cầu vứt bỏ luân lý đạo đức, vứt bỏ giáo huấn của tổ tiên và thần thánh, tạo tác hết thảy ác nghiệp chẳng kiêng dè mảy may! Chẳng đáng sợ ư? Nói theo thời cổ, người tạo nên tội nghiệp bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, trời đất chẳng dung, tai nạn hiện thời là do trời đất chẳng dung! Có phải là chuyện trùng hợp hay không? Tôi nghĩ cũng có thể là như vậy! Nếu mọi người trên địa cầu đều có thể tuân thủ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, vâng giữ luân lý, đạo đức, thông đạt, hiểu rõ chân tướng sự thật nhân quả, mỗi người trên thế gian này đều là người tốt, đều là thượng phẩm Thập Thiện, sẽ chẳng xảy ra tai nạn ấy. Nói như vậy có hợp lý hay không? Nói theo Phật pháp thì cũng hợp lý, vì sao? Trong kinh, đức Phật đã dạy rất nhiều lần: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”.* Tâm địa thuần thiện thuần tịnh, có thể khiến cho sức mạnh của tai nạn giảm nhẹ…….. Do trong kinh đức Phật đã nói: *“Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt”.* Thiện tâm, thiện hạnh của chúng ta kết hợp lại, tai nạn là *“chúng sanh”*, vì do các duyên hòa hợp mà sanh ra hiện tượng ấy. Trong ba điều ấy, do có thiện tâm và chúng sanh kết hợp lại, sẽ thành hai phần ba, chắc chắn là hai điều ấy trỗi hơn một phần ba. Chúng ta liên tưởng đến vấn đề lý luận như thế, bèn có lý do để tin tưởng vấn đề này có thể khắc phục được. Điều trọng yếu là nhân loại chúng ta phải quay đầu…..… Đối với chúng ta mà nói, chuyện này cũng không phải là chuyện xấu, mà là chuyện tốt, nhắc nhở chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực tu hành.

 Theo kinh dạy, [khu vực giáo hóa của] Thích Ca Mâu Ni Phật là một tam thiên đại thiên thế giới; trong một tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức. Nếu chúng ta coi một hệ Ngân Hà trong vũ trụ là một đơn vị thế giới thì tam thiên đại thiên thế giới có tất cả mười ức đơn vị thế giới. Phạm vi to lớn như vậy là khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật. Khu vực giáo hóa của lão nhân gia to dường ấy, thế giới ấy có tên là thế giới Sa Bà. Trong thế giới này, có bao nhiêu chủng loại chúng sanh? *“Hữu bát thập tứ ức bách thiên cai chúng sanh chi loại”* (có tám mươi bốn ức trăm ngàn cai loại chúng sanh). *“Cai”* (垓) là tên một số đếm của Trung Quốc vào thời cổ, giống như hiện thời chúng ta nói đơn vị, mười, trăm, ngàn, vạn, mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn. Một vạn vạn là Ức (億), một vạn Ức là Triệu (兆)[[1]](#footnote-2)[1], đây là một con số lớn, mười Triệu là Kinh (經), giống như chữ Kinh trong kinh điển. Mười Kinh là một Cai, con số to như vậy đó. Các loài chúng sanh nhiều ngần ấy. Những chúng sanh ấy ngôn ngữ mỗi loài mỗi khác, [tức là] nói đến ngôn ngữ thì mỗi loài có ngôn ngữ riêng. Chúng ta chẳng cần nói tới súc sanh, ngạ quỷ, chẳng bàn tới những loài ấy, chỉ nói về nhân loại chúng ta, chẳng nói tới ngoại quốc, chỉ nói Trung Quốc thì phương ngôn (ngôn ngữ địa phương) của Trung Quốc có bao nhiêu loại? Có đến một vạn loại hay không? Chúng tôi tin là có thể như vậy. Đối với các dòng họ tại Trung Quốc, nay chúng ta lập Vạn Tánh Tiên Tổ Kỷ Niệm Đường, các dòng họ tại Trung Quốc có hơn hai vạn bốn ngàn. Sống trong cùng một cuộc đất mà ngôn ngữ khác nhau. Hiện thời, giao thông thuận tiện, nhanh chóng, thông tin phát triển, có Internet và các phương tiện truyền thông, TV phát sóng mỗi ngày, tiếng Phổ Thông biến thành một ngôn ngữ chung [của người Trung Hoa]. Trừ tiếng Phổ Thông ra, còn có phương ngôn của các địa phương, khác hẳn nhau. Thuở bé, tôi sống ở Phước Kiến, nên tôi biết tiếng Phước Kiến rất phức tạp, người ở trong thành và người ngoài thành nói năng khác nhau. Sau khi ra khỏi thành, nghe người ngoài thành nói chuyện, có rất nhiều câu chúng tôi nghe chẳng hiểu, thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Bồ Tát không đơn giản, Ngài thông thạo toàn bộ các loại ngôn ngữ. Ngài có cần phải học hay không? Chẳng cần học! Chẳng cần phải học mà có thể thông suốt, nay chúng ta có lý do để tin tưởng. Từ thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bổn Thắng, chúng ta đã thấy tin tức này. Nước là khoáng vật, chẳng phải là sinh vật, mà có thể hiểu các thứ ngôn ngữ khác nhau, có thể nhận biết các thứ văn tự khác nhau. Hết thảy chúng sanh khởi tâm động niệm, nước đều biết toàn bộ. Dựa vào gì? Câu kế tiếp [trong sách Chú Giải] đã nêu bày: *“Kế thị nhất thiết giai quy nhất nghĩa chí chân chi huệ”* (xét ra, hết thảy đều quy về trí huệ nhất nghĩa chí chân). *“Huệ”* (惠) ở đây là trí huệ. Thời cổ, hai chữ này (tức là 惠 và 慧) được dùng lẫn lộn, nhưng hiện thời [hễ nói đến “trí huệ”], chúng ta luôn viết là Huệ (慧) như trong chữ trí huệ. *“Chí chân chi huệ”* (trí huệ chân thật tột bậc) là trí huệ sẵn có trong bản tánh. Chỉ cần quý vị kiến tánh, vấn đề liền được giải quyết. Chưa kiến tánh thì phải học; đã kiến tánh, chẳng cần học! Hễ kiến tánh, quý vị liền biết toàn bộ, bất luận loài chúng sanh nào nói ngôn ngữ nào, quý vị đều nghe hiểu, vì sao? Hết thảy các pháp chẳng lìa tự tánh, trí huệ trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn!

 Chúng ta học Phật, mục tiêu chung cực là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Nói theo lý luận, chuyện này rất đơn giản, mỗi người chúng ta đều có tự tánh. Đã thế, tự tánh là một, chẳng phải là rất nhiều. Kinh Phật thường tỷ dụ *“tánh hải”* (性海) [tức là] tự tánh giống như biển cả. Mỗi cá nhân chúng ta giống như một bọt nước trồi lên trong biển cả, có rời khỏi biển cả hay không? Chẳng rời khỏi! Nhưng khi bọt nước chưa vỡ, dường như mỗi bọt nước độc lập, có cái này, cái kia. Bọt nước vỡ tan, trở về tự tánh, bèn là một tánh, chẳng có chướng ngại, chẳng có đây kia, chẳng có đối lập. Trở về tự tánh bèn gọi là “thành Phật”, Bồ Tát vẫn chưa trở về tự tánh, Phật đã trở về tự tánh. Vì lẽ đó, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, Pháp Thân là biển cả. Trong kinh, đức Phật đã dạy: *“Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”.* Chưa chứng Pháp Thân, mỗi người chúng ta đều giống như bọt nước, đây kia chẳng liên can gì với nhau. Sau khi đã chứng Pháp Thân, bèn biết chúng ta là một Thể. Một Thể thì chẳng phải vấn đề gì cũng đều giải quyết ư? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước toàn bộ đều chẳng có, quét sạch sành sanh! Do đó, *“hết thảy”*, *“hết thảy”* ở đây là tám mươi bốn ức trăm ngàn cai các loại chúng sanh vừa nói trong phần trên, nói *“hết thảy”* là nói tới điều này, hết thảy đều quy vào một nghĩa, nghĩa ấy là Đệ Nhất Nghĩa. *“Trí huệ chí chân”* trong tự tánh chính là trí huệ Bát Nhã vốn có trong tự tánh.

 Bồ Tát ở đây là Pháp Thân Bồ Tát, Pháp Thân Bồ Tát là chư Phật Như Lai, chẳng phải là Bồ Tát trong mười pháp giới. Các Ngài là các vị Bồ Tát nơi cõi Thật Báo Trang Nghiêm trong hội Hoa Nghiêm. Tuy các vị Bồ Tát đều đã khai ngộ, đều đã phá vô minh, nhưng tập khí vô minh dày mỏng khác nhau. Vì thế, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói ra bốn mươi mốt địa vị, [tức là] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, nói các địa vị nhiều ngần ấy. Bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ đều kiến tánh, đều minh tâm kiến tánh, nên các Ngài đều có năng lực ấy. Quý vị thấy *“ứng thù xướng dị ngôn”* (ứng với các loài khác nhau mà nói ngôn ngữ khác nhau). *“Thù”* (殊) là khác nhau, *“dị”* (異) cũng là chẳng giống nhau. [*“Dị ngôn”*] là ngôn ngữ âm thanh khác nhau. *“Xướng”* (唱) là phát ra âm thanh. Chữ Dị kế sau đó nhằm nói tới ngôn ngữ, mỗi ngôn ngữ có âm thanh khác nhau, Bồ Tát có thể ứng [theo từng loài như vậy]. *“Thuyết pháp khai hóa”*: *“Khai”* (開) là khai thị, *“hóa”* (化) là giáo hóa, giúp đỡ các chúng sanh, giúp chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc. Duyên giữa Bồ Tát và chúng sanh vô cùng vi diệu, chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh có cảm, Bồ Tát liền ứng. Sự cảm ấy, có trường hợp chính mình biết, có khi chính mình về căn bản là chẳng biết. Bản thân chúng ta cũng không biết, nhưng Phật, Bồ Tát biết, các Ngài nhất định ứng đến. Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn!

 Cảm có bốn loại, ứng cũng có bốn loại. Có hiển cảm hiển ứng (cảm và ứng đều rõ rệt): Chúng ta cầu Phật, Bồ Tát rõ rệt. Giống như chúng ta là những người niệm A Di Đà Phật, hết sức rõ ràng, tự mình biết chính mình đang làm gì, niệm Phật cầu Phật tiếp dẫn chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc thế giới; đó là “hiển cảm”. A Di Đà Phật đối với chúng ta cũng là “hiển ứng”. Ngài thật sự đến tiếp dẫn chúng ta, nhưng vào khi nào? Khi chúng ta đã hết nghiệp báo ở nơi đây. Nghiệp báo chưa hết, chúng ta mong cầu, A Di Đà Phật biết rõ, Ngài chờ đợi bên đó, nhìn ngó, đến khi nào quý vị đã hết nghiệp báo, Ngài liền đến, chẳng phải là không đến. Đó gọi là *“hiển cảm hiển ứng”*. Còn có hiển cảm minh ứng (cảm rõ rệt, ứng ngấm ngầm), [tức là] chúng ta cầu A Di Đà Phật rất rõ rệt, A Di Đà Phật chẳng ứng rõ rệt, nhưng đã ngấm ngầm chiếu cố, luôn luôn giúp đỡ chúng ta, thế mà chính chúng ta trọn chẳng hay biết. Chúng ta công phu học tập càng cao, [chẳng hạn] như đã đắc tâm thanh tịnh, hoặc đắc tâm bình đẳng, bèn biết, biết Phật đang âm thầm gia trì chúng ta. Nay chúng ta tâm trí xáo động, hời hợt, Phật ứng ngấm ngầm, chúng ta chẳng có cách nào cảm nhận, nguyên nhân là như thế đó. Còn có một loại nữa là minh cảm hiển ứng. Dường như chúng ta chẳng sanh khởi ý niệm cầu Phật, nhưng trên thực tế là có, mà chính mình cũng chẳng biết. Phật, Bồ Tát tiếp nhận tin tức ấy, bèn biết, Ngài cũng có khi ứng rõ rệt, hoặc ứng ngấm ngầm.

Nói tổng quát một lời, một người thật sự niệm Phật, không chỉ là A Di Đà Phật biết, chiếu cố quý vị, mà còn có nhiều vị thần hộ pháp, cũng như các vị Phật, Bồ Tát có duyên với chúng ta trong đời quá khứ, các Ngài đều chiếu cố. Chúng ta có một phương pháp để có thể trực tiếp trao đổi với các Ngài, cổ đại đức gọi phương pháp ấy là *“thành tắc linh”* (hễ thành ắt linh), câu ấy vô cùng trọng yếu!

 Một hiện tượng phổ biến trong dân gian là siêu độ, chúng ta luôn hy vọng siêu độ người nhà, quyến thuộc đã mất [được sanh] về một nơi tốt đẹp thì mới an tâm. Tìm người nào đến siêu độ? Phải tìm người thật sự tu hành, người có công phu tu hành thì mới có năng lực siêu độ. Công phu là gì? Thưa cùng chư vị, Giới, Định, Huệ là công phu. Chẳng có công phu ấy thì đều là giả, đều chẳng trông cậy được! Chúng ta đọc cuốn Ảnh Trần Hồi Ức Lục của pháp sư Đàm Hư. Đó là tự truyện của lão pháp sư, lão nhân gia kể chuyện đời Ngài, học trò ghi lại thành một quyển sách như vậy. Tôi chưa từng gặp mặt lão hòa thượng, nhưng người viết cuốn sách ấy tôi rất thân quen, đó là pháp sư Đại Quang, Sư cũng đã vãng sanh. Năm xưa, tôi đến Hương Cảng, mỗi lần sang đó, chúng tôi nhất định gặp mặt. Cuốn Ảnh Trần Hồi Ức Lục do Sư viết; trong ấy có một câu chuyện hết sức rõ rệt, là một tấm gương, chúng ta hãy nên ghi nhớ. Câu chuyện ấy có tiểu đề là *“tám năm chuyên gắng đọc kinh Lăng Nghiêm”*. [Nhân vật chính trong câu chuyện ấy] là Lưu cư sĩ, về sau, ông ta cũng xuất gia. Những người ấy hiện thời đã mất, đại khái là người vào thời đó cao hơn chúng tôi hai thế hệ. Lão hòa thượng Đế Nhàn là sư phụ của lão pháp sư Đàm Hư. Thuở còn tại gia, pháp sư Đàm Hư quen biết Lưu cư sĩ. Pháp sư Đàm Hư và Lưu cư sĩ là bạn bè, trước khi họ xuất gia, ba người (tức pháp sư Đàm Hư, Lưu cư sĩ và một người bạn nữa) hùn vốn mở một tiệm thuốc Bắc. Thuở ấy, Lưu cư sĩ đã học Phật, mỗi ngày đọc kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm phân lượng cũng khá đáng nể, mười cuốn, văn tự rất dài. Mỗi ngày đọc một lần cũng phải mất vài giờ, chẳng dành ra năm sáu giờ [mỗi ngày] sẽ không thể niệm xong bộ kinh này. [Ông Lưu làm như thế suốt] tám năm! Có công phu Thiền Định hay không chúng ta chẳng biết, nhưng chúng ta có thể biết ông ta tâm địa thanh tịnh! Tám năm một bộ kinh, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài.

 Có một hôm, vào giữa trưa, chẳng có ai đến tiệm mua bán, họ ngủ gục nơi quầy thuốc. Lưu cư sĩ mộng thấy có hai người, trong mộng thấy hai người ấy vào tiệm. Ông ta trông thấy [có khách đến] bèn đứng lên, thoạt nhìn thì ra hai người ấy là oan gia đối đầu, hai người đó đã chết. Thuở họ còn sống, vì chuyện tiền bạc mà lôi nhau ra tòa, Lưu cư sĩ được quan tòa xử thắng kiện, hai người ấy bị xử thua. Chẳng ngờ, hai người ấy thắt cổ chết, nên Lưu cư sĩ cũng vì chuyện này mà cảm thấy rất áy náy. Quý vị nghĩ xem: Vì tranh chấp món tiền nhỏ nhoi ấy mà khiến cho hai người mất mạng, ông Lưu cũng thường cảm thấy khó chịu, [cảm thấy] mình đã sai quấy, chẳng nên làm chuyện ấy. Nay thấy hai con quỷ ấy đi đến, thoạt đầu, ông ta rất sợ hãi, có phải là họ đến báo thù hay chăng? Nhưng quỷ đã đến rồi, còn có cách nào nữa? Ông ta thấy hai quỷ hồn quỳ ngay xuống đất trước mặt ông ta, dường như chẳng có ác ý, liền hỏi họ: “Các vị đến làm gì?” “Đến cầu siêu độ”. Lưu cư sĩ bèn yên tâm, họ không tìm đến gây rối, mà đến cầu siêu độ. Ông ta hỏi: “Dùng phương pháp gì để siêu độ quý vị?” Họ đáp: “Chỉ cần Ngài đáp ứng là được rồi”. Ông Lưu nói: “Được! Tôi chấp thuận”. Ông ta thấy quỷ hồn đạp lên đầu gối, đạp lên vai rồi ra đi. Hai người ấy siêu thăng như vậy đó. Họ biến mất chưa được mấy chốc, lại có hai người đến, là một phụ nữ dắt theo một đứa nhỏ. Ông ta thấy chính là người vợ trước kia dẫn con đến, hai người ấy đều đã chết. Thấy hai người họ cũng đến trước mặt cầu siêu độ, cũng là cùng một phương pháp giống hệt: “Chỉ cần Ngài đáp ứng là được rồi”. Ông ta đáp: “Tôi chấp nhận”. Thấy hai người ấy cũng bò từ đầu gối lên đến vai, liền thăng thiên, biến mất. Quý vị thấy siêu độ là thật, chẳng giả, chẳng có bất cứ nghi thức gì, chỉ là đáp ứng. Nhờ vào gì để siêu độ? Nhờ vào công đức tám năm chuyên gắng đọc kinh Lăng Nghiêm. Quý vị thật sự đắc điều gì thì mới có thể siêu độ người khác; chẳng có thứ gì chân thật sẽ chẳng được! Vì thế, cổ nhân nói *“Thành tắc linh”*. Chúng ta niệm một bộ kinh hồi hướng cho người ta, quý vị có phải là tâm chân thành niệm bộ kinh ấy hay không? Tâm chân thành là gì? Niệm bộ kinh ấy từ đầu đến cuối, trong tâm chẳng có một tạp niệm. Nếu dấy lên một vọng tưởng, công phu của quý vị đã bị phá hoại. Một vọng niệm chẳng có thì được! Quý vị nói xem: Chúng ta làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm, trong những người tham gia đông đảo ngần ấy, có được một hai người chẳng khởi một vọng niệm đối với nghi thức Hệ Niệm hay không? Pháp hội ấy thành công, không nhất định do chủ pháp hòa thượng. Chủ pháp hòa thượng khởi vọng tưởng, nhưng trong những người tham gia, chỉ cần có một người chẳng dấy vọng tưởng, pháp hội ấy thành công do dựa vào công đức của một người ấy! Nếu pháp hội ấy rất đông người, mà chẳng có được một người nào như vậy, công đức ấy sẽ chẳng hoàn chỉnh, bị giảm bớt rất lớn. Chúng ta phải hiểu đạo lý này!

 Quý vị thấy trong sách Liễu Phàm Tứ Huấn đã nêu một thí dụ: Đạo sĩ vẽ bùa. Đạo bùa ấy vẽ rất linh, dán ở cửa, quỷ thần đều chẳng dám bước vào, thật sự thiêng! Vì sao? [Để vẽ] đạo bùa ấy, người đó sau khi vạch một nét [đầu tiên] bèn một mực vẽ cho đến lúc xong xuôi, chẳng có một vọng niệm, đạo bùa ấy bèn linh. Nếu có một vọng niệm, đạo bùa ấy chẳng linh. Vì lẽ đó, vẽ bùa phải được thường xuyên luyện tập. Luyện rất nhuần nhuyễn, động tác rất nhanh, rất nhanh thì thời gian vẽ ngắn ngủi, dễ dàng chẳng khởi vọng niệm, thời gian dài bèn khó hơn. Khó hơn [mà làm được] thì hiệu quả càng to. Chúng ta hiểu nguyên lý sau đây: *“Thành tắc linh”.* Niệm chú cũng giống như vậy! Vì sao người ta nói chú Lăng Nghiêm công đức to lớn? Chẳng sai! Chú Lăng Nghiêm dài, mấy ngàn chữ. Niệm chú xong, ước chừng phải mất hai mươi phút, không khởi một vọng niệm, công phu ấy to lắm! Quý vị niệm chú Vãng Sanh chẳng khởi vọng niệm, dễ dàng! Chú Lăng Nghiêm chẳng dễ dàng, đều do đạo lý này. Công đức niệm kinh càng thù thắng hơn nữa, kinh còn dài hơn chú. Đơn giản nhất là một câu Phật hiệu “A Di Đà Phật” bốn chữ. Trong bốn chữ ấy, chẳng có vọng niệm khá dễ dàng! Nhưng bảo quý vị niệm một chuỗi, chúng ta lần tràng hạt niệm một trăm lẻ tám câu. Trong một trăm lẻ tám câu ấy, chẳng có một vọng niệm, đó là công phu! Nếu quý vị niệm mười chuỗi, đối với một ngàn lẻ tám mươi câu Phật hiệu, trong ấy chẳng dấy lên một vọng niệm, công phu đấy! Dùng điều này để hồi hướng, quý vị hồi hướng công đức ấy cho người chết, họ sẽ thật sự được lợi ích. Tuyệt đối chẳng phải là ta niệm một bộ kinh bèn có thể siêu độ họ, niệm bao nhiêu biến chú bèn có thể siêu độ! Chẳng phải là như vậy, quý vị đã hiểu sai ý nghĩa! Dùng tâm chân thành để niệm. Tâm chân thành là không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Chúng ta hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ chẳng bị kẻ khác lừa gạt. Quý vị thỉnh người đến siêu độ cho người nhà, quyến thuộc của chính mình, hãy ở bên cạnh quan sát, kẻ ấy có thành ý hay không, quý vị có thể nhìn ra. Vì vậy, chẳng có công phu chân thật, làm sao có thể siêu độ chúng sanh? Các vị Phật, Bồ Tát đều minh tâm kiến tánh, đương nhiên chẳng có vấn đề, trọn đủ thanh tịnh, bình đẳng, giác.

 *“Mật Tích kinh phục vân”* (kinh Mật Tích lại nói): *“Thử Bồ Tát năng nhập chủng chủng ngôn âm, năng thuyết pháp khai hóa”* (Vị Bồ Tát ấy có thể nhập các thứ ngôn ngữ, âm thanh, có thể thuyết pháp, khai hóa). Dùng ngôn ngữ cùng loại với ngôn ngữ của chúng sanh để giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh. Chưa kiến tánh sẽ chẳng có năng lực ấy; hễ kiến tánh, năng lực ấy thảy đều trọn đủ. *“Hựu Xưng Tán Đại Thừa Công Đức Kinh vân: Bàng sanh, quỷ đẳng, diệc văn Như Lai dĩ tùy loại âm nhi thuyết pháp”* (Lại nữa, kinh Xưng Tán Đại Thừa Công Đức [[2]](#footnote-3)[2] nói: Các loài bàng sanh, ngạ quỷ v.v… cũng đều nghe Như Lai dùng âm thanh tùy theo từng loại để thuyết pháp). *“Bàng sanh”* (傍生) là súc sanh, súc sanh có ngôn ngữ của súc sanh. Quỷ đạo, địa ngục đạo cũng có ngôn ngữ của họ, họ cũng có thể nghe Phật, Bồ Tát vì họ khai thị. Phật hóa độ chúng sanh, phổ độ hết thảy hữu tình trong mười pháp giới, sự cảm ứng ấy chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh có cảm, [bất luận là] súc sanh đạo hay ngạ quỷ đạo, kinh Hoa Nghiêm còn bảo: *“Tình dữ vô tình, đồng viên Chủng Trí”* (Hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chủng Trí), đó là nói hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, vô tình chúng sanh, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa thảy đều có linh tánh. Vì thế, chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm: Thần cây, thần hoa, thần thảo mộc, trong núi, sông, đại địa có sơn thần, thổ thần, biển cả có hải thần, sông ngòi có thủy thần. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng trông thấy toàn bộ, xác thực là *“tình dữ vô tình, đồng viên Chủng Trí”*. Vì sao? Chúng ta đã đọc Hoàn Nguyên Quán, bất cứ hiện tượng vật chất nào cũng đồng thời trọn đủ hiện tượng tinh thần; chẳng hề là trong thuần vật chất chẳng có hiện tượng tinh thần, chẳng tìm thấy [một trường hợp nào như vậy]!

 Ngay như một hạt vi trần cực nhỏ, trong Phật pháp gọi nó là đơn vị vật chất cơ bản, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy được, nó rất ư là nhỏ. Trong Phật pháp gọi nó là *“cực vi chi vi”*, nó có phải là *“tiểu quang tử”* như khoa học Lượng Tử vừa phát hiện trong hiện tại hay không? So với hạt cơ bản được nói trong quá khứ, nó còn nhỏ hơn nữa. Một hiện tượng vật chất nhỏ nhoi ngần ấy có đủ Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ là cảm nhận, có cảm nhận mừng, giận, buồn, vui. Nó có Tưởng, có Hành, có Thức. Hành là tướng tương tục (liên tục), chúng ta thường dùng một danh từ là Tương Tự Tương Tục Tướng (相似相續相), vì nó hoàn toàn chẳng phải là liên tục, mà là tướng liên tục tương tự (bề ngoài trông giống như liên tục), sống động! Nói theo cách hiện thời, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ, sống động, chẳng chết cứng, nên nó có linh tánh, chúng ta thường gọi [điều ấy] là *“thần linh”.* Để giảng các hiện tượng trong y báo, đức Phật đã dùng năm chữ, dùng rất tuyệt diệu, tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đó là y báo. Y báo và chánh báo bất nhị, chánh báo là chính mình, thân thể của chính mình cũng là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Bên ngoài, bất luận là hoàn cảnh như thế nào đi nữa, thảy đều chẳng rời khỏi Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. To thì như tinh cầu, tinh hệ; nhỏ thì như *“cực vi chi vi”*, chẳng có gì không phải là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Vì lẽ đó, chúng nó có thể nghe Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp. Vậy thì vì sao chúng nó vẫn phải luân hồi trong lục đạo? Hãy hỏi chính mình liền hiểu rõ ngay, chúng nó có phiền não, có nghiệp chướng. Thực vật có phiền não còn nghiêm trọng hơn chúng ta, phiền não của khoáng vật còn nghiêm trọng hơn thực vật. Nếu con người chấp trước kiên cố, sẽ biến thành tảng đá, ta biết nó là hiện tượng do tập khí phiền não tạo thành. Bởi lẽ đó, Phật, Bồ Tát thuyết pháp, khắp pháp giới hư không giới đều có thể nghe, nhưng vì sao người ấy chẳng nghe được? Tánh Nghe của người ấy bị mê, biến thành Nhĩ Thức, do Nhĩ Thức có mê hoặc nghiêm trọng, nên chẳng linh! Âm thanh thuyết pháp của đức Phật giống như sóng vô tuyến điện, khắp pháp giới hư không giới chẳng có chỗ nào không hiện diện, nhưng bộ máy của chúng ta chẳng thâu nhận được. Tai tuy nghe, nhưng chẳng tiếp nhận được thì gọi là “nghiệp chướng”. Nếu diệt trừ nghiệp chướng, quý vị không chỉ có thể nghe, mà còn có thể trông thấy. Trong phần trước, chúng ta đã đọc rồi đó: Chẳng cần phải đến thế giới Cực Lạc, ở ngay nơi đây mà trông thấy A Di Đà Phật, nghe âm thanh thuyết pháp của A Di Đà Phật. Thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay nơi đây, điều này chẳng giả! Trong tự tánh chẳng có thời gian và không gian. Chẳng có thời gian là chẳng có trước sau, chẳng có không gian bèn chẳng có khoảng cách, ngay nơi đây chính là [Cực Lạc]. Cổ nhân đã nói rất hay: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ”* (Có chuyện gì làm không được, hãy trách chính mình). Vấn đề chẳng ở bên ngoài, vấn đề ở nơi chính mình, bên ngoài thật sự chẳng có vấn đề! Nếu chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, chẳng phải là *“đương hạ tựu thị”* ư? [*“Đương hạ tựu thị”* là] quá khứ và vị lai chẳng lìa hiện tại, các cõi Phật ở phương khác chẳng lìa ngay chỗ này. Kinh Phật thường bảo ban, chỉ dạy chúng ta, chúng ta phải có năng lực cảnh giác.

 *“Do thượng chúng sanh vô biên”*, [nghĩa là] từ những kinh, sớ trên đây, chúng ta biết chúng sanh vô lượng vô biên, *“chúng sanh ngữ ngôn diệc thị đa chủng, đản Pháp Thân đại sĩ tất năng giải liễu, tùy kỳ bổn loại ngôn âm, nhi vị thuyết pháp, ứng cơ tùy duyên, phổ tác nhiêu ích”* (chúng sanh vô biên, nên ngôn ngữ của chúng sanh cũng có nhiều thứ, nhưng Pháp Thân Ðại Sĩ đều hiểu rành rẽ, thuận theo ngôn ngữ của từng loại mà thuyết pháp, thuận theo căn cơ để tùy duyên làm lợi cho khắp tất cả). Chữ *“Pháp Thân”* trọng yếu lắm, phải như thế nào thì mới có thể chứng đắc Pháp Thân? Buông phân biệt và chấp trước xuống vẫn chưa được. Buông phân biệt và chấp trước xuống, quý vị ở trong mười pháp giới, chưa vượt thoát, chưa thể khôi phục năng lực như vậy. [Tuy vậy, người buông xuống như thế] thông minh hơn người thế gian chúng ta, chẳng còn phải bàn cãi gì nữa! Vì buông chấp trước xuống, quý vị là A La Hán, hay là Bích Chi Phật. Buông phân biệt xuống, quý vị là Bồ Tát, Quyền Giáo Bồ Tát, chưa kiến tánh. Nếu công phu nâng cao hơn một tầng, buông vọng tưởng xuống, vọng tưởng là gì? Khởi tâm động niệm. Chuyện này vô cùng vi tế, gần như là bản thân chúng ta chẳng thể nhận biết. Chấp trước phát hiện dễ dàng, phân biệt cũng dễ dàng nhận biết, nhưng khởi tâm động niệm chẳng dễ nhận biết. Vì lẽ đó, buông xuống cũng là có tầng lớp. Đức Phật dạy chúng ta: Đầu tiên là buông chấp trước xuống. Thật sự buông chấp trước xuống, chẳng thấy lục đạo. Do đó, chúng ta phải biết: Ta có phải là đã buông xuống chấp trước hay không? Thật sự buông chấp trước xuống, lục đạo bèn chẳng còn nữa, quý vị đã vượt thoát lục đạo luân hồi.

 Nhưng thân thể vẫn ở trong lục đạo, chẳng sao cả, chẳng trở ngại tí nào! Khi chúng sanh cần đến quý vị, thân thể này của quý vị có thể trụ trong thế gian thêm vài năm nữa! Cớ sao nói là *“chẳng sao cả”*? Chẳng có mảy may lưu luyến thế gian này, quý vị thật sự buông xuống. Buông xuống nhưng quý vị chẳng đi, thân thể vẫn ở trong thế gian này, đó là gì? Đó là Bồ Tát, ở lại nơi đây để làm gương mẫu, nêu gương biểu diễn pháp cho hết thảy chúng sanh. Chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh, dạy chúng sanh tu hành như thế nào? Dạy chúng sanh thành tựu như thế nào? Nhìn vào gương ấy là được rồi. Đó là điều thứ hai trong Tứ Đức như sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng: *“Oai nghi hữu tắc”* (oai nghi đúng khuôn phép), [nghĩa là] nêu gương cho chúng sanh. Thân hành ngôn giáo nhằm độ chúng sanh; hễ hết duyên, tự nhiên ra đi. *“Hết duyên”* là gì? Người có thể tiếp nhận [sự giáo hóa của] quý vị đều đã đạt được lợi ích, còn sót lại những kẻ chẳng thể tiếp nhận, không tin tưởng, quý vị bèn ra đi, Phật chẳng độ kẻ vô duyên. Không tin tưởng, không lý giải, không tiếp nhận chính là “chẳng có duyên”, lúc ấy có thể ra đi. Nếu đạt đến chẳng phân biệt thì càng cao hơn, cao hơn A La Hán và Bích Chi Phật; đó là Phật và Bồ Tát trong mười pháp giới, phải thuộc tầng cấp ấy thì mới biết sự khởi tâm động niệm của chính mình. Có thể buông khởi tâm động niệm xuống, liền vượt thoát mười pháp giới, đạt đến Nhất Chân pháp giới, ngự trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật, Bồ Tát, đạt đến đó. Đó là Pháp Thân đại sĩ; những vị Bồ Tát ở đây đều là Pháp Thân đại sĩ.

 Giống như trong kinh luận đã nói, các Ngài *“tất năng giải liễu”* (thảy đều có thể hiểu rõ), có thể tùy thuận ngôn ngữ và thói quen của chúng sanh, vì họ thị hiện, vì họ giảng kinh, thuyết pháp. *“Ứng cơ tùy duyên, phổ tác nhiêu ích”* (thuận theo căn cơ, tùy duyên, tạo lợi ích trọn khắp). Các chúng sanh ấy rất ưa chuộng chỗ này, Bồ Tát bèn thuận theo chúng sanh: “Quý vị thích chỗ này à? Được rồi, tôi liền giúp cho quý vị thường trụ ở nơi đây”. Quý vị ưa chuộng nhân gian, liền giảng cho quý vị nhân đạo (人道). Nhân đạo là gì? Đạo lý để đời đời kiếp kiếp chẳng đánh mất thân người, *“đạo”* là đạo lý và phương pháp. Đời sau, sau khi bỏ thân này, lại sanh trong nhân gian, [đạo lý và phương pháp để thành tựu điều ấy] được gọi là “nhân đạo”. Nhân đạo là gì? Thập Thiện, Ngũ Giới, Phật có thể dạy quý vị chuyện này, dạy quý vị về giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, quý vị sẽ chẳng mất thân người, lại còn sống mỗi đời một tốt đẹp hơn, sống hạnh phúc hơn, quý vị ưa chuộng nơi này. Nếu quý vị cảm thấy nhân gian chưa đủ tốt đẹp, nghe nói cõi trời tốt lành, đức Phật liền giảng thiên đạo, tức là đạo lý và phương pháp sanh lên trời. Thật sự giác ngộ, giác ngộ luân hồi trong lục đạo quá khổ, tôi muốn thoát ly lục đạo luân hồi, Phật liền giảng cho quý vị Tiểu Thừa đạo; Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát đều thuộc về đạo Tiểu Thừa vì thoát ly lục đạo luân hồi, sanh vào tứ thánh pháp giới. Khi nào ở trong tứ thánh pháp giới, bỗng giác ngộ tứ thánh pháp giới chẳng rốt ráo, luân hồi khổ sở, tứ thánh pháp giới có lạc, đúng là ly khổ đắc lạc, nhưng tứ thánh pháp giới vẫn là mê hoặc tự tánh y như cũ, vô lượng trí huệ và đức năng trong tự tánh chẳng thể hiện tiền. Do đó, đức Phật hiện thân trong tứ thánh pháp giới, nêu gương tốt đẹp khiến cho các vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong tứ thánh pháp giới trông thấy, sanh khởi tâm ngưỡng mộ, cũng mong đắc đại tự tại, đắc vô lượng trí huệ giống như các vị Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát có thể dạy họ hồi Tiểu hướng Đại, chuyển phàm thành thánh. Tuy các vị ấy là tiểu thánh, nhưng vẫn là phàm phu, được gọi là “ngoại phàm”, tức phàm phu ở ngoài lục đạo. Từ chỗ này, chúng ta thấy Phật, Bồ Tát hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, chúng ta phải học điều này. Cớ sao Phật, Bồ Tát tâm bình khí hòa dường ấy? Chúng ta đạt được một chút tốt đẹp gì, thường hận chẳng kịp dạy mọi người đều học theo, nhưng thường dẫn đến phản tác dụng, chẳng giống như Phật, Bồ Tát ổn trọng dường ấy, vĩnh viễn là thuận lợi, chẳng khởi phản tác dụng. Chúng ta phải học điều này, chớ nên không biết!

 Lại xem phần tiếp theo: *“Ác thú chúng sanh, diệc văn Như Lai chi tùy loại âm, nhi đắc văn pháp đắc độ”* (chúng sanh trong đường ác cũng nghe âm thanh của đức Như Lai tùy theo từng loài mà được nghe pháp, đắc độ). Đối với gì? Đối với ba ác đạo! Chúng sanh trong súc sanh đạo, ngạ quỷ đạo và địa ngục đạo cũng nghe âm thanh thuyết pháp do đức Như Lai tùy loại hiện thân mà cũng đắc độ, chúng ta cũng thường nghe những tin tức này. Trong mỗi lần làm pháp hội Tam Thời Hệ Niệm, có chúng sanh trong địa ngục và ngạ quỷ đạo vãng sanh hay không? Có, nhưng không nhiều lắm, chỉ là thiểu số. Đa số sanh lên trời, người sanh vào Tứ Vương Thiên, hoặc sanh trong Đao Lợi Thiên rất nhiều, cũng có người lại sanh vào nhân đạo. Nhưng trong số ấy, đại khái là một nửa vẫn ở trong ngạ quỷ đạo, chúng sanh tội nghiệp nặng nề chẳng phải là một lần, hai lần bèn có thể siêu độ. Do đó, đối với loại pháp hội siêu độ này, hai năm trước, chúng tôi lập một pháp hội siêu độ Tam Thời Hệ Niệm suốt bốn mươi chín ngày tại Thật Tế Thiền Tự ở Lư Giang, nhằm siêu độ chúng sanh các giới ở nơi ấy; bèn có tin tức báo cho chúng tôi biết: “Sẽ có tai nạn rất lớn, thời gian rất dài, [làm pháp hội] bốn mươi chín ngày chẳng thể giải quyết vấn đề ấy”. Tôi liền hỏi người ấy: “Thời gian có tai nạn sẽ dài bao lâu?” “Tối thiểu là ba năm”. Chúng ta làm pháp hội này như thế nào? [Quỷ thần] mong chúng tôi làm pháp hội một trăm thất. Một trăm thất là bảy trăm ngày! Khi ấy, tôi liền thương lượng với phương trượng lão hòa thượng, lão hòa thượng rất từ bi, dứt khoát đáp ứng ngay. Do đó, pháp hội bảy trăm ngày chưa bao giờ có, trong quá khứ, chưa có ai từng làm; chúng ta mở ra lệ này, mỗi ngày làm một hội Tam Thời Hệ Niệm, suốt bảy trăm ngày chẳng gián đoạn.

 Chuyện này do chúng sanh trong linh giới khải thỉnh, có hiệu quả hay không? Có, tôi biết rất rõ; nhưng đó vẫn là trị đằng ngọn, chẳng phải là trị tận gốc. Nền giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật trị cả gốc lẫn ngọn, đó là công phu thật sự. Chuyện *“đau đầu trị đầu, đau chân trị chân”* có hữu hiệu hay không? Hữu hiệu, nhưng là hữu hiệu tạm thời. Làm bảy trăm ngày, hai năm, nếu chỉ có ba tháng, hoặc nửa năm bèn dừng, ắt bệnh cũ lại phát, chẳng dứt tận gốc. Chúng ta cũng thấy trong các tôn giáo làm lễ cầu nguyện, pháp hội Phật sự của chúng ta có ý nghĩa giống như cầu nguyện. Họ cầu nguyện rất thành khẩn, mỗi ngày sáng tối đều cầu, tuy thời gian chẳng dài, nhưng khi họ cầu nguyện bèn nhất tâm, nguyên lý hoàn toàn giống nhau: Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, chẳng phải là không khởi tác dụng. Vì sao xã hội hiện thời vẫn hỗn loạn dường ấy? Vì sao tai biến trên địa cầu vẫn dày đặc ngần ấy? Chúng ta bèn thấu hiểu cách làm ấy là trị đằng ngọn, chẳng trị tận gốc! Hãy nên làm như thế nào? Tôi kiến nghị tất cả các tôn giáo trên thế giới, mong họ đều có thể trở về giáo học, nghiêm túc giảng giải kinh điển rõ ràng, minh bạch, thực hiện đúng theo giáo huấn trong kinh điển. Những gì kinh điển chỉ dạy, chúng ta đều có thể thực hiện, biến chúng thành tư tưởng và hành vi của bản thân chúng ta. Nhà Phật nói ba nguyên tắc lớn là Giới, Định, Huệ, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều hữu hiệu, đều cần phải tuân thủ. Do Giới đắc Định, do Định khai Huệ; chỉ cần thực hiện Giới, xã hội liền an định, tai nạn trên địa cầu sẽ được hóa giải trên một mức độ lớn, có thể khôi phục bình thường. Nếu có thể đạt được tam-muội như trong tựa đề kinh này đã nói, quý vị thật sự đạt được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, lục đạo luân hồi sẽ chẳng còn nữa. Lục đạo biến thành gì? Lục đạo biến thành Tịnh Độ, biến thành tứ thánh pháp giới, chúng ta thường nói là “thiên đường xuất hiện trong nhân gian!” Nếu đại triệt đại ngộ, thế giới này liền biến thành thế giới Cực Lạc, biến thành thế giới Hoa Tạng. Phải biết: Kinh dạy chẳng sai tí nào! Tức là *“cảnh chuyển theo tâm”*, hoàn cảnh cư trụ của chúng ta chuyển biến theo tâm. Tâm chúng ta tốt lành, chẳng có điều gì không tốt lành!

 Do vậy, nói theo lý, địa cầu và Tây Phương Cực Lạc thế giới có sai biệt hay không? Chẳng có sai biệt mảy may! Bất đồng ở chỗ nào? Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là thượng thiện nhân, chẳng có một ác niệm. Ý niệm chẳng có, lấy đâu ra ác ngôn, ác hạnh? Những thứ đó đương nhiên chẳng có, nên thế giới ấy là thuần tịnh, thuần thiện, là thế giới Cực Lạc. Thế giới hiện tại của chúng ta đúng là ngũ trược ác thế, *“trược”* (濁) là nhiễm ô. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê đều là nhiễm ô; Thập Ác, giết, trộm, dâm, dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, ác khẩu, lại còn tham, sân, si. Cảnh chuyển theo tâm, nay chúng ta có tâm thái như vậy, đó là một tâm thái cực bất thiện, nên xã hội và địa cầu của chúng ta có khuyết điểm, khuyết điểm chính là tai nạn hiện tiền. Thật sự thông đạt những đạo lý ấy, liễu giải chân tướng sự thật, tai nạn gì cũng đều có thể hóa giải, tai nạn là gì? Biến đổi theo lòng người. Lòng người thiện, hết thảy đều chuyển theo. Chúng sanh trong nẻo ác nghe pháp đắc độ có mối quan hệ rất lớn với chúng ta, vì sao? Nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy những chúng sanh ấy, nhưng họ thật sự tồn tại, tâm hạnh của họ bất thiện sẽ nhiễu loạn từ trường của chúng ta. Không gian sống của chúng ta chẳng thanh tịnh, khí phận chẳng tốt, khiến cho con người có cảm nhận không tốt, đó chính là họ ảnh hưởng đến chúng ta. Ảnh hưởng nặng hơn một chút, sẽ khiến cho đầu óc chúng ta chẳng sáng suốt, mê hoặc, dẫn phát tập khí phiền não, đạo lý ở chỗ này! *“Thử minh hội trung chư đại sĩ, giai hữu như thị trí huệ biện tài dữ công đức oai lực dã”* (Ðoạn kinh này chỉ rõ: Các Ðại Sĩ trong hội đều có trí huệ biện tài và công đức oai lực như thế), các vị đại sĩ ấy đang âm thầm giúp đỡ chúng ta. Tuy chúng ta chẳng có ý niệm cầu các Ngài rõ rệt, nhưng các Ngài biết; chúng ta có tâm mong giải quyết những khó khăn ấy, các Ngài biết ý niệm ấy, đó gọi là *“minh cảm”* (冥感: cảm ứng ngấm ngầm), các Ngài ứng cũng có hiển (rõ rệt) hoặc ẩn (âm thầm). Nếu chúng ta phiền não nhẹ nhàng, tâm tương đối thanh tịnh, bèn có năng lực cảm nhận rất rõ rệt các Ngài đang giúp đỡ chúng ta. Nếu chúng ta phiền não nặng nề, sẽ chẳng thể cảm nhận được!

 Chúng ta lại xem câu kinh văn kế tiếp: *“Khai hóa hiển thị chân thật chi tế”.* Trước hết, phải hiểu rõ rành, rành rẽ ý nghĩa nơi văn tự; thời cổ gọi chuyện này là *“tiêu văn”* (消文)*. “Khai hóa giả, tức Pháp Hoa kinh chi khai Phật tri kiến. Hiển thị giả, tức thị Phật tri kiến”* (Khai hóa chính là “khai Phật tri kiến” trong kinh Pháp Hoa. Hiển thị là “thị Phật tri kiến”); dùng ý nghĩa trong kinh Pháp Hoa để giải thích. Chư vị phải biết: Trong tự tánh của mỗi cá nhân chúng ta đều trọn đủ Phật tri kiến, Phật tri kiến là gì? Là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”.* Câu kinh Hoa Nghiêm ấy chính là Phật tri kiến, hết thảy chúng sanh đều có. Đều có, nhưng như thế nào? Đã mê, chúng ta mê mất tự tánh, nên chẳng thấy Phật tri kiến. Hiện thời là tri kiến gì? Hiện thời là tri kiến của chúng sanh, lại còn là tri kiến rất bất thường của chúng sanh. Người thời cổ, chúng tôi nói đến người Hoa, thuở ấy có bậc thánh hiền giáo huấn. Thiên Lễ Vận Đại Đồng được chép trong sách Lễ Ký là thời đại nào? Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, đặc biệt là Nghiêu, Thuấn, Vũ. Khổng Tử khẳng định xã hội thuở ấy là một thế giới đại đồng. Khổng Tử nhận định các đời Hạ, Thương, Châu từ sau Vương Khải[[3]](#footnote-4)[3] trở đi là thời Tiểu Khang, cũng còn khá lắm. Khổng Tử ra đời nhằm khi ấy, Ngài sanh vào thời Xuân Thu, Mạnh Tử sanh nhằm thời Chiến Quốc [[4]](#footnote-5)[4], họ nghĩ thời ấy đã nhằm thời loạn. Bất quá, đời loạn thuở đó, quân vương tuy là tự tư tự lợi, vẫn còn có chút bóng dáng nhân nghĩa, khởi tâm động niệm còn có luân lý, đạo đức, nhân quả bó buộc. Cũng có thể nói là tuy chẳng làm được điều gì ra hồn, nhưng vẫn còn chưa chệch choạc quá mức; càng về sau, đúng là mỗi thế hệ sau kém hơn thế hệ trước. Dẫu trong đời Hán, xuất hiện thời thịnh trị Văn Đế và Cảnh Đế, nhà Đại Đường xuất hiện các thời Trinh Quán đời Đường Thái Tông, thời Khai Nguyên dưới đời Đường Minh Hoàng, được gọi là *“thịnh thế”* (thời thịnh trị). Tới thời gần đây, chúng ta thấy những vị đế vương khai quốc các triều đại Minh, Thanh hãy còn khá lắm, vẫn có thể gọi là *“thịnh thế”*, có thể gọi là thời Tiểu Khang hay không? Vẫn chưa thể nói được! Chúng ta xét xem thánh nhân dựa theo tiêu chuẩn nào?

 Tình hình này được tạo thành như thế nào? Nói theo Phật pháp thì là *“tùy nghiệp lưu chuyển”* (do nghiệp mà lưu chuyển), chúng sanh tạo nghiệp khác nhau, nên chịu khổ, hưởng vui khác biệt. Trung Quốc mấy ngàn năm duy trì cục diện như vậy, gần như là cục diện Tiểu Khang, dựa vào đâu? Cậy vào công đức của nền giáo dục. Có thể nói lịch đại đế vương của Trung Hoa, xét theo lịch sử, theo ngành khảo cổ phát hiện, vào thời Hoàng Đế mới có văn tự ghi chép, trước thời Hoàng Đế chẳng có văn tự. Nhưng theo phát hiện của ngành khảo cổ, truy ngược về Toại Nhân Thị [[5]](#footnote-6)[5], tức là còn là trước thời Phục Hy, [các triều đại tiếp theo Toại Nhân là] Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, từ Toại Nhân Thị đến Hoàng Đế ước chừng một ngàn năm, từ Hoàng Đế đến thời đại hiện tại là bốn ngàn năm trăm năm, tính gộp chung toàn thể là hơn năm ngàn năm trăm năm. Thuở đó coi trọng giáo dục, nên Trung Quốc được gọi là *“lễ nghĩa chi bang”*, có nguyên do lâu dài như vậy. Lễ nghĩa chi bang đã được tiến hành ở Trung Quốc tối thiểu là hơn năm ngàn năm; nhưng trong một thế kỷ gần đây đã bỏ sót [giáo dục], chúng ta chớ nên không biết chuyện này. Nếu chẳng có giáo dục luân lý, luân lý là nói đến mối quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa con người và hết thảy chúng sanh, quan hệ với động vật, quan hệ với hoa, cỏ, cây cối, quan hệ với núi, sông, đại địa; nếu quý vị hiểu rõ, minh bạch [các mối quan hệ ấy], tâm từ bi sẽ sanh khởi, chúng ta thường nói là *“ái tâm”* (tâm yêu thương). Hiểu rõ các mối quan hệ, quý vị sẽ yêu thương gia tộc, yêu thương cha mẹ, yêu thương dòng họ. Hiểu rõ sinh vật, phải học chuyện này, quý vị sẽ có ái tâm đối với hoa, cỏ, cây cối. Hiểu rõ hoàn cảnh địa lý, quý vị sẽ có ái tâm đối với núi, sông, đại địa. Ái tâm vốn sẵn có trong bản tánh của quý vị; nhưng nếu chẳng học, nếu chẳng dạy và chẳng học, tuy có, nó chẳng khởi tác dụng, giống như kinh Phật đã dạy: Quý vị có Phật tánh, quý vị vốn là Phật, nhưng nếu quý vị không học, sẽ vĩnh viễn là phàm phu, vĩnh viễn luân hồi trong lục đạo, chẳng thành Phật! Do đó, giáo học quá trọng yếu! Chỉ có nghiêm túc học tập thì chúng ta mới có thể trở về tự tánh.

 Tại Trung Quốc, mục tiêu chung cực của nền giáo dục truyền thống là gì? Nhằm sanh lên trời. Sống trong nhân gian một đời này, nếu làm người tốt, đời sau sẽ được sanh lên trời. Đó là mục tiêu của giáo dục truyền thống Trung Quốc. Thực hiện luân lý, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chẳng rời khỏi tiêu chuẩn ấy, kinh Phật nói đó là “nhân đạo’ (đạo làm người), thực hiện [nhân đạo] tốt đẹp là thiên đạo. Đời này, chúng ta may mắn được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, gặp được kinh Vô Lượng Thọ, nay mục tiêu của chúng ta được mở rộng trên một mức độ lớn, mục tiêu ở chỗ nào? Nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là đạo thù thắng khôn sánh trong Phật đạo, phải nắm vững cơ hội! Đọc kinh Vô Lượng Thọ là tu học Phật đạo viên mãn rốt ráo. Bởi lẽ, chúng ta có Phật tri kiến, nhưng nếu chẳng được thiện tri thức khai thị, Phật tri kiến của chúng ta vĩnh viễn bị phủ lấp, chẳng khởi tác dụng. Mục tiêu giáo học trong Đại Thừa Phật pháp là *“khai Phật tri kiến”*, đó là ngôn giáo (dạy bằng lời lẽ). Hiển thị là *“thị Phật tri kiến”*, là thân giáo (giáo dục bằng cách chính mình làm gương). Quý vị thấy đó, các Ngài không chỉ dùng ngôn giáo, mà còn phải làm cho chúng ta thấy, đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, vì sao? Suốt một trăm năm đã vứt sạch những thứ truyền thống, thời gian ấy chẳng kể là dài, nhưng cũng chẳng ngắn! Từ bốn thế hệ đến năm thế hệ, vứt bỏ đã lâu ngần ấy, tìm lại nó, nhất định gặp khó khăn!

 Trong quá khứ, chúng tôi đề xướng toàn dân học tập Đệ Tử Quy, tạo được một chút thành tích, cũng sanh ra ảnh hưởng, thậm chí chúng tôi có thể nói là ảnh hưởng tới toàn thể thế giới. Hiện thời, ở khắp nơi trên cả thế giới có rất nhiều nơi học tập Đệ Tử Quy rất nghiêm túc. Tôi thấy đã có bản dịch [Đệ Tử Quy bằng] tiếng Anh, bản dịch bằng tiếng Mã Lai, bên Nam Dương đang học tập phổ biến. Chúng tôi giải tán trung tâm Lư Giang, nhưng ở Mã Lai, họ thành lập một trung tâm ở Cát Long Ba (Kuala Lumpur) để tiếp tục làm, ảnh hưởng tới Mã Lai, Thái Lan, Tân Gia Ba và Nam Dương, lại còn ảnh hưởng tới Úc Châu ở phương Nam. Đây là một chuyện tốt đẹp, chánh phủ Mã Lai duy trì, nhân duyên hiếm có! Vì nếu chẳng nêu gương, tuyên truyền trong hiện tại, chúng ta thấy có nhiều người làm, lập các khóa giảng khác nhau, đều nhằm tuyên dương Đệ Tử Quy, mà chẳng có một thí điểm cho mọi người nhìn vào, tín tâm sẽ chẳng thể kiên định. Nếu có một nơi giống như trung tâm Lư Giang tiếp tục thực hiện, nếu nói mà quý vị chẳng tin tưởng, hãy đến đó xem. Vừa xem, sẽ có ấn tượng hết sức sâu đậm. Sanh ra ảnh hưởng đối với người ngoại quốc vì rất nhiều người ngoại quốc đến thăm Lư Giang, tin tưởng, họ còn ở lại trung tâm ấy vài hôm, nghiêm túc phỏng vấn, khảo sát ở đó. Vì thế, trong xã hội hiện thời, nhất định phải nêu gương, người Hoa nói là *“làm mẫu”*, vô cùng quan trọng! Dùng một tiểu trấn để làm thí nghiệm. Hiện thời ở Đài Loan có hai chỗ, một chỗ ở miền Bắc và một chỗ ở miền Nam, đang thí nghiệm. Sau khi đã thành lập thí điểm, người trên cả thế giới đều muốn đến xem, đều muốn học tập. Nay Mã Lai cũng đang tích cực thực hiện, dùng một tiểu hương trấn để làm thí điểm, sau đấy mới có thể thật sự mở rộng. Đó là gì? Thị Phật tri kiến, phải làm ra cho người ta thấy, chỉ nói suông sẽ không được! Ngôn thuyết là tuyên truyền; nêu gương thì người ta sẽ nghiêm túc học tập.

 Do đó, *“khai hóa hiển thị chân thật chi tế”* thì Tế (際) có nghĩa là *“cứu cánh biên tế”* (bờ mé rốt ráo), rốt ráo là bờ mé, bờ mé là rốt ráo. *“Chân thật chi tế giả, Phật chi tri kiến dã”* (Chân Thật Tế chính là tri kiến của Phật). Mục tiêu chung cực của kinh Pháp Hoa là *“khai Phật tri kiến, thị Phật tri kiến, ngộ Phật tri kiến, chứng Phật tri kiến”*, khai, thị, ngộ, nhập; *“nhập”* là chứng. Phật tri kiến là gì? Phật tri kiến là tự tánh. Mục tiêu chung cực là trở về tự tánh, trong Thiền Tông nói [chuyện này] là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Minh tâm kiến tánh là Chân Thật Tế, là “tri kiến của Phật” như kinh Pháp Hoa đã nói. Trí huệ và đức tướng trong tự tánh của chúng ta đều tỏ lộ, trong Phật pháp gọi điều đó là “thành Phật”. Nay chúng ta mê mất tự tánh, tức là mê mất Phật tri kiến, hiện thời biến thành tri kiến của chúng sanh. Tri kiến hiện thời của chúng ta rất bất hảo! Quý vị hãy suy nghĩ, tri kiến phổ biến trong xã hội hiện tại là gì? Dùng hai chữ để biểu thị, quý vị có thừa nhận hay không? Một là tài, hai là sắc. Tri kiến của con người hiện thời, trừ tài và sắc ra, họ còn biết điều gì nữa? Hiện thời, khắp nơi trên địa cầu, tri kiến này là phổ biến. Quý vị hỏi họ, họ yêu thích nhất, rất mong đạt được điều gì? Một là của cải, hai là sắc, hai thứ ấy, niệm niệm chẳng quên các thứ ấy. Trong kinh, đức Phật đã nói về hai thứ ấy rất hay, “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê”. Đức Phật bảo năm thứ ấy được gọi là “năm cội rễ của địa ngục”. Hễ nói đến tài sắc, chắc chắn sẽ liên quan ba điều sau. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê là tri kiến phổ biến trong xã hội hiện tại, chính là những thứ đó! Trong Phật pháp, chúng được gọi là gì? Năm loại dục vọng! Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê được gọi là Ngũ Dục, đáng sợ quá! Đó là năm cội rễ của địa ngục, hễ có một điều là không được rồi. Trọn đủ cả năm điều, quý vị hãy nghĩ xem tương lai sẽ đi về đâu? Phiền phức khá lớn! Chúng ta chẳng học Phật bèn không biết, học Phật mới biết rõ ràng, rành rẽ, đầu tiên là phải cứu chính mình. Chúng ta ắt phải nhảy ra khỏi hố sâu Ngũ Dục, tự cứu rồi sau đó mới có thể cứu người khác. Chính mình chẳng cứu bản thân được, làm sao có thể cứu chúng sanh? Câu này vẫn chưa giảng xong ý nghĩa mà đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây, ngày mai chúng tôi lại tiếp tục. Cám ơn mọi người.

# Tập 132

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm bốn mươi chín, dòng thứ bảy từ dưới đếm lên, xem từ *“khai hóa hiển thị Chân Thật chi Tế”*, xem từ chỗ ấy.

 Tiểu đoạn này giảng về hạnh lợi tha của Bồ Tát. Phần trước giảng về tự lợi, đoạn này giảng về lợi tha. Trong đoạn Diệu Hạnh Hiển Thật của phần lợi tha, câu này là chủ yếu. Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh, quan trọng nhất là giúp chúng sanh khai ngộ, giúp chúng sanh thành Phật, *“Chân Thật chi tế”* là thành Phật. Nay chúng ta nói *“khai hóa hiển thị”* là *“thân hành, ngôn giáo”*, *“khai hóa”* là ngôn giáo, *“hiển thị”* là thân hành. Không chỉ là phải giảng giải, mà còn phải nêu gương cho người khác thấy. Nêu gương gì? Chân Thật Tế chính là dáng vẻ của Phật, nêu dáng vẻ của Phật cho mọi người thấy, bảo ban mọi người: “Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”. Các đồng học học Phật nhất định phải thừa nhận câu này, chúng ta vốn đều là Phật, vì sao biến thành nông nỗi này? Chênh lệch với Phật lớn như thế? Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: *“Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc”*, chúng ta liền hiểu rõ: Sở dĩ chúng ta biến thành phàm phu là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng ta phải quay về địa vị Phật, quay về làm Phật. Chỉ cần buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống là được. Nói rất đơn giản, một câu nói là đã có thể nói xong, nhưng thực hiện nhất định khó khăn. Chúng ta xem phần chú giải tiếp theo, ngày hôm qua đã học hai câu đầu: *“Khai hóa giả, tức Pháp Hoa kinh chi khai Phật tri kiến. Hiển thị giả, tức thị Phật tri kiến”* (Khai hóa là “khai Phật tri kiến” trong kinh Pháp Hoa. “Hiển thị” là “thị Phật tri kiến”). Trong kinh Pháp Hoa, sau đó còn có hai câu nữa: *“Ngộ Phật tri kiến”*, khai, thị, ngộ, nhập. Câu cuối cùng là *“nhập Phật tri kiến”*, câu cuối cùng là chứng quả, quý vị thật sự thành Phật. Ba câu trước, mỗi câu sau sâu hơn câu trước. Đầu tiên là giảng cho quý vị hòng quý vị hiểu, biết có chuyện như thế: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”.* Bồ Tát nêu gương cho chúng ta thấy, tấm gương ấy được nói trong bộ kinh này.

Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời nêu gương cho chúng ta thấy, tấm gương ấy chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đức Phật hoàn toàn biểu hiện trong cuộc sống, biểu hiện trong giáo học. Công việc của đức Phật là giáo học, bốn mươi chín năm giống hệt như một ngày. Chúng ta biết: Sau khi ngộ, ngộ là gì? Thật sự hiểu, thật sự minh bạch. Sau khi hiểu, phải nhập cảnh giới này, phải nghiêm túc học tập, học sao cho giống hệt như đức Phật. Ở đây, các vị Bồ Tát dự hội, kinh nói là một vạn hai ngàn người; trên thực tế, nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy vô lượng vô biên Bồ Tát đều tới tham dự pháp hội này, đến trang nghiêm đạo tràng. Các đồng học trong đạo tràng trình độ không đều, phàm phu chẳng thấy các Ngài, nhưng Nhị Thừa có thể thấy. Nhị Thừa là Thanh Văn và Duyên Giác. Hàng Sơ Quả trong chúng Thanh Văn có thể thấy, bậc Tu Đà Hoàn như vậy rất nhiều. Một ngàn hai trăm năm mươi lăm [vị Thanh Văn đều] là đại Bồ Tát tái lai, các Ngài đến biểu diễn pháp. Tiểu Thừa thì Tứ Quả lẫn Tứ Hướng đều có, Đại Thừa thì có các Bồ Tát thuộc những địa vị Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng đều hiện diện. Có thể thấy pháp hội này vô cùng trang nghiêm. Chữ Tế trong *“chân thật chi tế”* chính là *“cứu cánh biên tế”* (究竟邊際: bờ mé rốt ráo). Trên thực tế, *“chân thật chi tế”* chính là Phật tri Phật kiến. Tri kiến của Phật chẳng có ngằn mé. Đối với chuyện này, kinh điển Đại Thừa có đến mấy chục danh từ đều để nói về chuyện này. Nếu giải thích theo cách hiện thời, sẽ là *“chư pháp Thật Tướng”* (Thật Tướng của các pháp). Tướng chân thật ấy chính là chân tướng của hết thảy các pháp, quý vị đều hiểu, đều rõ ràng, đó là Phật tri Phật kiến. Chân tướng là gì? Chân tướng là giả tướng, tướng là giả, Thể là không, vạn pháp đều là Không. *“Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*,đó là Phật tri Phật kiến. Chúng ta đã mê, hoàn toàn chẳng biết chân tướng sự thật, ngỡ nó là thật sự có, nên trong các cảnh giới bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là tri kiến phàm phu. Trong cảnh giới, Phật tri Phật kiến liễu giải, nên Ngài chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước, như như bất động trong cảnh giới. Đó là Chân Thật Tế.

 *“Nhất bộ Tịnh Độ diệu pháp”* (một bộ Tịnh Độ diệu pháp): Chữ *“nhất bộ”* chỉ kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đang học tập. Một bộ Tịnh Độ diệu pháp này *“cử thể thị Phật chi tri kiến”* (toàn thể là tri kiến của Phật). Thể tánh của kinh này từ trong tự tánh lưu lộ, từng câu, từng chữ đều xứng tánh, nên nói là *“cử thể”.* Từng câu từng chữ trong kinh đều nói về cảnh giới Hoa Nghiêm, nên cổ nhân gọi kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bổn Hoa Nghiêm, có lý lắm, chẳng phải là nói tùy tiện. *“Cố thử kinh trung, tất thị khai hóa hiển thị chân thật chi tế, hàm vị khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến dã”* (Vì thế, trong kinh này, ắt phải khai hóa, hiển bày Chân Thật Tế, đều vì khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật vậy). *“Khai, thị, ngộ, nhập”* là điều được nói trong kinh Pháp Hoa, quy hồi bản kinh này, toàn bộ những điều được nói trong kinh này đều là *“khai hóa hiển thị chân thật chi tế”*. Do đó, câu nói này vô cùng trọng yếu! Chư Phật Như Lai ứng hóa trong mười pháp giới, ứng hóa trong nhân gian, giúp đỡ hết thảy chúng sanh đạt được mục tiêu chung cực. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói *“trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai”*, chữ *“một ai”* chẳng phải chuyên chỉ một loại người nào, mà là nói đến tất cả hết thảy chúng sanh. Vì sao? Hết thảy chúng sanh vốn là Phật, làm sao có thể vứt bỏ được? Chỉ vì họ đã mê, do đã mê rồi nên Phật, Bồ Tát chờ đợi, khi nào cơ duyên của quý vị chín muồi, Phật, Bồ Tát sẽ thị hiện. Khi chưa chín muồi, bèn âm thầm giúp quý vị chín muồi; đã chín muồi, nhất định tiếp dẫn quý vị, giúp quý vị ngộ nhập. Từ chỗ này, chúng ta thật sự lãnh hội lòng từ bi của Phật, Bồ Tát, vĩnh viễn chẳng thể báo trọn ân đức của Phật, Bồ Tát. Dùng phương pháp gì để báo ân Phật? Chỉ có giống như Phật, Bồ Tát, học theo Phật, Bồ Tát *“khai hóa, hiển thị chân thật chi tế”*, đó là báo ân Phật. Nghĩ tưởng Phật, Bồ Tát giúp ta ra sao, ta hãy nên giúp người khác như vậy, đó là báo ân. Trừ chuyện này ra, ta chẳng thể [có cách nào khác để] báo ân Phật. Giống như trong kinh Pháp Hoa đã nói *“khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến”.* Một câu gồm tám chữ ấy trong kinh Pháp Hoa và câu *“khai hóa, hiển thị chân thật chi tế”* hoàn toàn tương đồng, có cùng một ý nghĩa, cùng một cảnh giới.

 *“Trí Độ Luận viết”*, [nghĩa là] như trong Đại Trí Độ Luận có nói: *“Như, Pháp Tánh, Thật Tế, thị tam giai thị chư pháp Thật Tướng dị danh”* (Như, Pháp Tánh, Thật Tế, ba danh từ ấy đều là tên gọi khác của Thật Tướng các pháp). Ba danh từ ấy đều nói về Thật Tướng của các pháp. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật nói danh từ *“chư pháp Thật Tướng”* nhiều nhất. Thông thường, chúng ta có thể nói như vậy. Nếu có ai hỏi chúng ta: “Phật pháp nói những gì? Kinh Phật giảng những gì? Quý vị học Phật là học điều gì?” Quý vị có thể dùng câu ấy trả lời là được rồi, *“chư pháp Thật Tướng”*; đó là từ ngữ trong kinh văn. Họ hỏi Thật Tướng của các pháp là gì? Chân tướng của tấ cả vạn sự vạn vật trong vũ trụ, kinh Phật dùng danh từ *“chư pháp Thật Tướng”.* Suốt bốn mươi chín năm, đức Phật giảng chuyện này, kinh điển cũng nhằm dạy chuyện này, mỗi ngày chúng ta học tập cũng là chuyện này. Hiểu rõ chân tướng thì gọi là giác ngộ. Chẳng liễu giải chân tướng sự thật bèn là mê hoặc. Mê là phàm phu, ngộ là Phật, Bồ Tát, chuyện là như thế đó! Nay chúng ta hãy suy ngẫm, cái được gọi là khoa học và triết học mỗi ngày đang học những gì? Vẫn chẳng phải là Thật Tướng của các pháp hay sao? Họ đều đang nghiên cứu chuyện này. Có hiểu rõ ràng, minh bạch Thật Tướng hay không? Chẳng hiểu rõ ràng, mà cũng chẳng minh bạch. Trong kinh điển, đức Phật thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch chuyện này. Đức Phật dùng phương pháp nào? Đức Phật dùng Giới, Định, Huệ. Do Giới đắc Định, do Định khai Huệ. Trí huệ vừa khai liền hiểu rõ, bèn ngộ nhập Thật Tướng của các pháp. Những nhà khoa học và triết học thế gian nghiên cứu, nhưng vì sao chẳng thấy rõ ràng, chẳng minh bạch? Vì họ chẳng có Giới, Định, Huệ, đấy là sự thật. Nếu các khoa học gia cũng dùng phương pháp Giới, Định, Huệ, họ sẽ là Phật, Bồ Tát. Các nhà khoa học nghiên cứu nói chung chẳng tách rời Toán Học, họ coi Toán Học là mẹ của Triết Học. Từ Toán Học đạt được những thông tin rồi mới lại dùng khoa học kỹ thuật để chứng minh. Khoa học kỹ thuật hiện tại đã giúp đỡ những người nghiên cứu rất lớn.

 *“Chân Giải vân: Thật Tướng diệu xứ tận lý chí cực”* (diệu xứ Thật Tướng tận lý tột bậc), nên xưng gọi nó là Tế. Tế là *“biên tế”* (邊際). Thật Tướng diệu xứ bất luận Sự hay Lý đều vi diệu đến cùng cực, nên dùng chữ Tế để hình dung. *“Chuẩn thượng lưỡng thuyết”*, tức là dựa theo hai cách nói trên đây, *“tắc Chân Thật tức Thật Tướng chi dị danh”* (Chân Thật chính là tên gọi khác của Thật Tướng). Chân Thật được nói trong kinh văn chính là Thật Tướng, là Thật Tướng như kinh Pháp Hoa và Trí Độ Luận đã giảng. *“Chân thật chi tế giả, nãi Thật Tướng diệu lý cứu cánh chí cực giả dã”* (Chân Thật Tế chính là diệu lý Thật Tướng rốt ráo đến tột bậc), rốt ráo đến tột bậc bèn gọi là Chân Thật Tế, *“diệc chánh thị Phật chi tri kiến”* (mà cũng chính là tri kiến của Phật). Tri kiến của Phật thấy diệu lý Thật Tướng, chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ tri kiến của Phật. Trong tri kiến của chúng ta, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xen tạp trong ấy. Trong tri kiến của Phật, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên Ngài trông thấy. Chúng ta đang bị vọng tưởng và chấp trước nhiễu loạn, nên chẳng thấy chân tướng, những gì chúng ta trông thấy toàn là giả tướng, chẳng phải là chân tướng.

 *“Hội Sớ viết: Khai hiển chân thật vi hiển thị, vị hội thập giới quy Nhất Thừa, khắc thành Bồ Đề cố”* (Sách Hội Sớ nói: “Khai hiển chân thật là hiển thị, nghĩa là đem mười pháp giới quy về Nhất Thừa, quyết định thành Bồ Ðề”). Chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ, dùng những phương pháp để giúp hết thảy những chúng sanh còn chưa khai ngộ. Ở đây, nêu lên nguyên lý, nguyên tắc và cương lãnh trọng yếu của các Ngài, chúng ta phải nên học tập. Tuy chúng ta vẫn chưa thấy diệu lý Thật Tướng, nhưng do đọc kinh điển rất nhiều, cũng biết đại lược một hai phần. Cái “biết” ấy là giải ngộ, chưa phải là chứng ngộ. Trong giải ngộ cũng có tầng lớp cạn sâu khác nhau, chúng ta ắt phải nâng cao cảnh giới của chính mình, phải nghiêm túc nỗ lực; nhưng quý vị thật sự liễu giải chẳng phải là do niệm nhiều! Niệm là một biện pháp, phải ghi nhớ điều này, nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích buông xuống. Khi chúng ta không niệm kinh, trong tâm có rất nhiều vọng niệm. Khi chúng ta niệm kinh, vọng niệm tạm thời ngưng dứt, đó là buông vọng niệm xuống, buông phân biệt, chấp trước xuống. Thời gian chúng ta niệm càng dài, nói cách khác, thời gian buông xuống cũng càng dài. Nếu niệm kinh mà xen tạp phân biệt, chấp trước, sẽ giống như người bình phàm trong thế gian đọc sách, tăng trưởng kiến thức, nhưng chẳng tăng trưởng Định Huệ, chẳng liên can gì đến Định Huệ; chúng ta nói người ấy làm chuyện thuộc về Phật học, chẳng phải là học Phật. Học Phật chẳng tách lìa Giới, Định, Huệ. Tách lìa Giới, Định, Huệ là Phật học! Học Phật và Phật học khác nhau ở chỗ này!

 Sở dĩ gom mười giới (mười pháp giới) về Nhất Thừa, là do mười pháp giới là giả, là huyễn tướng, Nhất Thừa là thật. Nhất Thừa là gì? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai là Nhất Thừa. *“Khắc thành Bồ Đề”* (quyết thành Bồ Đề), Bồ Đề được nói ở đây chính là Vô Thượng Bồ Đề, quý vị mới có thể chứng Vô Thượng Bồ Đề. Chúng tôi dùng một câu rất nông cạn để giảng câu này để chư vị dễ ghi nhớ, và cũng dễ dàng nắm được phương pháp dụng công. *“Hội thập giới”* là quý vị phải coi y báo và chánh báo trang nghiêm và hết thảy các pháp trong mười pháp giới như là Nhất Chân pháp giới. Câu này có ý nghĩa như vậy đó, quý vị sẽ thành Bồ Đề. Lúc chúng ta mới học bèn coi chúng như Nhất Chân pháp giới, đến cuối cùng, nó thật sự là Nhất Chân pháp giới, quý vị bèn chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Trước hết bèn coi nó giống như vậy, dần dà, lâu ngày, quý vị sẽ nhận thấy nó là thật, chẳng giả, đạo lý gì vậy? Chúng ta đều đã học đạo lý này rồi, chẳng phải là kinh thường nói *“cảnh chuyển theo tâm”* đó ư? Tâm chúng ta mỗi ngày coi những cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới, lâu ngày chầy tháng, chúng thật sự biến thành Nhất Chân pháp giới. Xã hội hiện tiền có phải là biến chất hay không? Chẳng biến chất, nhưng cách nhìn đúng là khác biệt. “Lâu ngày chầy tháng” là sao? Tâm quý vị đã định, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng có, quý vị thấy là thật. Một điều đã chân, hết thảy đều chân. Một điều vọng, hết thảy đều vọng. Quý vị sử dụng chân tâm thì hết thảy là thật; quý vị dùng vọng tâm, hết thảy đều là vọng. Có mười pháp giới hay không? Có Nhất Thừa hay không? Thưa cùng chư vị, hoàn toàn chẳng có! Nếu nó là thật sự có, quý vị nghĩ xem vì lẽ nào nó biến thành tình trạng ấy? Nó chẳng phải là thật sự có. Chẳng có pháp nào không phải là *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”*. Tâm của ai, thức của ai? Của chính mình. Tâm của chính mình, thức của chính mình; tâm là chân tâm, thức là vọng tưởng, vọng tâm.

 Chúng tôi rất bội phục các nhà khoa học hiện đại, họ cũng phát hiện niệm lực. Sức mạnh của ý niệm vô cùng to lớn. Bản thân chúng ta chẳng biết, chính mình chẳng thể vận dụng. Nếu biết vận dụng, tập trung ý niệm một chỗ, sức mạnh ấy sẽ chẳng thể nghĩ bàn, năng lượng ấy vĩnh viễn dùng chẳng hết. Vì sao chúng ta chẳng thể cảm nhận? Vì ý niệm của chúng ta tán loạn, rất phức tạp, nên niệm lực chẳng tập trung. Do đó, trong kinh, đức Phật đã dạy: *“Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”* (Chế ngự tâm một chỗ, không chuyện gì chẳng hoàn thành). Câu này rất quan trọng! Cũng có nghĩa là nếu ý niệm của quý vị có thể chuyên nhất, năng lượng ấy sẽ phát hiện. Năng lượng vô cùng to lớn, đối với chính mình bèn có thể biến đổi thân thể, có thể trị liệu những bệnh tật nơi thân thể hoặc sức khỏe, chẳng cần dùng thuốc. Ý niệm có thể tiêu trừ và hóa giải bệnh tật. Nếu quý vị hiểu đạo lý được giảng trong Phật pháp, quý vị sẽ thấy điều này chẳng lạ lùng, mà là hiện tượng bình thường. Vì sao Phật, Bồ Tát chẳng ngã bệnh? Ý niệm của các Ngài chánh đáng, chẳng có tà niệm. Trong ý niệm của chúng ta, trong A Lại Da Thức có tham, sân, si mạn, nghi, ngũ độc phiền não; trong Mạt Na Thức có oán, hận, não, giận, phiền bực; cảnh giới bên ngoài có những thứ dụ dỗ mê hoặc như tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê. Ba loại ấy hợp lại, bệnh liền nẩy sanh, quý vị bèn mắc bệnh. Quý vị phải biết: Trong ba thứ ấy, chỉ cần thiếu một thứ, cái nhân gây bệnh chẳng có duyên, bệnh vẫn chẳng sanh khởi được. Ba thứ ấy đều đầy đủ, bệnh tật liền hiện tiền, nguyên nhân là như thế đó. Đây chính là bệnh lý được giảng trong giáo pháp Đại Thừa, [bệnh lý] là nguyên lý gây ra tật bệnh. Câu kế tiếp là: *“Chân thật chi tế giả, dĩ nhất Phật thừa vi pháp nhai tế cố”* (Chân Thật Tế lấy một Phật Thừa làm pháp tối hậu). Trong giáo pháp Đại Thừa, Chân Thật Tế có tiêu chuẩn là nhất Phật thừa, nói theo thực tế thì nó chẳng có ngằn mé.

 Kế đó là *“hựu Chân Giải viết”* (sách Chân Giải lại nói), sách Chân Giải giảng khá tỉ mỉ. Sách giảng: *“Nhược y Tiểu Thừa”* (nếu theo Tiểu Thừa), Chân Thật Tế tức là đã tu học hoàn tất khóa trình cuối cùng, chúng ta thường nói là *“tốt nghiệp”*, có ý nghĩa này. Người Tiểu Thừa, *“Thiên Chân Niết Bàn vi Thật Tế”* ([coi] Thiên Chân Niết Bàn là Thật Tế). Họ đạt tới mục đích này, liền chứng đắc quả vị rốt ráo [trong Tiểu Thừa], chẳng còn tiến lên nữa. Do đó, họ chứng đắc quả vị rốt ráo là quả vị A La Hán, trong Tứ Quả và Tứ Hướng, quả vị này cao nhất. *“Nhược y Tiệm Giáo, dĩ ly Nhị Biên vi Chân Thật Tế”* (nếu theo Tiệm Giáo thì coi lìa hai bên là Chân Thật Tế). Tiệm Giáo là Quyền Giáo Bồ Tát chưa kiến tánh, thông thường là giống như trong Thiền Tông đã nói, ba căn thượng trung hạ đều thuộc về Tiệm Giáo. Trái ngược với Tiệm Giáo là Đốn Giáo, đốn siêu. Đốn Giáo thì phải là bậc thượng thượng căn mới là đương cơ; thượng, trung, hạ đều chẳng phải là đương cơ, cũng có nghĩa là quý vị chẳng hội đủ điều kiện tu học pháp môn ấy. Tiệm Giáo thì ba căn thượng, trung, hạ đều có phần, họ lìa Nhị Biên. Nhị Biên là gì? Nay chúng ta nói là *“đối lập”*. Giáo này cũng thuộc loại Đại Thừa, khởi đầu của Thật Giáo trong Đại Thừa. Thường nói là *“Nhị Biên bất lập, Trung Đạo dã bất tồn”* (Hai bên chẳng lập, Trung Đạo cũng chẳng còn), thật sự rời khỏi Nhị Biên. Nhị Biên có ý nghĩa vô cùng rộng rãi, Phật pháp thường nói: Chân - vọng là Nhị Biên, có - không là Nhị Biên, lớn - nhỏ là Nhị Biên, mê - ngộ là Nhị Biên, sanh tử và Niết Bàn là Nhị Biên. Phàm phu luôn chấp trước một bên. Trong Nhị Thừa có người chấp trước Có, mà cũng có người chấp trước Không, có thể thấy là chấp trước chưa phá. *“Hai bên Có và Không ta đều chẳng chấp trước”* [nói như vậy tức là] quý vị vẫn còn chấp trước một cái *“hai bên đều chẳng chấp trước”*,tức là vẫn còn chấp trước. [Nếu thấy] Nhị Biên đều chẳng có, tức là quý vị còn có “Nhị Biên đều chẳng có”, quý vị thấy có phiền phức hay không? Khi nào thật sự là Nhị Biên đều chẳng có? Trong hết thảy các pháp, đoạn hết tâm phân biệt; về căn bản, chẳng có tâm phân biệt, quý vị mới có thể nhập cảnh giới này.

 *“Nhược y thánh đạo Thật Giáo, chư pháp Thật Tướng vi Chân Thật Tế”* (nếu nương theo thánh đạo Thật Giáo, Thật Tướng của các pháp là Chân Thật Tế). *“Thánh đạo Thật Giáo”* là Đại Thừa, Thật là chân thật, chẳng hư vọng. Đại Thừa Thật Giáo dùng gì làm Chân Thật Tế? Dùng chư pháp Thật Tướng, tức là chân tướng của hết thảy các pháp. Chân tướng là “tâm hiện, thức biến”, Thể của hết thảy các pháp là Thật Tánh, còn gọi là Pháp Tánh, còn gọi là Tự Tánh, còn gọi là Bổn Tánh, rất nhiều danh từ! Hết thảy hiện tướng (tướng hiện ra) là huyễn tướng, những hiện tướng ấy và thể tánh vĩnh viễn chẳng tách rời. Tánh và tướng bất nhị, tánh và tướng như một. Trong Thể, thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng thứ gì nó cũng đều có thể hiện. Thể là Không, Chân Không. Chân Không chẳng phải là trống rỗng, nên có thể hiện tướng. Tướng là huyễn tướng; tuy có, trên thực tế là *“đương Thể tức Không”* (ngay nơi bản thể chính là Không), trọn chẳng thể được! Xét theo hiện thời, mọi người mỗi ngày đều xem TV, lấy chuyện này để tỷ dụ thì cũng rất dễ hiểu. Chúng ta tỷ dụ màn hình TV như Thể, hoặc tỷ dụ nó như tự tánh. Những hình ảnh hiện ra trên màn hình TV là tướng. Quý vị hãy nghĩ xem, hình ảnh và màn hình vĩnh viễn kết hợp cùng một chỗ. Chẳng có màn hình, tướng chẳng thể hiện. Tuy hiện tướng, vọng tướng là vọng tướng, thật thể là thật thể, chẳng liên quan mảy may, nhưng lại chẳng tách rời, đúng là *“bất tức, bất ly”* (chẳng phải chính là lẫn nhau, nhưng chẳng tách lìa). Quý vị hãy quan sát cẩn thận, nếu hiểu rõ, ngộ được thì đó cũng là tu hành, cũng là chứng quả, xem TV cũng có thể thành Phật. Biết điều gì? Không và Hữu bất nhị, chân và vọng bất nhị. Quý vị chẳng chấp trước Nhị Biên. Thể là Không, quý vị chẳng còn khởi tâm động niệm. Tướng là giả, cũng chẳng còn khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, không động niệm, quý vị bèn thành Pháp Thân Bồ Tát, khai thị ngộ nhập Thật Tướng của các pháp, đã ngộ nhập. Đó là thánh đạo Thật Giáo, là Đại Thừa giáo thật sự. Sách Chân Giải trước hết dùng Tiểu Thừa và Đại Thừa [để giải thích Chân Thật Tế], có thể nói thánh đạo Thật Giáo là Nhất Thừa. Đây là nói theo lối thông thường, là cách nói bình thường.

 *“Nhược y Tịnh Độ”* (nếu theo Tịnh Độ), chúng ta quay lại [xem xét theo khía cạnh Tịnh Độ] vì chúng ta tu Tịnh Độ, học Tịnh Độ. Trong Tịnh Độ giáo, giảng như thế nào? *“Quang xiển đạo giáo vi quyền phương tiện, thệ nguyện nhất Phật thừa vi Chân Thật Tế, nhất thật Chân Như hải cố”* (quang xiển đạo giáo là quyền phương tiện, thệ nguyện nhất Phật thừa là Chân Thật Tế, là biển nhất thật Chân Như vậy). Chúng ta nói mấy câu này trước. *“Quang xiển đạo giáo vi quyền phương tiện”*, Quyền (權) là quyền xảo (權巧), có lợi cho chính mình, mà cũng có thể giúp đỡ người khác, chúng ta thường nói là *“phương tiện thiện xảo”. “Quyền phương tiện”* là phương tiện thiện xảo, vô cùng hay khéo, có thể giúp cho chính mình thành tựu, mà cũng có thể giúp người khác thành tựu. *“Quang xiển”* (光闡) là trí huệ, phải ghi nhớ điều này. Phật pháp từ đầu đến cuối chẳng lìa trí huệ. *“Đạo”* (道) là trong hết thảy các pháp đều có đạo lý, đều có phương pháp. *“Giáo”* (教) là đức Phật chỉ dạy chúng ta, Bồ Tát dạy bảo chúng ta; thông thường, [Giáo được dùng để] chỉ tám vạn bốn ngàn pháp môn, đều là *“quang xiển đạo giáo”*. Tám vạn bốn ngàn [pháp môn] là đạo, là đường nẻo, phương pháp, đạo lý. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện có nói: *“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”*; tức là không chỉ có tám vạn bốn ngàn, mà là vô lượng vô biên. Phật, Bồ Tát có trí huệ, chúng ta vừa tiếp xúc các Ngài, các Ngài vừa nhìn đã biết rõ chúng ta là căn cơ như thế, đáng nên tiếp nhận loại Phật pháp nào. Vì thế, quý vị gặp Phật, Bồ Tát, gặp Pháp Thân đại sĩ, rất may mắn, giống như mắc bệnh mà gặp được bác sĩ giỏi cho quý vị uống thuốc liền khỏi bệnh. Nay chúng ta thấy kinh điển đều là các toa thuốc, căn bệnh chúng ta mắc phải có tương ứng với toa thuốc hay không, chính mình không biết! Nếu chúng ta dùng sai toa thuốc, không chỉ chẳng trị hết bệnh, mà còn ngược ngạo khiến cho bệnh nặng hơn! Trong xã hội này, người học Phật biến thành nông nỗi như vậy rất ư là nhiều! Quý vị mở kinh điển ra, sẽ thấy những vị đương cơ được chép trong kinh, đức Phật giảng kinh ấy, có người còn chưa nghe xong, mới nghe một nửa bèn khai ngộ, liền chứng quả, đó là gì? Đương cơ! Họ bị bệnh cần phải uống thuốc ấy!

 Nay chúng ta chẳng biết chính mình đang mắc bệnh gì. Đức Phật nói nhiều pháp môn như thế, kinh điển lắm như thế, cũng chẳng biết bộ kinh điển nào có thể hữu dụng đối với chính mình. Chúng ta tìm thiện tri thức, chẳng biết ai là thiện tri thức, tìm không thấy, làm như thế nào? Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã biết tình hình ấy, chúng ta cách xa đức Phật ba ngàn năm, từ ba ngàn năm trước, Ngài đã biết xã hội hiện tiền. Ngài cũng biết chúng ta là một dúm người cùng nhau học Phật vào ba ngàn năm sau, Ngài thật sự từ bi, biết chúng ta chẳng thể tìm thiện hữu. Do đó, trong kinh Đại Tập, lão nhân gia đã dạy chúng ta đại nguyên tắc, chúng ta có thể tuân thủ thì sẽ chẳng có chuyện gì, có thể thành tựu. Nguyên tắc ấy là gì? Ngài nói thời kỳ Chánh Pháp giới luật thành tựu. Chánh Pháp là gì? Sau khi đức Phật diệt độ một ngàn năm, khéo học giới luật có thể chứng quả, có thể khai ngộ, có thể chứng quả. Thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu, trì giới không được. Căn tánh của con người chẳng bằng thời Chánh Pháp, phải tu Thiền Định. Vì thế, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, nhằm đúng khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ một ngàn năm, Phật giáo truyền đến Trung Quốc, một ngàn năm thứ hai chẳng phải là thời Tượng Pháp ư? Do đó, Thiền đặc biệt hưng vượng tại Trung Quốc, một ngàn năm! Sau một ngàn năm ấy là thời kỳ Mạt Pháp, Mạt Pháp là một vạn năm. Hiện tại, một ngàn năm thứ nhất đã trôi qua, nay chúng ta đang ở trong một ngàn năm thứ hai của thời Mạt Pháp. Trong một vạn năm ấy, đức Phật nói Tịnh Độ thành tựu. Chúng ta sanh nhằm thời đại này, chính mình chẳng hiểu căn tánh của chính mình! Nếu quý vị nghe hiểu lời Thích Ca Mâu Ni Phật dạy, quyết định chẳng ngờ vực, ta chọn Tịnh Độ, nghe lời mà! Nói thật ra, bí quyết thành tựu là thật thà, nghe lời, thật sự làm, bèn thành tựu. Thật sự nghe lời bèn thật sự hành. Có rất nhiều tấm gương! Chúng ta thấy người niệm Phật vãng sanh được ghi chép rất nhiều trong lịch sử. Trong Phật môn, thường thấy nhất là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, từ thời Huệ Viễn đại sư lập Niệm Phật Đường đầu tiên dưới đời Đông Tấn, mọi người cùng nhau cộng tu niệm Phật vãng sanh mãi cho đến nhà Thanh, [hành giả tu Tịnh Độ] trải các đời niệm Phật vãng sanh được mọi người biết đến đều chép trong bộ sách ấy.

Những bộ Vãng Sanh Truyện trong thời cận đại, đặc biệt là chúng tôi học Phật nhiều năm ngần ấy, đích thân thấy, chính tai nghe những người niệm Phật vãng sanh, biết trước lúc mất, chẳng bị bệnh khổ, tự tại vãng sanh, là thật, chẳng giả. Đối với chúng ta mà nói, thành tựu của những người ấy chính là Chứng Chuyển trong Tam Chuyển Pháp Luân, họ đã chứng minh cho chúng ta: Thời kỳ Mạt Pháp, dùng pháp môn này thật sự thành tựu, xác thật là hy hữu, khó gặp! Vì lẽ đó, lần này, cũng do trên cả địa cầu có lắm tai nạn, mà chúng tôi tạm dừng kinh Hoa Nghiêm lại, chọn giảng bộ kinh này. Đặc biệt chọn giảng chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta cùng nhau học tập, chia sẻ, kiên định tín tâm đối với Tịnh Độ, thật sự phát nguyện cầu sanh, chẳng có ai không thành tựu! Bộ kinh này và tác phẩm chú giải này trong tám ngàn năm sau, sẽ độ rất nhiều người về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta phải quý trọng duyên phận này. Duyên phận này hiếm có, khó gặp! *“Quang xiển đạo giáo”*: Trong Phật giáo, Đại Thừa tại Trung Quốc có tám tông phái, Tiểu Thừa gồm hai tông phái. Hai tông phái ấy [hiện thời] chẳng còn nữa, tám tông phái Đại Thừa cũng có một số hữu danh vô thực, phổ biến đều là ở trong một câu này. *“Thệ nguyện nhất Phật thừa”* chính là tu Tịnh Độ, học Hoa Nghiêm, học Tánh Tông, vãng sanh Cực Lạc là thành Phật, là Nhất Phật Thừa, là *“Chân Thật Tế, nhất thật Chân Như hải cố”.*

 *“Thánh đạo thủ lý nhi phi duy lý, Tịnh Độ dĩ sự nhi phi duy sự”* (Thánh đạo thủ Lý nhưng không duy lý, Tịnh Ðộ dùng Sự nh ưng chẳng chỉ biết có Sự), có nghĩa là gì? *“Thánh đạo”* ở đây chính là Phật pháp, là Đại Thừa. [*“Thủ lý nhi phi duy lý”*] là giảng lý cho quý vị, nhưng quý vị đừng chấp trước Lý. Hễ chấp trước là sai mất rồi. Tịnh Độ giảng Sự cho quý vị, nhưng quý vị cũng chớ nên chấp trước Sự, hễ chấp trước liền sai! Nhất định phải tuân thủ lời dạy của Mã Minh Bồ Tát trong Khởi Tín Luận về thái độ tốt nhất để học Phật, đọc kinh, nghe giáo, “nghe giáo” là nghe giảng:

1) Đừng chấp trước tướng ngôn thuyết: Chớ chấp trước ngôn ngữ của người giảng giải, chớ nên chấp trước.

2) Đọc kinh đừng chấp trước tướng văn tự, đừng chấp trước tướng danh tự, [đừng chấp trước] danh từ thuật ngữ. Cũng chớ nên chấp trước tướng tâm duyên. Ta niệm đến câu này, bèn nghĩ câu này có ý nghĩa gì, sai mất rồi! Vì sao? Nó chẳng có ý nghĩa. Vạn pháp đều là Không, nó có ý nghĩa gì? Đó là ý nghĩa của chính quý vị, chẳng phải là ý nghĩa của Phật, Bồ Tát. Phải hiểu điều này.

Do đó, quý vị có thể tuân thủ [các nguyên tắc ấy], lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, quý vị mới thật sự hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, tức là trí huệ và đức tướng sẵn có trong tự tánh bèn lộ ra, đó là nghĩa chân thật của Như Lai. Nếu chúng ta rớt vào trong phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm, nghĩa chân thật của Như Lai sẽ chẳng có, toàn bộ đều là ý nghĩa của chính mình. Phật pháp khó là khó ở chỗ này, mà Phật pháp dễ cũng là dễ ở chỗ này. Đức Phật dạy chúng ta buông khởi tâm động niệm xuống, buông phân biệt, chấp trước xuống, quý vị có thể thật sự làm, quý vị là học Phật thật sự! Bất luận nói Lý, nói Sự, nói Tánh, nói Tướng, nói nhân, nói quả, thảy đều chẳng chấp trước, nghe rành mạch, hiểu rõ ràng, rành rành phân minh, chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, quý vị đã thật sự nghe lọt, đó là “biết nghe”. Người biết nghe sẽ có thể khai ngộ. Kẻ chẳng biết nghe sẽ càng nghe càng mê hoặc, càng nghe càng lắm vấn đề!

Ngay sau đó có một chú thích nhỏ: *“Tức Sự tức Lý, Sự Sự vô ngại”* (Lý chính là Sự, Sự chính là Lý, Sự Sự vô ngại). Đây là đạt đến cảnh giới Hoa Nghiêm, mảy may chướng ngại cũng đều chẳng có, vì sao? Toàn là tự tánh. Giống như khi khai ngộ, Huệ Năng đại sư đã nói: *“Toàn là tự tánh”*, tự tánh là như thế nào? Tự tánh thanh tịnh, chưa hề nhiễm dính, vĩnh viễn chẳng nhiễm ô. Nay có bị nhiễm ô hay không? Chẳng có! Nhiễm ô là A Lại Da, là ý thức. Tự tánh chẳng bị nhiễm ô, tự tánh bất sanh bất diệt, tự tánh viên mãn trọn đủ, chẳng có mảy may khiếm khuyết, giống như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói: Trí huệ, đức năng, tướng hảo, chẳng có thứ gì khiếm khuyết. [Tự tánh] vốn chẳng dao động, có thể sanh ra vạn pháp. Tuy có thể sanh ra vạn pháp, nhưng giống như các băng tần TV: Chúng ta nhấn nút [chọn] một băng tần, hình ảnh liền xuất hiện. Tuy hình ảnh hiện ra, chúng ta biết chúng chẳng thật, nên khi đối diện các hình ảnh, quý vị chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là bị hình ảnh bên ngoài làm mê, quý vị là phàm phu. Đối trước hình ảnh chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, quý vị đang học Phật. Quý vị nói xem: Có pháp nào chẳng phải là Phật pháp? TV mỗi ngày phát hình những gì? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đáng tiếc là quý vị chẳng hiểu, mê muội nơi hình ảnh, nên tạo nghiệp, chẳng phải là học kinh Hoa Nghiêm, quý vị học kinh địa ngục. Vì thế, trong cảnh giới chẳng có chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác, chẳng có! Chân, vọng, đúng, sai, thiện, ác đều ở trong tâm quý vị. Chỉ cần quý vị không động tâm, chuyện gì cũng đều chẳng có, thiên hạ thái bình, là cảnh giới Hoa Nghiêm. Khởi tâm động niệm liền biến thành mười pháp giới, liền biến thành lục đạo tam đồ. Vì lẽ đó, cổ nhân từng nói: “Có pháp nào chẳng phải là Phật pháp?” Tôi lại nói phỏng theo: “Có pháp nào chẳng phải là Phật Hoa Nghiêm? Có pháp nào chẳng phải là Đại Phương Quảng?” Toàn bộ đều là. Vấn đề là quý vị có hiểu hay không? Đó là thật, chẳng giả. Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại.

*“Ư chúng sanh sở nhập, tắc tuy hữu Sự, Lý, Không, Hữu bất đồng, nhi tùng chư Phật tư ta kiến chi”* (Nếu theo cách hiểu của chúng sanh thì có Sự, Lý, Không, Hữu sai khác, nhưng nếu đứng trên quan điểm chư Phật tấm tắc ngợi khen). Đây là trong khi chư Phật, Bồ Tát diễn thuyết, thị hiện, đã hé lộ tin tức. Ở đây, cụ Hoàng cũng đặc biệt vạch ra: *“Chỉ thập phương Như Lai tán thán Tịnh Tông”* (ý nói mười phương Như Lai tán thán Tịnh Tông). Nếu Tịnh Tông chẳng phải là thật sự thù thắng, làm sao được mười phương Như Lai tán thán? Chúng ta đọc Tiểu Bổn Di Đà Kinh thấy sáu phương Phật tán thán, đó là khi phiên dịch, Cưu Ma La Thập đại sư đã tỉnh lược. Chúng ta xem bản dịch của Huyền Trang đại sư, thấy ghi là mười phương; bộ kinh [Vô Lượng Thọ] này cũng là mười phương Phật tán thán. *“Tắc duy thử thệ nguyện nhất Phật Thừa, Nhất Thật Chân Như hải vi chân thật chi tế. Khả kiến Hội Sớ dữ Chân Giải quân dĩ thử Tịnh Tông Nhất Phật Thừa, vi chân thật chi tế, diệc tức Phật chi tri kiến dã”* (chỉ có thệ nguyện nhất Phật thừa, biển nhất thật Chân Như này là Chân Thật Tế. Có thể thấy sách Hội Sớ và Chân Giải cùng xem Nhất Phật Thừa của Tịnh Tông là Chân Thật Tế và cũng là tri kiến của Phật vậy). Nói hay lắm, chúng ta chẳng cần tìm tòi trong giáo pháp Đại Thừa, một bộ kinh này là được rồi! Bộ kinh này do đức Như Lai xuất hiện trên thế gian từ ba ngàn năm trước, vì mọi người chúng ta giảng bộ kinh này, là một bộ kinh để thành Phật rốt ráo viên mãn trong một đời. Vì thế, cảm được mười phương chư Phật tán thán. Mười phương chư Phật đều khuyên dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; nếu chúng ta chẳng thể tin tưởng, vẫn muốn làm chuyện khác, đó là gì? Thiện căn, phước đức, và nhân duyên của quý vị quá mỏng. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên dầy, nếu sâu dầy, chắc chắn sẽ là một bộ kinh này, chẳng cần đến bộ thứ hai. Thật sự mong học rộng nghe nhiều thì phải nên làm như thế nào? Trước hết, hãy niệm kinh Vô Lượng Thọ mười năm. Trong vòng mười năm không xem bộ kinh thứ hai, chuyên tu một bộ kinh này, quý vị sẽ đắc định, chuyên tu là trì giới. Nghe kinh mỗi ngày, nghe kinh sẽ càng hữu ích cho quý vị. Thời cổ chẳng thuận tiện như vậy, ai giảng cho quý vị? Không ai giảng cả! Hiện thời thuận tiện, hiện thời có đĩa CD.

 Đĩa CD cũng là vô thường! Quý vị thấy trong mấy chục năm qua, thuở đầu chúng ta thấy là máy thâu âm, dùng băng cuộn thành một đĩa tròn. Vài năm sau liền biến thành băng cassette, băng cassette thuận tiện. Sau này, biến thành CD, nay biến thành VCD, ngày càng tiến bộ, thường xuyên biến hóa. Chúng ta phải nắm vững cơ hội, dùng thời gian mười năm để chuyên nghe kinh Vô Lượng Thọ, nghe suốt mười năm. Mỗi ngày tốt nhất là có thể dành ra mười tiếng đồng hồ, nghe kinh mười giờ, vì sao? Xóa sạch phân biệt, chấp trước, vọng tưởng. Quý vị chẳng nghe kinh thì chẳng phải là suy nghĩ loạn xạ đó sao? Nghe kinh sẽ chẳng thể suy nghĩ loạn xạ. Phương pháp dụng công là như vậy, chẳng nghe kinh bèn niệm A Di Đà Phật, suốt ba năm hoặc năm năm, chúc mừng quý vị, quý vị thật sự có thể đắc Niệm Phật tam-muội. Cũng có thể nói là tâm thanh tịnh hiện tiền, vọng niệm ít đi, kinh Phật thường nói là phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, quý vị đạt hiệu quả này. Sau bảy năm, tám năm, quý vị có thể khai ngộ; chưa thể đại triệt đại ngộ thì tối thiểu cũng có cảnh giới đại ngộ. Sau mười năm, quý vị lại xem đọc hết thảy các kinh điển Đại Tiểu Thừa rất dễ dàng, học rộng, nghe nhiều. Quý vị phát tâm hoằng pháp lợi sanh, liền thật sự được Phật, Bồ Tát gia trì, vì sao? Quý vị có công sức ấy, Phật, Bồ Tát gia trì tỷ lệ thuận với công sức của quý vị. Quý vị có một phần công sức, Phật gia trì một phần. Quý vị có mười phần công sức, Ngài bèn gia trì mười phần. Bất luận học gì cũng đều nhanh chóng; đó mới là con đường tắt thật sự. Vì thế, mười năm đáng giá lắm! Chẳng làm như vậy, suốt đời bất luận học pháp môn nào, muốn thành tựu đều hết sức khó khăn, chúng ta chớ nên không biết điều này!

 Chúng ta lại xem tiếp: *“Kim chư đại sĩ, vị chư chúng sanh tuyên diễn”* (nay các vị đại sĩ, vì các chúng sanh tuyên diễn), *“tuyên”* (宣) là tuyên giảng, *“diễn”* (演) là biểu diễn. *“Tuyên”* là ngôn giáo, *“diễn”* là thân giáo. *“Thập phương chư Phật đồng tán chi thệ nguyện nhất Phật thừa, cố vân: Khai hóa hiển thị chân thật chi tế”* (thệ nguyện Nhất Phật Thừa được chư Phật mười phương cùng khen ngợi, nên nói: “Khai hóa hiển thị Chân Thật Tế”). Câu này nói rất hay, chuyện này cũng là sự thật. Một đời này, tôi giảng kinh năm mươi hai năm, trạng huống pháp duyên khi giảng các kinh luận nhiều ngần ấy đều chẳng thù thắng bằng pháp duyên của kinh Vô Lượng Thọ. Giảng bộ kinh này, thính chúng đặc biệt đông, đặc biệt thù thắng. Chẳng phải là một lần! Tôi giảng mười lần, lần này là lần thứ mười một. Một lần, hai lần là ngẫu nhiên, nhưng mỗi lần đều thù thắng như vậy, cho thấy pháp hội này đích thực được mười phương Như Lai tán thán, mười phương Như Lai gia trì. Học tập bộ kinh này, đương nhiên cũng chẳng có ngoại lệ. Quý vị thường đọc tụng kinh điển ở nhà, nếu chú tâm sẽ thấu hiểu. Đọc kinh Vô Lượng Thọ và đọc kinh khác, quý vị có cảm xúc khác biệt. Đối với chuyện này, tôi tin sâu, chẳng ngờ. Chúng ta cầu mong Phật, Bồ Tát gia trì, cầu Phật, Bồ Tát xoa đầu, thọ ký cho chúng ta, quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ sẽ đạt được. Quý vị niệm một lần được Phật, Bồ Tát gia trì quý vị một lần, xoa đỉnh đầu một lần.

 Kế đó: *“Nhược viên hội Tông Hạ”* (nếu dung thông với Tông Hạ), Tông Hạ (宗下) ở đây là Thiền Tông. Phần trước giảng về Tịnh Tông, nay nói về Thiền Tông. Thiền Tông thì *“Như Bố Đại hòa thượng viết: Chỉ giá tâm tâm tâm thị Phật… Nhất thiết vô như tâm chân thật”* (Như Bố Đại hòa thượng nói: “Chỉ có cái tâm này, tâm tâm là Phật, hết thảy không có gì chân thật bằng tâm”). Tâm ở đây chẳng phải là trái tim thịt. Quả tim thịt chẳng có bản lãnh ấy, tâm cũng chẳng phải là ý niệm của chúng ta. Vọng niệm không được! Vọng niệm chẳng có năng lực to tát dường ấy! Mà là chân tâm của chúng ta, chân tâm là gì? Có thể hiện vạn pháp. Khi khai ngộ, trong câu cuối cùng, Huệ Năng đại sư đã nói: *“Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”*, nên nói hết thảy không có gì chân thật bằng tâm, đều do chân tâm hiện. Chân tâm ở chỗ nào? Hết thảy vạn pháp đều là chân tâm. Điều này nêu rõ Thể và Dụng bất nhị, tánh và tướng như một. Chúng ta thấy hiện tượng, chân tâm chẳng thấy. Cái Thể của hiện tượng có khả năng hiện ra hiện tượng, cái Thể ấy là chân tâm, nên Tánh, Tướng, Thể, Dụng chẳng hai! Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Tâm này chẳng thể nghĩ bàn”.* Kinh Kim Cang nói *“ba tâm chẳng thể được”. “Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được”.* Những câu ấy trong kinh Kim Cang đã xếp chân tâm và vọng tâm cùng một chỗ, chân tâm là như thế, mà vọng tâm cũng là như thế, đều là bất khả đắc, nói lời chân thật với chúng ta. Phật là gì? Chân tâm là Phật, do quý vị chưa từng rời khỏi chân tâm, lẽ nào quý vị chẳng phải là Phật? Đức Phật nói hết thảy chúng sanh vốn là Phật, chẳng nói sai tí nào, chỉ vì chính quý vị không biết. Chân tâm ở chỗ nào? Thân này do chân tâm hiện, nên thân là chân tâm. Thân của ta do chân tâm của ta hiện; thân quý vị cũng do chân tâm của ta hiện. Cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa đều do chân tâm của ta hiện, có thứ gì chẳng phải! Chỉ vì tâm chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Do chẳng phải là vật chất, nên mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của chúng ta chẳng tiếp xúc nó được. Nhìn chẳng thấy, cũng chẳng nghe được, chúng ta cũng chẳng sờ được. Do chẳng phải là tinh thần, nên chúng ta nghĩ tới nó cũng chẳng được, nên nói là “chẳng thể nghĩ bàn”. Khi nào quý vị có thể thấy nó? Quý vị thật sự đạt đến chẳng nghĩ, chẳng bàn, liền thấy nó. Đức Phật bảo chúng ta: Đối với hết thảy vạn sự vạn vật chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, nó liền hiện tiền, quý vị liền thấy. Từ tướng quý vị thấy tánh, quý vị thấy giống hệt như Huệ Năng đại sư đã nói, nó là thanh tịnh. Hiền Thủ quốc sư bảo *“tự tánh thanh tịnh viên minh thể”*, người thật sự kiến tánh nói như vậy.

 *“Cố tri chân thật chi tế tức thị tự tâm. Minh tự bổn tâm, kiến tự bổn tánh”* (Vì thế, biết Chân Thật Tế chính là tự tâm. Hiểu rõ bổn tâm, sẽ thấy bổn tánh của chính mình). Đây là như Thiền Tông nói “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, thành Phật gì vậy? Thành bổn lai Phật (vị Phật sẵn có, Thiên Chân Phật), quý vị mới phát hiện chính mình và mười phương hết thảy chư Phật Như Lai chẳng hai, chẳng khác, và Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ, cùng do một tâm hiện! *“Tức vị khai hóa hiển thị chân thật chi tế”* (chính là nhằm để khai hóa, hiển bày Chân Thật Tế). *“Đản Niệm Phật pháp môn, diệc phục bất nhị”* (nhưng pháp môn Niệm Phật cũng chẳng hai), phải hiểu đạo lý này: *“Tâm này là Phật, tâm này làm Phật”*. Điều quan trọng nhất là cốt sao quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự biết “tâm này là Phật”, đó là ý nghĩa trong Thiền Tông. *“Chỉ giá tâm tâm tâm thị Phật”*: Cái tâm ấy chính là chân tâm của chính mình, nay chúng ta đã mê nên biến thành phàm phu. Do đó, nghe Phật khai thị, chúng ta phải tin tưởng, chớ nên hoài nghi, hoàn toàn tiếp nhận, hoàn toàn khẳng định, tâm ta là Phật, là chân Phật, Phật chẳng nói lời giả. Nay nếu muốn cho chân tâm của chúng ta hiển hiện, làm cách nào? Tiếp theo là *“tâm này là Phật”*, làm Phật như thế nào? Niệm Phật là làm Phật. Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng. Khi tâm quý vị tưởng Phật, quý vị đang làm Phật. Khi tâm tưởng Bồ Tát, quý vị đang làm Bồ Tát. Tâm tưởng danh lợi, quý vị đang làm [chúng sanh trong] địa ngục. Vì sao? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê là năm cội rễ của địa ngục, vậy thì [kẻ mơ tưởng danh lợi] chẳng phải là đang ở địa ngục ư? Niệm gì liền biến thành nấy! Cảnh giới bên ngoài chẳng thật, hai mươi tám tầng trời chẳng thật. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, tứ thánh pháp giới cũng chẳng thật. Tướng có, tánh không, Sự có, Lý không, nên chúng ta chẳng thể nói nó là có, mà cũng chẳng thể nói là nó không có. Đối trước y báo và chánh báo trang nghiêm trong pháp giới, phải học theo chư Phật, Bồ Tát, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là đúng, quý vị có Phật tri Phật kiến. Sau đó, quý vị sống trong thế gian này, Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại, quý vị tự nhiên có thể nêu gương tốt giúp chúng sanh giác ngộ, đó là hành Bồ Tát đạo.

 *“Cố niệm Phật chi bổn tâm, chánh thị chân thật chi tế”* (Vì thế, bổn tâm niệm Phật chính là Chân Thật Tế), thưa thật cùng quý vị: Tuy quý vị niệm Phật, nhưng chính quý vị không biết, vì quý vị chẳng biết bổn tâm, chỉ biết vọng tâm. Phải biết chân và vọng chẳng hai, gốc và ngọn chẳng hai, vọng tâm niệm Phật, nhưng chân tâm cũng chẳng tách lìa! Buông vọng xuống sẽ là chân tâm. *“Cố vân nhất thanh Phật hiệu, nhất thanh tâm. Hựu kinh vân: Nhược nhân đản niệm A Di Đà, thị danh Vô Thượng Thâm Diệu Thiền”* (Vì thế nói: “Một tiếng Phật hiệu, một tiếng tâm”. Kinh lại nói: “Nếu ai chỉ niệm A Di Đà thì gọi là Vô Thượng Thâm Diệu Thiền”). Đức Phật nói hai câu kinh văn ấy trong kinh Đại Tập, lời chân thật đấy nhé! *“Đản niệm A Di Đà Phật”* là chuyên niệm A Di Đà Phật. Trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta: *“Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm”*. Nói đơn giản, Bồ Đề tâm là chân thành tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm, mười chữ ấy. Chúng ta phải phát cái tâm đó, trong cuộc sống hằng ngày, công việc, đãi người, tiếp vật, đều chẳng lìa tâm Bồ Đề, đó là phát [Bồ Đề tâm] thật sự. Nếu chỉ là niệm Phật và lạy Phật bèn phát cái tâm ấy, nhưng trong cuộc sống hằng ngày bèn quên bẵng, đó chẳng phải là thật sự phát Bồ Đề tâm. Thật sự phát sẽ tốt lắm! Thật sự phát, công đức to lớn. Thật sự phát, sẽ giúp cho chính mình nâng cao cảnh giới, tăng cao phẩm vị cầu sanh Tịnh Độ của chính mình. Vì Tây Phương Cực Lạc thế giới là pháp Đại Thừa. Trong cảnh giới Đại Thừa, lấy Bồ Đề tâm làm cơ sở, nên chẳng thể không có Bồ Đề tâm. Thể của Bồ Đề tâm là chân tâm, chân thành, Tự Thọ Dụng là thanh tịnh, bình đẳng, giác, tức là tựa đề của kinh này. Từ bi là Tha Thọ Dụng, xử sự, đãi người, tiếp vật một mực từ bi, thực hiện trong cuộc sống hằng ngày. Nói là *“phát”* thì phát mà chẳng làm được, tức là giả, chẳng thật, nhất định phải thật sự làm được, đi, đứng, ngồi, nằm chẳng lìa Bồ Đề tâm.

 Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *“Hựu đệ tam phẩm trung”* (lại nữa, trong phẩm thứ ba), phẩm thứ ba vẫn thuộc Tự Phần, tức phần Phát Khởi Tự, *“đại giáo duyên khởi”* (duyên khởi thành lập giáo). *“Như Lai dục chửng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi”* (Như Lai vì muốn cứu vớt chúng sanh, ban cho cái lợi chân thật): *“Chửng”* (拯) là chửng cứu (拯救: cứu vớt), *“quần manh”* (群萌) là lục đạo chúng sanh, tức các chúng sanh trong lục đạo. A Di Đà Phật, Thích Ca Như Lai niệm niệm chẳng quên các chúng sanh đang khổ nạn, giúp đỡ họ bằng cách nào? Dùng lợi ích chân thật để giúp họ. *“Huệ”* (惠) là bố thí, cúng dường, ban ân huệ. *“Chân thật chi lợi”*, lợi ích chân thật là gì? Như đã nói trong phần trên, chỉ niệm A Di Đà Phật đã là Chân Thật Tế, đó là lợi ích chân thật. Niệm Phật vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, bất luận phẩm vị nào, trong một đời quyết định chứng đắc Phật quả viên mãn. Đấy mới là lợi ích chân thật, trọn chẳng phải là bảo quý vị lại luân hồi trong lục đạo, cũng chẳng bảo quý vị làm Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chẳng phải vậy! Thẳng chóng, ổn thỏa, thích đáng giúp đỡ quý vị thành Phật, lợi ích chân thật là như thế đó. *“Đệ bát phẩm trung”*, trong phẩm thứ tám là phẩm Tích Công Lũy Đức, *“Pháp Tạng tỳ-kheo trụ chân thật huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”* (Tỳ-kheo Pháp Tạng trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, một mực dốc chí trang nghiêm cõi nước mầu nhiệm). Câu kinh văn này hết sức hay khéo chân thật khôn sánh, tỳ-kheo Pháp Tạng là tiền thân của A Di Đà Phật. Lúc Ngài còn tu nhân đã *“trụ chân thật huệ, dũng mãnh tinh tấn”*. Chân thật huệ chính là Chân Thật Tế, dũng mãnh tinh tấn làm gì? Vì giúp lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật khắp hư không trọn pháp giới viên thành Phật đạo trong một đời, nên dũng mãnh tinh tấn. Họ thành Phật sớm một ngày thì các chúng sanh trong mười pháp giới đắc độ sớm một ngày. Họ thành Phật trễ một ngày, tức là chúng sanh trong mười pháp giới phải chịu khổ thêm một ngày. Pháp Tạng Bồ Tát chẳng phải vì chính mình, mà vì chúng sanh.

 *“Nhất hướng chuyên chí”*, một phương hướng, *“chuyên chí”* là chuyên tâm kiến tạo thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc được kiến tạo như thế nào? Trong phần sau, chúng ta sẽ đọc đến. Trong ấy có một phẩm giảng về lịch sử của thế giới Cực Lạc được kiến tạo như thế nào. Ngài đến thăm hết thảy các cõi Phật trong khắp pháp giới hư không giới; nói theo cách hiện thời, Ngài đi khảo sát, học tập, chọn lấy các ưu điểm và những chỗ tốt đẹp trong hết thảy các cõi Phật, xa lìa các khuyết điểm trong các cõi Phật. Vì vậy, thế giới Cực Lạc tập trung tinh hoa của hết thảy các cõi Phật để tạo dựng. Những điều tốt, thiện, đẹp của hết thảy các cõi Phật đều hoàn toàn có trong thế giới Cực Lạc. Những điều không tốt, khiếm khuyết như lục đạo thì thế giới Cực Lạc chẳng có. A Di Đà Phật chẳng dựa vào tưởng tượng vu vơ! Chúng ta đọc những đoạn kinh văn này thấy hợp tình, hợp lý, Ngài đi tham quan, khảo sát, thu thập các tài liệu, nên khi thế giới Cực Lạc thành tựu, hết thảy chư Phật Như Lai đều tán thán! Kinh nói ba thứ chân thật là Chân Thật Tế, chân thật lợi và chân thật huệ, nói ra ba thứ ấy. *“Chân thật chi tế, chân thật chi lợi, chân thật chi huệ, thật vi nhất kinh chi cương. Tương ư hạ lưỡng phẩm văn trung tường luận chi”* (Chân Thật Tế, Chân Thật Lợi, Chân Thật Huệ thật sự là cương lãnh của kinh này. Trong phần kinh văn của hai phẩm kế tiếp sẽ luận định cặn kẽ). Trong hai phẩm sau, chúng ta sẽ đọc đến, [tức là hai phẩm] Đại Giáo Duyên Khởi Đệ Tam và Pháp Tạng Nhân Địa Đệ Tứ; Pháp Tạng Nhân Địa Đệ Tứ là Chánh Tông Phần.

 *“Siêu quá thế gian chư sở hữu pháp. Tịnh Ảnh Sớ viết: Vị quá Phần Đoạn, Biến Dịch thế gian nhất thiết pháp dã”* (Vượt trỗi các pháp vốn có trong thế gian”. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Nghĩa là vượt qua Phần Đoạn, Biến Dịch, hết thảy các pháp thế gian”). Tiểu Huệ Viễn đại sư đời Tùy đã giải thích câu *“siêu quá thế gian chư sở hữu pháp”.* Nói đến Quá (過) thì Quá là vượt qua. Vượt khỏi hai thứ Phần Đoạn và Biến Dịch sanh tử. Hai thứ sanh tử ấy bao gồm hết thảy các pháp trong thế gian. Thế gian này có Phần Đoạn sanh tử. Do có từng giai đoạn một, nên gọi là Phần Đoạn. Rõ rệt nhất là chúng ta sanh vào thế giới này, vài chục năm sau tử vong, đó là một giai đoạn. Sanh tử thì chư vị phải biết: Thân sanh tử, nhưng linh tánh bất tử. Thân chẳng phải là ta, linh tánh là ta, linh tánh bất sanh, bất diệt. Khi mê, chẳng gọi là “linh tánh” mà gọi là “linh hồn”. Gọi nó là “linh hồn” là nói khách sáo, ca tụng nó. Trên thực tế, nó chẳng linh, mà là mê hoặc, điên đảo! Do đó, tại Trung Quốc, kinh Dịch gọi nó là *“du hồn”* (遊魂), rất có lý, vì sao? Nó có tốc độ rất lớn, hết sức bất ổn định, trôi nổi khắp nơi, nên gọi là *“du hồn”.* Kinh Dịch nói *“du hồn vi biến”*, *“biến”* (變) là đầu thai trong lục đạo, nó lại tìm một thân thể khác. Vì thế, chúng ta liễu giải chân tướng sự thật này, [sẽ biết] vinh hoa phú quý trong đời này là giả, chẳng cần chụp bắt nó, vì sao? Chẳng phải là thứ tốt đẹp. Phải nghiêm túc tu hành, hy vọng đời sau thù thắng hơn đời này, điều này rất trọng yếu. Thù thắng bậc nhất, thù thắng khôn sánh là đến thế giới Cực Lạc làm Phật, đó là thù thắng chân thật, chẳng có gì quan trọng hơn! Điều gì trong thế gian này cũng đều là giả, luân hồi rất khổ sở, chẳng có ý nghĩa gì. Hễ luân hồi thì chúng ta nhất định phải biết: Như trong kinh đức Phật đã nói, quyết định là thời gian trong ba ác đạo dài dằng dặc, thời gian trong ba thiện đạo ngắn ngủi!

 Vì sao? Đừng hỏi ai khác, chính mình suy ngẫm sẽ biết. Quý vị nghĩ xem: Ngày hôm nay, từ sáng đến tối, ta khởi tâm động niệm là thiện niệm nhiều hay ác niệm nhiều? Nếu ác niệm nhiều hơn thiện niệm, chẳng phải là vào trong tam đồ ư? Thiện niệm nhiều hơn ác niệm, khẳng định quý vị chẳng đọa tam ác đạo, chẳng cần phải hỏi ai khác. Khởi tâm động niệm vì chính mình là sai lầm, vì chính mình là tự tư tự lợi, căn bản là chẳng có ta, quý vị coi thân này là ta, vì nó phục vụ, vì nó tạo tội nghiệp, sai bét rồi! Thân này chẳng phải là ta, mà là một công cụ ta có, chúng ta phải lợi dụng công cụ này để “nhờ vào giả mà tu chân”, nhờ cái thân giả này để tu Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là đúng. Do đó, nhất định phải nhận thức rõ ràng chân tướng sự thật, nắm lấy thời gian quý báu trước mắt. Thứ gì quý báu nhất? Thời gian quý báu nhất. Chúng ta dùng thời gian ấy để khéo niệm Phật, khéo học kinh Vô Lượng Thọ, đó là chuyện lớn nhất trong một đời này. Hiểu rõ ràng, minh bạch kinh, khăng khăng một mực niệm một câu Phật hiệu này, chẳng có ai không thành tựu, chẳng có ai không thành công. Không chỉ vĩnh viễn thoát ly lục đạo, mà còn thoát ly mười pháp giới, thật sự phát tâm làm một đệ tử ngoan của A Di Đà Phật. Khởi tâm động niệm chẳng lìa kinh giáo, chẳng lìa Phật pháp. Pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng thật, cần gì phải nghĩ đến chúng? Thật sự buông xuống là đúng. Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị phương pháp, bỏ ra mười năm công phu nhằm thành tựu chính mình; mười năm quý vị sẽ khai ngộ, sau đó mới xem những kinh luận khác để thành tựu Hậu Đắc Trí của chính mình. Hậu Đắc Trí là gì? Không gì chẳng biết. Cần Hậu Đắc Trí để làm gì? Cần Hậu Đắc Trí hòng giúp đỡ chúng sanh; chúng sanh phẩm loại khác biệt, chẳng phải là ai nấy đều có thể tiếp nhận cùng một phương pháp. Quý vị môn nào cũng đều thông, môn nào cũng hiểu, nhưng chẳng có mười năm công phu, [dẫu] học rộng nghe nhiều, nhưng quý vị chẳng làm được, [sẽ chẳng thể giúp đỡ chúng sanh]. Trước hết, phải thành tựu chính mình, sau đấy mới có thể giúp đỡ người khác. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

# Tập 133

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi, xem từ dòng cuối cùng.

*“Siêu quá thế gian chư sở hữu pháp”* (vượt trỗi các pháp vốn có trong thế gian). Trong hạnh lợi tha của Bồ Tát, vừa mở đầu liền nói: *“Đắc Phật biện tài, trụ Phổ Hiền hạnh, khai hóa hiển thị chân thật chi tế”* (Đắc biện tài của Phật, trụ trong hạnh Phổ Hiền, khai hóa, hiển bày Chân Thật Tế). Ở đây, chúng ta lại tiếp tục xem tới câu *“siêu quá thế gian chư sở hữu pháp”.* Mấy câu này là một đoạn ngắn.*“Diệu hạnh hiển Thật”*: Nơi phần nói về Tứ Đức trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, điều thứ nhất là *“tùy duyên diệu hạnh”*, mấy câu này đều thuộc về đức ấy. Đặc biệt là trong câu này, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, nên dùng thân gì để độ được, liền hiện thân nấy, nên dùng phương pháp gì để giúp đỡ chúng sanh, bèn dùng phương pháp ấy. Chẳng có phương pháp nhất định, mà cũng chẳng có hình tướng nhất định, thảy đều là *“thuận theo tâm chúng sanh, ứng theo khả năng lãnh hội của họ”* như kinh Lăng Nghiêm đã nói, đúng là *“đắc đại tự tại”.*

Hoàng lão cư sĩ đã trích dẫn lời giải thích của mấy vị tổ sư đại đức. Trước hết, cụ trích dẫn Tịnh Ảnh Sớ. Pháp sư Huệ Viễn đời Tùy đã giải thích câu này như sau: *“Vị quá Phần Đoạn, Biến Dịch thế gian nhất thiết pháp giả”* (ý nói vượt qua Phần Đoạn, Biến Dịch, hết thảy các pháp thế gian). *“Quá”* (過) là vượt qua. Vì Phần Đoạn sanh tử và Biến Dịch sanh tử bao quát mười pháp giới, trong mười pháp giới có lục đạo. Hai thứ sanh tử ấy lục đạo đều có, cũng tức là Biến Dịch và Phần Đoạn thảy đều có. Phần Đoạn (分段) là từng đoạn một, loài người chúng ta từ lúc sanh ra cho đến tử vong, khoảng thời gian ấy gọi là một đoạn (giai đoạn). Biến Dịch (變易) là gì? Biến hóa mỗi ngày, loài người chúng ta sanh, già, bệnh, chết. Chẳng phải là bỗng dưng già, mà là mỗi ngày một già hơn, biến hóa mỗi ngày, đó là Biến Dịch. Trong bốn thánh pháp giới, tức là các giai tầng cao trong mười pháp giới, bốn thánh pháp giới là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật chẳng có Phần Đoạn sanh tử, nhưng có Biến Dịch. Vì thế, nói Phần Đoạn và Biến Dịch, bèn gồm trọn mười pháp giới trong ấy. Chư vị phải biết: Vượt thoát mười pháp giới, nếu sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, Biến Dịch chẳng còn nữa, Biến Dịch sanh tử cũng đoạn; trong cõi ấy là vĩnh hằng bất biến, do nguyên nhân gì? Vì các Ngài chẳng dùng Thức. Đức Phật bảo chúng ta: Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian *“duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”.* Chỉ cần còn có duy thức, sẽ còn có Biến Dịch sanh tử. Các Ngài chẳng có thức, đã chuyển thức thành trí, [tức là] chuyển tám thức thành bốn trí, Biến Dịch sanh tử sẽ chẳng còn nữa. Vì thế, hai thứ sanh tử đều chẳng có; đó là thành Phật, minh tâm kiến tánh. Đã thành Phật thì hai thứ sanh tử đều chẳng còn! Theo kinh Hoa Nghiêm, đó là từ Sơ Trụ trở lên, thuộc vào bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ. Những vị Bồ Tát ấy trí huệ và đức tướng chân thật, trí huệ và đức tướng hoàn toàn hiện tiền.

 Tiếp đó, cụ Hoàng trích dẫn ba lời chú giải đều của [các vị đại đức] Nhật Bản. Sách Hợp Tán do pháp sư Quán Triệt (觀徹) người Nhật soạn, đây chính là tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ. *“Hợp Tán vân: Siêu quá Phần Đoạn, Biến Dịch nhị tử, an trụ xuất thế Nhị Không chi trí, thử tức thành tựu Trí Đoạn nhị đức dã”* (Sách Hợp Tán viết: “Vượt qua hai thứ sanh tử Phần Đoạn và Biến Dịch, an trụ trong hai Không Trí xuất thế. Đấy chính là thành tựu Trí Đức và Đoạn Đức”). Lời chú giải này tỉ mỉ hơn bản trước. Câu đầu giảng *“vượt qua Phần Đoạn, Biến Dịch sanh tử”* giống như Viễn Công đã nói, nhưng phần sau lại còn nói thêm: An trụ trong hai Không Trí xuất thế, đấy chính là thành tựu Trí Đức và Đoạn Đức; giảng cặn kẽ hơn cách trước. *“Trí”* là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh, minh tâm kiến tánh. Trí huệ ấy hiện tiền, đó là Trí Đức. Đoạn Đức là hai thứ sanh tử đều đã đoạn; đó là Đoạn Đức.

 Chúng ta lại xem Hội Sớ; sách này của pháp sư Tuấn Đế (峻諦) người Nhật: *“Tam giới hư vọng, giai bất thường trụ, tổng danh thế gian”* (ba cõi hư vọng, đều chẳng thường trụ, gọi chung là “thế gian”). *“Tam giới”* (三界) là nói về lục đạo, chẳng bao gồm tứ thánh pháp giới. Trong lục đạo có Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, đó là tam giới. Tam giới hư vọng, trong kinh thường nói là *“đều chẳng thường trụ”.* Nói thật ra, nó sanh diệt trong từng sát-na. Không chỉ lục đạo là như thế, mà bốn thánh pháp giới cũng chẳng phải là ngoại lệ, cũng chẳng phải là thường trụ, nên [cả mười pháp giới] đều có thể gọi là *“thế gian”. “Chúng sanh, quốc độ, tạng phủ vạn sai, thị danh chư sở hữu pháp”* (Chúng sanh, cõi nước, hoàn cảnh tốt xấu muôn vàn sai khác, đó gọi là “chư sở hữu pháp”), đây là lời giải thích câu kinh trong phần sau [của đoạn Diệu Hạnh Hiển Thật, tức câu] *“siêu quá thế gian chư sở hữu pháp”*. Chúng sanh và cõi nước, trong tam giới cũng rất phức tạp. Đối với tam giới, trong phần trước, chúng ta đã thấy khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là một tam thiên đại thiên thế giới, gọi chung là “*tam giới”*, kể cả tam giới đang được nói đến ở chỗ này. Một khu vực lớn ngần ấy bao gồm Sa Bà thế giới tam thiên đại thiên thế giới, như Hoàng lão cư sĩ đã nói thì tổng cộng là mười ức hệ Ngân Hà; đối với một nơi to lớn như thế, nhìn từ tam giới, địa cầu vô cùng bé nhỏ! Trong mười ức hệ Ngân Hà, địa cầu thấm vào đâu? Vô cùng nhỏ bé! Trong các tinh cầu, có nơi rất tốt đẹp, cũng có nơi rất tệ, giống như địa cầu của chúng ta hiện thời rất tệ. Hiện tại, xã hội động loạn, tai nạn trên địa cầu nhiều ngần ấy, ở đây, những điều ấy được [sư Tuấn Đế] diễn tả là *“tạng phủ vạn sai”* (臧否萬差). *“Tạng”* (臧) là hoàn cảnh tốt đẹp, tức là hoàn cảnh cư trụ trên tinh cầu ấy tốt đẹp. Đời sống trên quả địa cầu này đã từng tốt đẹp. Cổ thư Trung Quốc đã ghi chép thời *“thịnh trị đại đồng”* được Khổng Tử tán thán, người thời nào vậy? Trong các thời của Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, thì các thời đại Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn là thời thịnh trị đại đồng. Thời vua Vũ vẫn còn khá; kể từ sau khi vua Vũ truyền ngôi cho con, Hạ Khải lên ngôi Thiên Tử trở đi, cho đến thời Văn Vương, Vũ Vương, Châu Công, Khổng phu tử đánh giá những thời đại ấy là thời *“thịnh trị tiểu khang”*. Nhìn vào lịch sử Trung Quốc, đời Hán có *“Văn Cảnh chi trị”*, tức thời thịnh trị của Hán Văn Đế và Hán Cảnh Đế, đời Đường có thời thịnh trị Trinh Quán và Khai Nguyên, đều là thời thịnh trị. Nhà Thanh có các đời vua Khang Hy và Càn Long, đều có thể coi như thời thịnh trị trong lịch sử, nhưng đều thuộc loại tiểu khang, chẳng phải là đại đồng.

 Khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là tam thiên đại thiên thế giới, trong các tinh cầu nhiều ngần ấy, có thời thịnh trị đại đồng hay không? Khẳng định là có! Cũng có nơi là đời loạn giống như chúng ta trong hiện tại, đã loạn đến mức không thể loạn hơn nữa; hiện thời có rất nhiều người nói đến tận thế. Vì thế, *“tạng phủ vạn sai”* (vàn muôn tốt xấu sai khác)được nói ở chỗ này là nói theo quả. Xét theo nhân, luôn có mối quan hệ nhân quả với cư dân trên tinh cầu. Nếu họ giữ tấm lòng thiện lương, tâm và hạnh đều thiện, tinh cầu ấy là đời thịnh trị, là thời thịnh trị đại đồng. Tâm hạnh bất thiện, nhưng có thể có được giáo huấn của thánh hiền, tuy chẳng thể nói là tất cả mọi người đều tuân theo, nhưng sẽ biến thành thời đại đồng do một số ít người. *“Số ít”* là bao nhiêu? Cổ nhân thường nói là một phần trăm, tức là trong một trăm người, có một thiện nhân, một người tốt lành, [cõi đời ấy] luôn có thể trở thành thời tiểu khang, một người trong trăm người đấy nhé! Từ lịch sử Trung Quốc, chúng ta có thể thấy điều ấy. Nếu trong một trăm người, chẳng có một thiện nhân nào, sẽ là chuyện rắc rối, sẽ biến thành đời loạn. Trong xã hội hiện tiền, giữa một trăm người, chẳng tìm được một thiện nhân, có thể là trong một ngàn người vẫn tìm chẳng thấy! Đại khái là trong một vạn người, may ra tìm thấy! Một phần vạn, một phần mười vạn thì xã hội loạn rồi! Một trăm người bất thiện, có một người thiện, xã hội còn có thể duy trì. Cổ nhân nói *“tà chẳng thể thắng chánh”*, có một người tâm hạnh thuần chánh, người ấy sẽ ít nhiều có thể cảm hóa chín mươi chín người kia. Chúng ta có thể tin vào cách nói này. Đó gọi là *“chư sở hữu pháp”*. *“Bồ Tát thâm dĩ đại trí huệ”* (Bồ Tát do đại trí huệ sâu xa); thời cổ, chữ Huệ (惠) trong ân huệ (恩惠) và chữ Huệ (慧) trong trí huệ (智慧) được sử dụng lẫn lộn, *“đạt tánh không, vô tướng, cố vân siêu quá”* (thấu đạt tánh Không, vô tướng, nên gọi là “vượt qua”). Những vị Bồ Tát ấy minh tâm kiến tánh, trí huệ Bát Nhã trong tự tánh hiện tiền, liễu giải tất cả hết thảy hiện tượng, tướng có, tánh không. “Tướng có” là Huyễn Hữu, “tánh không” là Chân Không. Vì thế, trong hết thảy các hiện tượng, các Ngài chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, đó là *“siêu quá”*, vượt trỗi các pháp vốn có trong thế gian. Sách Hội Sớ giải thích cặn kẽ hơn hai sách trước.

 Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *“Chân Giải* (do pháp sư Đạo Ẩn (道隱) của Nhật Bản nói, Sư nói rất hay) *chi thuyết sảo dị ư tiền, bỉ viết: Thế gian chư sở hữu pháp giả, hữu vi khả phá hoại, danh thế gian”* (Thuyết của sách Chân Giải hơi khác với các sách trên, sách viết: “Tất cả các pháp vốn có trong thế gian, hữu vi có thể phá hoại, nên gọi là thế gian”). [Cách nói này] đã bao quát cả mười pháp giới trong ấy, vì sao? Chúng đều là pháp hữu vi. Pháp hữu vi có sanh, có diệt. Tuy trong bốn thánh pháp giới chẳng có Phần Đoạn sanh tử, nhưng có Biến Dịch sanh tử, nên vẫn là pháp hữu vi. Nhất định phải đạt đến Nhất Chân pháp giới mới là pháp vô vi. Chúng ta không có cách nào tưởng tượng cảnh giới ấy, nên thông thường kinh Phật dùng một câu là *“chẳng thể nghĩ bàn”.* Chúng ta chẳng thể tưởng tượng, nói thực tại là có nói cũng chẳng diễn tả được! Nói không được mà đức Phật nói với chúng ta, đó là phương tiện thiện xảo của đức Phật. Tuy nói ra, nhưng người thật sự có thể lãnh hội, thật sự có thể thấu hiểu, nói thật ra, trọn chẳng nhiều! Chúng ta chỉ hiểu ý nghĩa thô thiển được diễn tả bởi danh từ ấy, chứ tánh, tướng, lý sự, nhân quả chân thật trong ấy chúng ta đều chẳng có cách nào liễu giải. *“Y, chánh, thiện, ác, nhân, quả đẳng, nhất thiết hữu vi chư pháp”* (Y báo, chánh báo, thiện, ác, nhân, quả v.v… hết thảy các pháp hữu vi). Sư (pháp sư Đạo Ẩn) nói đến thế gian, lại nói đến pháp hữu vi như y báo, chánh báo, thiện, ác, nhân quả... Trong khi đó, sách Hội Sớ trong phần trước chỉ dùng bốn chữ là *“tạng phủ vạn sai”*, còn sách Chân Giải giảng rất rõ ràng, chúng ta rất dễ hiểu. [Chân Giải] dùng y báo, chánh báo, thiện, ác, nhân, quả v.v… đó là những pháp hữu vi, để giải thích từ ngữ *“sở hữu pháp”. “Bồ Tát năng tri nhất thiết tam giới hư vọng, nhi hành thế gian bất xả, cố vân siêu quá”* (Bồ Tát biết hết thảy tam giới hư vọng, nhưng đi trong thế gian, chẳng bỏ, nên gọi là “vượt qua”). Câu này nói rất hay, [các vị Bồ Tát] biết [*“chư sở hữu pháp”*] là giả; dẫu giả, các Ngài vẫn chẳng bỏ. Các Ngài vẫn đến thị hiện trong thế gian này, đến giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê, khai ngộ, đó là đại từ đại bi. *“Dĩ thượng chư thuyết giai thị”* (các thuyết trên đây đều đúng), đều nói chẳng sai, *“đản Chân Giải di khế bổn kinh”* (nhưng thuyết của sách Chân Giải hết sức phù hợp kinh này). [Cụ Hoàng] tán thán cách giải thích của sách Chân Giải vô cùng phù hợp với giáo nghĩa của kinh này.

 A Di Đà Phật chẳng bỏ hết thảy chúng sanh khổ nạn, chúng ta phải biết, phải cảm ơn. Báo ân như thế nào? Để báo ân, chỉ có y giáo tu hành, thật sự hành. Trong một đời này, có thể thành tựu hay không? Xác thực là chỉ có sáu chữ, làm được sáu chữ ấy, quý vị quyết định thành Phật trong một đời này! Sáu chữ ấy là *“thật thà, nghe lời, làm thật”*, quý vị sẽ thành công. “Thật thà” là gì? Nhất tâm nhất ý, đó là thật thà. Trong một đời này, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, suốt đời chẳng thay đổi, đó là thật thà. “Nghe lời” là đối với những đạo lý được nói trong kinh này, chẳng hoài nghi chút nào, biến [các đạo lý ấy] thành tư tưởng của chính mình, tiếp nhận trọn vẹn tất cả những giáo huấn trong kinh, biến chúng thành hành vi của chính mình, đó là thật sự nghe lời. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát đã nêu gương tốt cho chúng ta thấy, chúng ta có thể học tập các Ngài thì gọi là “nghe lời”, là “thật sự làm”, há có lẽ nào chẳng thành Phật? Phải hành bao lâu? Hoàn toàn tùy thuộc tâm thái của quý vị. Nếu quý vị thực hiện một trăm phần trăm sáu chữ vừa nói, đúng một trăm phần trăm, chẳng giảm thiểu một chút nào, thật sự thật thà, nghe lời, thật sự hành, kinh Di Đà dạy *“nhược nhất nhật”*, một ngày bèn thành công. Kinh Di Đà dạy *“nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật”*, chẳng khó, thật sự có thể thành công!

 Trong quá khứ, thật sự có người tu [thành công như thế]: Pháp sư Oánh Kha đời Tống. Chúng ta thấy Vãng Sanh Truyện có chép truyện của Sư, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục cũng thấy chép. Sư chỉ niệm Phật ba ngày, sáu ngày bèn vãng sanh. Theo truyện ký ghi chép, Sư là người xuất gia, nhưng là một người xuất gia phá giới, phạm giới. Ưu điểm của vị này ở chỗ nào? Sư tin sâu nhân quả. Nghĩ chính mình vì tập khí phiền não mà phá giới, nghe những lời dạy trong kinh Phật, đối chiếu với hành vi của chính mình, trong tâm nghĩ mình quyết định đọa địa ngục. Nghĩ tới tương lai phải đọa địa ngục, Sư kinh sợ, thật sự sợ hãi, chẳng phải là giả, bèn thỉnh giáo đồng tham đạo hữu: “Có phương pháp gì có thể cứu tôi hay không?” Các đồng học cũng khá lắm, tặng Sư một quyển Vãng Sanh Truyện; Sư đọc xong, thật sự cảm động. Sau khi xem xong, Sư ngồi yên trong liêu phòng của chính mình, đóng chặt cửa, chuyên niệm A Di Đà Phật, không ngủ nghê, không ăn cơm, chẳng uống nước, niệm một câu A Di Đà Phật suốt ba ngày ba đêm. Đúng là *“chân thành bèn linh”.* Vấn đề là con người phải thành tâm, do chân thành bèn linh, niệm cảm A Di Đà Phật hiện đến. A Di Đà Phật bảo Sư: “Ông còn có mười năm tuổi thọ, hãy khéo tu hành. Mười năm sau, khi ông mạng chung, ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Pháp sư Oánh Kha biết căn bệnh tập khí của chính mình rất nặng, chẳng có cách nào vượt qua, bèn xót xa cầu xin A Di Đà Phật: “Con chẳng cần mười năm thọ mạng! Con ra đi ngay bây giờ có được hay không? Nay con xin đi theo Ngài”. A Di Đà Phật cũng đáp ứng: “Được rồi! Ba hôm sau ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Quý vị thấy niệm ba ngày cảm được A Di Đà Phật hiện đến, ước hẹn cùng A Di Đà Phật: Ba ngày sau, Phật đến tiếp dẫn. Vì thế, Sư mở cửa liêu phòng, bảo mọi người: “Ba ngày sau, tôi sẽ vãng sanh”. Chẳng có ai tin tưởng Sư, há có chuyện đơn giản ngần ấy? Ai nấy đều biết Sư là kẻ phá giới, là người xuất gia chẳng tuân thủ Thanh Quy, cớ sao đóng cửa phòng [niệm Phật] ba ngày mà ba hôm sau sẽ vãng sanh? Cũng may là thời gian ba ngày chẳng dài, mọi người đợi xem, xem thử Sư vãng sanh là thật hay giả!

 Ba ngày sau, khi lên chánh điện, Sư bảo mọi người: “Hôm nay, xin mọi người niệm Phật trên chánh điện, niệm A Di Đà Phật đưa tôi đi vãng sanh”. Khi đó, mọi người tốt đẹp, ai nấy đều rất tử tế, cũng rất nghe lời: “Được rồi, hôm nay chúng tôi tiễn thầy vãng sanh”. Mọi người niệm Phật cho Sư, niệm chưa đến một khắc, một khắc là nửa tiếng đồng hồ hiện thời. Vào thời cổ, *“thời thần”* tính bằng Tý, Sửu, Dần, Mão…, dùng cách tính ấy, chẳng giống như hiện thời. Hiện nay, chúng ta dùng cách tính hai mươi bốn giờ theo ngoại quốc. *“Thời thần”* của Trung Quốc là mười hai giờ, nên một khắc là nửa tiếng đồng hồ hiện thời. Chưa đến một khắc, đại khái gần nửa tiếng đồng hồ, pháp sư Oánh Kha bảo mọi người: “Tôi đã thấy rồi, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn tôi”, hướng về mọi người từ biệt, Sư bèn tịch. Đúng là đã vãng sanh, cũng chẳng ngã bệnh, thật sự vãng sanh. Thị hiện cho chúng ta biết: Kinh Di Đà dạy *“hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày”* chẳng giả, là thật. Quý vị thật sự chịu làm, A Di Đà Phật thật sự đến! Quý vị nói chính mình niệm suốt mười mấy năm, chẳng niệm A Di Đà Phật hiện đến được, đó là gì? Tâm quý vị chẳng chân thành, chẳng khẩn thiết! Quý vị niệm Phật, A Di Đà Phật ở bên đó cười: “Hư tình giả ý, chẳng thật!” Hễ là thật, Phật thật sự tới! Nhất định phải hiểu đạo lý này! Chúng ta thật sự hành, quyết định có thể thành tựu, pháp sư Oánh Kha đã nêu gương rất tốt cho chúng ta. Còn như [các trường hợp] niệm Phật ba năm công phu thành tựu vãng sanh thì quá nhiều. Từ xưa tới nay, chúng ta thấy Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện ghi chép, tuyệt đại đa số là ba năm. Trong quá khứ, đã có người hỏi tôi: “Có phải là thọ mạng của họ chỉ còn ba năm, nên niệm Phật ba năm bèn vãng sanh?” Sau khi nghe xong, tôi nghĩ chẳng có khả năng ấy cho lắm! Há có chuyện trùng hợp khéo léo như vậy? Người thọ mạng chỉ còn ba năm có lẽ cũng có, nhưng tôi nghĩ tuyệt đại đa số chẳng phải là như vậy. Công phu của họ đã đạt, cũng giống như pháp sư Oánh Kha hãy còn có thọ mạng, nhưng chẳng cần, cầu Phật tiếp dẫn vãng sanh. Phật tùy thuận tâm chúng sanh, cho chúng sanh mãn nguyện. Quý vị đã cầu, lẽ nào Ngài chẳng đáp ứng? Ra đi là như vậy đó. Chuyện này là thật, chẳng giả, chúng ta phải ghi nhớ kỹ càng. Vì sao quý vị niệm Phật chẳng có cảm ứng? Quý vị còn lưu luyến thế gian này. Chỉ cần có mảy may lưu luyến, Phật bèn chờ đợi quý vị, đợi đến ngày nào, quý vị thật sự nghĩ chẳng cần đến thế gian này nữa, buông xuống toàn bộ, Phật liền đến tiếp dẫn quý vị. Chân tướng sự thật là như thế, nhất định phải có trí huệ, thế gian này là giả, chẳng thật!

 *“Trí Nhị Không”*: Tướng là Không, Tánh cũng là Không. Vì thế, Tướng được gọi là Huyễn Hữu, Tánh được gọi là Chân Không, đều chớ nên chấp trước. Không chỉ đừng nên chấp trước, mà khởi tâm động niệm đều sai, phải nên dùng thái độ gì? Không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước. Đối với hết thảy các pháp, pháp thế gian là như thế, mà đối với pháp xuất thế gian cũng là như thế, tâm quý vị mới sạch làu, *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”* chính là chân tâm đều hiện tiền. Thanh tịnh, bình đẳng, giác hiện tiền, A Di Đà Phật liền hiện tiền. Trong bộ kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu minh bạch: *“Thanh tịnh, bình đẳng, giác”* là A Di Đà Phật; lẽ nào tự tánh Di Đà và Tây Phương Cực Lạc thế giới Di Đà chẳng tương ứng? Vì lẽ đó, ở đây, sách Chân Giải nói rất hay, chúng ta phải ghi nhớ, [hãy hành] giống như Bồ Tát: Tuy hết thảy tam giới hư vọng, nhưng vẫn đi trong thế gian, chẳng bỏ. Tuy chẳng bỏ, nhưng chẳng chấp trước mảy may; khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thảy đều chẳng có. “Chẳng bỏ” thì là có hay không có? Chẳng bỏ, nhưng chẳng có khởi tâm động niệm, đó là đại từ đại bi trong tự tánh tự nhiên lưu lộ, chẳng có chút gì dính líu đến khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước; cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn! Đoạn này giảng về chân tướng của việc Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, [cũng như] Thật Đức, tức đức hạnh chân thật của các Ngài.

 Trong đoạn tiếp theo, chúng ta lại xem sự ứng hóa của các Ngài. Người hiện thời nói là *“tâm thái”*. Tâm thái như thế nào? Dùng phương thức gì để ứng hóa? Đều là tùy thuận phàm tình của chúng ta để nói. Vì sao? Nếu tùy thuận Phật, Bồ Tát, quý vị sẽ chẳng thể mở miệng được! *“Tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ dứt bặt”* mà! Đây là đức Thế Tôn phương tiện thiện xảo, vì chúng ta nói ra sự ứng hóa của Phật, Bồ Tát trên thế gian. Quý vị xem nhé: *“Tâm thường đế trụ độ thế chi đạo. Đế giả, an dã. Độ giả, xuất dã. Cố bổn cú chi đại nghĩa vi tâm thường an trụ ư xuất thế vô vi chi đạo”* (Tâm thường trụ chắc nơi đạo xuất thế. Đế (諦) là an. Độ (度) là thoát ra. Vì thế, ý nghĩa chánh yếu của câu này là “tâm thường an trụ nơi đạo vô vi xuất thế”). Ý nghĩa này được giảng rất hay, cũng đúng như kinh Kim Cang đã nói: *“Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm”* (hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), có ý nghĩa ấy. *“Tịnh Ảnh Sớ vân: Đế vị an đế”* (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Đế nghĩa là ở yên chắc chắn”), cũng có nghĩa là An. *“Vị thường an trụ chân thật vô vi độ thế chi đạo”* (ý nói thường an trụ nơi đạo chân thật vô vi độ thế). *“Chân Giải viết: Xuất hữu vi, chứng vô vi, nhi bất trước vô vi, cố vân đế trụ”* (Sách Chân Giải giảng: - Thoát khỏi hữu vi, chứng vô vi, nhưng chẳng chấp vào vô vi, nên nói là “đế trụ”), có ý nghĩa này. Câu kế tiếp là: *“Thử Bồ Tát tâm thường trụ vô trụ xứ Niết Bàn, vân tâm thường trụ”* (Tâm của các vị Bồ Tát ấy thường trụ trong Vô Trụ Xứ Niết Bàn, nên nói là “tâm thường trụ”). Chứng đắc Đại Bát Niết Bàn, nhưng các Ngài chẳng trụ trong Niết Bàn, chúng ta cũng nói là *“vô trụ Niết Bàn”*. Ở đây, Sư còn thêm chữ *“xứ”* (處), tức Vô Trụ Xứ, chúng ta thường tỉnh lược chữ Xứ này, nên nói là Vô Trụ Niết Bàn. Chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn. Nói rõ các vị Bồ Tát ấy khác A La Hán và Bích Chi Phật. A La Hán và Bích Chi Phật trụ Niết Bàn, chẳng trụ sanh tử. Sanh tử là lục đạo, các vị ấy chẳng trụ trong lục đạo, nhưng trụ trong Niết Bàn. Các vị Bồ Tát ấy đã chứng Niết Bàn, nhưng chẳng trụ Niết Bàn, thời thời khắc khắc vào trong lục đạo, ở lẫn lộn với chúng sanh trong lục đạo, hòa quang đồng trần. Ở lẫn lộn với chúng sanh, biểu hiện chẳng khác chúng sanh cho mấy, không ai có thể nhận ra Ngài là Phật, hay Bồ Tát thật sự.

 Ở đây, có một câu phải nói rõ cùng quý vị. Mọi người phải nhớ: Những vị Phật, Bồ Tát thị hiện trong nhân gian, nếu thân phận bị bộc lộ Ngài là vị Bồ Tát nào đó thị hiện, giống như Di Lặc Bồ Tát, tôi lấy Ngài làm thí dụ. Bố Đại hòa thượng đời Tống, Cao Tăng Truyện có chép truyện ký của Ngài. Ngài xuất hiện vào thời Tống Cao Tông, họ ngoài đời là gì, sống ở đâu, quê quán là đâu, không ai biết. Vì người thuở ấy cũng chẳng có ai coi trọng Ngài. Vị xuất gia ấy rất tùy tiện, cũng chẳng chú trọng dáng vẻ, rất nhếch nhác, điên điên khùng khùng, là một người như vậy đó, nên cũng chẳng có ai coi trọng Ngài. Hằng ngày, Ngài xách một cái túi vải to ra ngoài hóa duyên, bất luận người ta cho thứ gì đều bỏ vào túi, vác lên vai, bỏ đi. Đã có người hướng về Ngài thỉnh giáo Phật pháp: “Phật pháp là gì?” Ngài bỏ túi xuống bên cạnh, buông thõng hai tay. Mọi người thấy vậy bèn hiểu là “buông xuống”. Phật pháp là gì? Buông xuống! Người ta thấy được điều ấy, hiểu ý Ngài. “Sau khi đã buông xuống, nên làm như thế nào?” Ngài quảy túi lên, bỏ đi, chẳng đoái hoài [người hỏi nữa], biểu thị ý nghĩa gì? Sau khi buông xuống, phải nâng lên được. Buông xuống được, nâng lên được! “Buông xuống” là buông phiền não sanh tử xuống, “nâng lên” là gì? Phổ độ chúng sanh. Thấy các chúng sanh sanh tử luân hồi trong lục đạo, nhất định phải có lòng thương xót, tâm từ bi, niệm niệm giúp đỡ họ. Chúng sanh căn cơ chín muồi thì phải thành tựu họ. Họ đã đạt đến một mức độ nhất định, phải giúp họ giác ngộ, giúp họ minh tâm kiến tánh. Người đã có thiện căn, nhưng còn chưa đạt đến mức độ ấy, phải giúp người ấy tăng trưởng. Kẻ chưa phát tâm, phải giúp cho kẻ ấy phát tâm. Bất luận đối với ai, Bồ Tát vừa trông thấy liền biết căn khí của họ, tận tâm tận lực chiếu cố. Lúc vãng sanh, Bố Đại hòa thượng nói với mọi người, công khai nói Ngài là Di Lặc Bồ Tát hóa thân. Nói xong bèn tịch, đó là thật. Nếu Ngài nói xong, vẫn chẳng tịch, thì đó là gạt người, giả trất! Vì vậy, trong xã hội hiện thời, có rất nhiều người nói: “Kẻ nào đó là Bồ Tát hay Phật nào đó tái lai”, nói xong, kẻ ấy vẫn chẳng tịch. Đó là bịa chuyện đồn thổi!

 Như Bố Đại hòa thượng là tự mình nói ra, còn có những vị bị người khác nói ra thân phận. Thiên Thai Sơn Chí có ghi chép Hàn Sơn, Thập Đắc, hòa thượng Phong Can, ba vị này là Văn Thù, Phổ Hiền, và A Di Đà Phật; ngài Phong Can là A Di Đà Phật tái lai. Ba vị này chẳng tự mình nói ra, mà do người khác nói. Sau khi nói ra, mọi người biết đến, ba vị ấy đều đi mất. Đó là thật, trong lịch sử tại Trung Quốc, những trường hợp như vậy rất nhiều. Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ cũng là A Di Đà Phật tái lai. Sau này, nếu chúng ta gặp những kẻ nói như vậy, nếu kẻ ấy nói xong vẫn chẳng tịch, hãy khéo khuyến cáo kẻ ấy: “Ngươi là giả, chẳng thật. Nếu là thật, ngươi phải tịch, vì sao vẫn chẳng tịch? Chứng tỏ ngươi giả trất, sau này đừng nói nữa. Hễ còn nói sẽ là gì? Là đại vọng ngữ! Ngươi chưa chứng đắc, nhưng tự nói chính mình chứng đắc. Ngay cả trong trường hợp đã đắc Thiền Định, khai trí huệ, đều chớ nên nói. Ngươi chẳng đắc Thiền Định mà nói chính mình đã đắc Thiền Định, chẳng khai trí huệ mà nói chính mình đã khai trí huệ. Ngươi nói những lời lẽ đó nhằm mục đích nào? Toàn là vì tiếng tăm, lợi dưỡng, gạt gẫm chúng sanh! Trong giới luật của Phật pháp, đó là đại vọng ngữ. Kẻ đại vọng ngữ đều đọa địa ngục. Trước mắt, ngươi có thể đạt được một chút lợi ích, lợi ích nhỏ nhặt, nhưng lừa gạt kẻ khác, sau khi chết, sẽ đọa địa ngục, muốn thoát ra rất phiền! Huống hồ khi đã thoát ra, đã chịu hết tội trong địa ngục, sẽ biến thành súc sanh để trả nợ. Ngươi đã lừa gạt những người đó nên đều phải đền nợ!” Do đó, người hiểu sâu nhân quả, chẳng dám làm chuyện phi pháp. Không chỉ chẳng dám làm, mà nghĩ cũng chẳng dám nghĩ! Vì vậy, đối với đạo hạnh và tu dưỡng của một cá nhân, nhân quả có sức mạnh vượt xa luân lý, đạo đức. Người tu dưỡng đạo đức khá, nhưng gặp phải những thứ gọi là “danh cao, lợi trọng”, vẫn chẳng thể chống nổi sự dụ dỗ, mê hoặc, vẫn có thể phạm lỗi! Chỉ có người tin sâu nhân quả, tuy thấy những thứ đó, tâm vừa động, nhưng nghĩ đến quả báo trong tương lai sẽ là như thế nào, bèn chẳng dám làm!

 Trung Quốc từ xưa tới nay, xã hội ổn định vững bền mấy ngàn năm dựa vào gì? Điều chủ yếu nhất là dựa vào giáo dục nhân quả; ba nhà Nho, Thích, Đạo đều có giáo dục nhân quả. Trong xã hội, giảng nhân quả nhiều nhất, nói thật ra, Đạo gia còn giảng nhiều hơn Phật. Nhà Phật cũng giảng không ít, nhưng thường là khi giảng kinh chẳng chuyên nói về nhân quả, chỉ nói kèm theo. Do đó, giáo dục nhân quả phổ cập thì Đạo gia xếp hàng đầu. Quý vị thấy Đạo gia có Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, và Tâm Kinh của Lữ Tổ [[6]](#footnote-7)[1], những thứ ấy đều là của Đạo gia, lưu thông phổ biến trong xã hội. Tốt lắm! Chư vị đã đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, thiền sư Vân Cốc trao cho tiên sinh Liễu Phàm sách Công Quá Cách [[7]](#footnote-8)[2], đó là [tác phẩm được biên soạn dựa theo những giáo huấn trong] Cảm Ứng Thiên. Vì thế, tam giáo, tức tam giáo Nho, Thích, Đạo tại Trung Quốc, suốt mấy ngàn năm đã giúp đỡ quốc gia, giúp đỡ xã hội, xác thực là làm rất nhiều chuyện tốt đẹp, giúp cho xã hội an định và hòa hài. Nay chúng ta nếu muốn thành tựu đạo nghiệp của chính mình, ba căn bản ấy trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp. Chúng ta phải nghĩ, phải nhớ Ấn Quang đại sư lão nhân gia suốt đời đề xướng giáo dục nhân quả. Trong những kinh luận và thiện thư do Hoằng Hóa Xã [[8]](#footnote-9)[3] lưu thông, số lượng lớn nhất là Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, và An Sĩ Toàn Thư. Thuở Ấn Quang đại sư sinh tiền, trong hoàn cảnh thuở ấy, kỹ thuật ấn loát chưa phát triển cho lắm, mà Ngài có thể in ba loại sách ấy nhiều hơn một trăm vạn bản, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Vì sao Ngài phải làm như vậy? Nay chúng ta hiểu rõ, nhìn vào xã hội động loạn, thấy tai ương trên địa cầu nhiều ngần ấy, chúng ta mới nhớ tới Ấn Quang đại sư suốt đời cực lực tuyên dương giáo dục nhân quả, chúng ta mới hiểu rõ đạo lý ấy! Nay chúng ta muốn cứu chính mình, trong đại kiếp nạn như thế, tránh né bằng cách nào? Tin sâu nhân quả, quý vị có thể tránh khỏi tai nạn này. Tin sâu nhân quả, chẳng có mảy may hoài nghi, điều này rất trọng yếu!

 Học theo Bồ Tát chứng vô vi, nhưng chẳng chấp trước vô vi. Nay chúng ta ngay cả chứng còn chưa chứng; chúng ta biết có pháp vô vi, cũng đừng nên chấp trước pháp vô vi. [Hễ chấp là] trật rồi, biến thành Tiểu Thừa. Nhất định phải học theo các vị Bồ Tát, tâm thường an trụ vững vàng nơi đạo độ thế, niệm niệm mong mỏi chánh pháp tồn tại lâu dài. Bắt đầu làm từ chỗ nào? Bắt đầu thực hiện từ chính mình, ắt phải y giáo phụng hành, chánh pháp mới có thể tồn tại lâu dài. Giúp xã hội hóa giải xung đột, giúp xã hội khôi phục hòa hài, đều phải làm từ chính mình, đừng đòi hỏi người khác, đó là đúng. Chính mình làm tốt, chắc chắn sẽ có thể ảnh hưởng những người chung quanh quý vị. Niệm niệm suy nghĩ vì chúng sanh khổ nạn, chính mình phải nêu gương cho người khác nhìn vào. Chính mình chẳng nêu gương tốt, quý vị chẳng thể khuyến hóa chúng sanh. Người hiện thời nhất định phải nhìn thấy tấm gương tiêu biểu, quý vị tu tập rất khá, quý vị thực hiện rất tốt, người khác sẽ tôn kính quý vị, học tập theo. Quý vị nói được, nhưng làm chẳng ra gì, chẳng có ai tin tưởng, quý vị chẳng thể giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Nếu con người mang ý niệm vì chính mình thì tu hết thảy thiện pháp, quả báo đều là si phước trong lục đạo, chẳng phải là công đức, chẳng có mảy may dính líu đến chuyện liễu sanh tử, thoát tam giới của chính mình! Niệm niệm chẳng vì chính mình, niệm niệm vì chúng sanh khổ nạn, niệm niệm mong cứu vớt địa cầu, đó là công đức, toàn bộ hết thảy những việc thiện do quý vị đã làm đều là công đức. Chỉ cần có tự tư tự lợi, đặt danh lợi vào trong ấy, sẽ là chẳng đúng. Chớ nên không hiểu đạo lý này!

 Câu cuối cùng: *“Hựu Hội Sớ viết: Bi trí tương ấn, dĩ vi thê thần chi trạch, cố vân đế trụ”* (Sách Hội Sớ lại viết: “Bi trí in vào nhau để làm chỗ nương náu cho thần trí, nên gọi là Đế Trụ”). Câu này có ý nghĩa: Tâm này trụ tại đâu? Trụ trong trí huệ, trụ trong đại từ đại bi. Bi là thương xót hết thảy chúng sanh khổ nạn, Từ là giúp chúng sanh lìa khổ được vui. Trong thế gian này, vào thời cổ, chúng ta nói là “xã hội”, người ta thường kính phục nhất hai loại người:

1) Một là người dạy học. Thời cổ, họ được gọi là *“phu tử”.* Quý vị làm nghề gì? Làm phu tử là dạy học, giúp người khác phá mê khai ngộ. Người dạy học rất vất vả, vì sao? Chính mình phải nêu gương cho người khác thấy. Nếu quý vị chẳng làm được những gì đã nói, ai nghe lời quý vị? Vì lẽ đó, luân lý, đạo đức, nhân quả họ đều làm được. Cuộc sống rất kham khổ, nhưng người trong xã hội rất tôn kính họ. Trước kia, dạy học là sự nghiệp thánh hiền. Gia cảnh học trò nghèo khó, chẳng cúng dường thầy, thầy có dạy hay không? Vẫn dạy y hệt. Quả thật, gia đình [học trò] rất thanh bần, có lúc thầy còn giúp đỡ trò. Chẳng nói “phải thu học phí”, há có lẽ ấy? [Nếu làm như vậy], đã biến thành hành vi buôn bán mất rồi! Vào thời cổ, tại Trung Quốc, thương nhân có địa vị thấp nhất. [Các giai cấp trong xã hội là] sĩ, nông, công, thương, người đọc sách có địa vị cao nhất, nhưng người đọc sách thường rất kham khổ, chẳng có thâu nhập. Thương nhân giàu có nhất, nhưng địa vị trong xã hội thấp nhất.

2) Một loại người khác là thầy thuốc. Thầy thuốc cứu người, học y để làm gì? Học y để cứu người. Vì thế, thầy giáo cứu huệ mạng của người khác, thầy thuốc cứu thân mạng.

Hai loại người này đều chẳng phải là thương nhân, đều chẳng đòi hỏi tiền bạc, mà là cứu người. Hiện thời, hai loại người này cũng biến thành hành vi buôn bán, cổ nhân chẳng thể nào tưởng tượng được! Người tu hành được người trong xã hội tôn kính vì sao? Đạo giáo cũng thế, mà Phật giáo cũng vậy, đều là giáo học, chư vị phải biết điều này! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, dạy học cả đời suốt bốn mươi chín năm. Ba mươi tuổi khai ngộ, vừa khai ngộ liền bắt đầu giáo học, suốt bốn mươi chín năm chẳng gián đoạn ngày nào. Có thâu học phí hay không? Chẳng thâu! Cuộc sống trong Phật môn theo hình thức khất thực, chẳng nhận một đồng nào. Trong giới luật đã nói rất rõ ràng, chẳng có hành vi thương nghiệp, chẳng có ý niệm thương nghiệp. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

 Sau khi Phật giáo được truyền đến Trung Quốc do đế vương Trung Hoa thỉnh [tăng sĩ] từ Tây Vực, hoặc từ ngoại quốc đến. Sau khi đã thỉnh đến Trung Quốc, qua trao đổi, mới biết Phật pháp hoàn toàn tương ứng với truyền thống giáo dục Trung Quốc, chẳng có mảy may mâu thuẫn, nên người Hoa bèn tiếp nhận, tiếp nhận trọn vẹn. Phật giáo truyền đến Trung Quốc vào năm Vĩnh Bình thứ mười đời Hán Minh Đế, tức là năm 67 Công Nguyên. Hiện thời là năm 2010 Công Nguyên. Năm 67 Công Nguyên, Phật giáo được chính thức mời đến Trung Quốc, hoàng đế phong hai vị pháp sư (Trúc Pháp Lan và Ca Diếp Ma Đằng) làm quốc sư. Giáo dục nhà Phật do hoàng đế đích thân cai quản, còn giáo dục truyền thống do Tể Tướng cai quản. Dưới Tể Tướng có một bộ, nói theo kiểu hiện thời là bộ Giáo Dục, xưa kia gọi là bộ Lễ. Lễ Bộ Thượng Thư chuyên cai quản nền giáo dục quốc dân và giáo dục xã hội, cai quản chuyện này. Giáo dục nhà Phật do hoàng thượng quản trị, nên giáo dục nhà Phật được thúc đẩy với sức mạnh vượt trỗi giáo dục truyền thống của Trung Quốc, được triển khai rất nhanh trên cả nước, dấy lên tác dụng rất lớn. Vì thế, điểm đặc biệt và đặc sắc trong văn hóa truyền thống Trung Quốc là ba nhà Nho, Thích, Đạo đã giúp nhau thành tựu, tạo thành văn hóa Trung Quốc. Tiến sĩ Thang Ân Tỷ (A. Toynbee) của Anh đã nói rất hay. Ông ta tán thán cổ nhân Trung Hoa có tâm lượng rất lớn, chẳng ganh tỵ, chẳng bài xích, có thể bao dung văn hóa dị tộc, ý nói Phật giáo. Phật giáo từ Ấn Độ truyền tới, mà [dân Trung Hoa] có thể bao dung, Phật pháp lại phong phú hóa nền văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Chúng ta gọi điều này là *“tương phụ tương thành”* (giúp đỡ lẫn nhau cùng thành tựu).

 Đức Phật nói điều gì? Dùng một câu để trả lời. Kinh Bát Nhã đã nói: *“Chư pháp Thật Tướng”*, trong phần trước, chúng ta đã từng đọc thấy Chân Thật Tế là Thật Tướng của các pháp. Nói rõ hơn một chút, đó là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Đó chẳng phải là mê tín, mà là triết học, là khoa học. Do đó, thuở sinh tiền, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật giáo cho tôi, đã bảo: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên cả thế giới. Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*. Tôi vào Phật môn là như vậy. Học Phật năm mươi chín năm, sang năm là sáu mươi năm, đúng một giáp tý [[9]](#footnote-10)[4], phát hiện thầy Phương chỉ nói đến triết học, chưa nói đến khoa học. Trong kinh Hoa Nghiêm, trong các kinh luận Đại Thừa có khoa học, nói theo kiểu của thầy, lại còn là đỉnh cao nhất trong khoa học cả thế giới. Không chỉ là đỉnh cao nhất trong triết học, mà còn là đỉnh cao nhất trong khoa học. Khoa học hiện thời phát triển theo hai cực đoan: Một là hướng theo vật lý không gian, tức thế giới vĩ mô; hai là theo hướng Lượng Tử Lực Học, tức là thế giới vi mô. Hai loại này trong kinh Hoa Nghiêm đều có cả, thật sự chẳng thể nghĩ bàn, lại còn giảng hay hơn khoa học và triết học hiện thời. Khoa học và triết học hiện thời còn có những vấn đề gây tranh luận, cho đến hiện thời chưa thể giải quyết, nhưng trong kinh Phật [những vấn đề ấy] đều được giải quyết. Đại học vấn, đại đạo lý! Những thứ tốt đẹp như thế không có ai kế thừa, không có ai muốn học, quá đáng tiếc! Đã thế, Đại Thừa Phật pháp bị người ta chê bai là tôn giáo, chê bai là mê tín, khiến cho người bình phàm chẳng mong tiếp xúc, quá đáng tiếc nuối!

 Vì lẽ đó, tôi cảm tạ thầy Phương, niệm niệm đều chẳng quên. Nếu tôi không gặp thầy, cũng sẽ có kiến giải giống như mọi người, nghĩ Phật giáo là mê tín, như vậy thì sẽ vĩnh viễn chẳng thể tiếp xúc. Sau khi tiếp xúc, Phật giáo đã cứu tôi, khiến cho tôi sống trong xã hội như vậy mà rất hạnh phúc, rất tự tại, chẳng có ưu lự, chẳng có phiền não, Đại Thừa Phật pháp đã ban cho tôi những điều ấy. Dần dần hiểu biết những sự lý, tánh tướng, nhân quả trong vũ trụ, biết chúng là chuyện như thế nào. Hy vọng người thiện căn sâu dầy, các đồng học trẻ tuổi hãy nghiêm túc học tập. Đầu tiên, quý vị phải nhận biết bản chất Phật giáo. Sau khi đã nhận biết, quý vị mới ưa thích, quý vị mới có thể dùi mài chẳng bỏ, sẽ có thể đạt thành tựu trong một đời này, xác thực đem lại cho quý vị hạnh phúc mỹ mãn. Đã thế, tương lai sẽ càng mỹ mãn hơn, hạnh phúc hơn, đạt đến rốt ráo. Kinh Vô Lượng Thọ là được rồi, có thể khiến cho chúng ta chứng đắc cảnh giới giống như Phật, Bồ Tát ngay trong một đời.

 Câu kế tiếp: *“Ư nhất thiết vạn vật, tùy ý tự tại”* (tùy ý tự tại trong hết thảy vạn vật). Quý vị đọc kinh văn này, càng đọc, càng thù thắng. Câu này chính là niềm kỳ vọng của bao nhiêu nhà triết học, khoa học, thần học, hy vọng có thể có ngày này! Thật sự có thể đạt được trong Phật pháp Đại Thừa, chẳng phải là nói giả dối, thật sự có thể đạt được tự tại tùy ý. Chữ *“vạn vật”* (萬物) chỉ hết thảy các pháp, chỉ vạn pháp. *“Vạn”* ở đây chẳng phải là một con số, mà nhằm biểu thị ý nghĩa cực nhiều, vô lượng, vô biên, vô số, vô tận; vạn sự vạn vật trong vũ trụ. *“Tự tại giả, thông đạt vô ngại dã”* (tự tại là thông đạt vô ngại). Quý vị hoàn toàn liễu giải, chẳng có chướng ngại, tự tại lắm. Lấy chuyện trước mắt để xem, vì sao ta sống trong thời đại này? Vì sao sống cuộc đời như hiện thời? Ta biết, hiểu rõ ràng, rành mạch, vì sao quý vị chẳng thể tự tại? Vì sao quý vị khổ như vậy? Vì quý vị chẳng biết, chẳng liễu giải. Do chẳng liễu giải, nên hằng ngày suy nghĩ loạn xạ, đau khổ lắm! Trong ấy là nhân quả, nếu quý vị biết tiền nhân, hậu quả, trong hoàn cảnh nào, quý vị cũng đều rất sung sướng. Vì sao? Tự làm, tự chịu, chẳng thể oán trời, chẳng thể trách người. Vì sao? Chẳng liên quan gì đến những điều ấy! Vì thế, quý vị bèn giải thoát. Hiện thời, tai nạn trên địa cầu nhiều ngần ấy, nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ, hiểu rõ rệt các tai nạn ấy do đâu mà có, hoàn toàn liễu giải cách hóa giải các tai nạn ấy như thế nào, lẽ nào quý vị chẳng được tự tại! Các vị Bồ Tát dự hội đều có năng lực ấy. Do có năng lực ấy, nên mới có thể giúp đỡ người khác.

 Trong phẩm Tự của kinh Pháp Hoa có hai câu như sau: *“Tận chư hữu kết, tâm đắc tự tại”* (hết sạch những thứ phiền não trong ba cõi, tâm được tự tại), hai câu này nói hay quá! *“Chư hữu”*, *“hữu”* (有) gì vậy? Hữu kết, kết là gì? Kết (結) là phiền não. Giống như tôi nhớ trước kia có bộ phim, tôi chưa xem phim ấy, chỉ là trên đường đi thấy biển quảng cáo *“tâm hữu thiên thiên kết”* (tâm vấn vương ngàn mối), rất đáng thương, rất đáng buồn! Hữu là gì vậy? Hữu là nói tới tam hữu, tức Dục Giới Hữu, quý vị có phiền não và quả báo trong Dục Giới, Sắc Giới Hữu, Vô Sắc Giới Hữu. Hữu là có nhân, có quả. *“Tận chư hữu kết”* là quý vị buông hết những phiền não ấy xuống, chẳng còn nữa. Trong tam giới thì Dục Giới ba thứ phiền não đều có, Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não và Kiến Tư phiền não toàn bộ đều có. Quý vị có thể đoạn Kiến Tư phiền não; nói thật ra, các món Hữu Kết ấy, nói nông cạn là Kiến Tư phiền não, thuộc trong tam giới. Đã đoạn Kiến Tư phiền não, tâm đắc tự tại. Tự tại là gì? Vượt thoát lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi giống như một cái lồng to, kinh Phật sánh ví nó như lao ngục. Tam giới là lao ngục, quý vị chẳng thoát khỏi nhà tù ấy. Đoạn sạch các Kết trong Tam Hữu, tức là đoạn Kiến Tư phiền não, quý vị bèn vượt thoát. Sau khi vượt thoát, hãy còn bốn thánh pháp giới. Bốn thánh pháp giới rất khó vượt thoát. So với người trong lục đạo như chúng ta thì người ở trong ấy (trong bốn thánh pháp giới) là đắc đại tự tại, nhưng nếu so với Phật, Bồ Tát, họ thua kém rất xa. Vì không gian hoạt động của họ chỉ có thể là trong tam thiên đại thiên thế giới, chưa thể vượt thoát. Vì thế, họ phải đoạn hết Trần Sa phiền não, đoạn hết Vô Minh phiền não, sẽ đắc đại tự tại. Các vị Bồ Tát ở đây là Pháp Thân Bồ Tát, đã vượt thoát mười pháp giới. Tuy vượt thoát mười pháp giới, nhưng chẳng lìa mười pháp giới, khéo là khéo ở chỗ này. Vượt thoát lục đạo luân hồi, nhưng cũng chẳng rời khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị phải biết: Các Ngài ở trong lục đạo, nhưng chẳng tạo nhân lục đạo, cũng không thọ báo lục đạo. Tâm các Ngài trụ nơi đâu? Trong phần trước đã nói, tâm các Ngài thường trụ trong đạo độ thế, trụ trong đại trí huệ, trụ trong từ bi, chúng ta nói là “một bầu từ bi”. Từ bi do đâu mà có? Do trí huệ mà có. Chẳng có trí huệ, lấy đâu ra từ bi?

 Tiếp theo đó, sách giải thích chữ Tự Tại: *“Hựu, tự tại giả, thi vi vô ủng, thần thông tự tại. Phù tâm hữu câu lụy, tùy vật nhi chuyển. Cố vị phiền não sở phược”* (tự tại còn là việc làm không bị úng tắc, thần thông tự tại. Hễ tâm có vướng mắc thì bị vật chuyển, nên bị phiền não trói buộc). Giải thích chữ *“tự tại”*, những điều này đều được nói trong kinh Đại Thừa. *“Thi vi”* (施為) là tạo tác. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác chẳng có chướng ngại. Vì sao chẳng có chướng ngại? Hiểu rõ ràng, rành rẽ hết thảy các pháp. Đối với hết thảy các pháp trong vũ trụ, hỏi quý vị Thái Dương Hệ do đâu mà có? Hệ Ngân Hà do đâu mà có? Hết thảy các cõi Phật do đâu mà có? Chẳng có gì quý vị không biết, lại còn biết chánh xác, thật sự biết, tuyệt đối chẳng phải là hư vọng. Đối với Thể của hết thảy các pháp, Thể là Tánh. Những hình tượng được hiện của hết thảy các pháp, [được gọi chung là] “pháp tướng”. Rốt cuộc, Tánh và Tướng là đạo lý như thế nào? Đối với Lý, vì sao có Sự, tức là các hiện tượng xuất hiện nhiều ngần ấy? Quý vị đều hiểu. Trong ấy, có thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác quả. Không chỉ hoàn toàn hiểu rõ tam thiên đại thiên thế giới của Phật Thích Ca, mà các cõi Phật trong mười phương, chẳng có cõi nào quý vị chẳng hiểu rõ. Sau khi đã hiểu, quý vị muốn tới đâu bèn tới đó, thuận theo ý niệm của quý vị xoay chuyển. Trong cảnh giới ấy, chẳng có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, bèn chẳng có trước, sau. Chẳng có không gian, bèn chẳng có khoảng cách. Thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Thế giới Cực Lạc ở ngay trong hiện tiền. Thật đấy, chẳng giả! Công đức viên mãn trong tự tánh mà! Mười phương ba đời chẳng lìa gang tấc, “gang tấc” là nhất niệm, chẳng lìa gang tấc! Đó là tột đỉnh của khoa học lẫn triết học, là đỉnh cao nhất như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói. *“Thần thông tự tại, thông đạt vô ngại”*, tám chữ trong hai câu này là nói về các vị Bồ Tát ấy. Phàm phu thì sao? *“Tâm hữu câu lụy”*, [nghĩa là] trong tâm quý vị có những thứ câu thúc, ràng buộc, vướng bận. Chúng tôi nói là trong tâm quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự, vướng mắc, phiền não. *“Tùy vật nhi chuyển”* [nghĩa là] bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, nên quý vị khổ khôn kể xiết! Vì sao? Cảnh giới bên ngoài là “giả tượng” (những hiện tượng hư giả), cớ sao quý vị coi chúng là thật? Quý vị biết chúng là những hiện tượng hư giả, nên có thể thưởng thức nó, nhưng chẳng có ý niệm chiếm hữu, hay khống chế, liền tự tại. Nếu quý vị muốn khống chế, muốn chiếm hữu nó, quý vị phải chịu tội. Tội ấy là gì? Chính quý vị tự chuốc lấy, tự làm, tự chịu. Về căn bản, nó chẳng có, nên chịu tội là oan uổng chịu! Vì lẽ đó, quý vị bị phiền não trói buộc, phiền não giống như sợi dây thừng trói chặt quý vị!

 *“Phàm phu trước Hữu”* (phàm phu chấp Có), lục đạo phàm phu chấp vào bên Có, người Nhị Thừa thì sao? Đức Phật dạy họ *“vạn pháp đều là Không”*, Không ư? Được rồi, họ chấp vào Không, *“giai đọa tình chấp trung”* (đều đọa trong tình chấp). Chấp Có là tình chấp, mà chấp Không vẫn là tình chấp. Vì lẽ đó, Nhị Thừa chẳng thoát khỏi mười pháp giới, vì họ chấp trước Không. Người nào thoát khỏi mười pháp giới? Hai bên Có và Không đều chẳng chấp, ngay cả “chẳng chấp” cũng không có, mới thật sự thoát ra ngoài. Hễ còn “hai bên Có và Không đều chẳng chấp”, quý vị đã chấp vào “hai bên Có và Không đều chẳng chấp”, vẫn chẳng thể thoát ra được! Tâm người ấy vẫn chưa thanh tịnh. Phải biết rằng: Trong chân tâm, thứ gì cũng đều chẳng có! Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói chuyện này quá nhiều, phải thường xuyên nhắc nhở mọi người: Trong chân tâm, chân tâm chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, quyết định chẳng có mười pháp giới, huống gì lục đạo. Mười pháp giới, lục đạo là huyễn tướng, nên trong kinh có tỷ dụ *“mộng, huyễn, bọt, bóng”*, chúng chẳng phải là thật. Vì sao không buông xuống được? Quý vị chẳng biết chúng là giả, cứ ngỡ chúng là thật, nên quý vị chấp trước, chịu khổ. Chịu khổ, chấp trước đúng là oan uổng! Quý vị muốn chiếm hữu, nói thật ra, ngay cả thân thể này cũng chẳng thể chiếm hữu! Quý vị có thể chiếm hữu cái gì? Nếu thật sự liễu giải chân tướng sự thật, giống như các nhà Lượng Tử Lực Học hiện thời đã nói, vật chất là gì? Họ đã phát hiện bản chất vật chất vốn là do ý niệm tích lũy liên tục, sanh ra huyễn tướng. Nói cách khác, họ cảm nhận: Về căn bản, chẳng có vật chất tồn tại. Phát hiện ấy và cách nói ấy hoàn toàn giống như kinh Hoa Nghiêm đã dạy. Kinh Hoa Nghiêm nói A Lại Da có ba phần là Tự Chứng Phần, Kiến Phần, và Tướng Phần[[10]](#footnote-11)[5]. Tướng Phần là vật chất. Do đâu mà có Tướng Phần? Do Kiến Phần biến hiện. Vì thế, nhà Phật thường dùng năm chữ để làm đại biểu, [tức là] Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, gọi chung là Ngũ Uẩn, nói thật hay! Ngũ Uẩn là vạn sự vạn pháp mà chúng ta tiếp xúc, Ngài đã nói ra chân tướng. Sắc trong Ngũ Uẩn là hiện tượng vật chất; Thọ, Tưởng, Hành, Thức là ý niệm. Thọ là cảm nhận, Tưởng là tư tưởng, Hành là hiện tướng tích lũy liên tục như các nhà khoa học đã nói, Thức là kho tài liệu (database) tồn trữ những ý niệm ấy, giống như các linh kiện điện tử (chips) trong computer, toàn là giả, chẳng có thứ gì là thật. Tâm Kinh đã nói rất hay: *“Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị”*. Quý vị đối với mười pháp giới trong vũ trụ này, còn có gì để lưu luyến? Quý vị đã hoàn toàn hiểu rõ, minh bạch, tự nhiên sẽ triệt để buông xuống.

 Triệt để buông xuống có lợi ích gì? Chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc. Lại nói cho quý vị biết: Thân thể quý vị sẽ không suy, không già, quý vị đạt được thân Kim Cang bất hoại, sẽ chẳng còn ngã bệnh nữa. Bệnh do đâu mà có? Nguyên nhân gây bệnh là tham, sân, si, mạn, nghi, [chúng được gọi chung là] Ngũ Độc. Đó là nguyên nhân gây bệnh. Duyên gây bệnh có nội và ngoại. Bên trong là oán, hận, não, nộ, phiền, đó là nội duyên. Duyên bên ngoài là gì? Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê. Ba thứ ấy kết hợp lại, bệnh nặng liền phát tác, đòi mạng quý vị! Không thoát khỏi những thứ ấy, quý vị vĩnh viễn phải luân hồi trong lục đạo, đúng là đáng thương. Vì sao? Toàn là giả! Nếu chúng là thật, Phật, Bồ Tát chẳng thể nói quý vị là “kẻ đáng thương xót”, nói những lời ấy sẽ thành quá lố, biến thành mỉa mai, Phật làm sao có thể nói như vậy được? Chúng là giả, toàn là giả, giống như gặp ác mộng. Mỗi ngày gặp ác mộng, kinh hoảng mướt mồ hôi lạnh, chẳng có bệnh mà bị dọa sợ cũng đổ bệnh! Vì thế, nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ, thân tâm sẽ chẳng có bệnh tật, chính mình vui sướng lắm! Quý vị ở nơi đâu, núi, sông, đại địa đều chẳng có tai nạn. Phong tai, thủy tai, hỏa tai gì gì đi nữa, những thứ ấy đều chẳng có, ngay cả khí hậu biến đổi đột ngột cũng chẳng có, mà cũng đều chẳng thể! Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm. Tâm thái của quý vị bình thường, núi, sông, đại địa, cảnh giới bên ngoài cũng đều bình thường. Tâm chẳng bình thường, nó cũng chẳng bình thường, bên ngoài đều chẳng bình thường, đạo lý là như vậy đó! Vì thế, để biến đổi những tai biến dị thường trên địa cầu thì phải biến đổi từ tâm chúng ta. Tâm chúng ta cảm ứng cảnh giới bên ngoài. Tâm đã sửa đổi thì tai nạn bên ngoài cũng chẳng có! Đó là đạo lý to lớn! Những vấn đề khoa học chẳng thể giải quyết thì đã hoàn toàn được giải quyết trong Phật pháp. Đây là nói về Nhị Thừa, phàm phu chấp Có, Nhị Thừa vướng mắc nơi Không, đều đọa trong tình chấp. *“Hàm thị tâm tùy vật chuyển, cố ư vạn vật bất đắc tự tại”* (đều là tâm chuyển theo vật, nên chẳng đạt được tự tại trong vạn vật), vì sao? Tâm quý vị bị cảnh chuyển! Hễ đắc đại tự tại thì vật chuyển theo tâm. Gạt bỏ được chuyện “tâm chuyển theo vật”, vật sẽ chuyển biến theo tâm, vấn đề liền được giải quyết.

 *“Đại sĩ thâm đạt Pháp Tánh”* (đại sĩ thông đạt Pháp Tánh sâu xa), những vị này được gọi là “đại sĩ”, đều có thể gọi là bậc minh tâm kiến tánh, hoặc chúng ta có thể nói như thế này: Họ là những người công phu niệm Phật đến nơi đến chốn. Công phu đến nơi đến chốn là Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn có cùng cấp bậc, cùng một tầng cấp với minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông, đều vượt thoát mười pháp giới, đều chứng đắc Nhất Chân pháp giới. Đó là pháp giới chẳng có hai thứ sanh tử, hiện tượng Phần Đoạn và Biến Dịch hoàn toàn chẳng có, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Những vị Bồ Tát ấy không chỉ thông đạt, mà còn *“thâm đạt”.* Nếu nói “đại sĩ thông đạt Pháp Tánh” thì đó là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát đã thông đạt; từ Nhị Trụ trở lên, có thể nói là *“thâm đạt”. “Đương tướng ly tướng, bất tùy vật chuyển, cố vô phược hệ”* (từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng bị vật chuyển, nên chẳng có trói buộc), chúng ta phải học điều này. *“Đương tướng”* (當相) là tướng ở trước mặt ta, *“ly tướng”* (離相)là như thế nào? Ta đối với tất cả những tướng đã hiện đều chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, sẽ chẳng có chuyện gì nữa, liền lìa tướng. Nếu quý vị ngỡ tướng là thật, nếu thấy hiện tướng bày ra trước mặt, bất luận là hiện tướng gì, bèn ngay lập tức nghĩ hiện tướng ấy là do ý niệm liên tục tích lũy phát sanh huyễn tướng. Quý vị có thể có cách nhìn như vậy thì được rồi, nó đã bị quý vị nhìn thấu suốt, [nó là] hư huyễn, chẳng thật, tự nhiên buông xuống, ngay lập tức quý vị đắc tự tại. Vì sao quý vị chẳng buông xuống được? Nói thật ra, quý vị đã mê quá sâu, đã mê quá lâu, từ vô thỉ kiếp tới nay, luân hồi sanh tử trong lục đạo, quý vị thấy thời gian ấy lâu dài như thế nào? Vì thế, mê đã lâu lắm rồi! Loại mê hoặc, điên đảo, loại tập khí ấy được gọi là tập khí vọng tưởng, quá ư là sâu. Nay vừa mới nghe Phật pháp, do nghe Phật pháp chẳng sâu, nên cảnh giới hiện tiền, vẫn y như cũ, chẳng thể chuyển được! Nghe trên mười năm, hai mươi năm, sẽ hiểu rõ hơn, nhưng vẫn chẳng chuyển được! Do nguyên nhân nào? Nguyên nhân thật sự là do quý vị chẳng thật thà, chẳng nghe lời, chẳng thật sự hành. Nếu thật thà, nghe lời, thật sự hành, chẳng cần tốn thời gian rất dài! Trong lịch sử Trung Quốc, bất luận Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, hay Mật Giáo, người ba năm hoặc năm năm khai ngộ rất nhiều, vì họ buông xuống. Người mười mấy năm, hai mươi năm bèn buông xuống cũng chẳng ít!

Chúng ta xem những ghi chép lịch sử trong Phật môn, tôi ước đoán, trong hai ngàn năm qua, kể từ khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, người thật sự tu hành đạt tới cảnh giới này, tôi ước đoán tối thiểu là ba ngàn người. Họ có thể làm được, vì sao chúng ta không làm được? Tình chấp! Phải luyện tập, rèn luyện trong cuộc sống hằng ngày. Đầu tiên là luyện đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện. Chư vị phải biết: Công phu ấy luyện thành, chỉ là quý vị quyết định chẳng đọa trong ba ác đạo, có thể đảm bảo quý vị sẽ sanh trong cõi trời người của lục đạo, đó chưa phải là pháp rốt ráo. Thật sự luyện chẳng thành, chính mình chẳng nắm chắc, chẳng thể từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng bị vật chuyển. [Nếu] không thể làm được như vậy, hãy thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoàn cảnh sẽ khác hẳn. Vì sao? Nói thật thà, hoàn cảnh bên kia là hoàn cảnh sống của chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ, [thế mà] bọn phàm phu chúng ta cũng tiến nhập, chẳng thể nghĩ bàn! Vì vậy, đúng là pháp khó tin! Vì sao chúng ta có thể tiến nhập? Đó là do A Di Đà Phật đại từ đại bi giúp đỡ chúng ta. Quý vị thấy trong một đời sanh về thế giới Cực Lạc, đều thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Ở đây, A Duy Việt Trí được gọi là *“đại sĩ”.* [Các vị đại sĩ] thông đạt sâu xa Pháp Tánh, từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng bị vật chuyển. Vì thế, quý vị đến thế giới Cực Lạc, bốn mươi tám nguyện, bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật hoàn toàn gia trì quý vị, quý vị thật sự được thọ dụng, sẽ chẳng chấp tướng! Tướng dẫu thù thắng cách mấy, chẳng dẫn khởi ái niệm. Tướng dẫu xấu đến mấy, như A Tỳ địa ngục [chẳng hạn], cũng chẳng dẫn khởi ý niệm oán hận. Những ý niệm ấy đều chẳng dấy lên được! Hàng phàm phu chỉ có phương pháp này để sử dụng; vì thế, phương pháp này được mười phương chư Phật tán thán. Các Ngài chẳng tùy tiện tán thán, mà là do có đạo lý nên mới tán thán. Vì thế mới nói: Chỉ cần quý vị học pháp môn Tịnh Độ này, thật sự hành, chẳng có ai không vãng sanh! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ là Pháp Thân đại sĩ; tuy chính mình vẫn chưa chứng đắc, nhưng chỉ cần vãng sanh liền đạt được, phải cảm ân đức của A Di Đà Phật, do lão nhân gia gia trì, nên quý vị thật sự được thọ dụng. Sự thọ dụng ấy chẳng giả, đấy cũng là ý nghĩa của bốn câu được nói ở đây: Hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới liền chứng đắc, thông đạt sâu xa Pháp Tánh, từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng bị vật chuyển, nên chẳng bị trói buộc. *“Phược hệ”* (縛繫: trói buộc) là phiền não; sang bên đó bèn đoạn sạch phiền não.

 *“Tông Môn vân: Đản tự vô tâm ư vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiễu”* (Nhà Thiền nói: “Chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh”). Nói thật ra, trong nhà Thiền cũng là nói đến cảnh giới này; nhưng câu vừa trích dẫn trên đây quan trọng, vì đối với hết thảy vạn vật, quý vị phải vô tâm thì mới được. Tâm ấy là tâm gì? Tâm vọng tưởng, tâm phân biệt, tâm chấp trước, quý vị có các tâm ấy là không được. Những tâm ấy thảy đều chẳng có, chẳng có chấp trước, chẳng có phân biệt, chẳng khởi tâm động niệm; đó là Pháp Thân Bồ Tát. Các Ngài hòa quang đồng trần, cùng ở chung, cùng sống với chúng ta. Trên thực tế là sống trong hai kích thước không gian khác nhau. Các Ngài biết chúng ta, chúng ta chẳng biết các Ngài. Có người như vậy hay chăng? Có chứ! Đời Tống, chúng ta thấy một vị là Tế Công. Thưa cùng quý vị, Tế Công là người có thật, chẳng giả! Nhưng quý vị đọc [các sách tiểu thuyết mang tên là] Tế Công Truyện được bán ngoài đời thì chẳng đáng tin, trong ấy chép rất nhiều thứ bịa đặt. Nếu muốn đọc, hãy đọc Cao Tăng Truyện. Trong Cao Tăng Truyện, truyện của Tế Công phân lượng đúng là chẳng ít, dường như là có bốn quyển! Truyện ký về Ngài đặc biệt nhiều, [tiểu truyện của] những người khác chỉ chép một chương, truyện ký về Ngài gần như chiếm hết bốn quyển. Cao Tăng Truyện đáng tin cậy, Ngài xác thực là *“vạn vật thường vây quanh mà chẳng trở ngại”.*

 Trong thời đại này của chúng ta, cũng là nói về thời trước một chút, tức là vào bảy mươi năm trước, tại chùa Kim Sơn huyện Trấn Giang tỉnh Giang Tô, có một vị pháp sư tên là Diệu Thiện, tức là pháp sư Diệu Thiện. Hành trì của lão nhân gia chẳng khác Tế Công cho mấy. Ngài thị hiện, đúng là chẳng giả. Hai câu nói ấy (*“chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh”*) đúng là để hình dung Ngài. Ở Đài Loan, tôi đọc hai quyển sách, tác giả tôi đều quen biết cả. Một vị là pháp sư Chử Vân. Sư chưa từng gặp gỡ pháp sư Diệu Thiện, nhưng biết có vị ấy, nên đi khắp nơi hỏi thăm. Có người đã từng gặp mặt Ngài, biết chuyện Ngài, Sư biên soạn [những lời kể] thành một quyển sách, đặt tựa đề là Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn). Pháp sư Diệu Thiện mất khi cuộc Kháng Chiến [chống Nhật] sắp kết thúc, Ngài tịch tại Miến Điện. Vị này suốt đời mặc một bộ quần áo, bên trong là quần đùi, bên ngoài là áo dài. Suốt đời mặc bộ quần áo ấy, trời Đông cũng chẳng lạnh, trời Hạ cũng chẳng nóng. Quý vị thấy lạ như thế đó! Mời Ngài dùng cơm, Ngài cho chúng sanh thỏa nguyện. Quý vị xới một chén cơm đưa cho Ngài, Ngài ăn ngay trước mặt quý vị; [người dâng cơm khoan khoái]: “Pháp sư rất thích tôi”*.* Tín đồ khá đông, mỗi người đều xới một chén đưa cho Ngài. Trong chốc lát, Ngài ăn hai mươi mấy chén; bên cạnh có người nói: “Các vị chớ nên hại thầy, sao lại đối đãi với pháp sư như thế?” Ngài bảo người vừa mới nói: *“Bất tăng, bất giảm”.* Ngài cũng có thể suốt tuần không uống nước, không ăn cơm, cũng có thể một ngày ăn mấy chục chén, bất tăng, bất giảm mà! Chuyện của Ngài rất nhiều, là thật, chẳng giả. Ngài cách chúng ta không xa. Hiện thời đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng tôi lại tiếp tục kể chuyện cho mọi người nghe. À! Cảm ơn mọi người!

# Tập 134

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi mốt, câu cuối cùng nơi hàng cuối cùng.

 *“Tông Môn vân: Đản tự vô tâm ư vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiễu”* (Nhà Thiền nói: “Chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh”). Thiền Tông thường nói chuyện này, đó là cảnh giới giác ngộ. Thật sự giác ngộ thì cũng có thể nói là sẽ thật sự liễu giải khá nhiều hiện tượng trong vũ trụ, hiểu rõ chúng rốt ráo là chuyện như thế nào, hiểu rõ ràng, rành rẽ thì gọi là *“thông đạt chư pháp Thật Tướng”.* Cái hay của thông đạt là chẳng còn mê nơi huyễn tướng, đó là điều tốt đẹp thứ nhất. Điều tốt đẹp thứ hai là trên thực tế, quý vị chẳng còn tạo nghiệp. Nói cách khác, không tạo nghiệp, quý vị sẽ không lãnh quả báo, tự nhiên vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới. Chúng ta học tập Phật pháp cũng nhằm mục đích này. Vì sao phải học tập? Cuộc sống mê hoặc, điên đảo rất khổ. Nói thật ra, những nỗi khổ ấy rất oan uổng, vì sao? Căn bản là những chuyện ấy chẳng tồn tại, đúng là giống như nằm mộng. Trong mộng cũng tạo nghiệp ư? Cũng hiển thị “thiện có thiện quả, ác có ác báo”. Chuyện ấy có thể chẳng giả! Chỉ cần quý vị có chấp trước, chuyện ấy bèn trở thành có thật, có những huyễn tướng ấy. Ngày nào giác ngộ, những hiện tượng ấy vốn giống như kinh Phật đã nói: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*, *“hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”.* Quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự giác ngộ, trong các hiện tượng ấy, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, tâm quý vị đều bất động, trí huệ và từ bi thật sự sanh khởi từ nội tâm nhằm giúp cho mọi người giác ngộ. Vậy thì cuộc sống hiện tiền của quý vị xác thực là chẳng hai, chẳng khác với cuộc sống của các vị Pháp Thân Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Đấy mới là cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn mà người thế gian mơ tưởng, quý vị đã đạt được. Sau đấy, mới chứng thực “lìa khổ, được vui” như kinh Phật đã nói, vì quý vị thật sự lìa khổ, thật sự đạt được lạc. Quý vị đã chứng thực câu nói “lìa khổ, được vui”. Câu nói ấy chẳng phải là lời hư giả!

 Vì vậy, đối với các bậc đại đức trong Tông Môn, tức là các vị đại đức trong Thiền Tông, hai câu nói ấy rất hay, điều quan trọng nhất là đối với vạn vật, quý vị phải vô tâm. Cái tâm ấy là tâm gì? Tâm chấp trước, tâm phân biệt, cũng có nghĩa là: Chúng ta đối với hết thảy vạn sự vạn vật chớ nên có phân biệt, chớ nên có chấp trước, vì khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể. Chúng ta đã học Hoàn Nguyên Quán, những điều được giảng trong ấy còn rõ ràng hơn những gì khoa học hiện đại đã nói. Khoa học hiện đại phát hiện: Tất cả hết thảy hiện tượng, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần do đâu mà có? Từ trong Vô sanh ra Hữu. Phát hiện ấy cũng rất tuyệt diệu, nhưng vì sao từ trong Vô sanh ra Hữu, họ chẳng nói rõ ràng! Nhưng Hoàn Nguyên Quán đã giảng rất rõ ràng “vì sao từ trong Vô sanh ra Hữu?” Vì trong cái Vô ấy là tự tánh. Đối với tự tánh, nếu chẳng phải là người thật sự khai ngộ, quý vị sẽ chẳng có cách nào cảm nhận sự tồn tại của nó. Vì nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, nên năm thức trước (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức) chẳng khởi tác dụng. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đều chẳng thể tiếp xúc, vì nó chẳng phải là vật chất. Nó cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần, nên thức thứ sáu là ý thức cũng chẳng cảm nhận được, thức thứ sáu lẫn thức thứ bảy đều chẳng thể cảm nhận. Nó thật sự tồn tại, lại còn là không lúc nào chẳng tồn tại, không đâu chẳng tồn tại. Nó là bản thể của vạn sự vạn vật, nói theo triết học sẽ là “bản thể của vạn vật”, còn nói theo Phật pháp sẽ là “tự tánh của vạn sự vạn vật”. Danh xưng tuy khác nhau, nhưng nói về cùng một chuyện. Vì lẽ đó, các nhà khoa học và triết gia không thể kiến tánh, nguyên nhân là do họ chẳng buông phân biệt, chấp trước xuống! Bất quá, các khoa học gia cận đại cũng nói là phải buông phân biệt, chấp trước xuống, nhưng họ chẳng nói “không khởi tâm, không động niệm”. Nếu thật sự có thể buông phân biệt, chấp trước xuống, những người ấy sẽ sanh vào đâu? Sanh trong bốn thánh pháp giới, họ là Phật hoặc Bồ Tát trong bốn thánh pháp giới, thuộc cảnh giới ấy. Cao lắm, đích xác là rất cao, nhưng phải biết: Họ chưa kiến tánh, nên chẳng thoát khỏi mười pháp giới. Họ chẳng biết tình hình cuộc sống trong cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai. Họ có thể biết, có thể hiểu Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong bốn thánh pháp giới. Điều đó đã là rất khó có, rất chẳng dễ dàng! Do đó, buông xuống là trọng yếu, nay họ cũng dạy người khác buông xuống. Ở đây, buông xuống được gọi là *“vô tâm”*. Vô tâm đối với vạn vật, tức là quý vị chớ nên chấp trước, chớ nên phân biệt đối với vạn vật, nhất định phải biết chúng nó và chính mình có cùng một Thể. Kinh Kim Cang nói *“nhất hợp tướng”*, ý nghĩa này rất sâu! Vì thế, hết thảy vạn vật vây quanh chúng ta chẳng có mảy may chướng ngại. Hư không chẳng trở ngại muôn hình tượng rạng ngời, muôn hình tượng rạng ngời cũng chẳng có mảy may chướng ngại hư không tồn tại. Đó gọi là *“Thật Tướng của các pháp, chân tướng của nhân sinh và vũ trụ”.*

 Quý vị chưa triệt để giác ngộ, nên chẳng đạt được cuộc sống mỹ mãn. Từ kinh giáo Đại Thừa, chúng ta lãnh hội chân tướng sự thật này. Trong Phật môn, điều ấy được gọi là “giải ngộ”, hoặc “tín giải”, nhưng mức độ hiểu cạn hay sâu khác nhau. [Hễ thấu hiểu *“chỉ cần vô tâm với vạn vật, nào ngại vạn vật thường vây quanh”*], đó là lý giải ở mức độ khá sâu. Sau khi đã hiểu, điều quan trọng nhất là chúng ta phải mong thực hiện, nghiêm túc thực hiện, đó gọi là Hành. Hành đã được kinh Hoa Nghiêm đã giảng rất thấu triệt qua năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Trong Khoa Phán, Thanh Lương đại sư đã đặt tiêu đề cho phần ấy là *“lịch sự luyện tâm”* (trải qua sự việc để luyện tâm), thật sự hành, phải thật sự hành! Trong phần trước, chúng ta đã đọc về chuyện trải qua sự việc để luyện tâm như sau: *“Đương tướng ly tướng, bất tùy vật chuyển”* (từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, chẳng bị vật chuyển), luyện điều này. Đó là gì? Thật sự tu hành. Lục căn ở trong cảnh giới sáu trần, đó là *“đương tướng”*. Các phàm phu cũng như vậy, đối trước tướng, họ chẳng lìa tướng, mà giữ lấy tướng. “Giữ lấy tướng” là gì? Họ chấp trước tướng ấy, phân biệt tướng ấy, trật rồi! Đối với hiện tướng, họ muốn khống chế, muốn chiếm hữu, muốn chuyển biến, đều sai cả! Chư Phật, Bồ Tát ly tướng như thế nào? Đối với hiện tướng hiện tiền, về căn bản là chẳng quan tâm đến nó, mặc cho nó qua đi. Đối với hiện tướng, xác thực là chẳng dùng tới tâm, [tức là] chẳng dùng cái tâm chấp trước, chẳng dùng cái tâm phân biệt, mà cũng chẳng dùng cái tâm thay đổi. Vì sao? Vì tướng là giả, chẳng phải là thật, cớ gì tự mình chuốc phiền? Đạo lý ở chỗ này. Quý vị sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, cảnh giới bèn chuyển theo ý niệm của quý vị.

 Kế đó, sách viết: *“Tấn nhi, vật tùy tâm chuyển”* (Tiến hơn nữa thì vật bị tâm chuyển), *“vật”* (物) là hoàn cảnh bên ngoài. Vì thế, cảnh chuyển theo tâm. Do cảnh chuyển theo tâm, *“cố năng tùy ý tự tại”* (nên có thể tùy ý tự tại), người ấy chẳng có chướng ngại. Hôm qua, chúng tôi nói đến đây, có nhắc đến thời cổ, vào đời Tống, dưới triều đại Tống Cao Tông có một vị là Tế Công, Ngài là một tấm gương tốt đẹp. Nói thật ra, cùng thời đại ấy, Bố Đại hòa thượng cũng là một gương tốt đẹp. Tế Công là Bồ Tát hóa thân; Bố Đại hòa thượng là Di Lặc Bồ Tát tái lai. Đọc các truyện ký trong Cao Tăng Truyện, chúng ta thấy truyện ký của hai vị này có phân lượng khá đáng kể. Đặc biệt là truyện Tế Công có phân lượng rất lớn. Quý vị đọc truyện ký, sẽ biết Ngài sống tự tại lắm, xác thực là phương tiện thiện xảo đã đạt tới tột bậc, giúp chúng sanh khai ngộ, giúp chúng sanh quay đầu, khuyên dạy chúng sanh đoạn ác tu thiện. Sách Hoàn Nguyên Quán đúng là đã giảng thấu triệt những đạo lý ấy. Loài người chúng ta do đâu mà có? Từ nhất niệm bất giác mà có. Khi nào có một niệm bất giác ấy? Nói lời thật cùng quý vị, sẽ là *“đương hạ”* (ngay trong lúc ấy), kinh nói là *“vô thỉ”*. Đừng hiểu lầm ý nghĩa của *“vô thỉ”.* [Người ta thường hiểu lầm “vô thỉ” là] đã rất lâu, chẳng tìm thấy lúc khởi đầu, nên gọi là *“vô thỉ”*, những kẻ mới học thường giải thích như vậy, đã giải thích sai mất rồi! Ý nghĩa thật sự của *“vô thỉ”* rất đơn giản, ý nghĩa nằm ngay trong mặt chữ: Nó chẳng có khởi đầu, nên gọi là vô thỉ. Thật sự chẳng có khởi đầu, ở ngay trong lúc này, ngay trong một niệm hiện tại. Một niệm ngay trong hiện tại dấy lên, niệm niệm tiếp nối, vấn đề xuất hiện ở ngay ở chỗ này! Nếu niệm niệm tiếp nối mà vẫn giữ được nhất niệm, sẽ là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nếu là hai niệm thì hai niệm bèn có phân biệt, ba niệm bèn có chấp trước. Chẳng giữ được một niệm, hai niệm sẽ dấy lên, ba niệm bèn tiếp theo. Có hai niệm bèn có bốn thánh pháp giới. Có ba niệm bèn có lục đạo luân hồi. Ngay trong lúc ấy, ba niệm gần như đồng thời, tốc độ quá nhanh.

 Vì sao có hiện tượng phát sanh? Sách Hoàn Nguyên Quán bảo: Đó là bản năng (đức năng sẵn có) trong tự tánh. Trong tự tánh có trí huệ và đức tướng viên mãn. Huệ Năng đại sư kiến tánh, đã tiết lộ những tin tức ấy: *“Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”*, Ngài nói ra câu ấy! Khi chẳng có duyên, tức là nói khi chẳng có một niệm bất giác, thứ gì nó (tự tánh) cũng chẳng có, bởi tự tánh chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Khi có một niệm ấy phát sanh, nó có thể sanh ra vạn pháp. Vạn pháp xuất hiện đồng thời, chẳng có trước sau, quả thật giống như hiện thời chúng ta sử dụng máy chiếu phim: Những tấm phim được đặt vào máy chiếu, rọi lên màn bạc. Quý vị bật máy lên, toàn bộ hình ảnh bèn xuất hiện đồng thời, chẳng phải là có trước sau, chẳng có thứ tự. Hiện thời, cách nói này trong kinh Phật dần dần đã được những nhà Lượng Tử Lực Học thừa nhận. Vì thế, hiện thời khoa học phát triển ngày càng gần với kinh Phật. Đó là chuyện tốt! Đầu tháng này, cư sĩ Chung Mậu Sâm đã tham dự [hội nghị] nghe báo cáo của mấy nhà khoa học ở Tất Nê (Tuyết Lê, Sydney), có ghi tóm tắt những điểm tinh túy, trọng yếu đã nghe, và có viết một báo cáo. Ngày mốt, chúng ta có thể in ra, đặt ở quầy thông tin để kết duyên. Chư vị hãy đọc kỹ, sẽ thấy cách nói [của giới khoa học] hết sức gần với kinh này. Bất quá, họ chẳng biết có tự tánh; vì thế, vẫn dùng chữ Thần. Họ nói có một vị “chân thần”, dùng chữ ấy để biểu thị, [họ cho rằng vạn sự trong vũ trụ] đều là ý nghĩ của chân thần, do chân thần xếp đặt. Thật ra, chẳng phải vậy, tự tánh vốn là như thế. Kinh Phật giảng rất có lý, nó vốn sẵn là như vậy, đó là sự biểu lộ của Tánh Đức. *“Thần”* như họ nói chính là *“tự tánh”* trong kinh Phật.

 Quý vị thấy từ một Thể, Thể ấy là nói tới tự tánh, “*tự tánh thanh tịnh viên minh thể”.* Hiền Thủ quốc sư dùng danh xưng ấy, ý nghĩa rất hay, nói rất hoàn chỉnh. Tự tánh viên, *“viên”* (圓) là viên mãn, chẳng khiếm khuyết. *“Thanh tịnh”* (清淨) là vĩnh viễn chẳng có ô nhiễm. Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, làm sao ô nhiễm cho được? Chẳng ô nhiễm được, đó là Tánh Thể. *“Viên”* là nói tới đức tướng trong ấy, nay chúng ta gọi [đức tướng] là năng lượng và thông tin. Phật pháp gọi những thông tin ấy là Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chữ *“minh”* (明) là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, đó là đã nói trọn hết. Vì thế, khi chẳng có duyên, nó (tự tánh) tồn tại, nhưng chẳng có dấu vết. Cho đến khi một niệm bất giác, một niệm bất giác là hiện tượng dao động cực kỳ vi tế, sự dao động ấy quả thật chẳng có nguyên nhân; từ sự dao động ấy, hiện tượng bèn xuất hiện, nên khởi ra hai tác dụng. Hai tác dụng ấy, một là chánh báo, hai là y báo. Chánh báo là chính mình, y báo là vũ trụ. Dù dao động cực kỳ vi tế, hai thứ hiện tượng đều xuất hiện. Hai thứ hiện tượng ấy đều có ba đặc tánh, phải biết điều này: Hiện tượng chánh báo là chính mình, y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta. Nói cách khác, tất cả hết thảy hiện tượng, bất luận là tinh thần hay vật chất, đều có ba đặc tánh:

1) Thứ nhất là *“châu biến pháp giới”*, [nghĩa là] niệm niệm đều trọn khắp pháp giới. Ý niệm là ba tế tướng của A Lại Da, vật chất là tướng cảnh giới của A Lại Da, đều do dao động sanh ra. Do sự dao động ấy trọn khắp pháp giới, nên mới biết toàn thể vũ trụ và chính mình là một Thể.

2) Thứ hai là *“xuất sanh vô tận”.* Xuất sanh vô tận là nói A Lại Da Thức có phân biệt, có chấp trước. Thức thứ sáu và thức thứ bảy khởi tác dụng, xuất sanh vô tận, giống như kính vạn hoa.

3) Hiện tượng thứ ba là *“hàm dung Không Hữu”* (bao hàm Không và Có), chúng ta thường nói là *“tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”*. Bất luận hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, vốn đều là trọn khắp hư không, bao trùm pháp giới. Vì lẽ đó, tâm lượng chúng ta nhỏ nhặt sẽ là sai lầm; chẳng thể bao dung sẽ là sai lầm to lớn quá đỗi! Đó là gì? Cội nguồn của tất cả hết thảy phiền não và tội nghiệt. Nếu chúng ta hỏi vì sao có hiện tượng ấy? [Câu trả lời sẽ là] do quý vị chẳng biết vạn vật và chính mình là một Thể, đó là mê, là Hoặc, tức mê hoặc! Vì thế, trong cảnh giới, bất luận vật chất hay tinh thần, quý vị bèn khởi tham, sân, si, mạn là do đạo lý này!

 Sau khi đã liễu giải, tuy lục căn đối trước cảnh giới sáu trần bên ngoài, người ta có bản lãnh ấy, họ liễu giải, đã biết, nhưng chẳng dấy lên phân biệt, chấp trước. Đó là Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, gọi là *“du hý thần thông”*,đến giúp đỡ hết thảy đại chúng. Chúng tôi tin tưởng: Trong Phật môn Trung Quốc, các Ngài hiện tướng để giúp đỡ người khác, thì trong những quốc gia, những nơi chốn khác, các Ngài cũng sẽ thị hiện. Ở Trung Quốc, đất đai rộng lớn dường ấy, dân số đông đảo ngần ấy, tôi tin các Ngài cũng thường xuyên thị hiện, nhưng lũ phàm phu mắt thịt chúng ta chẳng nhận biết. Nói thật ra, các Ngài cũng chẳng cần chúng ta nhận biết. Vì sao? Người ta chẳng tiêm nhiễm danh lợi, cần [kẻ khác] nhận biết để làm gì? [Các Ngài thị hiện] đều nhằm giúp đỡ các chúng sanh hữu duyên. Ai có duyên với các Ngài, chúng ta không biết, nhưng các Ngài biết, vì tâm các Ngài thanh tịnh. Chư vị phải biết: Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, các Ngài có vô lượng đức năng, trong Phật pháp gọi chuyện này là *“thần thông tự tại”.* Các Ngài chẳng có chướng ngại. Những chướng ngại trong quá khứ, hiện tại, vị lai, các Ngài đều hoàn toàn chẳng có. Chúng ta cảm thấy dường như một đời này, một kiếp sống này, đời đời kiếp kiếp, thời kiếp rất dài; đối với các Ngài thì sao? Các Ngài thấy quý vị đang nằm mộng, liên tục mơ mấy giấc mộng. Các Ngài thấy rất rõ ràng, [quý vị] đồng thời liên tục nằm mơ khá nhiều giấc mộng. Khi quý vị có ý tưởng giác ngộ, ý niệm ấy rất trọng yếu. Ý niệm ấy là duyên phận; trong tâm thật sự mong giác ngộ, các Ngài sẽ thật sự giúp quý vị giác ngộ. Trong tâm chẳng mong giác ngộ, các Ngài chẳng thể giúp đỡ quý vị. Vì sao? Quý vị chẳng có ý niệm ấy, các Ngài giúp đỡ quý vị, quý vị sẽ chẳng thể tiếp nhận. Quý vị có ý niệm ấy, ý niệm ấy rất mạnh, cảm ứng vô cùng thù thắng, [nên các Ngài] thật sự có thể giúp đỡ quý vị.

 Đối với những chuyện thần kỳ của người trong thời cận đại, ngày hôm qua tôi đã thưa cùng chư vị truyện trưởng lão Diệu Thiện chùa Kim Sơn. Ở Đài Loan, có hai người viết truyện truyền kỳ của Ngài. Một vị là pháp sư Chử Vân, vị kia là pháp sư Lạc Quan. Chúng tôi muốn tìm cuốn sách ấy, in ra hai ngàn bản để các đồng học đều được đọc. Vị này là người hiện đại, thật sự có chuyện ấy, chẳng giả tí nào! Pháp sư Lạc Quan kể với tôi: Sư có duyên với Ngài, từng ở chung với Ngài bốn tháng, hai lần, mỗi lần hai tháng. Hai lần ở chung một chỗ, có thời gian dài như thế. Đối với sự tích thần thông diệu ứng của Ngài, pháp sư Lạc Quan đích thân chứng kiến. Ngày hôm qua, tôi đã kể với quý vị khi Kim Sơn Hoạt Phật ăn cơm, người ta cúng dường, từng chén dâng lên Ngài, mỗi người đều dâng một chén, pháp sư Lạc Quan ở ngay bên cạnh, thấy Ngài ăn đến mười mấy chén, sắp tới hai mươi chén. Pháp sư Lạc Quan bảo mọi người: “Quý vị chớ nên làm như vậy, làm như vậy sẽ khiến cho pháp sư chịu không nổi”. Kim Sơn Hoạt Phật bèn bảo pháp sư Lạc Quan: *“Bất tăng, bất giảm!”* Pháp sư Lạc Quan nghe nói sững sờ, *“bất tăng, bất giảm”*, mới biết Ngài chẳng phải là người bình phàm. Người bình phàm làm sao có thể chịu đựng được! Thật vậy, về sự tích thần thông thì quý vị nghĩ đến Ngài, nhớ đến Ngài, Ngài liền từ bên ngoài lắc lư bước vào. Chẳng phải là ngẫu nhiên! Rất nhiều lần đều là như vậy, đang trò chuyện, Ngài bèn tiến vào! Vì vậy, kinh Phật nói sáu thứ thần thông, Ngài thật sự thị hiện cho quý vị thấy!

Sáu thứ thần thông là bản năng của mỗi người chúng ta, chúng ta có đánh mất hay không? Chẳng đánh mất! Chỉ vì chúng ta đã mê, nên chúng chẳng khởi tác dụng. Khi mê, ba thứ phiền não chướng ngại chúng. Đương nhiên chướng ngại nghiêm trọng nhất là phân biệt, chấp trước. Chúng ta có tâm phân biệt, tâm chấp trước, nên sáu thứ thần thông chẳng khởi tác dụng. Nếu chúng ta có thể buông phân biệt, chấp trước xuống, sáu thứ thần thông bèn khôi phục, tối thiểu cũng phải có công phu giống như trưởng lão Tế Công. Quý vị thấy hòa thượng Diệu Thiện suốt đời ăn mọi thứ tùy duyên, cho gì ăn nấy. Ngài còn có một thói quen, thật đấy, chẳng giả đâu! Hễ Ngài thấy trên mặt đất có rác rưởi, những thứ gì vậy? Đồng nát, sắt vụn, Ngài liền lượm lấy nuốt luôn, người thường có thể làm được hay không? Đồng, sắt đã han rỉ, Ngài cũng chẳng cần lau chùi, cứ nhặt lên, ăn luôn. Còn có người cúng tiền cho Ngài, tiền giấy! [Tiền] dơ bẩn khôn cùng, tay [bao nhiêu người] chạm vào, quý vị đưa cho Ngài, Ngài nuốt luôn! Ngài là người như vậy đó! Quý vị thấy cả đời Ngài chẳng tắm rửa, suốt đời là một bộ quần áo, cổ áo cáu ghét (hờm) bám đen thui, cổ áo đấy nhé! Nhưng quý vị ngửi, có mùi hoa sen; còn lạ lùng hơn nữa là gì? Còn có thể chữa bệnh. Có những người nhức đầu, chẳng thoải mái, hễ ngửi liền khỏi, bệnh chẳng còn nữa. Ngài có năng lực ấy. Vì thế, thoạt đầu pháp sư Lạc Quan ở chung với Ngài, mấy hôm đầu thấy Ngài điên điên, khùng khùng, trong tâm hơi coi thường Ngài. Trong tâm có ý niệm ấy, Ngài bèn nói toạc ý niệm ấy ra. Từ đó về sau, pháp sư cũng không dám khởi tâm động niệm nữa. Ngài biết toàn bộ, mới biết Ngài chẳng phải là phàm nhân. Đó là gì? Đã đạt cảnh giới *“cảnh chuyển theo tâm, tùy ý tự tại”.*

 Chúng ta đọc phần kinh văn này rất hâm mộ. Phật, Bồ Tát bảo chúng ta: Rất đơn giản, chỉ cần quý vị buông phân biệt, chấp trước xuống, sẽ có thể giống như Ngài. Vì sao? Đó là bản năng của quý vị, quý vị vốn sẵn có, chẳng hiếm hoi, lạ lùng tí nào! Quý vị cũng vốn sẵn có trí huệ của Phật, Bồ Tát, chỉ cần buông những thứ ấy xuống là được! Công phu chân chánh chẳng phải là điều gì khác, chỉ là buông xuống! Chúng ta niệm kinh, niệm kinh sẽ có thể khai trí huệ ư? Đúng vậy! Biết niệm sẽ khai trí huệ; không biết niệm sẽ tăng trưởng phiền não. Biết niệm là gì? Khi niệm kinh, buông phân biệt, chấp trước xuống, đó là *“biết niệm”*. Khi niệm kinh, hễ còn có phân biệt, chấp trước thì là chẳng biết niệm. Niệm kiểu đó, không chỉ chẳng thể đoạn phiền não, mà còn sanh ra phiền não. Phiền não gì vậy? Sở Tri Chướng. Quý vị đã có Phiền Não Chướng, nay lại có thêm Sở Tri Chướng, sai mất rồi! Do đó, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta ba nguyên tắc trong niệm kinh, chúng ta phải ghi nhớ. Niệm kinh, thính giáo (tức là nghe giảng), đều phải tuân thủ các nguyên tắc ấy: Nghe giảng đừng chấp trước tướng ngôn thuyết, đừng chấp trước tướng danh tự, đừng chấp trước tướng tâm duyên. Trong tâm quý vị chớ nên có phân biệt, chớ nên chấp trước, đừng suy nghĩ, hãy nhất tâm nghe kinh, quên sạch những ý niệm khác, đều buông xuống, đó gọi là *“biết nghe”.* Nghe kinh như vậy có thể đắc Định, có thể khai ngộ. Kẻ chẳng biết nghe chính là lũ phàm phu chúng ta mong nghe giảng, nghe người ta giảng nói như thế nào, bèn nhớ kỹ từng câu trong lòng. Hễ thuận với ý mình, bèn sanh tâm hoan hỷ; hễ trái với ý nghĩ của mình, bèn phê bình. Đó gọi là *“sanh phiền não”*. Quý vị nghe giảng hoặc đọc xong, tâm sanh mừng, giận, buồn, vui, sanh khởi những thứ ấy. Người thật sự biết nghe, sẽ đạt được gì? Đạt được thanh tịnh, bình đẳng, giác, đạt được những điều ấy, đó là biết nghe! Nói cách khác, nghe kinh lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm duyên, lìa tướng danh tự, đó là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Khi đọc kinh, chớ nên chấp trước tướng văn tự! Văn tự là phù hiệu ngôn ngữ. [Mã Minh Bồ Tát] dạy chúng ta đừng chấp trước tướng ngôn thuyết. Chúng ta cũng đừng nên chấp tướng văn tự, mà cũng đừng chấp trước tướng danh tự, cũng chớ nên phân biệt, chẳng cần suy nghĩ câu này có ý nghĩa gì, câu kia có ý nghĩa gì, chẳng cần phải suy nghĩ! Đọc kinh như vậy, sẽ có thể đắc Thiền Định, sẽ có thể khai ngộ. Vì thế, biết và không biết có quan hệ rất lớn. Thứ gì quý vị cũng đều hiểu, hãy nắm lấy nguyên lý và nguyên tắc của chúng.

Vì sao ta nghe kinh? Vì sao ta đọc kinh? Nhằm khai ngộ, nhằm tu tâm thanh tịnh. Chúng ta cùng nhau cộng tu hai tiếng đồng hồ, cùng nhau chia sẻ, có phải là trong hai tiếng đồng hồ ấy tâm địa thanh tịnh, chẳng có tạp niệm xen vào đó, nhất tâm nơi kinh giáo hay không? Nếu như thế thì đúng. Nghe kinh giáo mà chẳng chấp trước kinh giáo thì đúng, hoàn toàn đúng. Đến khi thuần thục, xác thực là cảnh chuyển theo tâm, công phu của quý vị sâu xa. Công phu sâu là gì? Ý niệm thật sự tương ứng với tự tánh, phiền não, tập khí dần dần nhạt mỏng, dần dần tiếp cận trí huệ và đức tướng trong tự tánh, tự tánh khởi tác dụng. Nay chúng ta chẳng khởi tác dụng, vì sao? Chúng ta rất gần với phiền não tập khí, nên Tánh Đức chẳng khởi tác dụng. Chuyện này không quan trọng cho lắm, thời gian chúng ta nghe kinh quá ít, công phu chẳng đủ! Vì thế, thật sự có hoàn cảnh tu học, mỗi ngày có thể nghe kinh mười tiếng đồng hồ, tôi tin tưởng là ba tháng hay nửa năm, quý vị sẽ biến đổi. Phương pháp ấy hết sức hữu hiệu đối với người căn tánh trung hạ, nay chúng ta gọi họ là “phần tử trí thức”. Phần tử trí thức tu học [phương pháp ấy] đặc biệt có hiệu quả. Quý vị bảo phần tử trí thức tham Thiền không được, vì họ chẳng thể định; bảo họ niệm Phật cũng không được, họ chẳng niệm được, vọng tưởng, tạp niệm quá nhiều. Vì thế, người bình phàm có hai căn bệnh lớn, một là hôn trầm, hai là lao chao.

Hôn trầm là gì? Tinh thần chẳng thể phấn chấn được, ngồi lâu bèn ngủ gà ngủ gật, ngủ mất tiêu! Không chỉ ngồi mới ngủ, mà đứng cũng ngủ. Thuở chúng tôi còn trẻ, xuất gia, công khóa sáng tối lên chánh điện tụng kinh, mọi người xếp hàng đứng vào chỗ, liền nghe có người ngáy, đứng ngay ở đó mà ngáy, hôn trầm mà! Lão hòa thượng dùng hương bản đập người ấy, người ấy cứ đứng đó mà ngủ! Còn có người công phu giỏi hơn nữa! Vừa đi vừa ngủ, đi nhiễu Phật, khi đi nhiễu Phật họ ngáy o o, rất lợi hại! Do đó, đấy là tật xấu!

Một căn bệnh khác là gì? Tâm chẳng thể định! Chẳng ngủ gục, tinh thần tốt lắm, vọng niệm rất nhiều, đó gọi là *“trạo cử”* (掉舉: điệu cử, lao chao). Phật môn nói hai thứ tập khí phiền não ấy rất nặng, đều khiến cho tâm chẳng định được. Đối với kẻ chẳng thể định tâm, đức Phật dùng phương pháp tu Định để giúp đỡ họ. Đối với kẻ chẳng thể phấn chấn tinh thần, hôn trầm, có một cách là bảo kẻ ấy nhiễu Phật, kinh hành. Khi kinh hành, kẻ ấy vẫn ngủ gà ngủ gật thì còn có một cách nữa là bảo kẻ ấy lạy Phật. Vì thế, trong Phật môn, đối với hạng người đó, lão hòa thượng quy định công khóa của họ là mỗi ngày ba ngàn lạy. Ba ngàn lạy thì gần như là bảy tám tiếng đồng hồ. Đúng vậy! Làm như thế có thể chữa khỏi tật xấu của kẻ ấy.

 *“Như Tịnh Ảnh Sớ vân: Do thành thắng thông, ư nhất thiết vật biến hóa tùy ý, cố năng lợi vật, danh vi tự tại”* (Như Tịnh Ảnh Sớ nói: “Do thành tựu thần thông thù thắng, nên trong hết thảy các vật có thể biến hóa tùy ý. Vì thế, có thể lợi vật, gọi là tự tại”). Trong bản chú giải, ngài Huệ Viễn đã nói như vậy. *“Do thành thắng thông”*, [nghĩa là] các Ngài (các vị Bồ Tát dự hội) đã thành tựu thần thông thù thắng. *“Thắng thông”* (勝通) là nói tới thành tựu của Bồ Tát, cao hơn A La Hán, trong hết thảy các vật có thể biến hóa tùy ý, thật sự có thể làm giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: *“Thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng tiếp nhận của họ”*, tùy vật (隨物: tùy thuận chúng sanh) mà biến hóa, trọn chẳng phải do chính mình khởi tâm động niệm, mà là tự nhiên, thuận theo ý niệm của chúng sanh mà biến hóa. Trong kinh Tiểu Thừa, trong tám tướng thành đạo có tướng hàng ma, trong kinh Đại Thừa chẳng có. Kinh Đại Thừa dạy: Vì Ngài chẳng phân biệt, nên chẳng có Phật, mà cũng chẳng có ma. Phật và ma chẳng có sai biệt, hoàn toàn do chính mình dụng tâm. Tâm của chính mình thanh tịnh, thiện lương, ma cũng là Phật. Tâm của chính mình chẳng thanh tịnh, bất thiện, Phật cũng là ma. Nói thật ra, hiện tượng bên ngoài chẳng có đúng, sai, thiện, ác, mà cũng chẳng có chân, vọng, tà, chánh. Đúng, sai, thiện, ác, chân, vọng, tà, chánh đều do tâm của chính chúng ta, tâm chúng ta phản ứng, điểm này rất quan trọng! Nếu chúng ta muốn thấy Phật, quý vị thật sự tu tâm thanh tịnh, tu một bầu thiện tâm, thiện tâm là gì? Trong mỗi niệm, tâm luôn vì hết thảy chúng sanh khổ nạn thì là thiện tâm. Hễ có một niệm vì chính mình, tâm ấy bất thiện, trong một niệm ấy, hễ có nhân tố của vô lượng phiền não xen lẫn, sẽ là ô nhiễm, bất thiện. Vì thế, điều quan trọng đối với chúng ta là phải sửa đổi ý niệm.

 Trước kia, chẳng dễ gì sửa đổi ý niệm; nay đã dần dần hiểu, hiểu điều gì? Vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới do tâm tánh của chính mình biến hiện, có cùng một Thể với chính mình, nên chẳng còn chấp trước thân này là ta. Ta là gì? Khắp pháp giới hư không giới là ta. Chẳng phải là coi người khác giống như chính mình, mà là người khác và ta thật sự là một Thể. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật giảng, tự tánh của chúng ta giống như biển cả, nên gọi là *“tánh hải”*, dùng tỷ dụ ấy. Quý vị, tôi, người khác, do đâu mà có? Là bọt nước trồi lên trong biển cả! Nếu quý vị giác ngộ, bọt nước dẫu nhiều đến đâu đi nữa, vẫn là một biển cả, là một với chính mình. Đã ngộ, biển cả là chính mình; hễ mê, ngỡ bọt nước là chính mình, quý vị, tôi và người khác biến thành đối lập, đó là mê. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, chúng ta cũng niệm rất thuần thục, nhưng chẳng liễu giải ý nghĩa thật sự. Chẳng hạn như kinh dạy: *“Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”*, một thân đấy nhé! Thân gì vậy? Thân ấy là chân thân, tức Pháp Thân! Vì thế, Giáo Hạ mới thường nói: *“Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”*. Vô minh đã phá, liền chứng đắc Pháp Thân. Vô minh là gì? Khởi tâm động niệm. Vốn chẳng khởi tâm, không động niệm, Pháp Thân liền hiện tiền. Pháp Thân là gì? Khắp pháp giới hư không giới là chính mình, đó là Pháp Thân. Pháp Thân bất sanh, bất diệt, Pháp Thân chẳng đến, chẳng đi. Những câu ấy trong kinh điển rất khó hiểu, vì sao là bất sanh, bất diệt? Vì sao chẳng đến, chẳng đi? Trung Quán Luận nói tám chữ Bất [[11]](#footnote-12)[6]. Đọc Hoàn Nguyên Quán rồi mới coi như hiểu rõ. Vì thế, [hiểu rõ] vạn pháp trong vũ trụ và chính mình là một Thể, tâm từ bi bèn sanh khởi. Trí huệ hiện tiền, tâm từ bi sanh khởi. Thật sự yêu thương hết thảy chúng sanh, trông thấy chúng sanh trong lục đạo, sanh khởi tâm thương xót: “Ta rất may mắn, ở trong lục đạo mà giác ngộ. Suốt một đời này, nhất tâm nhất ý không chỉ mong thoát khỏi lục đạo, mà còn muốn thoát khỏi mười pháp giới”. Phương pháp có thể nắm chắc nhất, đáng tin cậy nhất là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Sanh vào Tịnh Độ, liền vượt thoát mười pháp giới, sanh Tịnh Độ bèn thành Phật, phải biết điều này. Do đó, trong vô lượng pháp môn, đây là pháp môn thù thắng khôn sánh. Hơn nữa, chỉ cần phát tâm học, chẳng có ai không thành tựu!

 Chỉ có đạt đến thành tựu ấy thì mới có thể giống như Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh trong mười pháp giới thuộc mười phương các cõi Phật trọn khắp pháp giới hư không giới. Chính chúng ta chưa vượt thoát, làm sao có thể giúp họ cho được? Chính mình vượt thoát, cách duy nhất để nắm chắc, để có thể thành tựu trong một đời, Phật, Bồ Tát đều sẽ giúp đỡ, chiếu cố chúng ta, là phải nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật. Chớ nên so đo phẩm vị vãng sanh, không cần thiết! Ngẫu Ích đại sư đã vì chúng ta thị hiện, lão nhân gia nói: *“Chỉ cần hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tôi đã thỏa ý rồi”*. Ngẫu Ích đại sư chẳng phải là phàm nhân, bộ Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngài tuyệt hay! Theo lời Bạt ở cuối sách ấy, Ngài viết xong bộ Yếu Giải trong chín ngày! Pháp sư Ấn Quang đã tán thán cuốn sách nhỏ ấy tột bậc. Trong Văn Sao, khi nhắc tới Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngài đã viết: *“Dẫu cổ Phật tái lai trong thế gian này để viết chú giải kinh Di Đà, cũng chẳng thể hay hơn bản ấy được!”* Quý vị thấy Ấn Quang đại sư tán thán như vậy, lời tán thán ấy tuyệt diệu thay! [Tổ đã] coi Ngẫu Ích đại sư như chư Phật Như Lai. Nói cách khác, bản chú giải Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư giống như A Di Đà Phật tự mình trước tác. Rất nhiều người biết Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Đại Thế Chí là Đẳng Giác Bồ Tát, Ngài tán thán Ngẫu Ích đại sư như vậy, thân phận của Ngẫu Ích đại sư đã bị bộc lộ. Từ câu nói ấy của Ấn Quang đại sư, chúng ta có thể liên tưởng nếu Ngẫu Ích đại sư chẳng phải là Phật Di Đà tái lai, chắc chắn cũng là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai.

 Chúng ta học Tịnh Độ, nếu ngại kinh Vô Lượng Thọ phân lượng còn quá nhiều, rất khó tiếp nhận, hãy học Yếu Giải, được lắm! Quá hay! Tám ngàn năm trong thời Mạt Pháp sau này, vô lượng chúng sanh hữu duyên đắc độ, tôi tin là do nhờ vào hai bản kinh sách, một là Di Đà Yếu Giải, hai là bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của Hạ lão cư sĩ. Thật sự có năng lực để chuyên tu, chúng xuất gia trong đạo tràng hãy nên lấy Yếu Giải làm khóa sáng, lấy kinh Vô Lượng Thọ làm khóa tối, hoặc lấy kinh Vô Lượng Thọ làm khóa sáng, Yếu Giải làm khóa tối, đều được, khế cơ mà! Trong hiện thời, khóa bổn trong các chùa miếu do cổ nhân ấn định, thời ấy thì được, chứ trong thời đại này sẽ chẳng khế cơ. Vì thế, khi Tịnh Tông Học Hội thành lập, các đồng học muốn tôi biên soạn một bản khóa tụng. Lúc đó, tôi ở Mỹ, liền chọn bản này, tức là bản kinh Vô Lượng Thọ: Khóa sáng niệm phẩm thứ sáu gồm bốn mươi tám nguyện, [đó là] kinh văn để tụng niệm trong khóa sáng. Khóa tối cũng dùng bản này, từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy. Đoạn kinh văn ấy khá dài, đó là gì? Giới luật, Ngũ Giới, Thập Thiện, dạy chúng ta đoạn ác, tu thiện, thật sự sám hối, thật sự được thọ dụng. Khóa sáng gồm bốn mươi tám nguyện nhằm nhắc nhở chúng ta; khóa tối là một đoạn lớn kinh văn sám hối, sám trừ nghiệp chướng. Kinh văn như vậy chẳng thể coi là rất dài, học dễ dàng. Bản này cũng được lưu thông rất rộng, rất thích hợp cho các đồng học hiện thời tu học.

 Tiếp đó, sách viết: *“Đại sĩ thần thông tự tại, ư nhất thiết vạn vật tâm vô câu thúc, tùy duyên biến hóa, nhiêu ích chúng sanh”* (Ðại sĩ thần thông tự tại, trong hết thảy vạn vật, tâm chẳng bị câu thúc, tùy duyên biến hóa lợi ích chúng sanh). Tiếp đó là nêu một tỷ dụ: *“Nạp Tu Di ư giới tử, chuyển tứ hải nhập mao đoan, tùy ý lợi tha, cố vân tự tại”* (Bỏ núi Tu Di vào trong hạt cải, chuyển bốn biển vào trong một đầu lông, tùy ý lợi người, nên bảo là “tự tại”). Nói về sự tự tại, tự tại đến mức độ nào? Nêu lên tỷ dụ ấy. *“Tu Di”* là núi Tu Di, tức là quả núi cao nhất, to nhất trên thế gian này. Bỏ quả núi ấy vào đâu? Đặt trong hạt cải, hạt cải rất nhỏ, giống như hạt mè. Bỏ núi Tu Di vào trong hạt cải, hạt cải chẳng phình to, núi Tu Di chẳng rút nhỏ, mà có thể bỏ vào được! Bốn đại hải còn lớn hơn nữa. *“Tứ đại hải”* là các đại dương trên địa cầu. Đem các đại dương bỏ vào trong đầu sợi lông. [“Mao đoan” (毛端)] là sợi lông, bỏ [bốn đại hải] trong một sợi lông! Nói lên điều gì? Lớn và nhỏ chẳng hai, thật vậy, chẳng giả! Nay chúng ta không buông xuống được, chẳng có cách nào buông xuống được, do nguyên nhân nào? Chúng ta chấp trước có cái lớn, cái nhỏ. Chỉ cần quý vị có chấp trước, nó liền khởi tác dụng: Lớn có thể dung nạp nhỏ, nhưng nhỏ chẳng thể dung nạp lớn. Nếu chúng ta buông chấp trước xuống, sẽ làm được chuyện ấy.

 Công phu tu hành chẳng có gì khác, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà thôi. Đó là tu hành nghiêm túc. Người thượng thượng căn buông gì xuống? Khởi tâm động niệm, người ấy buông khởi tâm động niệm xuống, đương nhiên phân biệt, chấp trước đều chẳng còn. Chúng ta biết phân biệt sanh từ khởi tâm động niệm, chấp trước sanh từ phân biệt. Không khởi tâm, không động niệm, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, bậc thượng thượng căn dùng công phu ấy. Bất luận trong cảnh giới nào, họ đều có thể tiếp xúc, nào ngại vạn vật thường vây quanh. Họ đều tiếp xúc, nhưng chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là công phu của Pháp Thân Bồ Tát. Khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, đó là công phu của Bồ Tát. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chẳng có chấp trước, đó là công phu của A La Hán và Bích Chi Phật. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước toàn bộ đều có, đó là lục đạo phàm phu. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn nhằm tu gì? Tông Môn nói: Tu không động tâm. Tu vô tâm trong vạn vật. Tu điều ấy, tu vô tâm trong vạn vật. Tu ngay trong vạn vật, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là tu hành thật sự. Người tu hành tâm vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, đó là Tự Thọ Dụng, đối với người, đối với vật đại từ đại bi. Đại từ đại bi là gì? Người ấy dùng cái tâm bình đẳng, đối với hết thảy chúng sanh, chẳng có lòng yêu thương thiên vị, ưa chuộng riêng một ai, chẳng có! Hoàn toàn là bình đẳng, cùng với chính mình là một Thể, đó là chân tu.

 Trong thời đại hiện tiền, tai nạn hiện tiền cũng có lợi. Chúng tôi cũng thường nói: “Đại tai nạn hiện tiền, khơi gợi nhiều người giác ngộ”. Chúng ta phải từ mê hoặc, điên đảo quay lại, quyết định chớ nên làm chuyện tự tư tự lợi, phải đối đãi bình đẳng, phải cư xử hòa thuận, [phải có thái độ coi hết thảy chúng sanh là] những người đồng hội đồng thuyền với ta, hãy nên giúp đỡ lẫn nhau. Hiện thời, trên khắp địa cầu xuất hiện rắc rối, địa cầu giống như một chiếc thuyền trong vũ trụ, chúng ta ngồi cùng thuyền phải giúp đỡ nhau, chớ nên còn phân biệt anh, tôi, người khác. Vạn vật là một Thể, vạn vật là một nhà, phải thành tâm thành ý hỗ trợ hợp tác. Chúng ta sửa đổi ý niệm như thế, chư vị phải biết, tai nạn sẽ hóa giải. Vì sao? Vật chuyển theo tâm, hoàn cảnh liền chuyển theo tâm. Hoàn cảnh hiện thời rối ren đến mức độ này là vì sao? Mỗi cá nhân tự tư tự lợi, chỉ biết có chính mình, chẳng nghĩ đến người khác, thậm chí khởi tâm động niệm đều là tổn người, lợi mình, nên mới biến địa cầu thành nông nỗi này! Các khoa học gia cho biết: Vật chất trong vũ trụ là giả, chỉ có ý niệm. Ý niệm là gì? Ý niệm là thức. Nhà Phật nói *“tâm hiện, thức biến”*, tự tánh có thể sanh, có thể hiện, nhưng nó chẳng biến đổi, còn thức sẽ biến. Thức là gì? Ý niệm, chuyển biến theo ý niệm. Ý niệm là chúng sanh trong mười pháp giới, chúng sanh trong lục đạo. Tâm địa của chúng sanh trong bốn thánh pháp giới đều thanh tịnh, vì họ chẳng có phân biệt, chấp trước. A La Hán và Bích Chi Phật chẳng có chấp trước, cao hơn nữa là Bồ Tát và Phật chẳng có phân biệt. Vì thế, các Ngài thanh tịnh; đó chính là Tịnh Độ; Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lục đạo luân hồi là uế độ; chúng sanh luân hồi trong lục đạo có phân biệt, có chấp trước, lại còn [phân biệt, chấp trước] vô cùng nghiêm trọng. Hiện thời, toàn thể phân biệt, chấp trước đều là sai lầm, đều bất thiện, vi phạm toàn bộ mười điều lành do đức Phật đã dạy.

 Do đó, thế giới hiện thời là thế giới Thập Ác, giết, trộm, dâm, dối, ác khẩu, nói đôi chiều, nói thêu dệt, tham, sân, si, toàn là những thứ ấy, toàn bộ! Ngược lại, những người thật sự tu Thập Thiện Nghiệp, chẳng giết, chẳng trộm, chẳng dâm, chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng nói thêu dệt, chẳng ác khẩu, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, quá ư là ít! Đúng là trong một vạn người, khó tìm được một kẻ! Sở dĩ thế giới biến thành như vậy, sở dĩ xã hội biến thành như vậy, chúng ta phải biết: Chẳng do nguyên nhân nào khác, mà là do ý niệm của cư dân trên địa cầu, do ý niệm của chúng sanh trên địa cầu. Chúng ta có thiện niệm, địa cầu ngay lập tức khôi phục bình thường. Nếu vẫn chẳng biết quay đầu, tai nạn còn nghiêm trọng hơn! Tai nạn trong hiện thời vừa mới khởi đầu, chẳng phải đến mức này là xong. Hiện thời mới vừa bắt đầu, sau này sẽ còn nhiều rắc rối to lớn! Vì thế, chúng tôi hy vọng các đồng học học Phật, bất luận là học từ [truyền hình] vệ tinh, hay học từ Internet, chúng ta cùng học một bộ kinh Vô Lượng Thọ, cùng niệm câu A Di Đà Phật, hãy noi theo lý luận trong kinh giáo, biến lý luận thành tư tưởng của chúng ta, biến giáo huấn trong kinh điển thành hành vi của chúng ta. Tôi tin tưởng các đồng học chúng ta số lượng chẳng ít, các đồng học Tịnh Tông trên toàn cầu đều có thể làm như vậy, sẽ có cống hiến rất lớn đối với thế giới, vãn hồi kiếp vận. Các nhà khoa học nói chỉ cần có tám ngàn người là đủ, tôi tin tưởng chúng ta chắc chắn không chỉ có tám ngàn người, mà còn vượt xa số đó. Chúng ta phải có tín tâm, phải có đại nguyện, nhất định thực hiện từ chính mình, toàn tâm toàn lực thực hiện.

 Điều quan trọng nhất là biết chân tướng sự thật, thân chẳng phải là ta, linh tánh là ta. Thân có sanh diệt, linh tánh chẳng diệt. Biết linh tánh chẳng diệt, quý vị sẽ coi trọng định luật nhân quả. Chúng ta chưa vượt thoát mười pháp giới, chắc chắn không thoát khỏi định luật nhân quả. Trong mười pháp giới, thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo. Chúng ta quyết định chẳng kết ác duyên, quyết định chẳng tạo nhân ác. Chúng ta chỉ có một mục tiêu, một phương hướng, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Đã thành tựu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là như kinh đã dạy, chúng ta phải báo ân cha mẹ. Cha mẹ sanh ra thân thể này, chúng ta mới có duyên tiếp xúc Phật pháp. Phải báo ân Phật, Bồ Tát; nếu Phật, Bồ Tát chẳng giáo huấn, đời này chúng ta làm sao có thể thành tựu cho được? Dùng phương pháp gì để báo ân? Chính mình thành Phật, sau đấy phỏng theo chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ cũng trụ trong khắp pháp giới hư không giới, giống hệt như kinh đã dạy, dùng vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông, đạo lực để ứng hóa trong mười pháp giới, giúp đỡ hết thảy chúng sanh còn chưa giác ngộ. Đó là báo ân chân chánh, báo ân cha mẹ đời đời kiếp kiếp, báo ân Phật Như Lai và ân thầy.

 Chúng ta xem hai câu cuối cùng: *“Vị chư thứ loại, tác bất thỉnh chi hữu”* (Vì muôn loài, làm bạn chẳng thỉnh). Quý vị thấy phía trước toàn là nói về tự độ, câu này là độ tha. Sau khi tự độ, nhất định phải độ tha. Hy vọng Pháp Thân của chúng ta vĩnh viễn khỏe mạnh, hễ còn có mê, bất giác, còn đọa trong lục đạo, tức là Pháp Thân của chúng ta còn có chút bệnh tật, vẫn chưa hoàn toàn khôi phục, chúng ta phải chỉnh sửa chút bệnh vặt ấy. Tiếp đó, [cụ Hoàng] giảng: *“Thứ giả, phàm thứ”* (Thứ (庶) là bình phàm), chúng ta thường nói là phàm phu, chỉ lục đạo chúng sanh. *“Loại giả, phẩm loại”* (loại (類) là phẩm loại), tức các loại. *“Hựu thứ giả, chúng dã, thứ loại chỉ chúng sanh”* (Thứ còn có nghĩa là Chúng, chữ “thứ loại” chỉ chúng sanh), đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo. *“Bất thỉnh chi hữu giả, Hội Sớ vân: Chúng sanh bối giác”* (Sách Hội Sớ giảng về “bạn chẳng thỉnh” như sau: “Chúng sanh trái nghịch giác”), *“giác”* là giác ngộ, cũng chính là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” như trong tựa đề kinh đã nói. Vốn là giác, giác là Phật. Vì lẽ đó, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật thường dạy: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật, vốn đã thành Phật”* đều là nói theo giác. Trong tựa đề kinh này, thanh tịnh là A La Hán, là Bích Chi Phật, các Ngài đắc thanh tịnh tâm; bình đẳng là Bồ Tát; giác là Phật. Nay lục đạo phàm phu chúng ta trái nghịch toàn bộ, không chỉ là bất giác, mà còn là bất bình đẳng. Bất bình đẳng là gì? Có phân biệt. Lại còn chẳng thanh tịnh; chẳng thanh tịnh là có chấp trước. Có chấp trước sẽ không thanh tịnh, có phân biệt sẽ không bình đẳng, bất giác là mê. Vì vậy, chúng sanh trái nghịch giác, vi phạm thanh tịnh, bình đẳng, giác. *“Trầm mê phiêu lưu”* (chìm đắm, mê muội, phiêu giạt), mấy câu này hình dung sự trầm mê trong lục đạo, mê rất sâu, trôi giạt trong lục đạo, hình dung họ phải theo nghiệp chịu báo mà luân hồi trong lục đạo. Ý nghĩa được bao hàm trong câu này vô cùng sâu.

 Con người hiện thời chẳng biết nhân quả đáng sợ, dám tạo tội nghiệp. Xã hội hiện thời loạn như thế, nguyên nhân chủ yếu nhất là sát sanh. Phàm là các chúng sanh có sanh mạng, chúng ta thường gọi là “động vật”, quý vị giết nó, nó có oán hận hay không? Nó chẳng có khả năng chống cự, bị quý vị giết, bị quý vị ăn, nó có cam tâm tình nguyện hay không? Nếu chẳng cam tâm, không tình nguyện, nó có báo thù hay không? Nhất là giết người, hiện thời mỗi ngày giết người bao nhiêu? Ví dụ rõ ràng nhất là phá thai. Phá thai là sát nhân, chẳng phải là giết ai khác, mà chính là giết con cái của chính mình. Trên thế giới mỗi ngày có bao nhiêu [trường hợp phá thai]? Đáng sợ quá! Mỗi năm giết bao nhiêu? Nó có duyên với quý vị, đến làm con cái của quý vị. Nếu là báo ân, quý vị giết nó đi, sẽ biến thành cừu nhân. Nó đến báo oán, quý vị giết nó, cừu hận càng sâu! Oán khí ấy kinh khủng lắm! Nó đến đòi nợ, hoặc trả nợ, nợ nần còn đang tranh chấp, nay biến thành sát nghiệp, lại biến thành nợ mạng, đáng sợ quá! Người hiểu nhân quả quyết định chẳng dám làm chuyện này, rất đáng sợ! Hiện thời, không khí ô nhiễm, mỗi ngày quý vị thấy bầu trời xám mù mịt. Đó là gì vậy? Oán khí đấy, chẳng phải là thứ gì khác! Những chuyện con người đang làm hiện thời còn thua cả súc sanh! Súc sanh như sư tử, cọp chẳng ăn con cái của chính mình, sẽ không tổn hại chúng! Con người hiện thời ngay đến súc sanh mà vẫn chẳng bằng, đáng sợ quá! Oan oan tương báo chẳng dứt, chẳng xong, phiền phức to lắm! Ăn thịt hết thảy các động vật lại chẳng cần phải nói nữa. Chẳng có động vật nào cam tâm tình nguyện đem thân thể của chính mình dâng lên cúng dường quý vị. Quý vị giết nó, muốn ăn thịt nó, nó biết, tìm mọi cách chạy trối chết, nhưng trốn chẳng thoát! Bị quý vị giết, bị quý vị ăn. Trong hết thảy ác nghiệp, sát sanh xếp hàng đầu. Trong Ngũ Giới, điều đầu tiên là chẳng sát sanh. Trong Thập Thiện, điều đầu tiên cũng là không sát sanh. Vì thế, trong giới luật Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, điều được khẳng định đầu tiên là không sát sanh. Đó là chư Phật Như Lai đại từ đại bi, thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta, quyết định chớ nên tạo tội nghiệp ấy. Muỗi, trùng, kiến đều có sanh mạng, chớ nghĩ chúng là nhỏ nhoi, mỗi con cũng là một mạng. Kẻ thường sát sanh, điều thứ nhất, chắc chắn là thân thể chẳng tốt, nhiều bệnh, lắm tai ương, nhiều bệnh tật, đời sau là quả báo trong tam đồ, làm sao có thể trốn thoát cho được! Trong một đời này, bất cứ lúc nào đều có oán thân trái chủ theo bên thân quý vị, quý vị có dễ sống hay chăng? Những lời này chẳng phải là nói láo nghe chơi, mà là chân tướng sự thật.

 Vì lẽ đó, lão pháp sư Ấn Quang suốt đời đề xướng nhân quả là có lý. Để cứu vớt xã hội hiện thời, luân lý và đạo đức hữu dụng hay không? Nói thật ra, chẳng hữu dụng! Thứ gì hữu dụng? Giáo dục nhân quả hữu dụng, dùng giáo dục luân lý đạo đức để phụ trợ giáo dục nhân quả. Chúng ta nhất định phải biết: Người được giáo dục luân lý, đạo đức, xấu hổ vì làm ác. Cổ nhân nói: Họ cảm thấy làm chuyện bất thiện sẽ là chuyện mất mặt, chẳng muốn làm; nhưng người được giáo dục nhân quả không dám làm ác, sức mạnh ấy mới to lớn. Người được hưởng giáo dục luân lý đạo đức rất tốt đẹp, nhưng gặp phải tình cảnh “danh cao, lợi dầy” như cổ nhân đã nói, vẫn có thể bị động tâm, vẫn là biết rõ mà cố phạm, vì thấy lợi ích to tát trước mắt mà làm. Nếu hiểu nhân quả, người ấy sẽ chẳng dám làm. Vì thế, trong An Sĩ Toàn Thư có hai câu nói rất hay: *“Ai nấy tin nhân quả là đạo đại trị trong thiên hạ. Ai nấy chẳng tin nhân quả là đạo khiến cho thiên hạ đại loạn”*. Ấn Quang đại sư lão nhân gia giới thiệu An Sĩ Toàn Thư, nói bộ sách ấy là “kỳ thư bậc nhất trong thiên hạ”, toàn bộ đều giảng về nhân quả. Cả bộ sách ấy chia làm bốn phần, phần thứ nhất là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, khuyên con người tích âm đức, đoạn ác tu thiện, đó là tích âm đức. Phần này có phân lượng rất lớn, gần như chiếm nửa bộ sách. Nửa còn lại của bộ sách gồm có ba thiên, Vạn Thiện Tiên Tư khuyên kiêng giết, Dục Hải Hồi Cuồng khuyên kiêng dâm. Trong các tội nghiệp, hai điều này nặng nhất. Thiên cuối cùng là Tây Quy Trực Chỉ, khuyên quý vị niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ấn Quang đại sư suốt đời vì chúng ta thị hiện, tôi có cảm giác thật sâu đậm là Ngài đến thị hiện giáo dục nhân quả cho chúng ta, nhằm mục đích gì? Cứu vớt xã hội hiện tiền!

 Trong xã hội hiện tiền, nếu mỗi người trên thế giới đều tin nhân quả, thế giới này còn được cứu. Nếu ai nấy chẳng tin nhân quả, thế giới này hết cách cứu! Tin nhân quả, luân lý đạo đức liền có tác dụng, sẽ biến thành đất nước lễ nghĩa, xã hội hòa hài sẽ xuất hiện. Dẫu chưa thể đạt đến thời thịnh trị đại đồng, thì cũng có thể thấy là thời tiểu khang. Không tin nhân quả, chẳng thể được! Nhân quả là thật, chẳng giả, ở ngay trước mắt, ở ngay chung quanh. Quý vị chú tâm quan sát đôi chút, kẻ làm ác sẽ bị báo ứng hiện tiền rất nhanh, quý vị còn có thể chẳng tin ư? Ở Đài Loan, tôi biết cảnh sát hình sự cũng như y tá và bác sĩ trong bệnh viện đều tin tưởng, vì sao? Họ đã trông thấy. Trước kia, tôi có một bạn học là tổ trưởng của bác sĩ nội trú trong bệnh viện Vinh Dân tại Đài Loan. Ông ta nói họ hết sức tin tưởng quỷ thần, vì sao? Đã trông thấy! Trong Phật pháp có nói vô thường đại quỷ, bạch vô thường, hắc vô thường. Nếu ở cửa phòng bệnh nhân, chỉ cần thấy có quỷ vô thường, liền biết người bệnh ấy tối đa ba ngày là chết. Vì bác sĩ lẫn y tá đều trông thấy, nên họ tin tưởng. Cảnh sát hình sự tin tưởng. Có mấy vị sĩ quan cảnh sát cao cấp đều học Phật, vô cùng kiền thành. Họ kể với tôi: Những vụ án hình sự tại Đài Loan, tức là các án sát nhân, tám mươi lăm phần trăm trở lên, phá án bằng cách nào? Đều do những oan hồn bị sát hại giúp cảnh sát hình sự tìm thấy thi thể mà phá được án. Nếu chẳng có những người thuộc linh giới đến giúp đỡ, rất nhiều vụ án chẳng có cách nào phá được! Những linh quỷ ấy, có lúc báo mộng, đôi khi nhập vào người khác, hướng dẫn cảnh sát hình sự phá án. Vì thế, cảnh sát hình sự ở Đài Loan hễ phá án không được, liền thắp hương, vái lạy, lạy linh quỷ: “Ngươi hãy lập tức giúp ta, chúng ta đang gặp khó khăn”, họ sẽ thật sự giúp đỡ quý vị. Vì thế, quý vị hỏi họ, chẳng có ai không tin. Đúng là oan gia có đầu, nợ nần có chủ. Do vậy, *“trầm mê phiêu lưu”* có ý nghĩa rất sâu, đó là lục đạo chúng sanh.

 *“Sanh manh vô mục, vô hy xuất tâm”* (sanh manh không có mắt, không có lòng mong được thoát), câu này là tỷ dụ. *“Sanh manh”* (生盲) là sanh ra, mắt liền mù, chẳng nhìn thấy. Đây là tỷ dụ chúng sanh chẳng có trí huệ, chẳng có tâm hoặc ý niệm mong mỏi thoát khỏi lục đạo luân hồi, chẳng có ý niệm ấy. *“Bồ Tát mẫn chi, vô bì yếm niệm, thường vi bất thỉnh chi hữu, tùy trục ái hộ”* (Bồ Tát thương xót họ, không có ý nghĩ mỏi nhàm, thường làm bạn chẳng thỉnh, thường yêu thương, che chở). Quả thật rất khó có, lòng từ bi của Bồ Tát vượt xa cha mẹ. Cha mẹ yêu thương, che chở con chỉ một đời, Phật, Bồ Tát yêu thương, che chở chúng sanh đời đời kiếp kiếp, vĩnh viễn theo sát quý vị, đợi quý vị quay đầu, đợi cho quý vị giác ngộ, tâm chẳng mỏi nhàm, chẳng mệt, chẳng chán! Các Ngài thường theo quý vị, thường làm*“bạn chẳng thỉnh”.* Quý vị chẳng cần tìm đến các Ngài, chẳng mời mọc, các Ngài vẫn tìm đến quý vị. Vì sao? Vì Bồ Tát biết chúng sanh và các Ngài là một Thể, có thể nào chẳng chiếu cố ư? Dẫu cho chúng sanh thật sự trầm mê chẳng ngộ, chẳng tin tưởng, không quan tâm, thậm chí phá hoại Phật, Bồ Tát, các Ngài vẫn chiếu cố quý vị. Quý vị tạo tác các nghiệp nặng nề ấy, [các Ngài] vẫn chẳng từ bỏ quý vị, từ bi đến cùng cực. Chẳng phải là quý vị không tin tưởng, lăng nhục, hủy hoại chư Phật, Bồ Tát thì chư Phật, Bồ Tát sẽ chẳng gia hộ quý vị. Chẳng phải vậy! Chẳng có lẽ ấy! Nếu chư Phật, Bồ Tát tức giận, chẳng gia hộ quý vị, đó là ma quỷ, chẳng phải là Phật, Bồ Tát. Nhưng quý vị tạo tác tội nghiệp, chắc chắn có báo ứng, quý vị phải tự gánh chịu chuyện ấy. Chẳng phải là do tạo tác những tội nghiệp ấy, Phật, Bồ Tát chẳng quở trách quý vị, vì sao? Tội có tánh tội, chính cái tâm của quý vị chẳng thiện lương, quý vị đáng phải nhận lãnh sự trừng phạt, sự trừng phạt ấy là tam đồ. Quý vị đọa lạc trong tam đồ, chẳng phải là Phật, Bồ Tát đẩy quý vị vào đó. Phật, Bồ Tát cũng chẳng muốn thấy quý vị đọa tam đồ, nhất định phải biết điều này. Do quý vị tạo tác tội nghiệp ấy, chẳng thể không đi vào đó. Nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may, chẳng liên quan gì đến Phật, Bồ Tát, mà cũng chẳng dính dáng gì đến Thượng Đế, cũng chẳng có liên quan gì đến vua Diêm La, hoàn toàn là tự làm, tự chịu. Nếu còn oán trời, hờn người, tội sẽ nặng thêm một cấp, đã có tội lại còn đèo thêm tội, rất đáng thương!

 *“Cố Niết Bàn kệ viết: Thế cứu yếu cầu nhiên hậu đắc, Như Lai bất thỉnh nhi vi quy”* (Vì vậy kinh Niết Bàn có bài kệ rằng: “Thế gian muốn được cứu thì phải cầu xin rồi sau đấy mới được cứu. Như Lai chẳng được thỉnh mà thường làm chỗ về nương”). Giải thích ý nghĩa câu kệ trong kinh Niết Bàn cũng nhằm nói lên ý nghĩa này. *“Thế gian phải cầu rồi sau đó mới được [cứu giúp]”*, chúng sanh có cảm, Phật mới có ứng, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh chẳng yêu cầu Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát vẫn đến, đó gọi là *“Như Lai chẳng thỉnh vẫn đến”. “Quy”* (歸) là trở về. Trong quá khứ, Phật, Bồ Tát cũng là phàm phu, đã từng sống trong lục đạo, nay các Ngài đã thành Phật, thành Bồ Tát, hiểu rất rõ chúng sanh trong lục đạo. Quá khứ đã trụ rất lâu trong đó, biết chúng sanh phiền não tập khí rất nặng, chỉ cần duyên chín muồi, các Ngài bèn đến. Duyên chín muồi là gì? Quý vị có thể tin tưởng, các Ngài sẽ đến. Quý vị có thể lý giải, các Ngài cũng tới. Nếu quý vị không tin tưởng, chẳng thể lý giải, các Ngài cũng không đến, nhưng âm thầm giúp đỡ, quý vị thấy đó: Các Ngài vẫn chẳng bỏ quý vị! Nếu quý vị tin tưởng, có thể tiếp nhận, các Ngài liền đến giúp quý vị rõ rệt, hiện thân thuyết pháp. Nếu quý vị hỏi: Vì sao từ bi dường ấy? Một Thể mà! Hãy ghi nhớ: Hết thảy chúng sanh trong trọn khắp pháp giới hư không giới và ta có cùng một Thể, cùng một Thể với Phật, chúng ta không biết, nhưng các Ngài biết. Vì thế, lòng từ bi của các Ngài được gọi là *“vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”*, *“vô duyên”* là chẳng có điều kiện. Đối với con cái, cha mẹ [yêu thương] vô điều kiện, vô tư dâng hiến. Phật, Bồ Tát đối với chúng sanh cũng giống như thế, nên gọi là *“đồng thể đại bi”.* Trong kinh Phật thường có câu này, đức Phật đã nói từ ba ngàn năm trước.

 *“Hựu bất thỉnh chi hữu, kiến Duy Ma Kinh viết: Chúng nhân bất thỉnh, hữu nhi an chi”* (Kinh Duy Ma lại giảng chữ *“bất thỉnh chi hữu”* như thế này: “Mọi người chẳng thỉnh mà vẫn làm bạn để giúp cho an ổn”). Người Hoa nói bằng hữu là một trong Ngũ Luân, *“bằng”* và *“hữu”* khác nhau. *“Bằng”* (朋) là bạn học, bạn học thì gọi là Bằng; *“Hữu”* (友) thân mật hơn Bằng, có cùng chí hướng mới gọi là Hữu. Vì thế, Hữu là đồng chí, Bằng là bạn học; bạn học chưa chắc đã có cùng chí hướng, nên đồng chí thân thiết hơn. Mọi người không thỉnh, quý vị thấy đó, [chư Phật, Bồ Tát vẫn] đến làm bạn để giúp cho họ được an ổn! *“Triệu Công viết”* (ngài Tăng Triệu nói), vị này là Tăng Triệu (僧肇) đại sư, *“chân hữu bất đãi thỉnh, thí từ mẫu chi thú anh nhi”* (bạn chân thật chẳng đợi thỉnh, ví như mẹ hiền luôn hướng về con thơ). Tỷ dụ này rất hay, chư vị phải biết: Bạn chân thật là Phật, Bồ Tát. Nói cách khác, người thế gian là bạn chân thật rất ít, bạn bè giả dối rất nhiều, đến khi chúng ta thật sự gặp khó khăn, họ lánh thật xa, chẳng dám gặp quý vị. Chỉ có Phật, Bồ Tát là chân hữu, khi chúng ta gặp khó khăn, các Ngài quyết định đến giúp đỡ, giống như mẹ hiền đối với con thơ, thời thời khắc khắc canh cánh bên lòng. *“Tịnh Ảnh viết: Sở hóa chúng sanh vô cơ cảm thánh, danh vi bất thỉnh”* (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Chúng sanh được hóa độ chẳng có căn cơ cảm chư thánh, nên gọi là bất thỉnh”). Nêu lên ý nghĩa này hay quá! Giáo hóa chúng sanh, nhưng trong chúng sanh chẳng có hạng người dấy động ý niệm để cảm Phật, Bồ Tát, chẳng có hạng người ấy, nên nói là *“bất thỉnh”*. *“Bồ Tát cưỡng hóa vi tác nhân duyên, danh hữu an chi”* (Bồ Tát cưỡng hóa nhân duyên, xưng là bạn để an ổn chúng sanh), nhưng Bồ Tát vẫn miễn cưỡng đến giáo hóa, vẫn đến giúp họ, điều đó gọi là *“hữu nhi an chi”* (làm bạn để an ổn chúng sanh)*.* [Lý do] thứ hai, *“sở hóa chúng sanh tuy hữu đạo cơ, vô kỳ nhạo dục, bất tri cầu thánh, danh vi bất thỉnh”* (chúng sanh được hóa độ tuy có đạo cơ, nhưng chẳng có sự ưa thích, mong muốn ấy, chẳng biết cầu thánh, nên gọi là “chẳng thỉnh”). Đó là nói: Dẫu giáo hóa chúng sanh đã có thiện căn trong đời quá khứ, có cơ duyên tu đạo, nhưng nay họ đang mê, mê suốt đời này. Khi mê, họ mê trong ngũ dục, lục trần, chẳng khởi tâm động niệm muốn học đạo, nên họ chẳng biết cầu Phật, Bồ Tát. Hạng người ấy rất nhiều, nên gọi là *“chẳng thỉnh”.* Nhưng Bồ Tát biết, Bồ Tát biết trong đời quá khứ những kẻ ấy đã từng học Phật, có thiện căn ấy, nên Phật vẫn chẳng bỏ họ. Khi họ có thể tin tưởng, có thể chẳng bài xích, có thể tiếp nhận, Bồ Tát liền chủ động đến giúp đỡ, giáo hóa, thành tựu họ. Đó gọi là *“bất thỉnh chi hữu”.* Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 67 hết**

# Tập 135

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi hai, hàng thứ tư từ dưới đếm lên.

Xem từ câu *“thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng”* (thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai). Đối với câu kinh văn này, cụ Niệm Tổ nói: *“Thử hữu nhị giải, nhất Tịnh Ảnh Sớ viết: Minh tu thắng giải Như Lai Tạng Tánh, thị Như Lai thậm thâm pháp tạng. Ám chướng ký trừ, minh hiện kỷ tâm, cố viết thọ trì. Thị dĩ minh tâm vi thọ trì thậm thâm pháp tạng”* (Câu này có hai cách giải thích. Một là như Tịnh Ảnh Sớ đã giảng: “Tu cho hiểu rành rẽ Như Lai Tạng Tánh là pháp tạng rất sâu của Như Lai. Ám chướng đã trừ, tâm của chính mình hiện rõ, nên gọi là thọ trì”. Thuyết này cho rằng minh tâm là “thọ trì pháp tạng rất sâu”).

 *“Pháp tạng”*: Trước hết, phải hiểu rõ ràng *“thậm thâm pháp tạng”* là gì! Pháp là Phật pháp, Tạng (藏) là chỗ có lưu giữ Phật pháp. Nơi nào có Phật pháp, cất chứa Phật pháp? Nhất là nói *“Như Lai thậm thâm pháp tạng”* thì phải là Phật pháp rốt ráo viên mãn mới được gọi là *“thậm thâm pháp tạng”.* Nói theo Sự, tôi nghĩ các đồng học nhất định cũng biết Phật pháp rốt ráo viên mãn [là gì]. Cổ đại đức nói Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là pháp căn bản của hết thảy Phật pháp. Hết thảy Phật pháp không pháp nào chẳng lưu xuất từ kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm giống như biển cả, Phật pháp như sông ngòi, những con sông ấy đều chẳng tách rời biển cả.

Tịnh Ảnh Sớ là [tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ] của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, Ngài giải thích câu kinh văn này như sau: *“Minh tu thắng giải Như Lai Tạng Tánh”* (tu cho hiểu rành rẽ sự thù thắng của Như Lai Tạng Tánh). Vì hết thảy các pháp của Như Lai đều lưu xuất từ Như Lai Tạng Tánh. Như Lai Tạng Tánh chính là tự tánh, còn gọi là Pháp Tánh, đấy chính là pháp tạng rất sâu của Như Lai. *“Ám chướng ký trừ, minh hiện kỷ tâm”* (Ám chướng đã trừ, tâm của chính mình hiện rõ): Đây là chân tâm của chính mình, điều này được gọi là *“thọ trì”*. Ám (闇) là mê hoặc, là phiền não, vô minh phiền não. Chướng (障) cũng là phiền não, [*“ám chướng”*] tức là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Nếu chúng ta dùng hai chữ ấy để nói hai thứ chướng ngại ở đây, thì Chướng là Sở Tri Chướng, Ám là Phiền Não Chướng, tức vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Những thứ ấy đều bị diệt trừ, đều buông xuống, đều chẳng còn, người ấy là gì? Pháp Thân Bồ Tát, đã minh tâm kiến tánh. Ám chướng chưa trừ thì là lục đạo phàm phu. Sau khi đã diệt trừ, [lời Sớ] bèn viết tiếp: *“Minh hiện kỷ tâm”*, nghĩa là tâm của chính mình liền hiển hiện, điều đó được gọi là *“thọ trì”*. Vì vậy, ý nghĩa trong đoạn này là: Coi minh tâm là thọ trì tạng pháp rất sâu. Minh tâm là kiến tánh, thấy bản tánh của chính mình. Trong Thiền Tông thường nói: Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, sẽ thấy bản tánh của chính mình. Tông Môn gọi chuyện này là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Đó là *“thọ trì thậm thâm pháp tạng”*. Thật vậy, chẳng giả!

 Một người sau khi đã khai ngộ, đối với hết thảy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, hễ tiếp xúc liền hiểu rõ toàn bộ. Đúng như trong bài Kệ Khai Kinh đã nói: *“Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”*, ai có thể làm được? Pháp Thân Bồ Tát có thể làm được, thật sự hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, nhưng những kẻ trong mười pháp giới vẫn chẳng làm được! Tứ thánh pháp giới càng lên cao càng tiếp cận, nhưng vẫn luôn cách biệt một tầng, vì chưa kiến tánh. Sau khi kiến tánh, trí huệ và đức tướng đều thuộc về Tánh Đức vốn sẵn có trong tự tánh. Chưa kiến tánh, trí huệ và đức tướng của chúng ta là Tu Đức, do quý vị tu được, tu từ tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi mà đạt được. Cũng có thể tu rất giống Phật, Bồ Tát, nhưng do vô minh phiền não chưa phá, nên còn kém một bậc. Những đạo lý này chúng ta đều hiểu rất rõ ràng, cũng hiểu phương pháp tu học, nhưng chẳng thật sự hành. Rất mong thật sự hành, nhưng nói chung là làm chẳng giống, nguyên nhân ở chỗ nào? Tập khí phiền não quá nặng. Các khoa học gia nói đến tiềm ý thức (tiềm thức, subconcious), họ chia ý thức thành hai loại. Một loại là rõ rệt, tức hiển ý thức (consciousness), chúng ta nhận biết [loại này]. Chúng ta khởi tâm động niệm, nghĩ tới điều gì đó. Đấy là ý thức rất rõ rệt. Tiềm ý thức thì chính mình chẳng biết, nhưng nó thường khởi tác dụng. Ví như chính mình chẳng suy nghĩ, bỗng dưng có một ấn tượng hiện tiền. Ấn tượng quá sâu, chẳng nghĩ tới mà nó cũng hiện tiền. Nhiều người thuở trước sống trong thời đại chiến tranh, ý niệm và ký ức rất sâu, đêm thường nằm mộng thấy đang ở trong thời xảy ra chiến tranh, gần như là Đệ Nhị Thế Chiến vẫn chưa kết thúc. Chẳng nghĩ tới nó, [mà nó vẫn hiển hiện], đó là gì? Thuộc về tiềm ý thức, nó khởi tác dụng, rất đáng sợ!

 Chúng ta huấn luyện những thứ thuộc về tiềm ý thức trên đây, thay đổi những thứ bất thiện, khiến cho khởi tâm động niệm của chúng ta đều là Phật, Bồ Tát, khởi tâm động niệm đều là thế giới Cực Lạc, chắc chắn sẽ vãng sanh. Quả thật là bất tri bất giác, chẳng cố ý nghĩ tới các Ngài, nhưng Phật, Bồ Tát thường hiện tiền, lũ bình phàm chúng ta thường nói là “ở trong đầu óc”, chính quý vị biết rất rõ, người khác chẳng biết. Cách nói này cũng chẳng sâu lắm, ai nấy đều hiểu được. Chuyện này là thật, chẳng giả. Cũng có thể nói là trong ký ức của chúng ta, ký ức thuộc về tiềm ý thức, tức A Lại Da Thức ghi lại ấn tượng rất sâu đậm, chẳng có cách nào diệt trừ. Nó khởi tác dụng, dẫn dắt quý vị. Những ảnh hưởng bất thiện sẽ gây ảnh hưởng, khiến cho quý vị bất tri bất giác làm những chuyện bất thiện, chẳng phải là quý vị muốn làm, thế mà vẫn làm. Đó là tiềm ý thức phát sanh sức mạnh. Hiểu đạo lý này, liễu giải sự thật này, chúng ta rèn luyện chính mình trong cuộc sống là chuyện quan trọng hơn bất cứ điều gì khác! Hãy nên thời thời khắc khắc ghi sâu ấn tượng về Phật trong A Lại Da. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta *“ức Phật, niệm Phật”. “Ức”* (憶) là nghĩ, trong tâm tưởng Phật, miệng niệm Phật, *“hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”.* Hiện tiền sẽ thấy trong Định, hoặc thấy trong mộng, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng còn lìa khỏi Phật. Do vậy có thể biết: Đại sự bậc nhất đối với người tu hành là phải biến đổi ký ức trong A Lại Da thành A Di Đà Phật. Đối với bất luận thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên trong quá khứ, đều phải dùng A Di Đà Phật, dùng kinh Vô Lượng Thọ để thay thế nó. Cũng vì những ấn tượng trong quá khứ quá sâu, duyên quá sâu, nay chúng ta phải làm cho ấn tượng về Phật, về kinh Vô Lượng Thọ, về A Di Đà Phật sâu đậm hơn. Mỗi ngày đều làm việc này, thật sự niệm Phật, trong tâm quý vị thật sự có Phật. Phật ở trong tâm quý vị, đó mới đại sự bậc nhất trong một đời này. Tu thành công đại sự này, xin chúc mừng quý vị, quý vị đã thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới, nhất định vãng sanh Tịnh Độ. Đó là ý nghĩa thứ nhất.

Ý nghĩa thứ hai càng hay hơn. *“Chân Giải viết: Tức văn trì tam thế nhất thiết Như Lai pháp tạng”* (Sách Chân Giải chép: “Chính là nghe, trì pháp tạng của ba đời hết thảy các đức Như Lai”), nói đến điều gì? Chưa nói tới quá khứ và vị lai chư Phật, chỉ nói kinh tạng do hiện tại Thích Ca Mâu Ni Phật để lại cho chúng ta, nói đến pháp tạng ấy, *“đa văn quy nhất văn”*, câu này hết sức quan trọng. *“Nhất văn”* là gì? *“Nhất văn tức thị văn kỳ danh hiệu”* (nhất văn chính là nghe danh hiệu này). Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nhiều lần nói tới chuyện này: Cổ đại đức đã quy nạp, đối với hết thảy các kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm trong lúc Ngài tại thế, bộ kinh nào có thể đại diện cho hết thảy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm? Các vị tổ sư đại đức các tông phái trong thời đại Tùy - Đường hầu như nhất trí công nhận bộ kinh ấy là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, gọi kinh ấy là *“căn bản pháp luân”*. Hết thảy các kinh là cành lá của kinh căn bản. Đây là dùng một cội cây to để tỷ dụ, Hoa Nghiêm là gì? Hoa Nghiêm là rễ cây, là gốc cây, hết thảy các kinh đã nói trong bốn mươi chín năm là cành lá của Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là pháp tạng của hết thảy các đức Như Lai. Hoa Nghiêm đạt đến chỗ viên mãn cuối cùng là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc thì Hoa Nghiêm mới viên mãn. Câu này quan trọng, là thật, chẳng giả. Chương cuối cùng ấy chính là tổng kết của kinh Hoa Nghiêm. Nếu chẳng có chương ấy, Hoa Nghiêm sẽ chẳng độ chúng sanh viên mãn, vì chỉ độ bậc thượng thượng căn, kẻ trung hạ căn chẳng có phần! Có chương ấy, sẽ là thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp lợi căn lẫn độn căn, hết thảy chúng sanh đều có thể nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, [bởi lẽ], Tây Phương Cực Lạc thế giới là cảnh giới Hoa Nghiêm. Vì lẽ đó, cổ nhân mới nói: *“Hoa Nghiêm và Pháp Hoa cũng đều nhằm dẫn đường cho kinh Vô Lượng Thọ”*, có nghĩa là: Kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa dẫn dắt quý vị tiến nhập kinh Vô Lượng Thọ, nhập thế giới Cực Lạc. Chúng ta chớ nên không hiểu ý nghĩa này! Không chỉ phải hiểu, mà còn phải thừa nhận rất sâu, thì nguyện tâm của chúng ta mới chẳng bị thoái chuyển, mục tiêu và phương hướng tu học của chúng ta mới chẳng bị biến đổi. Bất luận trong hoàn cảnh nào, chúng ta vẫn giữ một phương hướng, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc. Chuyện này trọng yếu lắm!

Kinh Hoa Nghiêm quy vào Vô Lượng Thọ. Nay bản kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đang dùng do Hạ lão cư sĩ hội tập gồm có bốn mươi tám phẩm, nói là “bốn mươi tám chương” cũng được, phẩm nào quan trọng nhất? Tìm ra phẩm bậc nhất, phẩm nào là bậc nhất? Cổ đại đức đã nói từ sớm, phẩm thứ sáu là bậc nhất, vì phẩm thứ sáu là bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện gồm bốn mươi tám điều, nguyện nào lại là bậc nhất? Truy cầu không ngừng, truy đến cuối cùng thì nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện mười tám nói gì? Mười niệm ắt vãng sanh, [tức là] khi lâm chung, mười niệm quyết định sanh về thế giới Cực Lạc, đó chính là công đức chẳng thể nghĩ bàn của danh hiệu này! Vì thế, quy vào *“nhất văn”*. *“Nhất văn”* là nghe danh hiệu này, tức là [nội dung của] nguyện thứ mười tám. Vì vậy, tại Nhật Bản có một chi phái chuyên tu nguyện thứ mười tám, chẳng cần đến các nguyện khác, gọi là Bổn Nguyện Niệm Phật. Được không? Chẳng thể nói là không được, mà cũng chẳng thể nói là được. Phải nên nói ra sao? Nếu họ thật sự là một câu A Di Đà Phật, vạn duyên khác đều buông xuống thì được! Nếu kẻ ấy chỉ niệm một câu A Di Đà Phật, nhưng muôn duyên khác vẫn chẳng buông xuống thì không được! Kẻ ấy có quá nhiều chướng ngại, nghiệp chướng, tập khí chẳng đoạn hết, vẫn bị những thứ ấy quấy nhiễu, vậy thì không được rồi. Thật sự thấy thấu suốt, thật sự buông xuống, đúng là [chỉ] một câu A Di Đà Phật đã được rồi, chẳng phải là không được, không sai! Sự thành tựu trong Tinh Tấn Niệm Phật Đường có đạo lý như vậy đó, chúng ta phải hiểu. Hiện thời, có nhiều người thành tựu, niệm Phật, niệm một câu Phật hiệu đến cùng, thêm gì vào để phụ trợ? Thêm kinh A Di Đà, hoặc thêm kinh Vô Lượng Thọ. Nếu mỗi ngày đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, hoặc đọc tụng kinh A Di Đà, chẳng khuất phục phiền não, nghiệp chướng vẫn hiện tiền, khi ấy, công phu niệm Phật của quý vị chẳng đắc lực, phải làm như thế nào? Nhất định là phải tu pháp môn sám hối, trì giới sám hối, phải trừ hết ám chướng thì mới được. Quý vị chẳng trừ hết ám chướng, tuy có tín tâm, nhưng tín tâm chẳng kiên cố, có nghi hoặc trong ấy, nhưng chính quý vị chẳng biết, nguyện lực chẳng thiết tha.

 Thiên Thân Bồ Tát có ba anh em. Anh cả là Vô Trước Bồ Tát, anh hai là Sư Tử Giác, Thiên Thân Bồ Tát là em thứ ba. Cả ba vị đều tu Di Lặc Tịnh Độ. Anh hai vãng sanh trước, ba anh em đã ước định sẵn, họ sanh về Di Lặc Tịnh Độ, thân cận Di Lặc Bồ Tát: “Sau khi sanh về đó, bèn lập tức trở về báo tin cho chúng tôi”. Anh hai là Sư Tử Giác sau khi vãng sanh bèn chẳng có tin tức, đợi bao nhiêu năm chẳng thấy tin tức. Ngài Vô Trước vãng sanh, ba năm sau mới quay lại báo tin cho Thiên Thân Bồ Tát. Ngài Thiên Thân nói: “Anh đi ba năm mới quay về, sao không quay về ngay lập tức?” Ngài Vô Trước nói: “Ta về ngay đó chứ! Thời gian trên Đâu Suất Thiên vốn khác biệt chúng ta. Một ngày trên Đâu Suất Thiên bằng bốn trăm năm trong nhân gian”. Ngài nói: “Ta gặp Di Lặc Bồ Tát xong lập tức quay về nói cho ngươi biết, trong nhân gian đã ba năm trôi qua”. Quả thật là ở trên Đâu Suất Thiên đại khái chưa đến một tiếng đồng hồ, thời gian chỉ chừng mấy phút mà nhân gian đã là ba năm. Ngài Thiên Thân liền hỏi: “Anh hai ở đâu?” “Anh hai đã đến ngoại viện của Đâu Suất Thiên, thấy ngoại viện rất đẹp, rất lưu luyến, còn chưa vào nội viện, đến đó hưởng phước rồi”. Hoàn cảnh nơi ấy vô cùng tốt đẹp, ngài Sư Tử Giác vừa trông thấy bèn khởi tâm tham. Câu chuyện này thật sự có thể cảnh tỉnh mọi người. Vì lẽ đó, chúng tôi liền hoảng nhiên đại ngộ vì sao đức Phật dạy chúng ta *“lấy khổ làm thầy”*. Trong thế gian này, cuộc sống khổ sở một chút, tốt lắm. Cuộc sống khổ sở, sẽ chẳng có ý niệm lưu luyến. Nếu cuộc sống trong thế gian này quá an nhàn, sung túc, quá xa xỉ, sẽ chẳng nỡ rời khỏi. Đối với phước báo trong nhân gian mà còn như thế, nếu quý vị lên đến cõi trời, thấy chư thiên, dấy lên một niệm [tham luyến]. Khởi lên một niệm như vậy, sẽ ngay lập tức đọa xuống, sẽ chẳng có phần trong thế giới Cực Lạc, quý vị thấy đáng sợ lắm!

 Do đó, chớ nên hưởng phước! Cổ nhân thường nói *“trong phước có họa”*, chữ Họa (禍) và Phước (福) viết theo tiếng Hán rất giống nhau, cho thấy họa và phước rất khó phân định rạch ròi, rốt cuộc là phước hay họa, ai biết! Phước rất dễ dàng biến thành họa, nhưng họa cũng chẳng dễ gì biến thành phước! Cho thấy phước chẳng có sức mạnh to lớn như họa. Tổ tiên chúng ta có trí huệ, có tâm cảnh giác rất cao, tạo ra văn tự, khiến cho chúng ta thấy hình tượng của những chữ ấy bèn có thể nâng cao tâm cảnh giác của chính mình. Trên cả thế giới, trong bất cứ quốc gia hay dân tộc nào, cũng đều chẳng có chuyện này. Văn tự tiếng Hán là phù hiệu trí huệ. Ân trạch của tổ tiên đối với hậu thế sâu dầy, báo đáp bằng cách nào? Con người hiện thời ngày càng chẳng nhận biết tổ tông, càng ngày càng chẳng tôn kính tổ tông, tai họa liền xảy tới. Chẳng biết báo ân, chẳng biết ân đức. Chuyện này không thể trách chúng ta! Kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất hay: *“Tiên nhân bất thiện (vô tri), bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã”* (Kẻ trước bất thiện (vô tri), chẳng biết đến đạo đức, chẳng có ai nói với họ, trọn chẳng đáng trách). Nói rất hay! Chúng ta sanh nhằm thời chiến tranh, loạn lạc, suốt đời sống trong cảnh chiến tranh tao loạn, hằng ngày sống cuộc đời lưu lạc, cha mẹ chẳng dạy dỗ chúng ta, thầy cũng chẳng dạy chúng ta, làm sao chúng ta có thể biết được? Một đời tôi, lúc nhỏ đắc lực nhờ cha mẹ dạy tôi tôn sư trọng đạo, những tao ngộ trong suốt một đời có quan hệ hết sức to lớn với chuyện ấy. Lúc hai mươi mấy tuổi, tôi gặp ba vị thầy, thầy nhiệt tâm dạy dỗ tôi vì lẽ nào? Tôi chẳng có sở trường gì! Đại khái là các thầy nhìn vào thái độ tôn sư trọng đạo ấy. Thầy thật sự dạy tôi, tôi cũng thật sự chịu học tập, quay trở lại như vậy, học tập văn hóa truyền thống.

 Tôi biết ba căn bản Nho, Thích, Đạo rất trọng yếu, đắc lực là do Chương Gia đại sư suốt ba năm nhắc nhở tôi bằng một câu nói: *“Giới luật rất trọng yếu”.* Tôi vốn cũng sơ sót điều ấy, lão nhân gia đã khuất bóng, tôi mới khởi tâm cảnh giác: Thầy đã mất rồi! Thầy còn sống, tôi có nơi nương tựa. Thầy đã khuất, nương tựa ai? Thân cận thầy ba năm, thầy dạy tôi những gì? Bèn nghiêm túc phản tỉnh sâu xa. Trong lần phản tỉnh đó, ý niệm ấy liền hiện tiền, giới luật rất trọng yếu! Vì thầy bảo tôi câu ấy mấy chục lần, ấn tượng hết sức sâu đậm! Vì sao thầy cũng chẳng nói câu ấy cặn kẽ, chỉ nhẹ nhàng nhắc nhở như vậy? Nhắc tới mười mấy lần, mấy chục lần! Tôi cũng dùng thời gian mười năm, hai mươi năm để thường xuyên hồi tưởng chiêm nghiệm, lại nhìn vào tình trạng xã hội hiện tiền, hoảng nhiên đại ngộ! Hiện thời, chúng ta sai sót ở chỗ nào? Sai sót ở chỗ thiếu cội rễ! Chẳng phải là không dụng công, chẳng phải là không nỗ lực, mà là thiếu cội rễ, chẳng tu từ căn bản, luôn tu nơi cành lá. Vì lẽ đó, bất luận tu như thế nào, tu suốt đời vẫn chẳng thể thành tựu! Đã tìm được nguyên nhân, mới thật sự hiểu Đệ Tử Quy của Nho Gia, Cảm Ứng Thiên của Đạo Gia, những năm xưa đều đã học, lại còn đã từng giảng, Thập Thiện Nghiệp Đạo của nhà Phật, người xuất gia nhất định phải tu Sa Di Luật Nghi. Những thứ ấy chẳng để niệm suông, chẳng phải để nói suông, mà là cuộc sống, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của chính mình! Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác có tương ứng với giới điều cơ bản hay không? Hễ tương ứng thì là thiện, chẳng tương ứng là ác; tiêu chuẩn đoạn ác tu thiện ở chỗ này. Tiêu chuẩn ấy do thánh nhân trong Tam Giáo định ra, do Tánh Đức tự nhiên lưu lộ, chẳng do người nào sáng chế, chẳng do một ai sáng tạo, chẳng phải vậy. Chúng là Tánh Đức trong tự tánh lưu lộ. Nói cách khác, bản tánh của con người vốn lành. Vì sao nói là vốn lành? Họ vốn là như vậy! Nay tư tưởng, lời nói và việc làm của quý vị biến đổi, chẳng giống với Tánh Đức, đó là gì? Quý vị đã học theo cái xấu, đó là tập tánh. *“Tánh tương cận, tập tương viễn”* (bản tánh gần giống như nhau, nhưng do huân tập mà khác xa nhau), đó là tập tánh. Quý vị đã học theo cái xấu, chẳng ai dạy dỗ quý vị đàng hoàng, nguyên nhân là như thế đó. Có những căn cội này, tối thiểu là có ba căn cội, cộng thêm Sa Di Luật Nghi thành bốn căn cội thì một câu Phật hiệu [là đủ rồi], chẳng cần gì nữa, do một câu A Di Đà Phật mà quyết định được sanh về Tịnh Độ. Hơn nữa, phẩm vị vãng sanh hoàn toàn phụ thuộc vào công phu, tức công phu trì danh của quý vị. Nếu trì danh mà niệm đến mức Sự nhất tâm bất loạn, đắc Niệm Phật tam-muội, quý vị sẽ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Quý vị niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn, sẽ sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, do một câu danh hiệu này. Vì thế, *“nhất văn”* chính là nghe danh hiệu này!

 *“Thị dĩ văn Phật danh hiệu, vi thọ trì thậm thâm pháp tạng dã, di hợp Tịnh Tông”* (Do vậy, nghe danh hiệu Phật là thọ trì pháp tạng rất sâu, rất phù hợp với Tịnh Tông), hoàn toàn tương ứng với tông chỉ của Tịnh Tông. Từ giáo nghĩa này, chúng ta nghĩ lại, trong một đời này, đặc biệt là trong xã hội hiện tại, đang nhằm thời đại địa cầu xảy ra tai nạn liên tiếp, chúng ta buông xuống vạn duyên, buông xuống tất cả hết thảy các kinh luận trong Phật môn, hết thảy các pháp môn đều buông xuống, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu danh hiệu A Di Đà Phật, có phải là thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai hay không? Thưa cùng chư vị, đúng vậy, chẳng sai tí nào! Câu kinh văn này viết về đức lợi tha của Bồ Tát: Bồ Tát có thể dạy người khác như vậy, dạy người khác thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai; nhưng những kẻ ấy chẳng nghe. Vì sao chẳng nghe? Họ chẳng nhận biết giá trị. Tam Tạng mười hai phần giáo mênh mông như hơi khói trên mặt biển, [thế mà] quý vị nói pháp này là bậc nhất, ai tin tưởng? Tôi theo thầy Lý mười năm, lão nhân gia khuyên tôi suốt mười năm, tôi đều chẳng tiếp nhận, quý vị nói xem tin pháp này có khó hay không? Vì thế, cổ đức nói pháp môn này là pháp khó tin, tôi lãnh hội sâu xa. Thầy khuyên như thế nào, tôi có thái độ như thế nào? Chẳng phản đối pháp môn này, tôi cũng rất tôn trọng pháp môn này, nhưng kẻ tuổi trẻ ham chuộng học rộng, nghe nhiều, quý vị dạy tôi học pháp này, tôi chẳng đành lòng, chẳng tình nguyện. Vì thế, sách vở các tông các phái tôi đều học, nay biết là học tạp, học loạn, đối với mỗi tông phái đều hiểu võ vẽ bề ngoài, đều chẳng thể thâm nhập. Tuy tôi cũng biết, kinh luận, tổ sư đều dạy *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*, tôi cũng biết nói [như vậy], tôi cũng nói cho kẻ khác nghe, nhưng bản thân tôi chẳng làm được. Đây là gì? Pháp khó tin!

 Tới khi nào tôi mới quy hướng, mới tin tưởng Tịnh Độ? Gần như là ba mươi năm. Tôi học Phật đến năm nay là năm mươi chín năm, nửa thời gian đầu là giảng kinh Hoa Nghiêm, đúng là ba mươi năm. Lần đầu tiên tôi giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Loan, tôi nhớ khi ấy là năm Dân Quốc 60 (1971), năm nay là năm Dân Quốc 99 (2010). Vào năm Dân Quốc sáu mươi mấy, kinh Hoa Nghiêm đã giảng được một nửa, bỗng dưng có một ngày nghĩ: Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử học pháp môn gì? Tôi còn chưa giảng đến phần sau của bản kinh, mới giảng một nửa, bèn lật tới phần sau, lật đến cuối cùng, phát hiện Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc. Lại quan sát cẩn thận sự tu học của Thiện Tài đồng tử bèn hiểu. Quý vị thấy tôi giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm đã được một nửa mà chưa phát hiện, nay cố ý tra duyệt, tìm tòi, mới phát hiện: Thiện Tài là môn sanh đắc ý của Văn Thù Bồ Tát, đương nhiên là tu cùng một pháp môn với thầy. Thầy tu pháp môn Niệm Phật, trò còn có thể ra ngoài lệ ấy hay chăng? Xem kỹ, quả nhiên chẳng sai! Thầy bảo Ngài đi tham học, giới thiệu một vị thiện tri thức, bảo Ngài đến gặp vị ấy. Vị thiện tri thức ấy là tỳ-kheo Cát Tường Vân, tu pháp gì? Tu Bát Châu tam-muội, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Người Hoa nói *“tiên nhập vi chủ”* (điều gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu), người Ấn Độ cũng nói kiểu ấy. Biết Thiện Tài tu pháp gì thì mới hiểu rõ. Lại xem vị [thiện tri thức] cuối cùng, vị cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đó là gì? Thiện Tài đồng tử từ đầu đến cuối là niệm A Di Đà Phật. Tôi mới hiểu mật nghĩa rất sâu trong Khoa Phán của Thanh Lương đại sư: Năm mươi ba lần tham học, đối với mỗi vị thiện tri thức, đến cuối cùng Thiện Tài đồng tử đều là *“luyến đức lễ từ”*, Thanh Lương đại sư viết khoa phán như vậy. Bốn chữ ấy có ý nghĩa rất sâu, *“luyến đức”* (戀德) là cảm ơn, cảm tạ quý vị đã chỉ dạy,*“lễ từ”* (禮辭) là gì? Chẳng học pháp môn này, pháp môn này tôi đã biết, đã hiểu, nhưng tôi vẫn niệm Phật. Từ chỗ ngài Cát Tường Vân học tập pháp môn Niệm Phật, một mực chẳng biến đổi, cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Do vậy, ai là người tiếp dẫn tôi về pháp môn Tịnh Tông? Hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền trong kinh Hoa Nghiêm đã tiếp dẫn tôi, nên mới khăng khăng một mực quy y Tịnh Độ, mới nghiêm túc học tập kinh luận Tịnh Tông. Không dễ dàng, hết sức chẳng dễ dàng, từ Giáo Hạ quay đầu quy y Tịnh Độ. Vì vậy, [thọ trì] một câu Phật hiệu, một bộ kinh Vô Lượng Thọ xác thực là thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai.

Chúng ta lại xem phần tiếp theo, câu kế tiếp là *“hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt”* (hộ trì chủng tánh của Phật khiến cho thường chẳng đoạn dứt). Câu này nếu nói theo cách hiện thời [sẽ là]: Nếu người học Phật muốn thành tựu, trước hết phải học yêu thương chính mình, câu này là yêu thương chính mình. Yêu gì vậy? Yêu mến chủng tánh Phật của chính mình. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Thế Tôn thường nói: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, đó là chủng tánh của Phật. Chúng ta đọc phần chú giải kế đó: *“Hộ giả, duy hộ. Phật chủng tánh giả, hữu đa thuyết”* (Hộ (護) là bảo vệ. Đối với chủng tánh của Phật, có nhiều thuyết). Có rất nhiều cách nói, đều được nêu lên ở đây:

1) *“Thám Huyền Ký thập nhất viết: Bồ Tát sở hạnh, danh vi Phật chủng”* (Sách Thám Huyền Ký, quyển thứ mười một giảng: “Các hạnh của Bồ Tát được gọi là chủng tánh của Phật”). Sở hạnh của Bồ Tát là gì? Lục Ba La Mật, hoặc Thập Ba La Mật. Lục Ba La Mật là Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã. Thập Ba La Mật là sau đó còn thêm Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí như được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Tịnh Tông chúng ta tu học năm khoa mục là Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ, Phổ Hiền Bồ Tát thập nguyện; đó là những điều được đề xướng bởi Tịnh Tông Học Hội. Đó là Phật chủng. Thông thường, chúng tôi giới thiệu một cách đơn giản nhất đối với các bạn đồng tu sơ học bằng hai mươi chữ *“chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật”*, đó là chủng tánh của Phật. Niệm đâu nghĩ đấy, niệm niệm chẳng quên, tâm hạnh tương ứng, bất luận tu học pháp môn nào cũng đều có thể thành tựu.

 2) *“Tịnh Ảnh Sớ viết: Pháp giới chư độ, thị Phật chủng tánh”* (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Các độ trong pháp giới là chủng tánh của Phật”). Hai cách nói này giống nhau. *“Quân dĩ Bồ Tát sở hành chi lục độ vạn hạnh vi Phật chủng tánh”* (đều cùng lấy lục đạo vạn hạnh do Bồ Tát đã hành làm chủng tánh của Phật). *“Chư độ”* là Lục Độ và Thập Độ. Giáo pháp Đại Thừa nói Lục Độ, kinh Hoa Nghiêm nói Thập Độ. *“Sở vị độ giả, tức độ sanh tử lưu, đăng Niết Bàn ngạn, cố dĩ độ vi Phật chủng tánh dã”* (Nói là “độ”, tức là vượt dòng sanh tử, lên bờ Niết Bàn. Vì thế, coi “độ” là chủng tánh của Phật). Quý vị có thể thoát ly hai thứ sanh tử hay không? Trong phần trước chúng ta đã học, [hai thứ sanh tử là] Phần Đoạn sanh tử và Biến Dịch sanh tử. Quý vị có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi, đã giải quyết Phần Đoạn sanh tử, chẳng còn nữa! Ở ngoài lục đạo thì Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát có Biến Dịch sanh tử, [đối với hai thứ sanh tử ấy] cũng hiểu rõ, cũng đã liễu, cũng thoát ly. Đó là thoát ly mười pháp giới. Vì thế, “độ” hai thứ sanh tử, bèn thoát ly mười pháp giới. Thoát ly mười pháp giới, thông thường là sẽ đến nơi đâu? Đến thế giới Hoa Tạng, người niệm Phật đến thế giới Cực Lạc. Kinh giáo Đại Thừa nói Cực Lạc và Hoa Tạng là một, không hai. Thuở trước, tôi giảng kinh ở Tân Gia Ba, ở bên đó mấy năm, có chẳng ít đồng học hỏi tôi: Hoa Tạng và Cực Lạc khác nhau và giống nhau như thế nào? Có sai khác hay không? Tổ sư có nói “Hoa Tạng và thế giới Cực Lạc chẳng hai”, vì sao nói là hai thế giới? Tôi sống ở Tân Gia Ba, nên dùng ngay Tân Gia Ba để tỷ dụ. Tôi nói Hoa Tạng giống như Tân Gia Ba, thế giới Cực Lạc giống như con đường Ô Tiết (Orchard). Tân Gia Ba có một con phố phồn hoa nhất có tên là đường Ô Tiết, là khu vực tốt nhất. Từ tỷ dụ ấy, đại khái có thể hiểu rõ. Vì vậy, sanh về Cực Lạc chính là sanh trong Hoa Tạng, sanh trong Hoa Tạng chưa chắc đã sanh về Cực Lạc. Quý vị sống ở Tân Gia Ba, chưa chắc sống trên đường Ô Tiết, sống trên đường Ô Tiết, đương nhiên ở tại Tân Gia Ba! Do đó, Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là Báo Thân của Tỳ Lô Giá Na, Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Thân của Tỳ Lô Giá Na, một tức là ba, ba tức là một, thảy đều quy về một pháp. Đa văn quy vào nhất văn, nhiều pháp quy vào một pháp.

 Trong Phật môn thường nói *“vạn pháp quy nhất”*, kinh Kim Cang nói thế giới là *“nhất hiệp tướng”*, điều này có ý nghĩa hoàn toàn khẳng định khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, sự nhận biết này hết sức đáng quý. Kinh Đại Thừa nói đến pháp môn Bất Nhị, Bất Nhị là một, chúng sanh và Phật bất nhị, chúng sanh và Phật là một, không hai. Chúng sanh và Phật đã là một, không hai, làm sao có thể nói A Di Đà Phật và Tỳ Lô Giá Na là hai, há có đạo lý ấy? Chúng ta đã học Hoàn Nguyên Quán nên biết: Hết thảy các pháp, chư Phật, Bồ Tát, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do tự tánh biến hiện, chẳng có một pháp nào lìa khỏi tự tánh. Vì thế, kinh dạy: *“Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm”*, nói rõ điều gì? Một Thể. Một Thể thì tâm đại từ bi trong tự tánh mới lưu lộ, tâm đại từ bi chính là tâm yêu thương thanh tịnh bình đẳng, là thật, chẳng giả. “Thật” có nghĩa là gì? Vĩnh hằng bất biến, đó là thật. Khi người thế gian nói đến yêu thương, quý vị phải hiểu: Đó là hư tình giả ý, chẳng thật. Nếu quý vị ngỡ là thật, sẽ chịu khổ, phải biết nó là giả, sẽ biến đổi. Chỉ có từ bi từ tự tánh lưu lộ, [mới là] vĩnh hằng, bất biến, bất luận trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, đều luôn chân thành như vậy, người hiện thời nói là *“nhiệt ái”* (tình yêu thương nồng nhiệt). *“Độ sanh tử lưu, đăng Niết Bàn ngạn”* (vượt dòng sanh tử, lên bờ Niết Bàn), *“Niết Bàn ngạn”* là bất sanh, bất diệt. Nói theo Sự, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật, Bồ Tát. Nói theo Lý, chính là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Trở về tự tánh, chính là thật sự lên bờ Niết Bàn. Vì thế, dùng Độ để gọi chủng tánh của Phật!

 *“Hựu Hội Sớ cứ chư kinh luận, tiêu cử Phật chủng tánh chi tứ nghĩa, kim đản cử kỳ tam”* (lại nữa, sách Hội Sớ dựa theo các kinh luận, nêu ra bốn nghĩa của “chủng tánh Phật”, nay chỉ dẫn ba điều). Sách Hội Sớ giảng bốn ý nghĩa, ở đây chỉ nói ba điều.

1) Thứ nhất là *“chúng sanh sẵn có Phật Tánh”*. Kinh nói chuyện này rất nhiều. Hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Phật Tánh và tự tánh là một tánh, nhưng chúng có sai biệt, sai biệt ở chỗ nào? Phật nghĩa là giác, cũng có thể nói là [Pháp Tánh] chuyên chỉ trí huệ và đức tướng trong tự tánh. Nếu chỉ nói đến một thứ là trí huệ thì trí huệ là Phật Tánh. Nếu nói Pháp Tánh, sẽ bao gồm toàn bộ, trí huệ, đức năng, và tướng hảo thảy đều được bao gồm. Nói là tự tánh hoặc Pháp Tánh sẽ đều gồm trọn, nói Phật Tánh tức là chỉ nói đến trí huệ. Tác dụng của trí huệ là giác, giác tánh. *“Chúng sanh tâm trung cụ Như Lai Tánh, bổn lai bất biến, năng sanh quá hằng sa công đức, đản vị vô minh sở tế, tuy hữu đồng vô. Bồ Tát vị hưng giáo hóa, khai phát bỉ bổn cụ chi Như Lai Tạng, danh vi thiệu long Phật chủng”* (trong tâm chúng sanh trọn đủ Như Lai Tánh, vốn chẳng thay đổi, có thể sanh ra hằng sa công đức, nhưng bị vô minh che lấp, nên tuy có mà cũng như không. Vì hưng khởi sự giáo hóa, Bồ Tát bèn khai phát Như Lai Tạng sẵn có, đó gọi là “tiếp nối hưng thịnh giòng giống Phật”). Đây là ý nghĩa thứ nhất, là căn cứ để kết luận tổng hợp những điều đã được nói trong kinh luận. Trong tâm chúng sanh có Như Lai Tánh chân thật, đó là thật, chư vị phải ghi nhớ, nó vĩnh hằng bất biến, là thật. Đó gọi là *“tại thánh chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm”.* Trong tương lai, quý vị thành Phật, Như Lai Tánh của quý vị chẳng tăng thêm chút nào! Quý vị tạo tội nghiệp đọa trong A Tỳ địa ngục, nó cũng chẳng giảm tí nào! Nó vĩnh viễn chẳng thay đổi. Quý vị thấy đó: Nó vốn chẳng thay đổi, nếu gặp duyên, nó có thể sanh ([sách Hội Sớ viết là] *“quá”*, Quá là vượt qua), vượt trội hằng sa công đức. *“Hằng sa”* là tỷ dụ vô lượng vô biên, vô cùng, vô tận, có thể xuất hiện công đức như vậy. Gặp duyên có thể sanh ra công đức ấy. Hết sức đáng tiếc! Nay quý vị bị vô minh chướng ngại; tuy có, nó chẳng khởi tác dụng, nên tuy có mà cũng như không!

Vô minh là gì? Chúng ta phải ghi nhớ: Khởi tâm động niệm là vô minh. Phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là *“vô minh”*, tức là đã bao gồm các phiền não ấy. Chúng ta có Vô Minh, có Trần Sa, có Kiến Tư, nên tuy có [Như Lai Tánh] mà vẫn như không! Phải đoạn cả ba thứ phiền não này, toàn bộ đều buông xuống thì Như Lai Tạng sẵn có tức Như Lai Tánh chân thật trong tâm chúng ta mới hiện tiền, sẽ giống như Huệ Năng đại sư đã nói. Ngài khai ngộ, khai ngộ là tình trạng như thế nào? Ngài nói năm câu, *“nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”*, phải ghi nhớ câu này, chưa hề bị nhuốm bẩn, vì nó là thật. *“Vốn chẳng sanh diệt”*: Vốn chẳng sanh diệt là Đại Bát Niết Bàn, nên minh tâm kiến tánh được gọi là *“đăng Niết Bàn ngạn”* (lên bờ Niết Bàn). Quý vị đã kiến tánh, thật sự chứng đắc bất sanh bất diệt. Câu thứ ba là *“vốn tự trọn đủ”*, nó trọn đủ trí huệ và đức tướng. *“Đức”* ở đây là nói đến hằng sa công đức, *“Tướng”* là vô lượng tướng hảo, người hiện thời gọi là *“phước báo”*. Phạm vi của tướng hảo còn lớn hơn phước báo! Hết thảy đều trọn đủ trong tự tánh, chẳng cần cầu từ bên ngoài. Hai câu cuối cùng là: *“Vốn chẳng dao động”*, đó là tự tánh vốn định, cuối cùng là *“có thể sanh ra muôn pháp”*,khắp pháp giới hư không giới đều do tự tánh sanh và hiện. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do A Lại Da biến ra. Sau khi đã mê mới biến; đã giác ngộ, sẽ chẳng biến. Do chẳng thay đổi, nên gọi là Nhất Chân, cái bị biến là mười pháp giới.

 *“Bồ Tát vị hưng giáo hóa, khai phát bỉ bổn cụ chi Như Lai Tạng, danh vi thiệu long Phật chủng”* (Bồ Tát vì hưng khởi sự giáo hóa mà khai phát Như Lai Tạng vốn sẵn có, đó gọi là “tiếp nối hưng thịnh giòng giống Phật”). Nói rất hay! *“Hưng”* (興) là hưng khởi, kiến lập; nói theo cách hiện thời sẽ là sáng lập Phật giáo, *“hưng”* chính là sáng lập. Vì sao phải hưng khởi sự giáo hóa? Khi Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện, vì sao Ngài phải kiến lập nền giáo dục của Phật Đà để giáo hóa chúng sanh? Mục đích là khai phát Như Lai Tạng mà chúng sanh vốn sẵn có, đó là mục tiêu giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật trong bốn mươi chín năm. Như Lai Tạng vốn sẵn có là gì? Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dịch sang tiếng Hán sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng sanh vốn sẵn có. Quý vị thấy kinh nói rất rõ ràng, rất minh bạch: Quý vị buông chấp trước xuống, Chánh Giác liền hiện tiền. Chấp trước chướng ngại Chánh Giác của quý vị, hãy buông xuống! Điều gì cũng chẳng chấp trước, pháp thế gian và xuất thế gian ta đều chẳng chấp trước, Chánh Giác hiện tiền. Buông phân biệt xuống, phân biệt vi tế hơn chấp trước. Không chỉ chẳng chấp trước, mà tâm phân biệt cũng chẳng có, quý vị liền thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Cuối cùng, không chỉ chẳng có phân biệt chấp trước, mà khởi tâm động niệm cũng chẳng có, quý vị liền chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là Như Lai Tạng viên mãn, đã thành Phật. Ba thứ phiền não ấy thảy đều trọn đủ, thứ gì cũng chẳng đoạn, quý vị là lục đạo phàm phu, luân hồi trong lục đạo. Vì thế, đức Phật xuất hiện trên thế gian này, sáng lập nền giáo dục của đức Phật, mục đích là giúp đỡ hết thảy chúng sanh *“hộ Phật chủng tánh, thường sử bất tuyệt”* (bảo vệ chủng tánh của Phật, khiến cho thường còn chẳng dứt), ý nghĩa ở chỗ này. Chủng tánh của Phật ở chỗ nào? Chủng tánh của Phật ở ngay trên thân quý vị, chẳng ở nơi người khác! Quý vị chỉ cần buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, nó liền hiện tiền.

 Chuyện là như thế đó, quý vị thấy đức Phật tốn thời gian bốn mươi chín năm, có thành tích hay chăng? Có! Quả thật là trong các đệ tử Phật, có không ít người chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, người thành Chánh Đẳng Chánh Giác nhiều hơn, người thành Chánh Giác nhiều nhất, tức là A La Hán. Người chứng quả A La Hán chẳng tính nổi số. Phật giáo truyền đến hiện thời, chiếu theo cách nói của người Hoa, đến nay là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm. Ở Trung Quốc, thành tựu thế nào? Hết sức khả quan! Trong Tông Môn, quý vị có thể xem Ngũ Đăng Hội Nguyên và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục của Tông Môn có ghi chép những vị thật sự chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trải các đời, đó cũng là những vị được Thiền Tông gọi là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Phải biết là có tới cỡ hai ngàn người, hoặc hơn hai ngàn người. Người chứng đắc Quyền Giáo Bồ Tát, chứng A La Hán đông đảo, người vãng sanh Tịnh Độ càng nhiều hơn, quá ư là nhiều! Trong một trăm năm gần đây, chẳng nghe nói có người khai ngộ, cũng chẳng nghe nói có vị nào chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Người đắc Định thì có, cũng có nghĩa là có những vị là Tứ Quả La Hán hoặc Quyền Giáo Bồ Tát thì có, mỗi đời một ít hơn. Trong thời đại hiện tiền, nói chung là hoàn toàn chẳng có! Đừng nói là A La Hán, tôi thấy ngay cả Tu Đà Hoàn cũng chẳng thể, làm thế nào đây? Chỉ có Tịnh Độ, đới nghiệp vãng sanh. Vì vậy, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu hồng danh sáu chữ này; trong thời Mạt Pháp từ nay về sau hãy còn tám ngàn năm nữa, [kinh Vô Lượng Thọ và danh hiệu A Di Đà Phật] sẽ phổ độ hết thảy chúng sanh, vô lượng công đức. Mục tiêu đều là một: Khai phát Như Lai Tạng sẵn có nơi chúng sanh. Trong Tịnh Tông, do nơi đây nghiệp chướng quá nặng, hoàn cảnh không tốt, quý vị chẳng có cách nào thành tựu, nên giúp quý vị di dân đến thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc hòng thân cận A Di Đà Phật, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề trong hội Di Đà. Vì vậy, mục tiêu chung cực giống nhau, điều ấy được gọi là *“thiệu long Phật chủng”*. Thiệu long Phật chủng chẳng phải là [nối tiếp hưng thịnh] giòng giống Phật của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng chẳng phải là giòng giống Phật của A Di Đà Phật, mà là giòng giống Phật của chính mình! Điều này quan trọng, đây là Tự Phật, chẳng phải là Tha Phật. Tha Phật chẳng thể giúp ta, chính mình thành Phật mới được. Từ chỗ này, quý vị liền hiểu: Phật giáo chẳng phải là tôn giáo. Trong tôn giáo có thần, cá nhân chẳng thể giống như thần, chẳng thể nào! [Trong tôn giáo] có Thượng Đế, chẳng thể là ai cũng đều làm Thượng Đế, Thượng Đế chỉ có một, chân thần chỉ có một. Trong Phật giáo, chẳng phải là như vậy! Trong Phật giáo, tất cả chúng sanh, ai nấy đều là Phật. Hiện thời có phải là Phật hay không? Là Phật! Chỉ vì chính quý vị chẳng thừa nhận, chính quý vị mê hoặc, điên đảo, chẳng thừa nhận chính mình là Phật. Thế nhưng, Phật và Pháp Thân Bồ Tát thấy quý vị là chân Phật, chẳng phải là giả Phật, vì sao? Có Phật Tánh.

 2) Thứ hai, *“dĩ Bồ Đề tâm vi Phật chủng”* (coi Bồ Đề tâm là Phật chủng). Trong điều thứ nhất trên đây, nói theo Lý, nói theo Tánh, hết thảy chúng sanh đều là Phật. Điều thứ hai nói theo Sự, quý vị chẳng phát Bồ Đề tâm, sẽ chẳng thành Phật. Vì thế, coi Bồ Đề tâm là Phật chủng. *“Hoa Thủ kinh viết: Thí như vô ngưu, tắc vô đề-hồ. Nhược vô Bồ Tát phát tâm, tắc vô Phật chủng. Nhược hữu ngưu, tắc hữu đề-hồ. Như thị nhược hữu Bồ Tát phát tâm, tắc Phật chủng bất đoạn”* (Kinh Hoa Thủ nói: “Ví như không có bò, sẽ chẳng có đề-hồ. Nếu chẳng có Bồ Tát phát tâm, sẽ chẳng có Phật chủng. Nếu có bò, sẽ có đề-hồ. Cũng giống như vậy, nếu có Bồ Tát phát tâm, ắt Phật chủng chẳng đoạn”). Ngài dùng tỷ dụ để nói. Đề-hồ là gì? Kinh Phật thường nói đó là một chế phẩm từ sữa, từ sữa tinh luyện thành. Luyện đến mức cao nhất, tốt nhất thì người Ấn Độ gọi là đề-hồ. Sữa, lạc, tô, luyện tới mức cao nhất là đề-hồ, đó là những danh xưng từ ba ngàn năm trước. Hiện thời rốt cuộc đó là gì? Thuở trước, lão pháp sư Đạo Nguyên, khi tôi thọ giới, lão nhân gia là Đắc Giới hòa thượng. Giới kỳ kéo dài một tháng mấy, chúng tôi ở cùng một chỗ. Lão hòa thượng mỗi ngày đều khai thị cho chúng tôi, kể chuyện xưa. Ngài nói: Có lần theo một đoàn lữ hành sang Ấn Độ chiêm bái thánh tích. Ngài là pháp sư giảng kinh, có hai chuyện từ đầu đến đuôi Ngài chẳng thể nói rõ ràng, một là Am Ma La quả, kinh Phật thường nói tới, rốt cuộc Am Ma La quả là gì? Nói chẳng rõ ràng, mà chú giải cũng chẳng chú thích rõ ràng. Thứ khác là đề-hồ. Lần này có cơ hội đến Ấn Độ, hỏi người Ấn Độ, có quả Am Ma La hay không? Có. Lấy ra cho chúng tôi xem, vừa nhìn, người Đài Loan gọi là Ba Lạc (trái ổi) [[12]](#footnote-13)[1], mới biết Đài Loan có thứ ấy. Đề-hồ thì sao? Cũng lấy đề-hồ ra, nay là sa lạp (salad), mới hoảng nhiên đại ngộ. Xác thực là vào thời cổ những thứ này ăn rất ngon.

 Nói theo tỷ dụ, nếu chẳng có bò, sẽ chẳng có đề-hồ, quý vị lấy gì để tinh luyện? Giống như Bồ Tát nếu chẳng phát tâm, sẽ chẳng có Phật chủng. Có bò, bèn có đề-hồ, giống như nếu có Bồ Tát phát tâm, ắt Phật chủng chẳng đoạn. Bồ Đề tâm là gì? Cũng có rất nhiều cách nói. Chúng tôi phải tìm một cách đơn giản nhất để mọi người dễ hiểu, rất rõ ràng, ngõ hầu chúng ta biết học tập như thế nào? Bồ Đề tâm có Thể và Dụng, kinh dạy: Thể của Bồ Đề tâm là chí thành tâm, chân thành đến mức cùng cực là chí thành tâm. Chí thành tâm khởi tác dụng, đối với chính mình, cổ nhân nói là *“háo thiện, háo đức”*, tức là thích điều thiện, ưa chuộng đức, ưa thiện chuộng đức; đối với người khác từ bi. Từ bi đối với người khác chính là Tha Thọ Dụng. Tha Thọ Dụng của tâm chân thành là đại từ đại bi, Tự Thọ Dụng là ưa thiện, chuộng đức.

 Tôi giảng kinh đã nhiều năm như thế, kể từ khi thầy giao cho tôi bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, tôi rất ưa thích bộ kinh này, vì tựa đề kinh quá hay, trong tựa đề kinh, nhân quả trọn đủ. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, nửa phần tựa đề kinh này là trí huệ và đức tướng của Như Lai. Trí huệ của Như Lai là gì? Đại Thừa. Đức là gì? Vô Lượng Thọ. Tướng là gì? Trang Nghiêm. Quý vị thấy Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm là quả, chính là như đức Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: *“Hết thảy chúng sanh đều có* *trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Nay chúng ta mê, vì quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên chúng (trí huệ và đức tướng) không thể hiện tiền, đã mê rồi. Nửa phần sau của tựa đề kinh nói về sự tu nhân, chỉ cần quý vị tu *“thanh tịnh bình đẳng giác”*,Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm liền hiện tiền. Quý vị thấy có nhân, ắt có quả. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là Tự Thọ Dụng. Cổ nhân gọi Tự Thọ Dụng của Bồ Đề tâm là *“ưa thiện, chuộng đức”*. Quý vị thấy tựa đề kinh này nói rất rõ ràng! Thiện là gì? Đức là gì? Thanh tịnh, bình đẳng, giác là thiện, là đức. Tâm chân thành đối với chính mình là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, giác tâm. Đối với người khác là từ bi, đại từ đại bi, chân thành từ bi. Nói cách này, mọi người vừa nghe đều thấy rất dễ hiểu, đều ở trong tựa đề kinh. Quý vị biết thọ trì Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh là Bồ Tát phát tâm, là Phật chủng chẳng dứt. Đó là cách nói thứ hai.

 3) Cách nói thứ ba: *“Dĩ xưng danh vi Phật chủng”* (coi xưng danh là Phật chủng), tức là niệm Phật. Có thể nói thông suốt hay không? Có thể! Không chỉ nói thông suốt, mà còn nói hết sức hay! Vì trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật thường nói: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, trong tâm quý vị tưởng Phật, trong tâm niệm Phật, đương nhiên là lẽ nào Phật chủng chẳng hiện tiền? Điều này rất hợp lý, nói theo tâm thái, coi xưng danh là Phật chủng rất có căn cứ. Kinh Bảo Vân có nói: *“Thí như chủng thụ, hữu kỳ chủng tử, ly ư hủ bại, cụ túc sanh nha nhân duyên”* (Ví như trồng cây, có hạt giống của nó, chẳng bị hư nát, đầy đủ nhân duyên nẩy mầm). Nẩy mầm do có hạt. Giống như cây cối, trồng cây, [chẳng hạn như trồng] cây đào, hạt đào là chủng tử. Có chủng tử của nó, chủng tử chẳng hư nát, quý vị gieo xuống, nó sẽ nẩy mầm, dần dần mọc thành cây nhỏ. Ba năm sau, nó liền sanh trái đào, mọc thành cây to. *“Văn Phật danh hiệu, như đắc chủng tử, tín nguyện trì danh, tức thị cụ túc nhân duyên, tất đắc thọ ký tác Phật, cố vân trì danh vi Phật chủng”* (Nghe danh hiệu Phật, như được chủng tử. Tín nguyện trì danh tức là trọn đủ nhân duyên, ắt được thọ ký làm Phật, nên nói “trì danh là Phật chủng”). Trì danh là Phật chủng, hoàn toàn chiếu theo cách nói của Tịnh Độ Tông.

Hoàng lão cư sĩ giải thích câu kinh này, đã lựa chọn những kinh luận do các vị tổ sư đại đức từ xưa đã trích dẫn, dần dần đều quy về Tịnh Độ, lại còn quy vào Trì Danh Niệm Phật. Từ chỗ này, có thể hiểu trí huệ, lòng từ bi, và phương tiện thiện xảo của lão cư sĩ, chúng ta hãy nên học tập, chẳng cô phụ tấm lòng cụ yêu thương chúng ta.

 Nghe danh hiệu Phật, chúng ta đạt được chủng tử vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nếu nghe xong hoài nghi, chẳng nghĩ đến thế giới Cực Lạc, sẽ giống như chủng tử hư nát, tuy có chủng tử, chẳng thể thành tựu. Nếu quý vị có duyên tiếp xúc kinh điển này, pháp môn này, nghe danh hiệu, có thiện hữu giới thiệu, giải thích, giảng rõ với quý vị, giúp quý vị đoạn nghi sanh tín, quý vị thật sự tiếp nhận, thật sự tin tưởng, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật sự từ hôm nay trở đi, quý vị niệm A Di Đà Phật, có thể buông xuống vạn duyên. Nay chúng tôi khuyên dạy người khác, đều là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Di Đà, quý vị quyết định có thể thành tựu trong một đời này, suốt đời vĩnh viễn chẳng thay đổi. Bất luận công việc bận rộn như thế nào, đều niệm Phật chẳng gián đoạn. Hễ cần dùng đầu óc, bèn buông niệm Phật xuống để làm việc. Làm xong, Phật hiệu liền hiện tiền, như thế cũng là liên tục chẳng dứt, tịnh niệm tiếp nối. Vì thế, pháp môn này thật sự thù thắng, bất luận làm loại việc gì cũng đều chẳng có trở ngại, đều có thể giúp quý vị thành tựu. Trong hết thảy các pháp môn, pháp này thuận tiện khôn sánh. Đó là trọn đủ nhân duyên. Giống như quý vị có hạt giống, có đất, phân, nước, ánh sáng mặt trời, lại còn có người chăm sóc kỹ lưỡng, nhất định sẽ tăng trưởng vô cùng tốt đẹp.

 Căn cứ trên ý nghĩa của Hội Sớ, *“dĩ Bồ Đề tâm dữ xưng Phật danh hiệu vi Phật chủng tánh, túc chứng bổn kinh dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi Tông, chánh thị hộ Phật chủng tánh thường sử bất tuyệt dã”* (lấy Bồ Đề tâm và xưng danh hiệu Phật làm chủng tánh của Phật, đủ chứng tỏ kinh này lấy “phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm” làm Tông, chính là thường bảo vệ chủng tánh của Phật khiến cho chẳng đoạn tuyệt). Đây là nói trong kinh này, trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh, chúng ta thấy bất luận thượng bối, trung bối, hạ bối đều là dùng *“phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm”*, lấy câu này làm Tông. Tông nghĩa là gì? Cương lãnh chỉ đạo chủ yếu, là nguyên tắc tu học trọng yếu, chẳng thể không phát Bồ Đề tâm. Nếu tôi nói Bồ Đề tâm theo tựa đề kinh này, nhất định phải phát tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi. Chân thành là Thể, đối với bất luận kẻ nào, đều phải dùng chân tâm để đối xử. Họ lừa gạt ta là chuyện của họ, ta phải dùng chân tâm đối với họ. Có thể cảm hóa họ thì tốt quá; chẳng thể cảm hóa họ, vẫn dùng chân tâm! Phải biết: Một đời này chẳng thể cảm hóa họ, đời sau họ sẽ bị cảm hóa. Ta quyết định chẳng vì kẻ ấy hư tình giả ý, mà ta cũng hư tình giả ý đối với kẻ đó. [Nếu hư tình giả ý] là sai mất rồi, quý vị đâu phải là người học pháp môn Tịnh Tông! Người học pháp môn Tịnh Tông tuyệt đối chẳng nói lời giả, mà dùng cái tâm chân thành để đối xử với kẻ khác. Đối xử với chính mình thì sao? Đối với chính mình thì phải thanh tịnh, quyết định chớ nên nhuốm bẩn! Nhuốm bẩn là gì? Tự tư tự lợi là nhuốm bẩn, tiếng tăm, lợi dưỡng là nhuốm bẩn, ngũ dục, lục trần là nhuốm bẩn, tham, sân, si, mạn là nhuốm bẩn. Tối thiểu phải lìa khỏi những thứ nhuốm bẩn ấy, tâm ta sẽ thanh tịnh. Tâm bình đẳng chẳng có cao thấp, đối đãi với bất luận kẻ nào cũng đều nhất loạt bình đẳng. Ta đối đãi với Phật và đối đãi với hết thảy chúng sanh như một, không hai, cùng một tâm là tâm bình đẳng. Ta đối với Phật cung kính, đối với người khác thiếu lễ kính thì sự cung kính Phật là giả trất, chẳng thật! Ta cung kính Phật, đối với muỗi, trùng, kiến chẳng cung kính thì sự cung kính đối với Phật vẫn chẳng thật, vẫn là giả trất! Cho đến đối với hoa, cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa, đều học theo Phổ Hiền Bồ Tát lễ kính chư Phật, bình đẳng. Giác chẳng cần cầu, thật sự đạt được thanh tịnh, bình đẳng, sẽ tự nhiên giác ngộ. Phải biết thanh tịnh do Giới mà có, bình đẳng đạt được từ Định, Giác là khai trí huệ. Công phu Thiền Định sâu, tất nhiên sẽ có một ngày quý vị đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

 Vì thế, thanh tịnh, bình đẳng, giác là Tam Học Giới Định Huệ, mà cũng là Tam Tạng. Thanh tịnh là Luật Tạng, bình đẳng là Kinh Tạng, Chánh Giác là Huệ Tạng (Luận Tạng), Giới, Định, Huệ [tương ứng với] Tam Tạng là Kinh, Luật, Luận. Nó cũng tương ứng với Tam Bảo, thanh tịnh là Tăng Bảo, bình đẳng là Pháp Bảo, Chánh Giác là Phật Bảo, Phật, Pháp, Tăng, đương nhiên đó là chủng tánh của Phật. Vì thế, chúng ta biết kinh dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm, một phương hướng, một mục tiêu, suốt một đời quyết định chẳng dao động. Phải học theo Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, tiếp xúc rất nhiều pháp môn, hết sức cảm tạ [các vị thiện tri thức] đã khiến cho tôi liễu giải, hiểu rõ. Đó là Huệ, là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết; nhưng tâm quyết định là định, chẳng bị các pháp môn ấy quấy nhiễu, tôi vẫn thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Dẫu pháp môn thù thắng đến mấy đi nữa, tôi muốn học thì đến thế giới Cực Lạc hãy học, hiện thời chẳng học. Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, đó là đúng.

  *“Thường sử bất tuyệt giả, Gia Tường Sớ: Dục sử Như Lai pháp chủng bất đoạn cố dã”* (Gia Tường Sớ giảng “thường sử bất tuyệt” là vì muốn cho pháp chủng của Như Lai chẳng dứt). Trong Phật môn thường nói là chánh pháp tồn tại lâu dài (chánh pháp cửu trụ), đó là trách nhiệm của mỗi kẻ đệ tử Phật như chúng ta. Như thế nào thì mới có thể khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài? Nhất định phải thực hiện từ bản thân ta, chẳng thể đòi hỏi kẻ khác. Chánh pháp tồn tại lâu dài, chẳng phải là nói kinh điển hãy còn trên thế gian. [Kinh điển tuy còn, mà] chẳng có ai tu hành, chánh pháp liền diệt. Khuyên người khác tu hành, người ta có bằng lòng, có thể tiếp nhận hay không? Chẳng đáng tin cậy! Vì thế, khuyên chính mình y giáo tu hành, khuyên chính mình chứng A La Hán, chứng Bồ Tát, thành Phật, đó là chánh pháp tồn tại lâu dài. Hãy thật sự làm! Chính mình làm, chẳng phải là bảo người khác làm. Chính mình thật sự làm, sẽ ảnh hưởng người khác, ảnh hưởng những ai? Chúng sanh căn cơ đã chín muồi! Chúng sanh thiện căn, phước đức, nhân duyên đã chín muồi thấy quý vị bèn rất hâm mộ, sẽ học theo quý vị, vậy là quý vị dẫn thêm được một người. Quý vị có thể độ rất nhiều chúng sanh, nhưng chúng sanh căn cơ chín muồi ít ỏi, tức là người thấy quý vị như vậy sẽ thật sự làm giống như quý vị ít lắm, nhưng người được gieo thiện căn sẽ đông đảo. Họ trông thấy quý vị bèn tôn kính, tán thán quý vị, thảy đều là gieo thiện căn!

 *“Tịnh Ảnh Sớ viết: Hộ sử ly chướng, khởi thiện vô gián, danh thường bất tuyệt”* (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Giữ gìn khiến cho lìa chướng, dấy lên điều thiện chẳng gián đoạn, thì gọi là thường bất tuyệt”). *“Hộ”* (護) thì phải bảo vệ chính mình, bảo vệ những gì của chính mình? Bảo vệ thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình. Nói cách khác, quý vị nhất định phải xa lìa nhuốm bẩn. Tôi vừa mới nói, phải xa lìa tự tư tự lợi, phải xa lìa tiếng tăm, lợi dưỡng, phải xa lìa ngũ dục, lục trần, phải xa lìa tham, sân, si, mạn, đấy chính là nguyên do Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta trì giới, chịu khổ. Ngài dặn dò bọn chúng ta là những người thuộc thế hệ sau hãy nên lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy, như vậy thì quý vị mới có thể lìa chướng. Học tập cũng phải biết giữ quy củ. Tổ sư đại đức dạy chúng ta *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. Đó là giới, quý vị phải tuân thủ. Ba căn bản đã vun bồi tốt đẹp, nếu đều làm được, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân, quý vị trọn đủ điều kiện học Phật. Cách học như thế nào? Một bộ kinh, một pháp môn, đó gọi là *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”.* Vì thế, tôi khuyên các đồng học Tịnh Tông, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu cứ niệm mãi. Nếu trong tâm vẫn chưa ổn thỏa, còn có nghi hoặc, thì hãy nghe giảng. Nghe giảng kinh Vô Lượng Thọ, cứ lần lượt nghe từng lần một, nghe không hiểu cũng chẳng sao, lại nghe nữa, cứ nghe lần lượt từng lần một. Cổ nhân nói rất hay: *“Đọc sách ngàn lượt, tự thấy ý nghĩa”*, nếu quý vị thật sự nghe đĩa giảng kinh Vô Lượng Thọ này từ đầu đến đuôi một ngàn lượt, quý vị sẽ khai ngộ. Vì sao? Một ngàn lần đã khiến tâm quý vị định lại, Định sanh Huệ, Định có thể khai ngộ, đạo lý là như thế đó. Trong ấy, chẳng có gì là thần kỳ hay mê tín. Lìa chướng, khởi tâm động niệm chẳng có gì bất thiện, quý vị khởi tâm động niệm đều tương ứng với tâm thanh tịnh, đều tương ứng với Thập Thiện Nghiệp Đạo, đó là *“bất tuyệt”*, là *“thường sử bất tuyệt”.*

  *“Hựu Chân Giải viết: Đại Luận vân: Ư vô Phật xứ, tán thán Tam Bảo âm”* (Sách Chân Giải lại chép: “Đại Luận viết: Ở nơi không có Phật, khen ngợi danh từ Tam Bảo”). Đó là thường niệm Phật, Pháp, Tăng. *“Tức thọ trì, tuyên thuyết Phật pháp tạng dã, chúng sanh do chi thực thiện, phát trí, thành đức khế lý, cố Tam Bảo chủng tử, truyền truyền tương kế, thường sử bất tuyệt. Dĩ thượng tam thuyết chánh hảo hợp tham”* (tức là thọ trì, tuyên nói pháp tạng của Phật. Chúng sanh do đấy sẽ gieo căn lành, phát sanh trí, thành tựu những phẩm đức khế Lý, nên hạt giống Tam Bảo được liên tục lưu truyền, thường chẳng bị dứt mất. Cả ba thuyết trên đây đều có thể gộp lại để tham khảo). Ba loại trên đây đều có thể gộp lại hòng tham khảo. Kinh luận nói rất hay, nơi chẳng có Phật giáo, bèn tán thán nền giáo dục của đức Phật, giảng giải, nói rõ với người khác, khiến cho chủng tử Tam Bảo được gieo vào A Lại Da Thức của mọi người, khiến cho họ có cơ duyên trông thấy tượng Phật, nghe âm thanh Phật hiệu, vừa thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Họ đã có thiện căn ấy, trong tương lai sẽ khởi tác dụng, đó là gì? Gieo chủng tử. Đối với chúng sanh căn cơ đã chín muồi, bèn giúp họ thành Phật, giúp kẻ căn cơ chưa chín muồi trở thành chín muồi. Đối với kẻ chưa có chủng tử, bèn gieo thiện căn cho họ, gieo chủng tử Phật cho họ, thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật, đều gieo chủng tử vào A Lại Da. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

# Tập 136

 Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi bốn, xem từ hàng thứ ba.

  *“Hưng đại bi, tùng thử cú trực chí chửng tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn thập cú, biểu chư đại sĩ đồng thể đại bi, vô duyên đại từ chi đức hạnh”* (Cả mười câu từ câu “hưng đại bi” cho đến câu *“*cứu vớt, gánh vác cho họ đều vượt lên bờ kia” đều nói về đức hạnh đồng thể đại bi, vô duyên đại từ của các vị Ðại Sĩ). Trước hết là giới thiệu ý nghĩa trọng yếu trong khoa mục nhỏ này. Tâm từ bi của các vị Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ dự hội lưu lộ. Đồng thể đại bi, vô duyên đại từ là nhìn Bồ Tát từ góc độ của lũ phàm phu chúng ta. Nếu nhìn từ phía bản thân các vị Bồ Tát, hai câu này chẳng có ý nghĩa chi cả! Vì sao? Các Ngài xác thực là đã chứng đắc “khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể”. Kinh Phật diễn tả điều này là *“phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”.* Pháp là hết thảy vạn pháp. Câu nói cuối cùng [trong năm câu do] Huệ Năng đại sư [đã thốt ra khi] khai ngộ là: *“Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp”.* Đó chính là “hết thảy các pháp trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình đều do cùng một thể tánh hiển hiện”. Sách Hoàn Nguyên Quán nói tự tánh thanh tịnh viên minh thể, hiển nhất Thể, khởi nhị Dụng, thị tam biến (phô bày ba thứ trọn khắp). Lời văn tuy không dài, nhưng đã viết rất rõ ràng, rất minh bạch. Đây là một chủ đề đang được tất cả các khoa học gia và triết gia trên thế giới điều tra, cho đến nay, vẫn chưa thể đạt đến kết luận dứt khoát, nhưng kinh đã nói rành mạch, nói rõ ràng. Các Ngài chứng đắc như thế nào? Đức Phật dạy: Chính quý vị vốn sẵn có trí huệ và năng lực ấy. Chẳng phải là tưởng tượng, chẳng phải là chúng ta nhất định phải tưởng như vậy, hoặc nhất định phải niệm như thế, chẳng phải vậy, nó vốn sẵn là như vậy! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta: Vì sao nay chúng ta và chư Phật Như Lai sai khác to lớn như vậy? Vốn là một Thể, thế mà có sai khác to lớn ngần ấy, đức Phật cho biết: *“Chỉ vì vọng tưởng và chấp trước, nên không thể chứng đắc”*, một lời đã nói toạc ra! Do vậy, chúng ta hiểu: Chỉ cần chúng ta buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị vốn sẵn là Phật, giác ngộ vạn sự vạn vật trong vũ trụ và ta thật sự là một Thể.

 Trong kinh, đức Phật thường nói: *“Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm”*, tâm và pháp là một, chẳng hai. Tâm là tự tánh, có thể hiện, có thể sanh. Pháp là vạn pháp, là cái được sanh, được hiện. Trong Phật pháp nói tới y báo và chánh báo, chánh báo là chính mình, ngoài chính mình ra đều gọi là y báo. Vì vậy, trong y báo có hoàn cảnh nhân sự, có hoàn cảnh vật chất, còn có hoàn cảnh hiện tượng tự nhiên, tức là bao quát toàn thể vũ trụ. Cổ nhân nói hai câu: *“Lớn mà chẳng ra ngoài, bé mà chẳng ở trong”*, nói lên ý nghĩa gì? Lớn mà chẳng ra ngoài là chẳng có ngằn mé, lớn vô cùng. Trong khoa học hiện đại, các nhà khoa học cho biết phần vũ trụ nhân loại biết đến thật ra chỉ là một phần mười, hãy còn chín phần mười chúng ta không biết. Cũng có nhà khoa học nói: Chín mươi phần trăm vũ trụ ta không thấy, nay chúng ta dùng dụng cụ khoa học có thể thăm dò mười phần trăm, vì sao? Họ vẫn chẳng biết do nguyên nhân nào! Thế nhưng trong kinh Phật đã có nói, câu nào trong kinh Phật? Trở về tự tánh. Bồ Tát tu hành đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát, đó là địa vị Bồ Tát cao nhất. Đẳng Giác Bồ Tát nếu lên cao hơn một cấp, sẽ hồi quy tự tánh, là Diệu Giác. Cũng có thể nói Ngài đã đoạn sạch tập khí vô thỉ vô minh, hoàn toàn chẳng có; do vậy, chẳng còn thấy cõi Thật Báo. Nay chúng ta kể như đã hiểu rõ, cõi Thật Báo do đâu mà có? Cõi Thật Báo do tập khí vô thỉ vô minh biến hiện; khi tập khí đã đoạn, cõi ấy cũng chẳng tồn tại, tức là do *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*,nên cõi Thật Báo cũng là hư vọng. Mười pháp giới hư vọng thì chúng ta dễ hiểu, nhưng cõi Thật Báo Nhất Chân pháp giới cũng là hư vọng [thì khó hiểu], thứ gì là chân thật? Chân thật là Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang thì thứ gì cũng đều chẳng có, chẳng có hiện tượng vật chất, mà hiện tượng tinh thần cũng chẳng có!

 Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật dạy: Tất cả các hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều sanh từ A Lại Da, A Lại Da [sanh khởi] ba tế tướng. Ba tế tướng ấy được sanh khởi theo thứ tự, nhưng chúng có tốc độ quá nhanh, nên chúng ta cũng có thể nói là chúng phát sanh đồng thời. *“Một niệm bất giác, bèn có vô minh”*, vô minh ở đây chính là A Lại Da. Đối với Nghiệp Tướng của A Lại Da thì Nghiệp Tướng là do một niệm bất giác. Giác tâm bất động, Huệ Năng đại sư đã nói: *“Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng dao động”*,đó là Thường Tịch Quang, bất động. Đột nhiên có một niệm ấy phát sanh, niệm ấy được gọi là vọng niệm, vô minh ấy được gọi là vô thỉ (無始). Vô thỉ là chẳng có khởi đầu, thật sự chẳng có khởi đầu. Đức Phật bảo cho chúng ta biết hiện tượng ấy thật sự là gì? Là vọng tưởng, vọng (妄) là chẳng thật, nên tưởng ấy được gọi là vọng tưởng. Nếu thật sự có niệm dấy lên, sẽ chẳng gọi là vọng tưởng. Vì thế, phải hiểu ý nghĩa của chữ Vọng do đức Phật đã nói, nó chẳng thật, Tướng có, Thể không. Chúng ta quan sát những sự thật trước mắt, đều thừa nhận các hiện tượng vật chất trước mắt chúng ta, ngỡ chúng là thật, nhưng đức Phật dạy chúng là giả, chẳng thật, *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, chúng ta không hiểu. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học cho biết: Vật chất chẳng thật. Họ dùng phương pháp khoa học để thấy hiện tượng vật chất là gì? Là ý niệm. Ý niệm chẳng phải là niệm ư? Niệm tích lũy liên tục, sanh ra huyễn tướng. Vì sao có các loại vật chất khác nhau? Do tần số [dao động] khác nhau, chúng ta sẽ thấy các hiện tượng khác nhau. Tần số chậm, quý vị sẽ thấy là chất rắn, tần số mau hơn sẽ biến thành chất lỏng. Như hoa, cỏ, cây cối, da dẻ, huyết dịch trên thân chúng ta đều thuộc loại có tần số mau hơn một chút. Mau hơn nữa sẽ biến thành thể hơi, thành các thể hơi lưu động trong không khí. Lại nhanh hơn nữa, sẽ biến thành sóng điện, ánh sáng, hoặc sóng điện từ. Vì thế, bất cứ vật chất gì cũng đều có thể quy hồi hiện tượng dao động. Nó (hiện tượng dao động) là hiện tượng nguyên thủy nhất, trong ấy, quý vị chẳng thấy vật chất.

 Như vậy là các nhà Lượng Tử Lực Học thấy tình hình ấy, đúng như từ ba ngàn năm trước, trong cuộc đối thoại giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát: Phàm phu chúng ta khởi lên một niệm, *“tâm hữu sở niệm”*, [nghĩa là] đức Phật hỏi ngài Di Lặc, phàm phu khởi lên một niệm thì trong ấy có mấy tế niệm? Có mấy tướng? Có mấy thức? Di Lặc Bồ Tát trả lời đức Thế Tôn, thật ra là nói với chúng ta: *“Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”*. Ba mươi hai ức nhân với một trăm ngàn, một trăm ngàn là mười vạn, [sẽ thành] ba trăm hai mươi triệu. Trong một cái khảy ngón tay, có ba trăm hai mươi triệu [tế niệm]. Tôi tin là có người động tác rất nhanh nhẹn, rất lẹ làng, trong một giây có thể khảy tới năm lần. Nếu nói một giây khảy năm lần, sẽ là trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu [tế niệm], tần số dao dộng là một ngàn sáu trăm triệu lần, một giây đấy nhé! Di Lặc Bồ Tát nói *“niệm niệm thành hình”*, *“hình”* là hiện tượng vật chất. Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi về tướng, tức hiện tượng vật chất, tức Cảnh Giới Tướng của A Lại Da. Mấy thức? *“Hình đều có thức”*. Từ câu nói này, chúng ta hiểu vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng tách rời. Ngay như các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời đã phát hiện tiểu quang tử, tức lượng tử, còn nhỏ hơn hạt cơ bản như đã nói trước kia, trong tiểu quang tử có hiện tượng vật chất, và cũng có hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần trong tự tánh là “thấy, nghe, hay, biết”, trong A Lại Da liền biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đối với Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bất luận là Thọ hay là Tưởng, trong ấy hoàn toàn có thấy, nghe, hay, biết. Trong Thọ có thấy, nghe, hay, biết, trong Tưởng có thấy, nghe, hay, biết. Trong Hành và Thức đều có thấy, nghe, hay, biết. Đó là Chân Ngã. Ngay cả một hạt tiểu quang tử cực nhỏ vẫn có thấy, nghe, hay, biết, lại còn biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nên nó có thể thấy, có thể nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Chúng ta khởi tâm động niệm, nó biết toàn bộ. Chúng ta hãy suy nghĩ, cái tạo thành thân thể của chúng ta, tức là thân chánh báo, trong ấy có bao nhiêu tiểu quang tử? Chẳng có cách nào tính toán thân thể này của chúng ta có bao nhiêu tiểu quang tử! Trong mỗi hạt tiểu quang tử đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong Tứ Uẩn là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, mỗi Uẩn đều có thấy, nghe, hay, biết, do đâu mà có hiện tượng này? Pháp nhĩ như thị, [nghĩa là] nó vốn là như vậy, tự tánh là như vậy. Tự tánh xác thực là lớn mà chẳng ở ngoài, nhỏ chẳng ở trong, là một vấn đề triết học.

 Đẳng Giác Bồ Tát chứng Diệu Giác, trở về Thường Tịch Quang, sẽ không thấy [có cõi Thường Tịch Quang]. Vì sao khoa học gia nói có những phần vũ trụ ta chẳng thể thấy được? Chúng đã trở về Thường Tịch Quang, nên quý vị tìm chẳng thấy. Chúng chẳng phải là hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần, nên sáu căn chẳng thể tiếp xúc. Do mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, quý vị có thể cảm nhận hiện tượng vật chất, ý căn cảm nhận hiện tượng tinh thần, nhưng Thường Tịch Quang chẳng phải là vật chất, chẳng phải là tinh thần, nên quý vị chẳng có cách nào cảm nhận! Nhưng nó tồn tại, bất sanh bất diệt, ở nơi đâu? Không lúc nào chẳng tồn tại, không nơi nào chẳng tồn tại, nhưng lục căn chẳng thể tiếp xúc. Khi nào có thể tiếp xúc? Đức Phật dạy: Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị liền hiểu rõ, liền chứng đắc. Vì thế, phải biết: Căn bệnh nặng nề của chúng ta là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chưa thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; nói thật thà, quý vị chưa nhập Phật môn, vẫn là kẻ đứng ngoài cửa nhà Phật, chưa thể gọi là Phật giáo, gọi là Phật học như người hiện thời nói thì được, chẳng phải là học Phật. Người thật sự học Phật, tối thiểu là phải biết buông xuống, buông xuống từ chỗ nào? Nói thật thà sẽ là buông xuống từ chính mình, luôn phải bắt đầu từ chính mình. Buông gì xuống? Buông cái Ngã xuống, biết đó chẳng phải là Ngã. Kinh Kim Cang nói *“vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”*,bắt đầu từ đó, phá Tứ Tướng thì gọi là học Phật. Phá Tứ Tướng là tầng cấp gì? Sơ Quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, còn xét theo Đại Thừa, theo kinh Hoa Nghiêm, sẽ là Sơ Tín Vị Bồ Tát trong Thập Tín. Thập Tín là Tiểu Học, [Sơ Tín] là lớp Một Tiểu Học, quý vị nhập Phật môn. Hãy còn có ta, có người, có chúng sanh, có thọ giả, quý vị là lục đạo phàm phu. Quý vị nói chính mình là đệ tử Phật, được thôi! Danh tự đệ tử, hữu danh vô thực! Đối với Lục Tức như Thiên Thai đại sư đã nói, quý vị thuộc Danh Tự Tức. Buông Ngã xuống, Thân Kiến trong năm thứ Kiến Hoặc bị phá. Biên Kiến đã phá, chẳng còn đối lập do Biên Kiến. Ta chẳng có, kẻ khác cũng chẳng có, phá Tứ Tướng, chúng sanh tướng cũng phá. Thọ giả là thời gian, chúng ta có thể nói chúng sanh là không gian. Cảnh giới này là thật sự nhập Phật môn.

 Người như vậy niệm Phật vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thuộc tầng cấp nào? Thưa cùng chư vị, người ấy sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, chẳng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Do vậy, tu hành khó khăn, trong một đời có thể tu đến mức độ này, chẳng dễ dàng! Tu đến mức độ này, quý vị liền siêu phàm nhập thánh, chẳng còn thuộc cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Điều này cho thấy tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất luận tu pháp môn nào đều phải đi theo con đường này! Con đường này, bao người đã học Phật suốt một đời, có mấy ai thành tựu? Chúng ta nghĩ đến chỗ này, chẳng thể không cảm ơn, chẳng thể không cảm kích A Di Đà Phật đã từ bi mở ra pháp môn đặc biệt, tiếp dẫn chúng ta là những kẻ chẳng có năng lực phá Kiến Hoặc, cũng có thể sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Cũng có nghĩa là người trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư chưa phá Tứ Tướng, phải đới nghiệp vãng sanh. Càng khó có hơn nữa, tuy đới nghiệp, nhưng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ giống như cõi Thật Báo, tuyệt diệu thay! Vì sao? Nguyện thứ hai mươi trong bốn mươi tám nguyện có nói: *“Sanh về thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát”.* A Duy Việt Trí là đẳng cấp nào? Theo kinh Hoa Nghiêm thì là từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên. Những người ấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nay chúng ta một phẩm phiền não chưa phá, chỉ cần thật sự giữ vững tín tâm kiên định, chẳng hoài nghi tí nào, một phương hướng, một mục tiêu, *“phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm A Di Đà Phật”*, quyết định cầu sanh Tịnh Độ, sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Dẫu hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, do được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị đến thế giới Cực Lạc, trí huệ, thần thông, đạo lực và hết thảy sự thọ dụng đều bằng với hàng Bồ Tát trong cõi Thật Báo. Phải ghi nhớ: Các pháp môn khác trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng có chuyện này. Chỉ riêng một cõi Tịnh Độ là Di Đà Tịnh Độ [là có chuyện này], trong Di Lặc Tịnh Độ chẳng có! Gặp gỡ pháp môn này chẳng dễ dàng, đã gặp gỡ pháp môn này mà bỏ lỡ thì quá đáng tiếc. Chúng ta chẳng có cách nào buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, chỉ có con đường này. Trừ con đường này ra, chẳng có con đường thứ hai, há chúng ta còn nên chẳng quý trọng ư? Còn có thể chẳng thật sự hành theo ư? Từ vô lượng kiếp tới nay, phải luân hồi trong sanh tử, chẳng thoát ra được!

Đời này gặp được duyên phận này, quý vị có cơ hội vĩnh viễn thoát ly luân hồi trong một đời này, vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới, cơ hội này khó thể gặp gỡ ngần ấy, đúng như bài kệ Khai Kinh đã nói: *“Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”*, vậy mà chúng ta đã gặp. Cư sĩ Bành Tế Thanh nói: *“Một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay”.* Chúng ta đã gặp gỡ. Lại còn gặp gỡ trong xã hội hiện tiền, trên địa cầu có lắm tai nạn xảy ra liên tiếp như thế, ngay trong lúc này mà được gặp gỡ, chúng ta cảm thấy an ủi to lớn không gì bằng! Gặp gỡ trong lúc này, khi nào tai nạn sẽ phát sanh? Chẳng có điềm dự báo. Nói cách khác, chúng ta ở bất cứ nơi nào trên quả địa cầu này đều cảm thấy chẳng an toàn, gặp được pháp môn này, tâm bèn định, tâm đã an rồi, vì sao? Thời gian đến thế giới Cực Lạc đã tới rồi! Khá nhiều vị Bồ Tát trong mười phương mơ tưởng chuyện này, nhưng các Ngài chẳng có duyên gặp gỡ! Chúng ta có thể lý giải: Nếu các Ngài gặp được, sẽ chẳng hoài nghi mảy may, lập tức nắm lấy. Đối với những người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chúng ta mà nói, những tai biến trên địa cầu là chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu, chúng khiến cho chúng ta cảnh giác cao độ, niệm niệm hướng về mục tiêu *“một mực chuyên niệm”*, nhắc nhở chúng ta niệm niệm chẳng lìa A Di Đà Phật. Hiện thời chẳng lìa, dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác để niệm Phật, toàn bộ những thứ táp nham trong thế gian này đều buông xuống, còn có gì chẳng buông xuống được? Người như vậy quyết định sanh về Tịnh Độ.

Bồ Tát *“hưng đại bi, mẫn hữu tình”* (dấy lòng đại bi, thương xót hữu tình), đúng là đồng thể đại bi, vô duyên đại từ, *“vô duyên”* là chẳng có điều kiện. Sau khi minh tâm kiến tánh, đức hạnh tự nhiên lưu lộ. Hai câu này được giải thích: *“Hưng đại bi, mẫn hữu tình giả, Mẫn giả, ai niệm dã. Bồ Tát bi mẫn chúng sanh, phổ linh xuất khổ”* (“dấy lòng đại bi, thương xót hữu tình”: “Mẫn” là thương xót nghĩ đến. Bồ Tát thương xót chúng sanh, làm cho tất cả đều được thoát khổ). *“Phổ”* (普) là phổ biến, chẳng có phân biệt. Đối đãi bình đẳng với hết thảy chúng sanh, giúp chúng ta thoát ly luân hồi; luân hồi là biển khổ. Tứ thánh pháp giới chịu khổ nhẹ hơn lục đạo, nhưng chẳng đạt đến chân lạc. Lòng Bi ấy *“phi Nhị Thừa phàm phu ái kiến chi bi”* (chẳng phải lòng Bi do ái kiến của Nhị Thừa và phàm phu). Vì thế, trước đó thêm vào một chữ, thành Đại Bi. Dấy lên lòng đại bi, thương xót hữu tình. Đại bi là chẳng có điều kiện, chẳng có tình chấp ái kiến, chẳng có thứ ấy, tâm Ngài thanh tịnh, bình đẳng, giác chứ không mê. *“Hựu Hội Sớ viết”* (Sách Hội Sớ lại nói), hãy xem cổ đức giải thích, *“bạt khổ vi bi”* (dẹp khổ là bi), nghĩa là thấy chúng sanh đau khổ, bèn giúp họ lìa khỏi thống khổ. Sanh, lão, bệnh, tử là khổ, chỉ có Phật, Bồ Tát là có thể cứu. Trong thế gian, cầu chẳng được [thỏa ý] sẽ là khổ, yêu thương phải chia lìa là khổ, oán ghét mà cứ phải gặp gỡ là khổ. Trong kinh giáo có dạy chúng ta đạo lý và phương pháp lìa khổ như thế nào, đó là trong Phật môn. Trong các tôn giáo khác, trong thế gian hiện thời, rất phổ biến chuyện [ma quỷ] dựa vào thân, đó gọi là *“chúng sanh có duyên bèn dựa vào thân”*. Chúng sanh có duyên chính là gì? Đều là những kẻ đến đòi mạng hoặc đòi nợ, hiện tượng này khắp nơi đều trông thấy. Đối với vấn đề này, dùng Phật pháp để hóa giải hoặc điều giải rất hữu hiệu. Khá nhiều bệnh tật đều do oán thân trái chủ giáng họa, họ đến báo thù. Trong quá khứ, quý vị đã nợ mạng họ, nên họ đến đòi mạng. Quý vị thiếu nợ nên họ đến đòi nợ. Chỉ cần tâm địa chúng ta lắng trong, phiền não ít, vọng niệm ít, quý vị sẽ có thể nhìn ra được. Có người hỏi tôi: “Vì sao hiện thời có nhiều trường hợp [quỷ dựa thân] như vậy?” Người ấy hỏi rất hay. Nếu người ấy chẳng hỏi, chúng tôi chẳng nghĩ đến chuyện này; vừa hỏi, tôi liền hiểu. Xã hội thuở trước có giáo dục luân lý và đạo đức, có giáo dục nhân quả, nên con người có chánh khí, những oán thân trái chủ chẳng dám đến gần quý vị, vì quý vị có chánh khí. Nếu quý vị tạo nhiều ác nghiệp, sẽ chẳng có chánh khí. Khi chánh khí chẳng có, tà niệm sẽ xuất hiện. Đó là bất thiện khí, họ cũng rất dễ tới gần, ngự trên thân quý vị.

Người học Phật trì giới, niệm Phật, tu Định, có thần hộ pháp thủ hộ, họ chẳng dám thân cận quý vị. Quý vị xem câu chuyện trong Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, chẳng phải là rất rõ rệt ư? Ngộ Đạt quốc sư là cao tăng mười đời. Quý vị thấy oan gia của Ngài, thâm cừu đại hận chẳng thể báo, đời đời kiếp kiếp chờ đợi, đợi cho tới đời thứ mười, Sư làm thầy của hoàng thượng, tức quốc sư. Hoàng thượng tặng Sư một chiếc ghế Thái Sư. Chiếc ghế ấy chạm trổ bằng trầm hương, trầm hương đắt lắm, bán ở tiệm thuốc là từng lượng một. Sư tiếp nhận, vua là đệ tử của Sư, cúng dường Sư bảo tọa trầm hương ấy, Sư sanh khởi tâm ngạo mạn, cảm thấy [chính mình] rất vinh diệu: “Người xuất gia trong thiên hạ đông ngần ấy, chẳng có ai sánh bằng ta!” Vừa dấy lên niệm ấy, thần hộ pháp bỏ đi, oán thân trái chủ tìm tới bên thân, Sư bị ghẻ hình mặt người, gần như mất mạng! Tôn giả Ca Nặc Ca điều đình, oán thân trái chủ chấp thuận, lìa khỏi. Đó là một thí dụ sống động, chúng ta phải ghi nhớ: Nếu trong tâm chúng ta còn có tà niệm, còn có tà tư, quý vị biết là oán thân trái chủ dễ tìm tới bên thân. Chúng tìm tới bên thân như vậy, quý vị sẽ mắc bệnh khổ. Điều giải cùng oán thân trái chủ như thế nào? Nói thật ra, trong thế gian này, mỗi người có cả một đống lớn oán thân trái chủ! Bất luận là trong quá khứ hay trong kiếp này, quý vị cố ý giết, hay vô tình giết chết, họ đều chẳng bỏ qua cho quý vị! Còn có những kẻ bình phàm chẳng hiểu chân tướng nhân quả, trong gia đình ăn thịt đã thành thói quen. Mỗi ngày quý vị ăn chúng nó, mà chẳng có cảm giác! Thế nhưng những chúng sanh bị ăn thịt ấy chẳng cam lòng, chẳng tình nguyện để cho quý vị ăn. Trong kinh Phật có nói: *“Ăn kẻ khác nửa cân, đền hắn tám lạng”*, hắn sẽ đến đòi nợ quý vị. Chúng ta học Phật, hiểu đạo lý này, không còn dám ăn thịt chúng sanh nữa! Đó là chuyện tốt. Nhưng có những kẻ ta đã kết oán [trong đời quá khứ hay trong hiện tại], để hóa giải những oán thân trái chủ ấy, mỗi ngày chính mình làm các công đức hồi hướng cho họ, mình và người đều được lợi, hy vọng họ sẽ chẳng quấy nhiễu chúng ta tu hành. Chúng ta tu hành thành công, nhất định độ họ trước hết. Nếu nguyện tâm ấy, điều kiện ấy là chân thật, họ sẽ tiếp nhận. Nếu quý vị giả dối, lừa gạt họ, họ sẽ lại bám lên thân quý vị, kiếm quý vị gây khó dễ. Chuyện này chẳng phải là mê tín, chuyện quỷ thần này là sự thật.

Chúng tôi đọc một câu chuyện có tựa đề là Khải Tát Quân Đoàn Đông Chinh Trung Quốc Chi Mê (bí ẩn về đoàn quân đông chinh đánh Trung Quốc của Caesar), chuyện này là [chuyện quỷ thần] dựa thân. Chuyện này [xảy ra] từ hơn hai ngàn một trăm năm trước. Đại đế Khải Tát (Gaius Julius Caesar) của đế quốc La Mã phái một đoàn quân hơn mười vạn người, thống soái của quân đoàn là con trai thứ ba của nhà vua, đến xâm lược Trung Quốc, mong cưỡng chiếm Trung Quốc. Nơi ấy rất xa, từ La Mã đến Tân Cương [[13]](#footnote-14)[2] mất một năm hai tháng, đều là kỵ binh và bộ binh. Trên đường đi, do không hợp thủy thổ, binh sĩ chết rất nhiều. Vì thế, đến Trung Quốc, từ Tân Cương đi đến hành lang Hà Tây [[14]](#footnote-15)[3], tiếp xúc với người Hoa tại Tân Cương, đánh nhau một trận. Cuộc chiến ấy hết sức dữ dội, lần đại chiến ấy họ tổn thất chín ngàn người, đã chết mất chín ngàn quân, niềm tin chinh phục Trung Quốc bị chôn vùi! Khi đến được hành lang Hà Tây, chỉ còn sót lại mấy ngàn người, một vạn người chẳng đến nơi, cuối cùng toàn quân bị tiêu diệt ở Trung Quốc. Quý vị thấy các quỷ thần từ hơn hai ngàn một trăm năm ấy, các con quỷ ấy, tức quân đoàn ấy đến nay vẫn còn rất tích cực, họ dựa vào thân của hai mẹ con nơi vùng ấy. Tam vương tử thống soái dựa thân người đàn bà, còn quân sư của ông ta dựa vào thân con gái bà ta. Thời gian dựa thân khá lâu, suốt hai mươi bảy năm. Vì thế, bọn họ giống như bị bệnh thần kinh, điên điên khùng khùng nói năng lung tung, kể ra chuyện xưa. Người viết cuốn sách ấy là một khoa trưởng thuộc Thống Chiến Bộ [[15]](#footnote-16)[4] của chính phủ tại vùng ấy. Ông ta nghe chuyện này hiếu kỳ, chẳng tin tưởng. Sau nhiều lần tiếp xúc, ông ta bèn tin tưởng, là thật, quyết định chẳng giả. Chuyện này nói lên điều gì? Cho thấy con người chết đi thì thân thể chết, chứ linh hồn chẳng chết, vẫn đang chịu khổ, chịu nạn. Những linh quỷ ấy chẳng có tín ngưỡng tôn giáo, vào thuở hơn hai ngàn một trăm năm trước, vẫn chưa có Cơ Đốc Giáo. Tại Trung Quốc, họ gặp một vị Bồ Tát, tức Lợi Tân Bồ Tát [[16]](#footnote-17)[5], thấy bọn họ đáng thương, là một lũ oan hồn vất vưởng, nên thường bố thí thức ăn cho họ, bảo họ: “Trung Quốc chẳng phải là đất của quý vị, quý vị đến làm gì?” Câu nói ấy rất quan trọng, chúng ta là người biết nghe, sẽ ngay lập tức giác ngộ. [Câu ấy] nói rõ gây chiến tranh đoạt được đất đai đều là do trong mạng quý vị có; nếu mạng quý vị chẳng có, sẽ đoạt chẳng được, chẳng phải là của quý vị mà!

 Vì thế, đối với môn học vấn nhân quả, chớ nên không biết chân tướng sự thật này. Con người phải hiểu vận mạng là có nhất định, trong mạng đã có, chắc chắn sẽ đưa đến. Trong mạng chẳng có, chớ nên cưỡng cầu, lòng người bèn định, chẳng tạo nghiệp. Trong mạng đã có, chẳng dùng đến thủ đoạn mà vẫn đạt được. Người Hoa hiểu đạo lý này, thời cổ, giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả hết sức phổ cập tại Trung Quốc. Có thể nói là trên từ đế vương, công hầu, dưới đến kẻ bán hàng thuê, gã chạy việc vặt, chẳng có ai không hiểu…… Chúng tôi liên tưởng người Nhật Bản phát động chiến tranh xâm lược Trung Quốc, mong chiếm lãnh Trung Quốc, đúng như Lợi Tân Bồ Tát đã nói: “Trung Quốc chẳng phải là của quý vị”. Đánh nhau tám năm, cuối cùng đầu hàng vô điều kiện, trao trả toàn bộ lãnh thổ đã chiếm, chẳng phải là của bọn họ mà! Oan uổng quá! Nay tôi thấy một tin tức, vừa mới thấy [từ một tờ báo đặt] trên bàn, nước Mỹ rút quân khỏi Y Lạp Khắc (Iraq). Iraq chẳng phải là của nước Mỹ! Đánh nhau nhiều năm như thế, quân dân [Iraq] tử thương hơn một trăm vạn người, quân đội của chính mình (Hoa Kỳ) cũng chết hơn bốn ngàn người, tiêu dùng quân phí hơn một ngàn ức [Mỹ Kim]. Chẳng phải là của quý vị! Hiểu nhân quả sẽ hiểu rõ ngay. Trong cuộc chiến tranh ấy, nước Mỹ chẳng đạt được mục đích chánh trị, mà mục đích kinh tế cũng chẳng đạt được, hy sinh uổng phí! Giết lắm người như thế, người tử vong nhiều ngần ấy, những kẻ ấy chẳng oán hận ư? Oan oan tương báo thuở nào xong, quý vị nói chuyện này có đáng sợ lắm không? Trong một đời này, chúng ta có thể gặp được nền giáo dục của đức Phật. Trong tất cả các nền giáo dục, giáo dục của đức Phật thù thắng khôn sánh, giúp chúng ta giải quyết hết thảy vấn đề. Chuyện thế gian là vấn đề nhỏ nhặt trước mắt, là những vấn đề lụn vụn, vặt vãnh, vấn đề to lớn là làm thế nào để có thể liễu sanh tử, làm thế nào để có thể vượt thoát tam giới, vượt thoát mười pháp giới, làm thế nào để trở về tự tánh, cũng giống như chư Phật Như Lai phổ độ chúng sanh. [Bởi lẽ], kẻ mê rốt cuộc vẫn là đa số. Vì thế, tâm đại từ bi vốn sẵn có trong tự tánh của chính mình sau khi giác ngộ bèn tự nhiên lưu lộ. Trong phần trước đã nói *“bất thỉnh chi hữu”*, các Ngài chủ động đến giúp các hữu tình chúng sanh.

  *“Hội Sớ viết: Bạt khổ vi bi”* (Sách Hội Sớ giảng: “Dẹp khổ là bi”), giúp họ lìa khổ, *“nãi chí bi thị chân thật bình đẳng chi bi, cố vị đại bi”* (cho đến bi là bình đẳng chân thật, nên nói là “đại bi”). Quý vị thấy đó, bình đẳng chân thật. Bình đẳng là chẳng có phân biệt liền bình đẳng, từ trong tâm chân thành lưu lộ. *“Hựu Niết Bàn Kinh thập nhất viết”*, [nghĩa là] quyển thứ mười một của kinh Niết Bàn có chép: *“Tam thế chư Thế Tôn, đại bi vi căn bổn. Mật Bộ Đại Nhật Kinh nhất viết: ‘Bồ Đề tâm vi nhân, đại bi vi căn bổn’. Cố chư đại sĩ hàm phát đồng thể đại bi chi tâm”* (Các đức Thế Tôn trong ba đời, [đều lấy] đại bi làm căn bản. Trong Mật Bộ, kinh Đại Nhật, quyển một, có nói: “Tâm Bồ Đề làm nhân, đại bi làm căn bản”. Vì thế, các vị đại sĩ đều cùng phát tâm đồng thể đại bi). Con người hiện tại chẳng dễ độ. Nếu quý vị đối đãi với họ bằng thiện tâm, chân tâm, ngay lập tức họ sẽ hoài nghi quý vị có mưu đồ gì đó! Quý vị có dụng tâm gì? Lập tức đề phòng. Quý vị có thể trách họ được chăng? Chẳng thể! Vì sao? Hết thảy chúng sanh trong toàn thể xã hội hiện thời đều đánh mất tín tâm! Không chỉ chẳng tin tưởng, hoài nghi kẻ khác, mà đối với chính mình cũng chẳng tin tưởng! Chúng sanh khó độ lắm! Hiện thời, Bồ Tát phát tâm trước hết là độ chính mình, chính mình đã được độ thì quý vị mới có thể quán cơ (xem xét căn cơ), mới có phương tiện thiện xảo, đối với hết thảy chúng sanh chẳng có mưu đồ, chẳng có mục đích. Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Cũng không nhất thiết phải nói với họ, họ đâu có hiểu! Quý vị nói quý vị đồng thể với họ, về căn bản là họ không tin: “Ngươi ăn nói nhảm nhí, ai đồng thể với ngươi?” Không thể tiếp nhận, khó khăn lắm!

 Đồng thể phải nói với ai? Nói với người khai ngộ, họ sẽ hiểu. Nói chuyện đồng thể với lục đạo chúng sanh, làm sao họ có thể tiếp nhận? Không chỉ nhân gian khó khăn, ngay cả cõi trời cũng chẳng dễ dàng, vì sao? Thiên chúng mãi cho đến tầng trời thứ hai mươi tám đều chưa phá Thân Kiến. Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến thảy đều còn nguyên, há dễ dàng ư? Vì thế, Bồ Tát thị hiện trong lục đạo, gặp người bèn nói bằng tiếng người, gặp quỷ bèn nói bằng tiếng quỷ, chẳng có hình thức nhất định, mà cũng chẳng có phương pháp giáo học nhất định. Đúng là tùy cơ ứng biến, vô cùng linh hoạt, chúng ta hãy nên học những điều này. Chúng ta phải phát tâm, phải phát Bồ Đề tâm, những chuyện này đều thuộc trong Bồ Đề tâm. Do đó, Bồ Đề tâm là nhân. Tâm đại bi trong tâm Bồ Đề là động lực căn bản để độ chúng sanh. Chẳng có tâm đặc biệt, sẽ chẳng có động lực ấy, chẳng mong làm. Vì có tâm đại bi, nên dẫu chúng sanh hoài nghi quý vị, thử thách quý vị lắm nỗi, quý vị vẫn chẳng buông bỏ, vẫn hết sức nghiêm túc nỗ lực thực hiện. Đó là gì? Đó là do lòng đại từ bi thúc đẩy. Kẻ chẳng học Phật, chẳng thâm nhập Phật pháp sẽ chẳng biết, họ sẽ nghĩ người như vậy (người có lòng đại từ bi) rất ngốc nghếch, chẳng biết vì chính mình, chỉ biết vì chúng sanh, người như vậy quá đần độn! Khéo sao tổ tiên có một câu nói: *“Kẻ ngốc hưởng phước của kẻ ngốc”*, khá lắm, vẫn còn thật sự tu phước báo.

  *“Diễn từ biện, tùng từ tâm khởi thuyết dã. Tịnh Ảnh Sớ viết: Y từ khởi thuyết, danh diễn từ biện”* (“Diễn từ biện”: Do từ tâm mà thốt lên. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Nương lòng Từ mà nói ra thì gọi là diễn từ biện”). *“Diễn”* (演) là biểu diễn, giáo dục con người bằng hành động gương mẫu, [chính mình] làm được. *“Biện”* (辯) là ngôn giáo. Chúng ta thường nói là *“thân hành, ngôn giáo”.* Diễn là gì? Biện là gì? Nói theo cách hiện thời là một tấm lòng yêu thương (ái tâm). Nhà Phật nói từ bi, kẻ bình phàm chúng ta nói là “tâm yêu thương”. Ái tâm và từ bi có cùng một ý nghĩa, nhưng trong đó có chút bất đồng. Trong ái tâm có tình, chẳng có trí; trong từ bi có trí, chẳng có tình, khác nhau ở chỗ này. Vì thế, từ bi đúng là chân ái. Ái như người thế gian đã nói chính là hư tình giả ý, chẳng thật, đó là giả ái. Quý vị thấy trong xã hội hiện tại, nam nữ kết hợp, kết hôn, đó là ái. Họ chẳng yêu nhau, làm sao kết hôn cho được? Kết hôn chưa được vài ngày lại ly hôn, [nên tình yêu thương] đó là giả, chẳng thật. Vì thế, người thế gian nói “tôi yêu em”, ngàn muôn phần đừng bị mắc lừa, giả trất, chẳng thật. Được vài ngày liền trở mặt! Chỉ có lòng yêu thương của Phật, Bồ Tát là thật, vĩnh hằng, vĩnh viễn chẳng biến đổi, nên gọi là từ bi. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thuở tại thế, đã biểu diễn tám mươi năm, từ lúc hạ sanh liền biểu diễn cho chúng ta thấy, mãi cho đến lúc lão nhân gia viên tịch. Chúng ta học Phật đã lâu bèn hiểu, lão nhân gia diễn tuồng, diễn cho chúng ta xem, diễn gì vậy? Diễn đại từ đại bi. Ngài trụ thế tám mươi năm để biểu diễn từ bi, để làm gì? Chính vì thương xót hữu tình. Chúng ta có thể thấu hiểu thì mới có thể biết bắt chước Ngài, học theo lão nhân gia, học tập xác thực là thiện căn, phước đức, nhân duyên của chúng ta. Ngài có phương pháp vô cùng hay, khéo, thiện căn thật sự sâu dầy, chúng tôi thường nói là *“thật thà, nghe thời, thật sự làm”*. Người như vậy thiện căn thuần hậu; nếu người ấy tiếp nhận Phật pháp, sẽ thành tựu nhanh chóng hơn người khác. Căn tánh thông thường sẽ chẳng thể tiếp nhận hoàn toàn, luôn xen tạp ý nghĩ của chính mình vào trong ấy, đối với giáo huấn của thầy, ngay cả đối với giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật luôn nẩy sanh hoài nghi!

 Nhất là chúng ta cách Ngài đã hơn ba ngàn năm. Chúng ta luôn nghĩ những gì lão nhân gia đã nói tương ứng với xã hội trong hơn ba ngàn năm trước, cách làm ấy vẫn còn đúng cho hiện tại hay sao? Còn có thể sử dụng hay không? Chúng ta đều tự ngỡ chính mình thông minh, hiện tại là xã hội gì; vì thế, dẫu là kính ngưỡng tiếp nhận, nhưng cũng bị giảm bớt rất lớn. Đến ngày nào thật sự ngộ nhập, mới biết chính mình đã đi đường vòng rất nhiều, đi sai chỗ rất nhiều, đó là *“chẳng nghe lời người già, chịu thua thiệt trước mắt”.* Vẫn kể như là còn khá lắm, quý vị còn thoát ra được. Có nhiều kẻ đã đi mà chẳng thoát ra được, cứ đi loanh quanh mãi, chẳng biết đi đến nơi đâu, số này chiếm đại đa số. Một số ít coi như rất may mắn, còn thoát ra được. Sau khi đã thoát ra, bội phục giáo huấn của Phật năm vóc sát đất. Vì thế, chúng ta phải biết: Ta cũng từng đi đường vòng. Chúng ta biết điều gì? Kinh dạy *“Phật Phật đạo đồng”*, chẳng phải là một mình Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta như vậy, mà mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều nói theo cách này: Trì giới, tu định, khai trí huệ. Trì giới là gì? Giữ quy củ, đức Phật nói như thế nào, quý vị liền làm đúng như thế ấy, chớ nên giảm bớt, chớ nên biến đổi! Ngài là bậc từng trải, là bậc từ phàm phu đã tu thành Phật, Ngài hiểu rõ. Chúng ta vô tri, chưa từng đi theo con đường ấy, đang sờ sẫm, thế mà quý vị chẳng nghe theo người khác chỉ điểm, vẫn mong lươn lẹo, trí trá, [luôn mơ tưởng]: Chắc là trong ấy còn có con đường tắt, chúng ta hãy tìm xem, không chừng Phật cũng chưa phát hiện! Chúng ta luôn có ý tưởng ấy, đó là gì? Hiện thời gọi [kiểu suy nghĩ đó] là cách nhìn khoa học! Chẳng biết phương pháp của người ta là đúng. Quý vị thấy người ta chẳng dùng tới khoa học hiện tại, chẳng sử dụng những dụng cụ khoa học tiên tiến nhất, chẳng dùng những thứ đó, cũng chẳng dùng Toán Học cao sâu, đều chẳng cần, mà tu Thiền Định. Chúng ta chẳng tin vào Thiền Định, cứ tin vào khoa học, [cứ nghĩ] khoa học thấy được, chứ Thiền Định không thấy. Người tu Thiền Định biết: Thật sự đắc Định thì kích thước của thời gian và không gian bị đột phá, từ Thiền Định rất sâu thấy được nguyên khởi của vũ trụ, vũ trụ hình thành như thế nào?

 Đức Phật đã thấy [những chuyện đó] từ ba ngàn năm trước ư? Chẳng phải vậy! Thích Ca Mâu Ni Phật đã sớm thành Phật. Kinh Phạm Võng nói Ngài đến thế gian biểu diễn tám tướng thành đạo lần này chính là lần thứ tám ngàn. Kinh Phạm Võng nói như vậy, hé lộ một chút tin tức. Đúng là *“diễn từ biện”*! Đức Phật thật sự đang biểu diễn, biểu diễn Ngài tu thành Phật như thế nào? Ngài thị hiện cũng rất có ý nghĩa. Thị hiện là một người trẻ tuổi hiếu học, thích học rộng, nghe nhiều, mười chín tuổi đi tham học. Gần như đối với các vị cao nhân trong tất cả các tôn giáo và tất cả các học phái tại Ấn Độ, Ngài đều từng thân cận, đều đến tham học, nhưng chúng ta phải chú ý: Đây là chỗ học tập thật sự! Học nhiều dường ấy, đến cuối cùng, buông xuống toàn bộ, trở lại đường xưa. Đường xưa là gì? Nhập Định. Nhập Định bên sông Hằng, dưới cội Tất Bát La, trở lại đường xưa, sở học trong mười hai năm đều buông xuống. Chẳng buông xuống, sẽ chẳng thể khai ngộ, đó là gì? Sở Tri Chướng. Trong hai thứ chướng, một là Phiền Não Chướng, tức là tham, sân, si, mạn, những thứ ấy là Phiền Não Chướng. Học một đống lớn như vậy là Sở Tri Chướng, thảy đều chướng ngại quý vị tu Định, chướng ngại quý vị khai ngộ. Tuy vậy, kinh Phật cũng nói đến chuyện học rộng, nghe nhiều! Chúng ta đọc kinh đều rất hời hợt, đều chẳng chú tâm! Học rộng, nghe nhiều nói ở chỗ nào? Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, đầu tiên là *“chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”*, đấy là bảo quý vị phát tâm, phát tâm đại Bồ Đề mong phổ độ chúng sanh. Muốn độ chúng sanh, ắt phải có đức hạnh, có học vấn, nên chuyện đầu tiên là thành tựu đức hạnh của chính mình, tức là *“phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”*. Giai đoạn tu hành đầu tiên là đoạn phiền não, trì giới và tu Định đều là đoạn phiền não, tức là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não, Phiền Não Chướng, Sở Tri Chướng, toàn bộ đều phá, toàn bộ đều buông xuống. Sau đấy mới học pháp môn: *“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”.* Phiền não thảy đều đoạn sạch, trong Phật pháp nói là quý vị đắc Căn Bản Trí, Căn Bản Trí là như thế nào? Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Căn Bản Trí là vô tri, *“Bát Nhã vô tri”*, có nghĩa gì? Căn Bản Trí là Định, nó khởi tác dụng không gì chẳng biết.

 Long Thọ Bồ Tát đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Ngài chứng đắc Sơ Địa Bồ Tát, kể như là Sơ Địa trong Biệt Giáo, đấy cũng chính là Sơ Trụ trong Viên Giáo, là bậc “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” như trong Thiền Tông đã nói, cảnh giới hoàn toàn giống như Thích Ca Mâu Ni Phật dưới cội Bồ Đề và Huệ Năng đại sư trong phương trượng thất của Ngũ Tổ. Đã đại triệt đại ngộ, đó là Căn Bản Trí. Đạt được Căn Bản Trí rồi mới lại học hết thảy Phật pháp. Quý vị thấy Long Thọ Bồ Tát chỉ dùng thời gian ba tháng để học thông suốt toàn bộ hết thảy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, ba tháng thôi nhé! Ngài chẳng giống như chúng ta, tầm chương trích cú phiền phức như vậy. Ngài chẳng phải vậy, chúng ta có thể tưởng tượng, Ngài giống như Huệ Năng đại sư.

Ngài Huệ Năng không biết chữ, nhưng quý vị niệm kinh cho Ngài nghe, Ngài liền hiểu. Trong Đàn Kinh đã chép một thí dụ hết sức điển hình: Thiền sư Pháp Đạt đọc kinh Pháp Hoa ba ngàn lượt, cổ nhân đã nói: *“Đọc sách ngàn lượt, tự thấy ý nghĩa”*. Sư niệm kinh ba ngàn lượt, rất khó có, kể ra tâm Sư rất thanh tịnh. Đến gặp Lục Tổ, lễ bái Lục Tổ, đầu chẳng sát đất, lễ ba lạy đều chẳng dập đầu sát đất. Khi Sư đứng dậy, Lục Tổ liền hỏi Sư: “Ông vừa mới lễ bái, đầu chẳng sát đất, có gì đáng để kiêu ngạo ư?” Sư liền nói Sư niệm kinh Pháp Hoa ba ngàn lượt. Đúng là chẳng dễ dàng! Lục Tổ liền hỏi đại ý của kinh Pháp Hoa là như thế nào? Sư chẳng nói được, hướng về Lục Tổ thỉnh giáo. Lục Tổ nói: “Kinh này ta chưa nghe qua, ông đã niệm nhuần nhuyễn như thế, hãy niệm cho ta nghe thử”. Kinh Pháp Hoa hai mươi tám phẩm, Sư niệm đến phẩm thứ hai, tức phẩm Phương Tiện, chưa niệm xong, Lục Tổ bảo: “Được rồi! Phần sau chẳng cần niệm nữa, ta đã biết toàn bộ”. Ngài học như vậy đó! Một bộ kinh có phân lượng to dường ấy, Ngài chỉ nghe mấy câu liền hiểu rõ, thông đạt.

Chúng ta biết Long Thọ Bồ Tát ba tháng học xong các kinh do đức Thế Tôn đã giảng trong bốn mươi chín năm, đó là chuyện hết sức có thể xảy ra. Dùng phương pháp giống như ngài Huệ Năng là được, một ngày có thể học mấy chục bộ kinh, vừa nghe liền hiểu rõ. Tổ giảng đại ý kinh Pháp Hoa cho thiền sư Pháp Đạt nghe, Sư khai ngộ, đã khai ngộ bèn lại lạy dập đầu sát đất. Đó là thật, chẳng giả, vì sao? Hết thảy các pháp đều lưu xuất từ tự tánh; chỉ cần quý vị kiến tánh, làm sao có thể không biết cho được? Làm sao quý vị có chướng ngại cho được! Vì thế, Nhất Thiết Trí, Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí thảy đều xuất hiện.

 Cổ nhân Trung Quốc và người Ấn Độ học tập nhằm đạt mục đích là cầu trí huệ, chẳng phải là cầu tri thức. Đối với các trường đại học nổi tiếng trên cả thế giới hiện nay, tại Luân Đôn, tôi đến thăm đại học Ngưu Tân (Oxford), đại học Kiếm Kiều (Cambridge) và đại học Luân Đôn, tôi đến thăm hai lần, [nhận thấy] đều là học tri thức, chẳng phải là trí huệ. Tri thức có thể giải quyết vấn đề cục bộ, có hạn cuộc, lại còn để lại tác dụng phụ, chẳng giống như trí huệ. Trí huệ giải quyết bất cứ vấn đề nào, mà cũng chẳng để lại tác dụng phụ. Từ chỗ này, quý vị có thể hiểu chỗ khác nhau giữa người phương Đông và người phương Tây. Cả thế giới nay đang xuất hiện phiền phức, những thứ của phương Tây đã chứng thực là chẳng thể giải quyết vấn đề. Vì thế, hiện thời có nhiều người phương Tây tìm đến Trung Quốc, tìm đến Ấn Độ để tìm gì? Tìm trí huệ.

Vì vậy, chúng ta phải có tín tâm đối với tổ tiên, ngàn vạn phần đừng hoài nghi. Hễ hoài nghi là sai mất rồi. Những thứ của tổ tiên có thể lưu truyền mấy ngàn năm, trong mấy ngàn năm, chúng đã được không ít người xem đến, nếu chẳng phải là những thứ tốt đẹp, chúng đã bị đào thải từ lâu, há còn có thể truyền tới hiện thời ư? Truyền tới hiện thời vẫn còn tồn tại, hãy còn có lắm người học tập ngần ấy, thì chúng là thứ chân thật, tuyệt đối chẳng giả. Chúng ta hãy nên thật sự liễu giải, thật sự nhận thức, coi chúng là của quý báu, y giáo phụng hành, chắc chắn sẽ được lợi ích. Cậy vào ý kiến của chính mình để thực hiện, trái nghịch giáo huấn của cổ nhân, chắc chắn sẽ đi lòng vòng, đi theo rất nhiều con đường oan uổng! Có thể thoát ra thì kể như quý vị may mắn lắm. Chẳng thể thoát ra, lại quay về lục đạo, lại phải luân hồi! Chúng ta chớ nên không biết chuyện này. Do nói từ lòng Từ nên gọi là *“diễn từ biện”.*

 *“Thọ pháp nhãn”* là trao cho chúng ta pháp nhãn. *“Pháp nhãn giả, Như Lai ngũ nhãn chi nhất”* (Pháp nhãn là một trong năm mắt của Như Lai). Kinh Kim Cang nói rất tỉ mỉ: *“Ngũ nhãn giả, nhất nhục nhãn, nhị thiên nhãn, tam huệ nhãn, tứ pháp nhãn, ngũ Phật nhãn”* (Ngũ Nhãn: Một là nhục nhãn, hai là thiên nhãn, ba là huệ nhãn, bốn là pháp nhãn, năm là Phật nhãn). Pháp nhãn là [mắt của] Bồ Tát. *“Pháp nhãn giả, nãi Bồ Tát vị độ chúng sanh chiếu kiến nhất thiết pháp môn chi trí huệ”* (Pháp nhãn là trí huệ của Bồ Tát chiếu soi hết thảy các pháp môn để độ chúng sanh), đó gọi là Pháp Nhãn.

Pháp nhãn chiếu Chân Không, thấy hết thảy các pháp, Tướng có, Tánh Không, Sự có, Lý không, nghiệp nhân quả báo rõ ràng như lòng bàn tay, đó là pháp nhãn. Vì thế, Bồ Tát dùng pháp nhãn để độ chúng sanh, trong lục đạo nên dùng thân gì để độ liền hiện thân ấy, hoàn toàn chẳng có chướng ngại. Giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, Thiện Tài đồng tử biểu hiện sự học tập, giống như chương trình tu học trong nhà trường, năm mươi ba lần tham phỏng là thực tập. Bồ Tát độ chúng sanh là đã tốt nghiệp, rời khỏi trường, quả thật là ngũ nhãn viên minh giống Như Lai.

Nói thông thường, nhục nhãn là lục đạo phàm phu, thiên nhãn là từ Dục Giới Thiên trở lên, đó là thiên nhãn có được do quả báo. Nói theo cách hiện thời, trong thế gian hiện tại, mắt con người có thể thấy được một phần rất nhỏ của sóng ánh sáng, những ánh sáng có bước sóng (wavelength) dài, chúng ta chẳng thể thấy được. Sóng ánh sáng ngắn chúng ta cũng chẳng thấy, bị hạn chế to lớn như thế đó! Nếu thiên nhãn mở mang, các thứ ánh sáng khác nhau quý vị đều trông thấy toàn bộ, thế giới này ngay lập tức biến đổi hình dạng! Giống như tia X, hoặc tia tử ngoại; [sử dụng] tia tử ngoại có thể thấy rõ trong chỗ tối tăm. Tia X có thể chiếu xuyên qua vật thể, nó có thể chiếu thấu, thiên nhãn [có thể hình dung như vậy đó]. A La Hán chứng đắc huệ nhãn, đó là mắt của A La Hán và Bích Chi Phật. [Mắt của] Bồ Tát là pháp nhãn. Phật nhãn thảy đều trọn đủ. Những vị này (các vị Bồ Tát tham dự pháp hội Vô Lượng Thọ) đều là Pháp Thân Bồ Tát, toàn bộ đều là ngũ nhãn viên minh, nên các Ngài có thể biểu diễn, chẳng có chướng ngại.

 *“Hội Sớ viết: ‘Phật đạo chánh kiến, danh vi pháp nhãn’. Tịnh Ảnh Sớ viết: Trí năng chiếu pháp, cố danh pháp nhãn”* (Hội Sớ giảng: “Chánh kiến của Phật đạo gọi là pháp nhãn”. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Trí có thể chiếu pháp, nên gọi là pháp nhãn”). *“Do thượng khả kiến”* (Từ những điều trên đây có thể thấy), trong chú giải của các vị tổ sư đại đức, *“Pháp nhãn giả, liễu đạt chúng sanh chủng chủng căn khí, thiện tri nhất thiết cứu độ chi pháp”* (pháp nhãn là hiểu rõ thông đạt các thứ căn khí của chúng sanh, khéo biết pháp cứu độ hết thảy). Quý vị có năng lực thấy căn khí của chúng sanh, căn khí ấy là gì? Quý vị có thể thấy kiếp trước, thấy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ của họ, họ có từng học Phật pháp hay chưa? Đã từng học các tôn giáo khác hay chưa? Trong đời quá khứ, kẻ ấy đã tích lũy, chủng tử được tích lũy trong A Lại Da, loại chủng tử nào nhiều, có sức mạnh, Phật, Bồ Tát liền thuận theo thiện căn của người ấy để dạy dỗ, nên họ rất dễ dàng tiếp nhận, rất dễ dàng nâng cao cảnh giới của họ, cho thuốc đúng bệnh mà! Phàm phu chúng ta không biết, chẳng có năng lực này. Vì thế, hai câu kế tiếp là nói về cách ứng dụng: *“Ứng cơ thí dữ, nhi độ thoát chi”* (thuận theo căn cơ để ban bố hòng độ thoát).

Chẳng có ngũ nhãn, quý vị chẳng có cách nào ứng cơ, trong tình hình ấy, quý vị làm như thế nào? Nếu quý vị có thể tiếp nhận Tịnh Độ, sẽ là thù thắng khôn sánh. Vì sao? Pháp môn Tịnh Độ có thể ứng với hết thảy các căn cơ bất đồng, nên nói là *“thích hợp khắp ba căn, thâu nhiếp lợi căn lẫn độn căn”*. Trong pháp môn Tịnh Độ, vô lượng căn cơ, không có căn cơ nào chẳng tương ứng, toàn bộ đều có thể thích ứng. Vì vậy, bất luận là căn cơ trong quá khứ đã học gì, chỉ cần tiếp xúc pháp môn Tịnh Độ, quý vị bèn thành công ngay trong một đời, có thể đắc độ. Nghĩa là gì? Hết thảy các pháp môn đều quy vào Tịnh Độ, tới lúc cuối cùng đều quy vào Tịnh Độ, chúng ta lý giải điều này.

 Các vị tổ sư đại đức từ xưa đã nói, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, hết thảy các pháp môn đều quy vào Hoa Nghiêm. Sau khi tu thành công, sau khi đã phá vô minh, thảy đều đến thế giới Hoa Tạng. Trong thế giới Hoa Tạng, hai vị đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền là trợ giáo của Tỳ Lô Giá Na Phật, hai vị ấy dùng mười đại nguyện vương của Phổ Hiền dẫn [các vị Pháp Thân Bồ Tát trong Hoa Tạng] về Cực Lạc, thảy đều dẫn họ sang thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy thù thắng lắm, đó là cảnh tượng như thế nào? Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng biểu lộ mảy may đố kỵ hay chướng ngại, chẳng chỉ trích Văn Thù và Phổ Hiền: “Các ông là đệ tử nhập thất trước mặt ta, cớ sao có thể đem toàn bộ người của ta đi?” Nếu đối với người thế gian chúng ta thì chuyện này không thể được, còn ra thể thống chi nữa? Quý vị thấy Phật là tâm lượng gì? Đức Phật không chỉ chẳng tức giận, không chỉ chẳng đố kỵ, mà còn vỗ tay, hoan hỷ, các ông làm đúng lắm, vì sao? Đến thế giới Cực Lạc thành tựu nhanh chóng hơn thế giới Hoa Tạng. Trong thế giới Hoa Tạng, tu hành thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đến thế giới Cực Lạc bèn rút ngắn thời gian rất nhiều.

Chư Phật Như Lai chẳng có vị nào không mong mỏi chúng sanh sớm thành Phật hơn, sớm có ngày trở về tự tánh. Tuy Phật Phật đạo đồng, nhưng trong đồng vẫn có bất đồng, hiển thị Di Đà thù thắng khôn sánh. Cũng chính vì đạo lý này, do chân tướng sự thật này, nên tôi tạm ngưng giảng kinh Hoa Nghiêm. Nhìn vào tốc độ tiến triển trước mắt, bộ kinh này đại khái phải giảng hai năm mới viên mãn được! Tôi vốn tưởng giảng một năm là được, nhưng một năm chưa được, kinh này có bốn quyển, chúng tôi còn giảng chưa xong quyển thứ nhất.

 *“Như thượng chi trí huệ, tức danh pháp nhãn. Tịnh Ảnh hựu viết: Giáo pháp sanh giải, danh thọ pháp nhãn”* (Trí huệ như trên đây, gọi là pháp nhãn. Ngài Tịnh Ảnh lại nói: “Truyền dạy pháp khiến hiểu biết, thì gọi là trao pháp nhãn”). *“Thọ”* (授) là trao cho, ban cho, dạy cho phương pháp, *“sanh giải”* (生解) là khai ngộ. Dạy cho họ phương pháp ấy, họ dùng phương pháp ấy để khai ngộ. Sự khai ngộ ấy chẳng phải là tiểu ngộ, chẳng phải là đại ngộ thông thường, mà là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó gọi là *“thọ pháp nhãn”.*

*“Cái giáo đạo chúng sanh, ư Phật pháp sanh chánh giải, như đồng dĩ pháp nhãn thọ dữ chúng sanh dã”* (là vì chỉ dạy chúng sanh khiến cho họ đối với Phật pháp sanh hiểu biết đúng đắn thì cũng giống như đem pháp nhãn trao cho chúng sanh vậy). Đây là ý nghĩa mở rộng, là nói phương tiện thiện xảo. Tổ sư đại đức dạy bảo chúng sanh, diễn nói kinh luận, khiến cho đại chúng dự hội đều có thể nghe hiểu, nghe rõ ràng, điều này cũng giống như Như Lai trao pháp nhãn cho Bồ Tát, trao cho chúng sanh, họ hiểu rõ, nói như thế nào? Chúng ta thường nói là giải ngộ, chẳng phải là chứng ngộ. Ví như vì sao chúng ta sanh trong nhân gian? Vì sao phải hứng chịu những quả báo ấy? Vì sao người với người chẳng giống nhau? Nếu hiểu rõ, thông đạt những lý luận và đạo lý ấy, cũng hiểu chân tướng sự thật, tâm chúng ta bèn định. Đó là giải ngộ, tức là đã lý giải.

Phải tu hành như thế nào thì mới có thể vượt thoát, nay chúng ta đều đã hiểu. Đức Phật khác với chúng ta ở chỗ nào? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là Phật. Lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần, bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là phàm phu. Đức Phật dạy chúng ta: Nếu chúng ta có thể không chấp trước, sẽ là A La Hán. Lại có thể chẳng phân biệt thì là Bồ Tát, cuối cùng chẳng khởi tâm, không động niệm, chúng ta sẽ thành Phật. [Những điều ấy chúng ta] đều hiểu, nay thì như thế nào? Nay thì thật sự chẳng thực hiện! Chúng ta biết người thật sự hiểu sẽ thật sự thực hiện. Nếu chẳng thực hiện triệt để thì đối với một trăm phần trăm người ấy chỉ thực hiện một hai phần, còn kém rất xa!

Thực hiện ở chỗ nào? Thực hiện ở chỗ sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần thì mới là thật sự thực hiện. Mắt thấy sắc, biết sắc tướng là giả, chẳng thật. Nghe tiếng cũng biết tiếng là giả, cũng chẳng phải là thật. Căn, trần, thức đều chẳng thật, thường xuyên cảnh tỉnh như vậy, chúng ta sẽ chẳng chấp trước, phải dưỡng thành thói quen này. Thật sự chẳng chấp trước hết thảy các pháp như vậy, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta liền sanh trong cõi Phương Tiện, chẳng sanh trong cõi Phàm Thánh, được nâng cao hơn với một mức độ lớn. Vì thế, chớ nên không biết điều này: Tu hành từ giải ngộ, sau khi đã ngộ, bắt đầu tu bèn là thật học. Khi tu hành, kinh điển này làm chứng minh cho chúng ta. Chúng ta khế nhập cảnh giới, bèn đối chiếu với kinh điển. Nếu đúng với những gì kinh điển đã nói, chúng ta biết chính mình chẳng đi lạc đường, nó làm chứng cho chúng ta. Khi chẳng có công phu, nó dẫn dắt chúng ta. Sau khi đã có công phu, kinh ấn chứng cho chúng ta: Chúng ta tu hành chẳng lạc đường!

 Câu tiếp theo là *“đỗ ác thú”* (ngăn lấp nẻo ác). *“Đỗ giả, tắc dã”* (Đỗ là ngăn lấp), ngăn chặn. *“Ác thú giả, súc sanh, quỷ, địa ngục tam ác thú dã”* (Ác thú là ba đường ác súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục). [“Đỗ ác thú”] là ngăn lấp ba ác đạo. *“Ác thú cực khổ, dục linh xuất ly, giáo nhân ly ác, tắc bế tắc thông vãng ác thú chi đạo”* (Ðường ác rất khổ, muốn cho họ được thoát khỏi, nên dạy người khác lìa ác thì chính là đóng lấp con đường dẫn đến nẻo ác). Vì sao dạy người ta đoạn ác tu thiện? Phải hiểu ý nghĩa này, đây là giáo dục nhân quả. Quý vị tu thiện, tiêu chuẩn thiện ác là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Quý vị tu Thập Thiện, quả báo là nhân thiên. Nếu quý vị tu Thập ác, quả báo trong tam đồ; trong tương lai, sau khi chết, linh hồn của quý vị sẽ đi về đâu? Súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, tới những nơi đó. Vì thế, Phật giáo dạy chúng ta Thập Thiện, Thập Thiện là pháp căn bản, trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Không sát sanh, chẳng nợ mạng người. Không trộm cắp, chẳng nợ kẻ khác tiền của. Chẳng có hai loại đại oan gia ấy. Hễ có hai loại đại oan gia ấy, đời đời kiếp kiếp trả nợ chẳng xong. Quý vị nói có phiền phức lắm hay không? Không có dâm dục, sẽ chẳng sanh trong thế gian này. Chúng sanh trong lục đạo, tức Dục Giới, do dâm dục mà có tánh mạng của chính mình. Vì sao quý vị sanh đến đây? Do có dâm dục. Hễ có ý niệm ấy thì không được rồi, quý vị chẳng thoát khỏi Dục Giới. Dục Giới khổ nhất. Sắc Giới và Vô Sắc Giới tốt đẹp hơn Dục Giới rất nhiều, ba ác đạo khổ nhất.

 *“Kim kinh Di Đà đại nguyện viết: ‘Lai sanh ngã sát, bất phục cánh đọa đọa ác thú’, thị chân thật chi đỗ ác thú dã”* (trong kinh này, đức Di Ðà có đại nguyện: “Sanh về cõi ta, chẳng bị đọa trong đường ác nữa”, thật đúng là ý “lấp nẻo ác”). Thật vậy, chẳng giả! Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vĩnh viễn chẳng còn đọa trong ba ác đạo. Nếu chúng ta chẳng vãng sanh, vẫn ở trong lục đạo, chắc chắn thời gian trụ trong ba ác đạo dài, thời gian trụ trong ba thiện đạo ngắn ngủi. Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Chính quý vị hãy khéo suy nghĩ, từ sáng đến tối, quý vị khởi tâm động niệm, thiện niệm nhiều, hay ác niệm nhiều? Quý vị biết ngay! Trong mỗi niệm, ác niệm nhiều hơn thiện niệm, ích kỷ mà! Bao nhiêu niệm nghĩ vì chính mình, có mấy niệm nghĩ cho người khác? Nghĩ đến chính mình đều là ác, nghĩ vì người khác là thiện. Chúng ta có bao nhiêu thiện niệm lợi ích chúng sanh? Có bao nhiêu niệm lợi ích chính mình? Quý vị sẽ biết, trong thế gian này, thời gian chúng ta trụ trong ba thiện đạo dài lâu hay thời gian trụ trong ba ác đạo dài lâu? Hiểu thật rành mạch!

  *“Hựu khai thiện môn giả, Hội Sớ viết: Đại từ đức dã, thiện môn tắc Bồ Đề Niết Bàn chi môn dã”* (Sách Hội Sớ lại giảng chữ “khai thiện môn” như sau: “Là đại từ đức. Thiện môn là cửa Bồ Ðề Niết Bàn”).Chân thiện, chí thiện, Bồ Đề là giác ngộ, phá mê khai ngộ, vãng sanh Tịnh Độ. *“Bổn kinh Thọ Lạc Vô Cực phẩm viết”* (Phẩm Thọ Lạc Vô Cực của kinh này nói), đây là phẩm thứ ba mươi hai, *“tất đắc siêu tuyệt khứ, vãng sanh vô lượng thanh tịnh A Di Đà Phật quốc. Thị vi chân thật chi khai thiện môn dã”*(“Ắt được siêu tuyệt, vãng sanh cõi vô lượng thanh tịnh của A Di Ðà Phật”, đúng là đã mở cửa lành một cách chân thật vậy). Mở như thế nào? Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã mở toang một cánh cửa to lớn thông sang thế giới Cực Lạc, chẳng giả tí nào! Quý vị mỗi ngày niệm kinh chính là học tập hằng ngày, dần dần sẽ bất tri bất giác tiến vào cửa ấy.…………

Dùng phương pháp gì để cứu vớt [những tai nạn]? Biến đổi tâm thái. Đây là một cống hiến do các nhà khoa học Lượng Tử đề ra; năng lực của ý niệm vô cùng to tát, mạnh mẽ. Nếu là ý niệm tập thể, rất nhiều người có ý niệm tốt đẹp. Ý niệm tốt đẹp, chính là ba căn bản của Nho, Thích, Đạo như chúng tôi đã nói và kinh Vô Lượng Thọ. Ý niệm ấy vô cùng tốt đẹp, càng đông người càng hay, sức mạnh càng lớn, có thể hóa giải những tai biến trên địa cầu. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta như thế. Điều khó có là trong lúc hết sức khẩn yếu, các nhà Lượng Tử Lực Học đã phát hiện, phát hiện của họ hoàn toàn tương ứng với những điều kinh Phật đã nói, họ đã chứng minh Phật pháp. Vì vậy, chúng ta nhất định phải tu Thập Thiện Nghiệp Đạo.

[Để tu học] Thập Thiện Nghiệp Đạo thì phải dùng Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên để làm nội dung học tập, cũng có nghĩa là thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo bằng Đệ Tử Quy, thực hiện bằng Cảm Ứng Thiên, bằng Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, thực hiện bằng những thứ ấy. Quý vị đã thực hiện hai món kia thì Thập Thiện Nghiệp Đạo đã làm được. Sau đấy, sẽ *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. Một môn ấy chính là pháp môn Tịnh Độ, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật, những thứ khác đều buông xuống. Vì thời gian chỉ có ba năm, còn chưa đến ba năm, hy vọng chúng ta có thể vượt qua cửa ải khó khăn này, giảm nhẹ tai nạn, rút ngắn thời gian tai nạn. Trong quá khứ, khá nhiều thứ đều ứng nghiệm, nhưng lần này nghiêm trọng hơn so với quá khứ, chúng ta tận tâm tận lực, mọi người đồng tâm đồng đức, dùng thiện niệm và thiện nguyện của chúng ta để hóa giải kiếp nạn này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây!

 **Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

# Tập 137

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi lăm, xem từ hàng thứ năm:

 *“Ư chư chúng sanh, thị nhược tự kỷ”* (đối với các chúng sanh, coi như chính mình), hai câu này là kinh văn. Kế đó là lời chú giải: *“Biểu đồng thể chi bi. Nhân sở bảo ái, mạc quá tự thân, linh thị chúng sanh như đồng tự kỷ, cố năng cứu độ quần sanh tâm bất tạm xả”* (biểu thị lòng đồng thể đại bi. Cái được người đời yêu mến nhất không gì bằng thân mình. Vì xem chúng sanh như thân mình, nên có thể chẳng tạm bỏ cái tâm cứu độ quần sanh). Chúng ta xem câu này, đây là tâm thái lợi tha của Bồ Tát, chúng ta phải nên học tập. Thấy hết thảy chúng sanh và chính mình là cùng một Thể, cùng một tự tánh, cùng một Pháp Thân, cùng một thanh tịnh viên minh thể, sự thừa nhận này vô cùng trọng yếu. Vì sao? Đấy chính là *“Phật tri Phật kiến”* như kinh Pháp Hoa đã nói. Thật vậy, chẳng giả, tất cả hết thảy hiện tướng (hình tướng được biến hiện) trong khắp pháp giới hư không giới chẳng thật, giả trất, chỉ có sự thừa nhận này là thật. Nếu quý vị đã thật sự nhận biết, xin chúc mừng quý vị, quý vị đã minh tâm kiến tánh, đã thành Phật.

 Nay chúng ta tập khí phiền não rất nặng, xác thực là biết chính mình đang thuộc địa vị phàm phu, có giải ngộ, nhưng chẳng chứng ngộ, đã biết cách tu hành như thế nào, nhưng công phu chẳng đắc lực, vì sao không đắc lực? Không buông phiền não tập khí xuống được! Câu này nói dễ dàng, làm thật khó khăn! Vì chẳng buông tự tư tự lợi xuống được, chẳng buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống được, chẳng buông lòng tham luyến ngũ dục, lục trần xuống được, chẳng buông tham, sân, si, mạn xuống được. Tu hành thời cổ dễ hơn hiện thời, vì sao? Căn cội luân lý, đạo đức, nhân quả đã được vun trồng sâu chắc từ bé, có thể nói: Người nào trong xã hội cũng đều là người tốt. Vì sao? Giáo dục thuở ấy là giáo dục vun bồi căn cội, ai nấy đều được học. Chuyện này chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không, mà cũng chẳng dính dáng đến chuyện có đi học hay không! Từ lúc được sanh ra, cha mẹ, người lớn trong nhà luôn biểu diễn trước mặt quý vị những điều ngay thẳng, chẳng có gì sai trái. Vì thế, từ nhỏ đã được học kỹ lưỡng. Xã hội thuần phác, chẳng có nhiều thứ dụ dỗ, mê hoặc như trong hiện tại, đều rất thật thà, đều khiến cho [mọi người] thành thật, bền vững, nên tu hành dễ dàng. Trong xã hội hiện thời, tu hành hết sức khó khăn, trong tâm có tham, sân, si, mạn, nghi. Đây là những cội rễ phiền não tập khí nghiêm trọng hơn bất cứ những điều nào khác, Phật pháp sánh ví những phiền não ấy như năm cái rễ của địa ngục. Tham, sân, si, mạn, nghi là năm cội rễ của địa ngục. Trong tập khí thì có oán, hận, não, nộ, phiền. Bên ngoài thì có tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ dụ dỗ, mê hoặc. Nói gộp lại, sẽ là *“ma chưởng”* (bàn tay ma), quý vị có thể nhảy ra khỏi [bàn tay ma ấy] hay chăng? Nếu chúng ta chẳng học tập kinh giáo hằng ngày, thời thời khắc khắc đề cao cảnh giác, một chút công phu bé tẹo ngần ấy còn chẳng thể giữ được, nói chi đến tăng tấn? Vì thế, nhận biết đồng thể đại bi vô cùng quan trọng! Chúng sanh và ta có cùng một Thể. Biết là một Thể, điều này được gọi là luân lý, tức là luân lý trong nhà Phật. Đạo gia cũng nói: *“Trời đất và ta cùng một căn, vạn vật và ta cùng một Thể”*, đó là luân lý của Đạo gia.

 Kế đó, [cụ Hoàng] nói: *“Nhân sở bảo ái, mạc quá tự thân”*, [nghĩa là cái được] con người yêu mến nhất là thân thể của chính mình. Nay thấy hết thảy chúng sanh và chính mình là một Thể, chẳng khác gì nhau! Thân thể chúng ta chẳng khỏe mạnh, không thoải mái, chắc chắn là thời thời khắc khắc luôn nghĩ tới, thời thời khắc khắc mong được chữa lành, khôi phục sức khỏe nhanh hơn một chút. Trong xã hội hiện thời, bao nhiêu người đánh mất sức khỏe, nhất là sức khỏe nơi phương diện tinh thần. Đánh mất như thế nào? Do mê hoặc tự tánh bèn đánh mất. Phật, Bồ Tát từ bi, đến giúp đỡ chúng ta, giúp chúng ta trị lành, dùng phương pháp gì? Giáo học, phá mê khai ngộ, đó là cứu độ hết thảy chúng sanh. Đã giác ngộ thì đều là Phật, đều là Bồ Tát, hễ mê hoặc thì là chúng sanh. Chúng sanh khó thành Phật dường ấy, vấn đề ở chỗ chẳng thể triệt để buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, khởi tâm động niệm chẳng lìa khỏi tiếng tăm, lợi dưỡng. Có thể nhạt hơn người khác một chút thì được, nhưng mức độ đậm nhạt hết sức bất ổn định! Nhìn bề ngoài có vẻ khá nhạt nhẽo, nhưng hễ danh lợi vừa hiện tiền, ngay lập tức nẩy sanh biến hóa, chẳng thể giữ được! Do nguyên nhân nào? Nay chúng tôi kể như đã hiểu: Do chẳng có căn cội! Chúng ta tu hành mà chẳng có căn cội, nên mới có hiện tượng này. Làm sao để có thể giống như bị vua Ca Lợi cắt chặt thân thể mà vẫn chẳng động tâm thì mới có thể thành tựu. Chẳng có mảy may hoài nghi, chẳng có mảy may ích kỷ, chẳng có mảy may ganh tỵ nào! Vì sao? Hết thảy chúng sanh và ta là một, không hai, người khác là chính mình. Người khác chiếm được một chút tiện nghi của ta, ta chẳng oán hận, mà mang lòng hoan hỷ. Đó là Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân. Người khác hủy báng, tổn hại, hãm hại ta, ta vẫn hoan hỷ, chẳng có mảy may oán hận, vì sao? [Những người ấy đến giúp ta] nâng cao [cảnh giới] của chính mình, đến khảo nghiệm chính mình. Đúng là một Thể, ta mong giúp họ tăng cao cảnh giới, họ cũng thường tăng cao cảnh giới của ta, bất luận là hữu ý hay vô ý. Có khi làm quá lố, nhưng nếu quý vị là người tu hành thật sự, sẽ chẳng cảm thấy kẻ đó quá lố, mà còn cảm thấy kẻ ấy làm chưa đủ. Do đó, trong cảnh giới, chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác, thảy đều chẳng tồn tại, một bầu thanh tịnh, bình đẳng, giác, chân tâm hoàn toàn hiển lộ. Nếu vẫn là chưa buông tự tư tự lợi xuống, chưa buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, cái này nhìn cũng không quen, cái kia nhìn cũng chẳng quen, vậy là tu uổng công mất rồi, mảy may tăng trưởng hay tiến bộ đều chẳng có! Trên thế gian, tối đa là quý vị tăng trưởng một chút học vấn do hỏi han, ghi nhớ, nhưng sau đó, phải thòng thêm một câu *“chẳng đáng làm thầy người khác”.* Quý vị học được một chút kiến thức Phật pháp thông thường bề ngoài, chẳng học được Phật pháp thật sự! Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói rất hay: *“Phật pháp thật sự chẳng liên quan đến văn tự, ngôn thuyết”.* Nói theo cách hiện thời, [học Phật] hoàn toàn là chuyển biến tâm thái, quay tâm thái trở về. Tổ tiên đã nói rất hay: *“Con người tánh vốn lành”*, trở về cái Bổn Thiện là tu hành thật sự, công phu ấy được gọi là thật sự đắc lực.

 Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật có nói: Hết thảy chúng sanh đều do tâm hiện, thức biến. Tâm là tự tánh của chính mình. Thức là vọng tâm của chính mình. Chân và vọng cùng một Thể. Những khai thị ấy trong giáo pháp Đại Thừa, câu nào cũng đều là nói tới Thật Tướng của các pháp. Chúng ta nhận biết từ chỗ này thì mới coi như chánh xác. Thực hiện ở nơi đâu? Thực hiện bằng chẳng hề tạm bỏ tâm cứu độ chúng sanh. Quý vị đã thật sự giác ngộ, chắc chắn là như vậy, niệm niệm thấy những chúng sanh khổ nạn, bèn chẳng nghĩ đến chính mình, toàn tâm toàn lực giúp đỡ những chúng sanh ấy quay đầu, giác ngộ. Dùng phương pháp gì để giúp họ quay đầu? Thực hiện từ chính mình. Quý vị dạy người khác, dạy người khác trong hiện thời thì phải sử dụng thân giáo. Thuở đức Phật tại thế, Ngài giáo dục người ta bằng thân giáo, tức là nêu gương cho quý vị thấy. Con người hiện thời suy nghĩ sai lầm, khởi tâm động niệm luôn luôn là tổn người, lợi mình, chúng ta nêu gương, khởi tâm động niệm đều là tổn mình, lợi người, dần dần mới có thể khiến cho họ giác ngộ, khiến cho họ quay đầu. Chứ nếu quý vị chẳng làm được [những gì mình đã nói] thì còn làm sao được nữa! Xã hội hiện thời là cạnh tranh, chúng ta phải nêu gương lễ nhượng. Không chỉ là khiêm nhượng, mà còn là lễ nhượng, chỗ nào cũng đều nhường nhịn. Chúng sanh niệm niệm đều mong cầu có được, chúng ta niệm niệm mong bố thí, bỏ ra. Chúng sanh chẳng biết vâng giữ luật lệ, cậy vào thông minh, tài trí của chính mình để lách theo lỗ hổng pháp luật, mong mỏi chiếm đôi chút tiện nghi. Đó là cái tâm trộm cắp! Chúng ta vâng giữ luật lệ nghiêm ngặt, nêu gương cho họ thấy. Họ sợ bị thua thiệt, chúng ta thích chịu thiệt thòi, có thể hứng chịu thiệt thòi. Đó là việc làm của Bồ Tát, việc làm của Phật. Việc làm của Phật, Bồ Tát luôn là tốt nhất, hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức, chẳng tương ứng với chuyện nhân tình ấm lạnh của người thế gian, mà hoàn toàn trái nghịch, vì sao? Người hiện thời đã lìa khỏi tiêu chuẩn đức hạnh quá ư là xa! Đối với thời cổ mà nói, tuy có lầm lỗi, vẫn chưa đến nỗi hoàn toàn lệch lạc, kể như vẫn chẳng cách xa tiêu chuẩn cho mấy. Hiện thời [cách biệt] quá xa, nay gần như chẳng thấy tiêu chuẩn đâu nữa. Hiện tượng này đáng sợ lắm; do đó, tai nạn dấy lên. Chúng ta có thể tự mình làm, không chỉ nâng cao [cảnh giới] chính mình, mà còn thật sự giúp đỡ đại chúng, cứu độ quần sanh, và cũng là giúp đỡ quả địa cầu này.

 Các nhà khoa học cận đại cho biết: Vật chất dẫu nhỏ đến mấy, [ngay như] các hạt căn bản đều có thấy, nghe, hay, biết, đều biết ý nghĩ của chúng ta, giống như trong thí nghiệm với nước của ông Giang Bổn Thắng [đã chứng tỏ điều ấy]; nhưng chúng ta đã nhận được tin tức này rất sớm! Trong kinh Đại Thừa đã nói rất nhiều, điều khó có là nó đã được khoa học chứng minh. Mấy năm trước, tiến sĩ Giang Bổn Thắng đã dùng nước để chứng minh và đã chứng minh được! Các nhà khoa học hiện thời cho biết: Mỗi hạt cơ bản đều có thấy, nghe, hay, biết, khiến cho chúng ta thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch Ngũ Uẩn tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức như kinh Bát Nhã đã nói. Không riêng gì hạt cơ bản nhỏ nhoi ngần ấy có trọn đủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nó có sắc tướng, đó là vật chất, nó lại có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, [đó là tinh thần, nên nó trọn đủ] Ngũ Uẩn. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học cho biết: Tiểu quang tử tuy nhỏ hơn hạt cơ bản nhưng cũng trọn đủ Ngũ Uẩn. Trí huệ của Quán Thế Âm Bồ Tát, Bát Nhã vốn trọn đủ trong tự tánh, *“chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không”*. Tâm Kinh đã dạy: *“Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như thế”.* Nếu quý vị thật sự hiểu chân tướng sự thật này, còn có gì chẳng thể buông xuống? Thứ gì cũng đều buông xuống được. Vì sao buông xuống? Năm xưa, khi tôi ở Mỹ, đọc kinh Đại Bát Nhã. Kinh ấy có phân lượng rất lớn, tôi nhớ bản đóng bìa cứng gồm hai mươi bốn quyển. Tôi xem xong một lượt, bèn viết mười hai chữ để làm báo cáo tâm đắc: *“Hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được”*. Trong tâm quý vị còn có gì chẳng thể buông xuống được? Còn có gì vướng mắc? Còn có gì ưu lự? Quét sạch trơn! Đó là Thật Tướng của các pháp, là pháp được cùng chứng đắc bởi hết thảy chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát, tâm khai ý giải.

 Bát Nhã Tâm Kinh còn nói hai trăm sáu mươi chữ, tôi dùng mười hai chữ để tổng kết. Thế nhưng phiền não tập khí đúng là nặng nề, chẳng giả! Tôi chẳng đạt được sự đại tự tại như trong kinh Phật đã dạy, đó là gì? Phiền não, tập khí nhiễu loạn, tập khí khó đoạn. Nguyên nhân khiến khó đoạn, nguyên nhân khiến chẳng đoạn được là gì? Đối với chuyện này, chúng tôi thừa nhận trình độ vẫn chưa đủ! Năm xưa, Chương Gia đại sư đã dạy tôi: *“Tu học Phật pháp là biết khó, hành dễ”*. Tôi tin tưởng câu ấy. Quý vị thấy Huệ Năng đại sư ở trong phương trượng thất của hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn, trong thời gian ngắn ngủi như vậy, chúng tôi ước tính tối đa là hai tiếng đồng hồ, Ngũ Tổ giảng cho Ngài nghe đại ý kinh Kim Cang, giảng đến câu *“ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”*, Ngài liền khai ngộ. Khai ngộ là gì? Ngài đã buông xuống. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều cùng buông xuống, trong Phật pháp gọi điều này là *“đốn xả, đốn đoạn, đốn ngộ, đốn chứng”.* Khi ấy, Huệ Năng đại sư hai mươi bốn tuổi, chúng ta chẳng thể không bội phục, Ngài đã thành Phật! Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện dưới cội Bồ Đề cũng là tình hình như vậy. Đức Phật thị hiện vào lúc ba mươi tuổi. Vì sao chúng ta chẳng thể bỏ? Do chẳng thấu suốt. Chẳng thấu suốt kinh giáo. Chẳng thấu suốt là vì chúng ta huân tập chẳng đủ!

 Đối với sự huân tập, nhìn từ gương cổ thánh tiên hiền, [ta thấy] thâm nhập một môn là tuyệt đối chánh xác. Các Ngài chẳng có tạp niệm. Hễ lan man quá nhiều thứ, chắc chắn bị phân tâm, chẳng thể tập trung ý chí, chẳng thể tập trung tinh thần, hiệu quả bị giảm bớt rất lớn! Tuy nhiên, nhìn theo pháp thế gian, học rộng nghe nhiều thì người ấy có kiến thức thông thường hết sức phong phú, sách vở thế gian và xuất thế gian đều đọc qua, chẳng có gì không biết, dường như là khá lắm, vấn đề xuất hiện ở chỗ nào? Người ấy chẳng kiến tánh, chẳng đắc tam-muội. Nếu đắc tam-muội sẽ khai ngộ, há còn phải học ư? Chẳng cần phải học! Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đã thông suốt toàn bộ. Giống như Long Thọ Bồ Tát, trong thời gian ba tháng, thông suốt toàn bộ hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Đấy chính là sự giáo dục chân chánh của đức Phật. Sự giáo dục của đức Phật là dạy quý vị triệt để quán thông, thông đến tự tánh, khiến cho quý vị thành Phật, chẳng phải là khiến cho quý vị học rộng nghe nhiều. Chẳng phải là làm chuyện ấy, mà là dạy quý vị thâm nhập tam-muội, đại triệt đại ngộ, quý vị mới có năng lực giống như Phật *“tâm cứu độ quần sanh chẳng hề tạm bỏ”*. Quý vị đã thông đạt vô lượng pháp môn, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có gì không thông đạt. Cầu điều này! Hoàn toàn bảo quý vị hãy quay về nhập Thường Tịch Quang, thật sự “quay đầu chính là bờ”. Vì thế, thái độ này chính là khẳng định “chúng sanh và quý vị là một Thể”. Hiện thời, chúng sanh trên địa cầu gặp lắm tai nạn ngần ấy, bản thân địa cầu có tai nạn, [những chuyện này] đều là bất bình thường, quý vị phải có tâm cứu độ và hành vi cứu độ tích cực hơn bất cứ ai khác!

 Tiếp đó, [sách Chú Giải] nêu tỷ dụ, [tỷ dụ ấy] được nói trong kinh Niết Bàn: *“Như Niết Bàn Kinh kệ viết: Nhất thiết chúng sanh thọ dị khổ, tất thị Như Lai nhất nhân khổ”* (Kinh Niết Bàn có bài kệ rằng: “Hết thảy chúng sanh hứng chịu các nỗi khổ khác nhau thì cũng đều như chính bản thân Như Lai chịu khổ”). Mê, ngộ, thiện, ác, họa, phước, chúng sanh và Phật cùng một Thể. Do đó, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có thể giống Như Lai, thấy người khác có lầm lỗi tức là chính mình có lầm lỗi hay không? Vì sao? Ta chẳng nêu gương tốt để ảnh hưởng đến người ấy, ta làm chưa đủ viên mãn. Cũng chính là như cổ đại đức đã nói: *“Điều gì làm chẳng được, bèn quay lại xét mình”*, trọn chẳng có ý niệm chỉ trích lỗi lầm của kẻ khác, luôn [tâm niệm] chính mình chưa làm tốt đẹp đủ mức, nên chẳng thể thật sự cảm hóa kẻ khác, khích lệ chính mình hãy thêm gắng công ra sức tu tập. Đối với hai câu kinh Niết Bàn ấy, [xét ra] cổ thánh tiên hiền như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang đều có tâm thái ấy, thấy dân chúng khổ sở, thấy nhân dân khổ sở, bèn thời thời khắc khắc tự trách, chẳng trách móc người khác. Quý vị nói xem họ chẳng phải là hóa thân của Phật, Bồ Tát ư? Thuở đó, Phật pháp chưa truyền đến Trung Hoa, có thể là Thích Ca Mâu Ni Phật chưa xuất thế. Thích Ca Mâu Ni Phật sanh nhằm năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, gần như là cách thời Nghiêu, Thuấn, Đại Vũ, Văn Vương một ngàn năm. Những điều các Ngài nói, những hành vi biểu hiện đều là *“hết thảy chúng sanh chịu những nỗi khổ khác biệt, đều là một mình Như Lai chịu khổ”.*

 *“Cố phổ nguyện chửng tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn”* (Vì vậy, phổ nguyện *“*cứu vớt, gánh vác cho đều vượt lên bờ kia”). Vì sao phải làm như vậy? Trong kinh Phật đã có một câu: *“Pháp nhĩ như thị”*, [nghĩa là] hết thảy các pháp vốn là như vậy, chẳng có lý do, chẳng có suy tưởng, mong cầu, một Thể mà! *“Chửng giả, cứu trợ dã. Tế giả, độ dã, thành dã, ích dã”* (Chửng (拯) là cứu giúp, Tế (濟) là độ, làm cho hoàn thành, tạo lợi ích). Có nhiều ý nghĩa như vậy, cứu vớt chúng sanh, lợi ích chúng sanh, hướng dẫn chúng sanh lìa khổ được vui. *“Cố chửng tế tức thị cứu độ chi nghĩa. Phụ giả, đảm hà dã. Đại Pháp Cự Đà La Ni Kinh Phật ngôn: Bồ Tát đảm giả, thệ nguyện hà phụ nhất thiết chúng sanh xuất ly thế gian. Thí như trưởng giả, gia nội phong nhiêu, đa chư trân bảo, duy hữu nhất tử, dĩ ái niệm cố, tài bảo, lạc cụ tất cấp dữ chi, vô hữu bì quyện. Bồ Tát diệc phục như thị, nhất thiết lạc cụ tận giai dữ chi, nãi chí linh nhập Vô Dư Niết Bàn, thị cố danh vi hà phụ trọng đảm”* (Do đó, “chửng tế” có nghĩa là cứu độ. Phụ (負) là gánh vác. Trong kinh Ðại Pháp Cự Ðà La Ni [[17]](#footnote-18)[1], đức Phật dạy: “Trách nhiệm của Bồ Tát là thệ nguyện gánh vác hết thảy chúng sanh xuất ly thế gian. Ví như trưởng giả trong nhà giàu có, dư dật, nhiều của cải quý báu, chỉ có một con. Vì thương yêu con, nên của cải, vật yêu thích đều trao hết cho con, chẳng hề mệt nhọc. Bồ Tát cũng lại giống như vậy: Hết thảy vật yêu thích đều trao hết cả cho, cho đến khiến cho chúng sanh nhập Vô Dư Niết Bàn. Vì vậy, gọi là gánh vác gánh nặng”). Trong phần kinh văn này có nói đến một câu chuyện nhỏ, nhằm khải thị người thật sự học Phật hành Bồ Tát đạo. Từ chỗ này, chúng ta thấy được nguyện hạnh của Bồ Tát. Phát nguyện dễ dàng, nhưng thực hiện nguyện ấy chẳng đơn giản. Thực hiện là thật, chẳng giả. Cha mẹ yêu thương con cái, vào thời cổ ta thấy chuyện như vậy rất nhiều, nhưng trong xã hội hiện thời chẳng thấy. Vì nguyên nhân gì? Chẳng có giáo dục luân lý. Chẳng có giáo dục luân lý thì cha con chẳng có tình thân. Cha mẹ chẳng yêu thương con cái, làm sao con cái dấy lên lòng yêu thương cha mẹ cho được? Vì sao chẳng yêu thương? Từ nhỏ đã chẳng vun bồi tốt đẹp đức hạnh cho con, đó là chẳng yêu thương! Chăm sóc áo, cơm, những trò vui chơi cho con, súc sanh cũng có thể làm được những chuyện ấy! Quý vị thấy người hiện thời, kẻ giàu có nuôi thú vật cưng, quả thật có những trường hợp chăm bẵm những con vật cưng còn hơn cả con cái của chính mình, chẳng đối xử tốt đẹp và quan tâm con cái bằng những con vật cưng!

 Xã hội hiện tại thật sự nẩy sanh những vấn đề mà cổ nhân chẳng thể nào tưởng tượng được! Trong xã hội hiện tại, đâu đâu cũng là như vậy, khắp mọi nơi đều trông thấy, mà cũng chẳng biết giáo dục là gì! Cái nghĩa gốc của chữ Giáo (教) trong tiếng Hán là *“trưởng thiện, cứu thất”* (tăng trưởng điều thiện, bổ cứu những khuyết điểm), hiện thời chẳng có ai nói tới. Giáo là gì, mấy ai có thể hiểu được? *“Thất”* (失) là lầm lỗi. Bổ cứu những lầm lỗi như thế nào? Tăng trưởng thiện tâm, thiện hạnh của quý vị ra sao? Đó là giáo dục; trên hành, dưới bắt chước theo. Phương thức thực hiện trọng yếu nhất vẫn là thân giáo (giáo dục con người bằng hành động gương mẫu). Một đứa trẻ từ bé đã được quý vị nêu gương tốt, nó trông thấy liền hiểu, học theo. Điều này thật sự chẳng liên quan đến chuyện biết chữ, chẳng liên quan đến học hành. Trẻ thơ từ lúc lọt lòng cho đến khi ba tuổi, còn chưa có năng lực học chữ, mà cũng chẳng có năng lực biết chữ, đó chính là lúc vun bồi, đặt vững cơ sở giáo dục, luân lý, đạo đức, nhân quả. Một trăm năm trước, tức là một thế kỷ trước, người Hoa nhà nào cũng đều biết chuyện này. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, ảnh hưởng của nền giáo dục truyền thống đại khái còn kéo dài hai mươi lăm năm. Nó được gìn giữ đầy đủ nhất ở nông thôn. Tại nông thôn, giữ được khoảng hai mươi lăm năm, nhưng tại đô thị [giữ được nền giáo dục truyền thống] đại khái ít hơn mười năm [so với nông thôn], cũng có nghĩa là: Thông thường, tại đô thị, trong vòng mười lăm năm, vẫn còn có thể thấy [ảnh hưởng của nền giáo dục truyền thống]. Sau mười lăm ấy, [ảnh hưởng đó] dần dần nhạt mỏng đi. Kể từ thời chiến tranh giữa Trung Hoa và Nhật Bản, sau tám năm kháng chiến, tại nông thôn chẳng còn [ảnh hưởng ấy nữa]. Do đó, nay chúng ta hiểu biết tầm trọng yếu [của nền giáo dục truyền thống], nhưng khôi phục nó rất ư là khó! Khôi phục bằng cách nào? Nền giáo dục truyền thống chẳng thể khôi phục thì xã hội vĩnh viễn chẳng thể nào an định, đây là đạo lý nhất định. Vì thế, cổ nhân hiểu chuyện này, nhưng người hiện thời rất thờ ơ, mà cũng chẳng tin tưởng!

 Trong kinh giáo, Phật, Bồ Tát đã dùng tỷ dụ để nói rõ, Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh đã dốc trọn công sức, chẳng có mảy may ý niệm đòi hỏi, mong mỏi chúng sanh báo đáp các Ngài chút gì, chẳng có ý niệm ấy. Người hiện thời có thể làm chuyện này hay không? Người nhất tâm mong thành Phật sẽ làm được, nhưng kẻ còn tham luyến thế gian này sẽ quyết định chẳng làm được. Chỉ có người nhất tâm mong làm Phật là có thể làm được. Vì sao? Người ấy biết hết thảy các pháp đều là Không, ngay cả thân thể của chính mình cũng là rỗng không, vật ngoài thân chẳng có gì là của chính mình. Người ấy đã hiểu chân tướng sự thật này, nên dần dần bèn phóng khoáng, sẽ có thể làm được. Nếu chẳng thật sự liễu giải, [tức là] chẳng liễu giải thấu triệt chân tướng sự thật này, sẽ rất khó! “Rất khó” cũng có nghĩa là vượt thoát lục đạo luân hồi khó lắm! Chẳng thể buông xuống, sẽ không thoát khỏi luân hồi. Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh, mục tiêu thật sự là gì? Khiến cho họ nhập Vô Dư Niết Bàn. Vô Dư Niết Bàn là địa vị gì? Dư (餘) là tập khí. Tập khí vô thỉ vô minh đều đoạn hết sạch thì gọi là Vô Dư Niết Bàn, thuộc địa vị Diệu Giác, trở về Thường Tịch Quang viên mãn. Vì thế, điều này được gọi là *“hà phụ trọng đảm”* (荷負重擔: gánh vác gánh nặng). Bốn chữ ấy danh phù hợp thực, giúp đỡ bất cứ chúng sanh nào đều phải giúp họ trở về Đại Bát Niết Bàn thì nguyện tâm cứu độ của Bồ Tát mới xem như viên mãn.

 *“Thượng dẫn kinh văn, thâm hiển ‘chửng tế phụ hà’ chi nghĩa. Độ giả, đáo dã. Bỉ ngạn giả, Niết Bàn dã. Đại Luận thập nhị viết”* (Ðoạn kinh vừa dẫn trên đã hiển thị sâu sắc ý nghĩa “cứu vớt, gánh vác”. “Độ” (度) là đến nơi. “Bỉ ngạn” (彼岸: bờ kia) là Niết Bàn. Ðại Luận, quyển mười hai đã nói), Đại Luận là Đại Trí Độ Luận. *“Nhược năng trực tiến bất thoái, thành biện Phật đạo, danh đáo bỉ ngạn, biểu đại sĩ phổ độ, tất linh nhất thiết chúng sanh chứng nhập Vô Dư Niết Bàn nhi hậu dĩ dã”* (“Nếu có thể thẳng tiến chẳng lui, hoàn thành Phật đạo thì gọi là đáo bỉ ngạn (đạt đến bờ kia)”, ý nói: Ðại Sĩ phổ độ, làm cho hết thảy chúng sanh chứng nhập Vô Dư Niết Bàn rồi chính mình mới chứng Niết Bàn). Trong thế gian, Bồ Tát chẳng làm chuyện gì khác, mà làm chuyện như vậy đó, chẳng mệt, chẳng ngán, vĩnh viễn chẳng ngơi nghỉ!

 Chúng ta lại xem mấy câu kinh văn kế đó: *“Tất hoạch chư Phật vô lượng công đức, trí huệ thánh minh bất khả tư nghị”* (Đều đạt được vô lượng công đức của chư Phật, trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn). [Hai câu ấy] được chú giải như sau: *“Dĩ thượng nhị cú, biểu chư đại sĩ cụ túc phước trí nhị nghiêm”* (hai câu trên đây biểu thị các vị đại sĩ phước trí nhị nghiêm), *“nghiêm”* (嚴) là trang nghiêm (莊嚴). [Phước trí nhị nghiêm là] phước trang nghiêm và huệ trang nghiêm. *“Vị tề quả vị, nãi tùng quả hướng nhân chi đại Bồ Tát, hàm đắc Như Lai chi phước đức trang nghiêm. Trí huệ thánh minh bất khả tư nghị, minh đại sĩ hàm đắc Như Lai chi trí huệ trang nghiêm”* (Là bậc Bồ Tát có địa vị ngang với quả vị, nhưng từ quả hướng nhân, đều đã đắc phước đức trang nghiêm của Như Lai. “Trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn” là nói các Ðại Sĩ đều đã chứng đắc trí huệ trang nghiêm của Như Lai), chúng ta xem đoạn này. Đây là gì? Thành tựu người khác vốn là thành tựu chính mình. Chính mình đã thành Phật, sau khi đã thành Phật, phước huệ sẽ đạt tới viên mãn rốt ráo, quý vị phải phổ độ chúng sanh. Nếu chẳng thể phổ độ chúng sanh, phước huệ của quý vị sẽ chẳng thể viên mãn. Phước huệ viên mãn là chuyện tự nhiên, không nhất định do tâm ta mong tưởng; quả thật là trong cảnh giới, Bồ Tát chẳng khởi tâm, không động niệm. Chúng ta biết, đối với bốn mươi mốt phẩm vô minh, tức là tập khí vô minh, Ngài chưa đoạn bốn mươi mốt phẩm tập khí vô minh, nhưng Ngài có mong đoạn hay không? Ngài cũng chẳng mong! Nếu Ngài nghĩ tưởng, mong muốn, liền bị đọa lạc, vì Ngài lại khởi tâm động niệm. Pháp Thân Bồ Tát chẳng khởi tâm, không động niệm, lẽ đâu Ngài mong đoạn [tập khí vô minh], hay là mong muốn, hy vọng phước huệ viên mãn? Chẳng có ý niệm ấy, thế mà bốn mươi mốt phẩm vô minh tự nhiên đoạn sạch viên mãn. Do đó, sau khi đã đại triệt đại ngộ, sau khi minh tâm kiến tánh, các Ngài trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chúng ta thường gọi cõi ấy là Nhất Chân pháp giới. Trụ bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Vì sao phải trụ lâu như thế? Phải qua thời gian dài như thế thì mới chẳng còn tập khí. Ngài trụ trong cõi Thật Báo lâu như thế để làm gì? Tánh Đức tự nhiên lưu lộ, mười phương thế giới, khắp pháp giới hư không giới, bất cứ chỗ nào chúng sanh có cảm, Ngài bèn có ứng. Chúng sanh cảm thì có hiển cảm (顯感: cảm rõ rệt) và có minh cảm (cảm ngấm ngầm). Minh cảm (冥感) là chúng sanh có cầu Phật, Bồ Tát, nhưng chính họ chẳng biết, vì ý niệm rất vi tế, chính họ chẳng cảm nhận được, nhưng Phật, Bồ Tát nhận biết, nhận được tin tức ấy. Hễ nhận được, các Ngài liền đến giúp đỡ quý vị, vì sao? Quý vị có duyên với các Ngài. Do đó, phải biết: Nay chúng ta kết duyên với hết thảy mọi người, kết duyên với hết thảy chúng sanh, thiện duyên cũng thế, mà ác duyên cũng vậy, duyên bình đẳng, bất luận thiện hay ác, chỉ cần là có duyên, khi thành Phật, họ nhất định đến độ quý vị. Quý vị có duyên với họ, nên quý vị vừa phát ra tin tức, họ sẽ nhận được ngay lập tức!

Chưa đoạn tập khí phiền não, sẽ có thiện duyên và có ác duyên. Nếu đoạn sạch tập khí phiền não, thiện duyên và ác duyên thảy đều biến thành pháp duyên. Trong tự tánh, chẳng thể tìm được thiện hay ác. Không chỉ là chẳng có thiện, ác, mà chân, vọng cũng chẳng có, tà, chánh cũng chẳng có, đó là nói theo Nhất Chân pháp giới. Trong mười pháp giới thì có, trong mười pháp giới có những thứ thật, giả, tà, chánh, thiện, ác rất rõ ràng, nhưng cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng có chuyện ấy, chúng ta phải biết điều này. Đấy là nói trí huệ viên mãn trong tự tánh thấu lộ, mà cũng là như đức Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”.* Như Lai là tự tánh, trí huệ, đức năng, và tướng hảo trong tự tánh chẳng có mảy may chướng ngại nào, thảy đều hiển thị. Hiển ở nơi đâu? Hiển lộ khi người ấy ứng [theo sự cảm] của chúng sanh. Chúng sanh có cảm, người ấy bèn có ứng, nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, nên dùng pháp môn gì để giáo hóa, bèn dùng pháp môn ấy, quyết định chẳng có suy xét. Trong khoảng thời gian ấy, chúng ta giả thiết [khoảng thời gian ấy] là ba đại A-tăng-kỳ kiếp như kinh đã nói, vị ấy trọn chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, há có phân biệt, chấp trước? Toàn là tự tánh, tự nhiên. Chúng ta dùng danh từ gì để hình dung nó? Tự nhiên vận hành, chẳng do ai làm, chẳng có bất cứ sức mạnh nào thao túng, chẳng có! Hoàn toàn là tự nhiên, nên chúng ta chỉ có thể nói là Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Trong kinh Phật có một danh từ rất đơn giản [để diễn tả điều này]: *“Pháp nhĩ như thị”.* Từ ngữ ấy rất hay, pháp vốn là như vậy.

 Điều này biểu thị các vị Pháp Thân đại sĩ trọn đủ phước huệ nhị nghiêm. Chúng ta ca ngợi Phật, quý vị thấy khi quy y Phật, trong lời thề, chúng ta đọc: *“Quy y Phật, Nhị Túc Tôn”.* Ai nấy đều đã đọc cả rồi. Nhị Túc là gì? Là huệ và phước, tức phước trí, chính là *“phước trí nhị nghiêm”* ở chỗ này. Đạt đến quả vị rốt ráo, phước viên mãn, trí viên mãn, thì gọi là Lưỡng Túc Tôn, chẳng khiếm khuyết mảy may. Đẳng Giác Bồ Tát còn có chút khiếm khuyết, vẫn chưa đạt tới viên mãn, nhưng địa vị Diệu Giác đã viên mãn. Địa vị ngang với Phật quả thì địa vị ấy đã đạt đến Diệu Giác, tức là quả vị Phật rốt ráo. Những vị ấy tuyệt diệu, chính là hàng đại Bồ Tát từ quả hướng đến nhân, các Ngài chẳng ứng hóa từ cõi Thật Báo, mà từ đâu ứng hóa? Các Ngài ứng hóa từ cõi Thường Tịch Quang. Ý nghĩa này hay lắm. Nếu không, rất nhiều người hoài nghi: Trở về Thường Tịch Quang bèn chẳng khởi tác dụng. Cõi Thường Tịch Quang đã chẳng phải là tinh thần, mà cũng chẳng phải là vật chất, há chẳng phải là không có tác dụng gì hay sao? Được rồi! Tôi nói cho quý vị biết: Trong Thường Tịch Quang có ứng. Thường Tịch Quang là Nhị Túc Tôn viên mãn rốt ráo, tức Diệu Giác! Theo định nghĩa trong Phật pháp, chữ Diệu (妙) thường được giảng là “chẳng phải có, chẳng phải không”. Quý vị chẳng thể nói nó là có, mà cũng chẳng thể nói là “chẳng có”. Đó là Thường Tịch Quang. Quý vị thấy khi Huệ Năng đại sư kiến tánh đã nói năm câu chẳng phải có, chẳng phải không: *“Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”*, tự tánh chưa hề bị ô nhiễm. Chỉ cần có hiện tướng, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, đều có thể bị ô nhiễm. Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nên nó chưa hề có hiện tượng ô nhiễm, vốn tự thanh tịnh. Câu thứ hai là *“vốn chẳng sanh diệt”*, đây là Đại Bát Niết Bàn, chẳng có sanh diệt. Trong tôn giáo của ngoại quốc có nói “sống đời đời”, nhưng điều này còn cao hơn chuyện sống đời đời vì chẳng có sanh diệt. Câu thứ ba là *“vốn tự trọn đủ”*, nó chẳng khiếm khuyết mảy may. Bất luận là trí huệ, đức năng, hay tướng hảo, hết thảy đều hoàn toàn trọn đủ. [Câu thứ tư là] *“vốn chẳng dao động”*, nói rõ: Vọng tâm của chúng sanh trong mười pháp giới đều là động. Khoa học hiện đại nói là hiện tượng dao động. Hiện tượng dao động thì [từ địa ngục giới] cho đến Phật pháp giới trong mười pháp giới đều có hiện tượng này, nhưng trong cõi Thật Báo chẳng có hiện tượng này. Câu cuối cùng là *“có thể sanh ra vạn pháp”*. Một niệm bất giác sẽ có thể hiện ra A Lại Da. A Lại Da có thể biến. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, còn A Lại Da có thể biến. Tự tánh là chân tâm của chính mình, A Lại Da là vọng tâm của chính mình. Vọng sanh từ chân, điều này đã được các khoa học gia hiện thời phát hiện. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất do đâu mà có? Trong Không sanh ra Có, được gọi là *“vô trung sanh hữu”*. Vô là gì? Vô là tự tánh, vì tự tánh thật sự chẳng phải là vật chất, chẳng phải là tinh thần, nên lục căn của quý vị chẳng thể duyên được! Vật chất thì năm căn trước có thể duyên đến, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có thể duyên đến, tiếp xúc được [vật chất]. Tinh thần thì ý căn có thể tiếp xúc được. Nhưng nó (tự tánh) chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nên Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức của chúng ta đều không duyên được. Vì vậy, nói là *“vô trung sanh hữu”*. Các khoa học gia đã có thể phát hiện cảnh giới này, điều này rất khó có! Chứng tỏ lời Phật nói chẳng giả, ba ngàn năm sau các khoa học gia đã giúp Ngài chứng thực; nhưng các khoa học gia chẳng thể kiến tánh, nguyên nhân vì sao? Do họ chẳng buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống! Hễ buông xuống liền kiến tánh. Sau khi đã buông xuống, trí huệ và đức tướng bèn hiện tiền. Vì thế, trong Phật pháp, các nhà khoa học ấy được gọi là giải ngộ, chưa chứng đắc, [chỉ là] giải ngộ. Giải ngộ bèn đạt tới cảnh giới rất cao ấy, nhưng nếu lại tiến cao hơn thì chẳng thể, vì tiến cao hơn sẽ là kiến tánh. Kiến tánh thì phải thật sự buông xuống. Chẳng buông xuống, chẳng thể kiến tánh. Do đó, câu *“từ quả hướng đến nhân”* có ý nghĩa rất sâu, nói cho chúng ta biết: Thường Tịch Quang là một thể hữu cơ, sống động, chẳng phải là chết ngắc, nó có thể hiện hết thảy các tướng. Nó thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng có thể hiện hết thảy các tướng, có thể sanh ra muôn pháp.

 Những vị đại Bồ Tát này đều đắc Như Lai phước đức trang nghiêm. *“Trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn”* là nói rõ các vị đại sĩ đều đắc trí huệ trang nghiêm của Như Lai. Trên đây là phước đức trang nghiêm và trí huệ trang nghiêm, *“trang nghiêm”* ở đây là nói đến sự viên mãn. Chúng ta biết, theo kinh Hoa Nghiêm, từ Sơ Trụ trở lên đều chứng đắc [phước trí nhị nghiêm]. Tuy chưa viên mãn, nhưng đã sử dụng được, chẳng có chút chướng ngại nào. Do trí huệ và đức tướng đều chẳng có chướng ngại, nên Sơ Trụ Bồ Tát có thể hiện thân Phật, nên dùng thân Phật để độ được, liền hiện thân Phật để thuyết pháp, Sơ Trụ đã làm được. Kế đó, sách viết: *“Tịnh Ảnh dữ Chân Giải, Hợp Tán chư gia, giai đồng thử thuyết”* (ngài Tịnh Ảnh và tác giả các sách Chân Giải, Hợp Tán đều cùng nói như vậy). Đối với điều này, tổ sư đại đức đều cùng nói giống như nhau.

 *“Thánh giả, chánh dã”* (Thánh là chánh), đây là giải thích chữ Thánh. *“Hựu Triệu công viết: Trí huệ, Thể; thánh minh, Dụng. Vô sự bất chiếu vị chi Thánh. Bồ Tát quyền thật linh chiếu, bất khả dĩ ngôn tư nghĩ nghị kỳ hình dung, cố vân bất khả tư nghị”* (Ngài Tăng Triệu nói: *“*Trí huệ là Thể. Thánh minh là Dụng. Không sự gì chẳng chiếu là Thánh. Bồ Tát Quyền Thật linh chiếu, chẳng thể dùng ngôn ngữ và suy nghĩ để suy đoán, bàn luận hình dung của nó, nên bảo là bất khả tư nghị”). Tiếp đó, [cụ Hoàng] giải thích: *“Triệu công chi ý vi: Trí huệ thị bản thể, thánh minh thị diệu dụng. Nhất thiết sự giai năng* *chiếu liễu thông đạt, danh chi vi Thánh. Bồ Tát chi Quyền Trí dữ Thật Trí, sở sanh chi linh minh chiếu dụng, chúng sanh phàm tình tuyệt bất năng giải, cố viết bất khả tư, nhất thiết ngữ ngôn bất năng biểu đạt, cố viết bất khả nghị”* (Ý của Triệu công là: Trí huệ là bản thể, thánh minh là diệu dụng, đều chiếu rõ, thông đạt được hết thảy sự, nên gọi là Thánh. Thật Trí và Quyền Trí của Bồ Tát phát sanh diệu dụng sáng tỏ vằng vặc để chiếu soi. Chúng sanh do phàm tình nên trọn chẳng thể hiểu nổi [diệu dụng ấy], nên bảo là “bất khả tư”. Vì hết thảy ngôn ngữ chẳng thể diễn đạt nổi, nên nói là “bất khả nghị”), chúng ta xem tới đây. Theo Tăng Triệu đại sư [[18]](#footnote-19)[2], trí huệ là Thể. Đối với tầng cấp này, tức là tầng cấp của hàng đại Bồ Tát, Định và Huệ là một, chẳng hai. Huệ là Thể, Định là Dụng, [hoặc nói cách khác], Định là Thể, Huệ là Dụng, sống động, chẳng khô khan. Thể và Dụng dùng lẫn cho nhau, quý vị nói kiểu nào cũng thông suốt. Không sự gì chẳng chiếu, đó là trí huệ. Do vậy, kinh Bát Nhã nói *“chiếu kiến”*,danh từ này được nói rất nhiều, người thế gian chúng ta nói là *“khán kiến”*, tức là thấy bằng mắt, hoặc quán kiến (quan sát thấy). Trong giáo pháp Đại Thừa nói là *“chiếu kiến”*, Tâm Kinh nói *“chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không”*. Câu này đã được các nhà khoa học hiện đại chứng minh, Ngũ Uẩn đúng là rỗng không, các nhà khoa học đã nói rất hay! Vật chất là gì? Ý niệm tích lũy liên tục sanh ra huyễn tướng, nói rất hay! Trước kia, chúng tôi học Duy Thức, trong Duy Thức nói tới Kiến Phần và Tướng Phần: Nếu Kiến Phần trông thấy, ngay khi đó, sẽ phát sanh Tướng Phần. Cách nói này khiến cho chúng ta chẳng hiểu rõ từ ngữ. Cổ nhân nói như thế, chúng tôi cũng nói như thế thì chẳng rõ ràng. Kiến thì nhất định là phải thấy, đã thấy bèn có huyễn tướng. Ví như quý vị trừng mắt nhìn, trong hư không chẳng có thứ gì, nhưng quý vị nhất định muốn thấy. Trừng mắt nhìn hồi lâu, mỏi mắt, [sẽ thấy] trong không trung thật sự hiện ra tướng [hoa đốm lăng xăng]. Dùng phương pháp ấy để nói thì chẳng hợp khoa học [[19]](#footnote-20)[3], cách nói của các nhà khoa học hay hơn. Sau này, hễ chúng ta nói đến chuyện này (Kiến Phần sanh ra Tướng Phần), bèn có thể dùng cách nói của các nhà khoa học thì sẽ chánh xác. Có thể thấy là cổ nhân dùng tỷ dụ ấy vì họ chưa kiến tánh, nên cũng chẳng thấy. Nếu họ đã kiến tánh, sẽ nói rõ ràng, [họ nói lờ mờ] vì chính họ chưa kiến tánh. Trí huệ khởi tác dụng là thánh minh.

 Không sự gì chẳng chiếu thì gọi là Thánh, năng lực thấy rất rộng: Trọn khắp pháp giới hư không giới. Vì thế, nếu nói thật sự, nói chân thật, tức là nói chân thật theo giáo pháp Đại Thừa, hoàn toàn là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát. Các Ngài chẳng có thời gian, phải biết điều này: Tuyệt đối chẳng có quá khứ, mà cũng chẳng có vị lai, chỉ có ngay trong hiện tại. Không chỉ chẳng có thời gian, mà còn chẳng có không gian; không gian cũng chẳng tồn tại. Không gian chẳng tồn tại thì khoảng cách chẳng còn nữa, [nói tới] không gian là [nói tới] khoảng cách. Tây Phương Cực Lạc thế giới ở nơi đâu? Ngay tại nơi đây. Thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật ở chỗ nào? Ngay tại nơi đây. Do vậy, nói chân thật cùng quý vị, sẽ là ngay trong lúc này, mười đời xưa nay chẳng lìa một niệm. Một niệm hiện hữu, niệm niệm đều là một niệm ngay trong lúc này. Đấy là nói lời chân thật, nói ra chân tướng với chúng ta, một niệm là thật. Do đó, quý vị thấy kinh Phật mở đầu bằng: *“Như thị ngã văn, nhất thời”*, đức Phật nói lời chân thật, *“nhất thời”* là thật. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, giảng kinh Vô Lượng Thọ, có *“tại”* hay không? Có, nhất thời! Nếu chúng ta đạt tới nhất thời, sẽ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh. Thời gian chẳng có, ba ngàn năm trước hay ba ngàn năm sau chi nữa đều chẳng có, ở ngay trong lúc này, quý vị thấy núi Linh Thứu ở ngay nơi đây! Đời Đường, Trí Giả đại sư niệm kinh Pháp Hoa, niệm đến phẩm Dược Vương, lão nhân gia nhập Định, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu, thấy vẫn còn có chỗ trống, bèn ngồi nơi đó nghe giảng một buổi. Sau khi xuất Định, kể với mọi người: Hội Linh Sơn chưa giải tán, Ngài tham gia, nghe giảng ở đó một buổi.

Do vậy, trong kinh, đức Phật thường nói: *“Hết thảy các pháp chẳng lìa tự tánh”*. Lại nói *“ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm”* đều nhằm tiết lộ chân tướng này. Chúng ta nghe chẳng hiểu, dường như hiểu mà chẳng hiểu, nửa tin, nửa ngờ. Nếu thật sự hiểu, không khẩn yếu chi! Nếu chẳng hiểu, không sao cả! Hãy cứ nghe hằng ngày, cổ nhân nói: *“Đọc sách ngàn lượt, tự thấy ý nghĩa”*. Chúng ta ngốc hơn người khác, người ta nghe một ngàn lượt, chúng ta nghe một vạn lượt bèn hiểu, vì sao? Huân tập thành chủng tử, huân tập thành căn, căn ấy sẽ sanh ra sức mạnh. Huân tu lâu dài, phải huân tập nó thành chủng tánh của ta, nó sẽ khởi tác dụng. Đó cũng là một phương pháp để minh tâm kiến tánh trong tám vạn bốn ngàn pháp môn. Phải biết: Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là các phương pháp để minh tâm kiến tánh, phương pháp nào thích hợp với ta, ta bèn dùng phương pháp ấy. Học rộng nghe nhiều cũng là một phương pháp, căn tánh mỗi người khác nhau. Trong xã hội hiện tiền, nay là thời Mạt Pháp, lại còn là lúc Phật pháp suy vi đến cùng cực. Khắp thế giới sơ sót giáo dục luân lý, đạo đức. Có thể nói luân lý đạo đức tương ứng với giáo dục tự tánh, nhưng đã bỏ mất. Nhà Phật có một thuật ngữ là *“xứng tánh”*, nhưng hiện thời đã hoàn toàn mê mất tự tánh. Mê gần như nghiêm trọng đến mức một trăm phần trăm, cho nên học Phật đặc biệt khó khăn! Phương pháp này của Tịnh Tông được mười phương chư Phật giới thiệu, chẳng riêng gì một mình Thích Ca Mâu Ni Phật, mà là mười phương chư Phật giới thiệu. Trong hoàn cảnh khó khăn đến tột cùng, các pháp môn khác đều bị chướng ngại trùng trùng, rất khó học tập, pháp môn này đơn giản. Thậm chí quý vị chẳng cần đọc kinh, chỉ là một câu Phật hiệu.

 Chúng ta đang ở Hương Cảng. Năm xưa, tôi nghe lão pháp sư Đế Nhàn thường kể với mọi người: Lão hòa thượng Đế Nhàn có một người đồ đệ làm thợ vá nồi. Người này là bạn cùng chơi đùa thuở bé của pháp sư Đế Nhàn, tuổi tác chẳng chênh lệch cho mấy, ở trong thôn trang. Sau khi trưởng thành, gia cảnh nghèo hèn, chẳng có cơ hội đi học, bèn học một nghề thủ công là vá nồi, vá chén, dùng nghề mọn ấy để kiếm sống hết sức khổ sở. Thuở bé tôi thường thấy thợ vá nồi gánh một gánh nhỏ đi rảo trong làng vá nồi, vá chén. Vì thế, khi Ngài (pháp sư Đàm Hư) nói chữ ấy, tôi hiểu ngay, ông ta sống bằng nghề đó. Ông ta cảm thấy cuộc đời quá khổ, thấy bạn xuất gia, xuất gia cũng khá, bèn tìm đến, thưa với ngài Đế Nhàn, ông ta cũng muốn xuất gia, bái ngài Đế Nhàn làm sư phụ. Pháp sư Đế Nhàn nói: “Không được! Ông cứ làm nghề của mình đi, xuất gia há phải dễ dàng! Ông xuất gia, chậm lụt như vậy, mà cũng chẳng biết chữ, đầu óc chậm chạp, đoán chắc là học kinh sám, Phật sự, gõ pháp khí, xướng niệm đều học không nổi, tay chân vụng về! Học giảng kinh thì lại chẳng biết chữ”. Vì thế, cự tuyệt ông ta. Nhưng ông ta vẫn một mực nằn nì, chẳng chịu đi, không cho ông ta xuất gia cũng không được. Cụ Đế Nhàn chẳng còn cách nào, bèn đặt điều kiện với ông ta. Sư nói: “Nếu ông thật sự muốn xuất gia, tôi có mấy điều kiện, ông có thể làm được thì cho phép ông xuất gia”. Ông ta thưa: “Được! Nếu tôi bái thầy làm sư phụ, thầy dạy tôi điều gì, tôi cũng đều làm theo”. Lão pháp sư Đế Nhàn bất đắc dĩ cho ông ta xuống tóc. Chẳng ở trong chùa được, vì ở trong chùa có rất nhiều quy củ. Ông ta cũng đã bốn mươi mấy tuổi rồi, những tật xấu, tập khí chẳng dễ gì sửa được. Vì thế, đến vùng quê, tìm cho ông ta một ngôi chùa nhỏ, chẳng có ai ở, là một ngôi chùa hư nát, cho ông ta ở đó. Dạy ông ta niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Dạy gì khác ông ta cũng không hiểu, bèn dạy ông ta niệm: *“Ông hãy niệm câu này, suốt ngày niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật. Niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe khoắn rồi lại niệm tiếp”*. Làm như vậy sẽ nhẹ nhàng, thong dong, chẳng có áp lực gì. Chẳng phân biệt ngày, đêm, hễ niệm đã mệt bèn nghỉ ngơi, hễ nghỉ đã khỏe, bèn lập tức tiếp tục niệm. Trong làng quê, Sư tìm một bà cụ học Phật, ở gần đó, mỗi trưa đến nấu cơm trưa và cơm chiều, nấu hai bữa cơm, còn bữa điểm tâm do ông ta tự nấu, tự lo. Bà cụ giặt giũ quần áo cho ông ta để ông ta chuyên tâm niệm Phật.

 Niệm suốt ba năm, đến một hôm, ông ta bảo bà cụ hộ trì: “Ngày mai bà không cần nấu cơm, tôi vào thành gặp bạn bè”. Trên thực tế, ông ta biết trước lúc mất, sắp vãng sanh, nên quay về từ biệt thân thích, chào hỏi, thăm viếng. Hôm sau trở về, khi trở về, bèn nói với bà cụ: “Ngày mai chẳng cần nấu cơm cho tôi”. Bà cụ lại tưởng ông ta đến thăm bạn bè, chẳng biết người bạn nào sẽ mời ông ta ăn cơm. Đến bữa sau, cụ ra chùa xem, coi sư phụ có nhà hay không? Kết quả là thấy sư phụ ở trong Phật đường, đứng trước tượng Phật, gọi thì chẳng ừ hử gì, đến trước mặt xem kỹ, thấy ông ta đã mất, đứng mất! Liền vội vã quay về báo tin, vì còn có mấy đồ đệ quy y với cụ Đế Nhàn ở vùng phụ cận, thảy đều báo tin cho họ biết, gọi họ đến xem. Trước nay chưa từng thấy người đứng mất, rất hiếm hoi, lạ lùng! Những người ấy sau khi tìm đến, bèn vội đến Quán Tông Tự [[20]](#footnote-21)[4] thưa trình. Từ nông thôn đến thành thị chẳng có phương tiện giao thông, phải đi bộ, đi một ngày mới đến nơi, thưa chuyện với hòa thượng Đế Nhàn. Hòa thượng Đế Nhàn chuẩn bị, sắp xếp, đến hôm sau mới trở lại, đi về mất ba ngày. Ông ta đứng sững suốt ba ngày, chờ lão pháp sư Đế Nhàn đến lo liệu hậu sự. Cụ Đế Nhàn thấy tình hình ấy, rất tán thán: *“Ông rất lỗi lạc! Thật sự có thành tựu. Bất cứ trụ trì hay phương trượng chùa miếu nào nơi danh sơn bảo sát đều chẳng bằng ông. Những pháp sư thông Tông, thông Giáo, giảng kinh cũng chẳng sánh bằng ông!”* Một câu A Di Đà Phật mà thôi! Người ấy chưa từng nghe kinh ngày nào, nhưng nghe lời, đúng là thật thà, thật sự làm. Trừ một câu A Di Đà Phật ra, điều gì ông ta cũng chẳng hiểu, [thế mà] biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh, lại còn đứng sững suốt ba ngày. Coi như lão pháp sư Đàm Hư và người thợ vá nồi là đồng học, đều cùng là học trò của lão hòa thượng Đế Nhàn, Ngài thường kể chuyện này để khích lệ người niệm Phật. Quý vị thấy thời gian không dài, ba năm đã đến thế giới Cực Lạc làm Phật, có công phu như vậy chẳng đơn giản. Lời cụ Đế Nhàn nói là thật, chẳng giả!

 Do vậy, vấn đề là chúng ta có chịu tin tưởng hay không, chịu phát nguyện hay không, buông xuống vạn duyên, phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm, bèn thành công. Người thợ vá nồi ba năm thành công. Mấy năm trước, tại Thâm Quyến, ông Hoàng Trung Xương ba mươi tuổi mới lộ diện. Ông ta nghe tôi giảng kinh thường dẫn ra những câu chuyện bèn rất hoan hỷ, cũng rất muốn học theo, dùng ba năm để làm thử xem [chính mình] có thể làm được hay không. Bà Hướng Tiểu Lỵ hộ quan cho ông ta. Ông ta bế quan ba năm, còn thiếu hai tháng là đầy ba năm, tức là hai năm mười tháng, cũng biết trước lúc mất, A Di Đà Phật tiếp dẫn ông ta về thế giới Cực Lạc. Hai năm mười tháng! Làm cho chúng ta thấy, ông ta thử xem rốt cuộc là thật hay giả, bèn thành công. Niệm Phật vãng sanh là chuyện ngàn vạn phần xác đáng, chẳng giả tí nào, vấn đề là quý vị không chịu làm thì chẳng có cách nào cả! Sanh về thế giới Cực Lạc là đi làm Phật, kinh đã nói hết sức hay: *“Dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, hễ đến thế giới Cực Lạc bèn là A Duy Việt Trí Bồ Tát”.* A Duy Việt Trí là ba món Bất Thoái. Vị Bất Thoái thì A La Hán làm được, Hạnh Bất Thoái, Bồ Tát làm được; nhưng Niệm Bất Thoái thì phải là Pháp Thân Bồ Tát, minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, cũng là vượt thoát mười pháp giới. Theo kinh Hoa Nghiêm, từ Viên Giáo Sơ Trụ trở lên mới là Niệm Bất Thoái. Cổ đại đức cũng có thuyết cho rằng: Từ Thất Địa trở lên [mới là Niệm Bất Thoái]. Chúng ta chẳng tính từ Thất Địa trở lên, chỉ tính từ Viên Giáo Sơ Trụ trong Hoa Nghiêm trở lên thì đã rất lỗi lạc, [Niệm Bất Thoái] sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong thế giới Cực Lạc, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư, do được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, cho nên người vãng sanh ấy cũng hưởng thụ sự đãi ngộ của A Duy Việt Trí Bồ Tát, tức là sự đãi ngộ do ba món Bất Thoái. Có sự đãi ngộ ấy, giống như trong phần trên đã nói, người ấy có năng lực ứng hóa: Chúng sanh có duyên với người ấy trong khắp pháp giới hư không giới hễ nhắn tin cho người ấy, người ấy liền có thể ứng hóa. Cung cấp tin tức cho người ấy là cảm, người ấy bèn ứng, nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy, nên dùng pháp gì để hóa độ người ấy bèn dùng pháp đó. Cũng có thể nói là [người ấy đã] thông suốt toàn bộ mười phương ba đời tất cả Phật pháp và pháp thế gian vì chẳng lìa tự tánh. Chỉ cần quý vị kiến tánh bèn thông suốt toàn bộ.

 Do vậy, tôi nói những người ấy là người thật sự thông minh, tốn thời gian ba năm bèn thông suốt, đạt được toàn bộ, há có nhiều nỗi phiền phức [như trong các pháp môn khác]! Pháp môn hy hữu, khó gặp, mà chúng ta có duyên gặp gỡ. Đã gặp gỡ mà chẳng thể nắm vững, hãy còn hoài nghi, vẫn chưa thể hoàn toàn tin tưởng pháp môn này, đó là nghiệp chướng của chính mình! Trước mắt đã có lắm chứng cứ ngần ấy, những người như ông thợ vá nồi hoặc Hoàng Trung Xương đã làm Tác Chứng Chuyển trong ba thứ chuyển pháp luân, chứng minh cho chúng ta, chứng minh pháp môn này, chứng minh thế giới Cực Lạc, chứng minh niệm Phật vãng sanh chẳng giả tí nào. Do đó, trí huệ chiếu kiến. Chúng ta cũng phải dùng trí huệ để soi thấu suốt thế gian này, đối với bất cứ tai nạn nào, cũng đều chẳng có mảy may sợ hãi gì, biết tai nạn do nguyên nhân nào phát sanh, và cũng biết phương pháp gì để có thể hóa giải. Hiềm rằng chúng sanh chẳng tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận, đó là do cộng nghiệp cảm vời. Tai nạn xảy tới giống hệt nhau, nhưng mỗi người đi về một chỗ khác nhau, người niệm Phật chúng ta có chỗ để người niệm Phật sanh về. Vì thế, hiện thời phải đặt chuyện này lên đầu, tức là xếp niệm Phật vãng sanh hàng đầu. Người thật sự có công phu ấy, giống như ông Hoàng Trung Xương, nếu chẳng đến thế giới Cực Lạc, ở thêm [trong thế gian này] mấy năm nữa có được hay không? Được chứ! Chẳng phải là không được, đến đi tự do. Người thợ vá nồi trụ thêm mấy năm cũng được. Vì sao phải ra đi như vậy? Dùng phương pháp ấy để độ chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, đó là đại từ đại bi, nêu gương tốt cho chúng sanh, khiến cho mọi người kiên định tín tâm, nghiêm túc học tập, tương lai ai nấy đều vãng sanh. Vì thế, chúng ta phải nới rộng tầm mắt, nhìn cho xa, thấy cho sâu, quý vị sẽ liễu giải hành động của những người ấy là công đức chân thật!

 Tiếp đó, [cụ Hoàng] nói ý của ngài Tăng Triệu là: Trí huệ là bản thể, thánh minh là diệu dụng. Hết thảy mọi sự đều có thể soi tỏ thông đạt bèn gọi là Thánh. Người Hoa gọi là thánh nhân, ở Ấn Độ gọi là Phật. Quyền Trí và Thật Trí của Bồ Tát: Quyền Trí là phương tiện thiện xảo, Thật Trí là Căn Bản Trí. Thật Trí là Định, thanh tịnh, bình đẳng, giác, Quyền Trí là phương tiện thiện xảo, ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, tự hành, hóa độ người khác. Sanh ra tác dụng chiếu soi linh minh, chúng sanh do phàm tình trọn chẳng thể hiểu được. Vì sao? Chúng sanh có phân biệt, chấp trước, vì thế, họ chẳng thể hiểu, đó gọi là *“bất khả tư”*, tức là chẳng thể suy tưởng. Hễ suy tưởng bèn rớt vào ý thức, sai mất rồi! Hết thảy ngôn ngữ chẳng thể biểu đạt, nên là *“bất khả nghị”*, *“nghị”* (議) là nghị luận, là thảo luận, nói năng. *“Phi ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri, cố kỳ hình kỳ dung vô pháp nghĩ nghị”* (Do ngôn ngữ, phân biệt chẳng thể biết được, nên không có cách nào mô tả, bàn luận hình tướng của trí huệ ấy), tìm không ra phương pháp thích đáng để tỷ dụ. Do đó, đến cuối cùng, đức Phật nói: *“Duy chứng phương tri”* (chỉ có chứng mới biết), quý vị thật thà tu hành, đạt đến cảnh giới này, sẽ tự nhiên hiểu rõ.

 *“Hựu bất khả tư nghị hữu nhị chủng, nhất giả Lý Không”* (“chẳng thể nghĩ bàn” lại có hai loại, một là Lý Không). Chữ Không này chẳng dễ hiểu! Không chẳng phải là Vô (không có gì), mà Không là Có! Vì sao chẳng nói là Có, lại nói là Không? Vì lục căn của quý vị chẳng duyên được! Lý là gì? Lý là tự tánh, tự tánh là Lý Thể. Tất cả hết thảy các pháp đều sanh từ nó, nó có thể sanh, có thể hiện. Thức có thể biến, thức là phân biệt, chấp trước. Phân biệt, chấp trước có thể sanh ra biến hóa, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do thức biến. Nhất Chân pháp giới, cõi Thật Báo của chư Phật do tâm hiện, chẳng có thức biến, mà do tâm hiện. Tâm sanh, tâm hiện, mười pháp giới là thức biến, đó là Lý. Lý Thể là tự tánh, nên chẳng phải là *“hoặc tình”* (惑情: tình chấp do phiền não tạo thành). Hoặc (惑) là vô minh phiền não, là khởi tâm động niệm, Tình (情) là phân biệt, chấp trước. Quý vị có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng có cách nào, chắc chắn chẳng đạt được [“bất khả tư nghị”]. Chỉ cần quý vị đoạn hết Hoặc Tình, chân tướng liền ở ngay trước mặt, bèn hoàn toàn hiểu rõ.

Loại thứ hai là *“thần kỳ”*. *“Thần kỳ”* (神奇) là Bồ Tát ứng hóa, khởi tác dụng, *“phi thiển thức sở lượng”*, [nghĩa là] người kiến thức kém cỏi, nông cạn sẽ chẳng biết. *“Hựu Trí Độ Luận viết: Tiểu Thừa pháp trung vô bất khả tư nghị sự, duy Đại Thừa pháp trung hữu chi, như lục thập tiểu kiếp thuyết Pháp Hoa Kinh vị như thực khoảnh”* (Trí Độ Luận lại nói: “Trong pháp Tiểu Thừa, chẳng có chuyện chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có pháp Đại Thừa là có, như sáu mươi tiểu kiếp nói kinh Pháp Hoa mà nói là như trong khoảng một bữa ăn”). Đó là gì? Thời gian là giả, chẳng thật. Trong pháp Tiểu Thừa đều là có thể nghĩ, có thể bàn, có thể thảo luận, có thể nghiên cứu, pháp Đại Thừa thì không được. Trong pháp Đại Thừa có chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, luận lý, biện chứng pháp (dialectic), lý tắc học (logic), áp dụng những phương pháp luận khoa học đó vào kinh Tiểu Thừa thì được, nhưng vô dụng đối với kinh Đại Thừa, vì kinh Đại Thừa vượt ngoài lý luận.

Tôi nhớ thuở trước, lúc mới xuất gia chưa được bao lâu, pháp sư Đạo An dùng danh nghĩa của hội Phật giáo Trung Hoa tổ chức một hoạt động là Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa, cũng làm được vài năm. Lão hòa thượng muốn tôi đảm nhiệm vai trò tổng chủ giảng trong giảng tòa, tôi nhớ đã đảm nhiệm chức vụ ấy ba năm mấy. Khi đó, tôi mời tiên sinh Phương Đông Mỹ giảng phương pháp luận cho chúng tôi. Phương pháp luận trong khoa học là Lý Tắc Học, trong Phật pháp gọi là Nhân Minh, dùng kinh bổn Phật pháp để giảng [Lý Tắc Học] thì gọi là Nhân Minh, mời thầy mở khóa học ấy. Thầy bảo tôi: “Tiểu Thừa thì có thể dùng, sơ cấp thì có thể dùng, chứ tiến cao hơn, toàn bộ chẳng dùng được”. Lần đầu tiên, tôi nghe thầy Phương nói chân tướng sự thật ấy: [Phương pháp luận khoa học] chẳng thể áp dụng cho pháp Đại Thừa. Quý vị thấy sáu mươi tiểu kiếp, thời gian ấy dài lắm! Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, sáu mươi tiểu kiếp là ba trung kiếp, đức Phật giảng gì? Giảng kinh Pháp Hoa giống như trong một *“thực khoảnh”* (食頃), tức là thời gian một bữa cơm. Đó là nói về thời gian. Có thể thu gọn sáu mươi tiểu kiếp thành một “thực khoảnh”, tức là thời gian một bữa cơm, thời gian một bữa cơm có thể triển khai thành sáu mươi tiểu kiếp. Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm càng chẳng thể nghĩ bàn, kinh nói là *“nhị thất nhật trung”*, nhị thất (二七) là mười bốn ngày. Ngài giảng bao nhiêu? Tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần [[21]](#footnote-22)[5] phẩm. Trong long cung, Long Thọ Bồ Tát thấy địa cầu chẳng thể chứa đựng toàn bộ nguyên văn kinh Hoa Nghiêm! Trong mười bốn ngày, có thuyết nói là hai mươi mốt ngày, sao lại có thể làm như vậy được? Nếu quý vị niệm bộ kinh ấy một lượt, nói theo trạng huống trong nhân gian chúng ta hiện thời, quý vị niệm một trăm năm cũng chẳng xong, niệm một bộ cũng chẳng xong. Vì sao tôi biết? Tôi nhìn vào Tứ Khố Toàn Thư, quý vị mỗi ngày đọc Tứ Khố Toàn Thư tám tiếng đồng hồ, đọc suốt một trăm năm vẫn chưa xong. Kinh Hoa Nghiêm to hơn bộ sách ấy nhiều lắm. Đúng là vô lượng kiếp cô đọng thành mười bốn ngày, thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

***(Kinh) Như thị đẳng chư đại Bồ Tát, vô lượng vô biên, nhất thời lai tập.***

**(經) 如 是 等 諸 大 菩 薩，無 量 無 邊，一 時 來 集。**

*(****Kinh****: Các vị đại Bồ Tát như thế vô lượng vô biên, cùng một lúc nhóm họp).*

Những vị Bồ Tát cùng một đẳng cấp, tức là Pháp Thân Bồ Tát, vô lượng vô biên! Nói rõ: Chẳng phải là một vạn hai ngàn người cùng một lúc nhóm họp. *“Tổng kết dĩ thượng đức tuân Phổ Hiền chi chư đại Bồ Tát, vị thính văn, tán dương Tịnh Tông diệu pháp cố, vị quảng hoằng Phổ Hiền nguyện vương cố, vị phổ độ thập phương tam thế nhất thiết hữu tình, vãng sanh Tịnh Độ cứu cánh Niết Bàn cố, đồng đức, đồng tâm, nhất thời lai hội. Tịnh Ảnh Sớ viết: Vị pháp tâm đồng, cố lai nhất thời”* (Tổng kết: Các vị đại Bồ Tát trên đây đều là đức tuân Phổ Hiền, do nghe giảng, khen ngợi diệu pháp Tịnh Tông, do hoằng truyền rộng rãi nguyện vương Phổ Hiền, vì phổ độ mười phương ba đời hết thảy hữu tình vãng sanh Tịnh Ðộ, [đạt đến] Niết Bàn rốt ráo, đồng đức, đồng tâm, nên cùng một lúc nhóm đến. Tịnh Ảnh Sớ viết: “Vì pháp và tâm giống nhau, nên cùng lúc nhóm đến”). Đoạn này là tổng kết. Đoạn tiếp theo cho biết trong đại hội này còn có những người như dưới đây.

***(Kinh) Hựu hữu tỳ-kheo-ni ngũ bách nhân.***

**(經) 又 有 比 丘 尼 五 百 人。**

*(****Kinh****: Lại có tỳ-kheo-ni năm trăm vị).*

 Đây là nữ chúng xuất gia.

 ***(Kinh) Thanh tín sĩ thất thiên nhân.***

**(經) 清 信 士 七 千 人。**

 *(****Kinh****: Thanh tín sĩ bảy ngàn người).*

 Đây là cư sĩ, ưu bà tắc.

 ***(Kinh) Thanh tín nữ ngũ bách nhân.***

**(經) 清 信 女 五 百 人。**

*(****Kinh****: Thanh tín nữ năm trăm người).*

 Đây là nữ cư sĩ. Còn có:

 ***(Kinh) Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, chư thiên Phạm chúng, tất cộng đại hội.***

**(經) 欲 界 天。色 界 天。諸 天 梵 眾。悉 共 大 會。**

 ***(Kinh:*** *Trời Dục giới, trời Sắc giới, chư thiên Phạm chúng đều cùng tới trong đại hội).*

 Đoạn giải thích sau phần này của lão cư sĩ chúng ta đọc qua là được rồi. *“Thanh tín sĩ tức Ưu Bà Tắc, thanh tín nữ tức Ưu Bà Di. Dĩ thượng kinh văn, độc kiến Hán dịch. Ngụy dịch tắc cẩn hữu Bồ Tát dữ tỳ-kheo chúng. Tống dịch kinh mạt viết: ‘Tịnh thiên long bát bộ nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ’, quân quảng ư Ngụy dịch”* (“Thanh tín sĩ” là Ưu-bà-tắc (Upāsaka). “Thanh tín nữ” là Ưu-bà-di (Upāsikā). Ðoạn kinh trên chỉ thấy trong bản Hán dịch, bản Ngụy dịch chỉ chép chúng Bồ Tát và tỳ-kheo. Cuối bản Tống dịch chép: “Cùng trời, rồng, tám bộ, hết thảy đại chúng, nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ lớn”, như vậy đều là phần nói rộng của bản Ngụy dịch vậy). Trên đây là Tự Chứng Phần, chúng ta học tới chỗ này. Hôm nay vừa khéo đã hết thời gian, ngày mai chúng ta sẽ xem phần Đại Giáo Duyên Khởi Đệ Tam, tức là Biệt Tự, Biệt Tự của bản kinh này.

# Tập 138

 Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi bảy, *“Thứ Biệt Tự”* (kế đến là Biệt Tự), xem từ chỗ này.

 *“Hạ nhất phẩm vi Biệt Tự, diệc vi Phát Khởi Tự. Tự trung Như Lai hiện thụy, phóng quang, A Nan hỷ duyệt thỉnh vấn, Thế Tôn chánh đáp sở nghi, diễn xuất nhất bộ quảng đại, viên mãn, giản dị, trực tiệp, phương tiện, cứu cánh, đệ nhất hy hữu, nan phùng pháp bảo Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Đại Giáo Duyên Khởi đệ tam”* (Phẩm tiếp theo đây là Biệt Tự, cũng là Phát Khởi Tự. Trong phần này, Như Lai hiện tướng lành, phóng quang, A Nan hoan hỷ thưa hỏi, Thế Tôn đáp thẳng vào điều nghi, diễn xuất một bộ pháp bảo quảng đại, viên mãn, đơn giản, dễ dàng, nhanh tắt, phương tiện rốt ráo, hy hữu bậc nhất, khó được gặp gỡ là kinh Phật Thuyết Ðại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Ðẳng Giác. Đại Giáo Duyên Khởi, phẩm thứ ba).

Mấy câu mào đầu này của cụ Niệm Tổ nhằm nêu bày nhân duyên thù thắng của bộ kinh này, quả thật là hy hữu khó gặp khôn sánh. Học Phật phải thâm nhập Kinh Tạng. Kinh Tạng ở đây chẳng phải là nói đến Đại Tạng Kinh. Ý nghĩa thật sự của *“thâm nhập Kinh Tạng”* là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ. Chúng ta biết đức Thế Tôn thuở tại thế, giảng kinh, giáo học không gì chẳng phải là ứng cơ thuyết pháp (thuyết pháp thuận theo căn cơ). Nói cách khác, một người chẳng thể học rất nhiều kinh điển và pháp môn. Quý vị có nghi hoặc, hướng về đức Thế Tôn thỉnh giáo, Ngài chỉ dạy quý vị một phương pháp, quý vị có thể tu tốt đẹp phương pháp ấy, sẽ đạt được toàn bộ hết thảy các pháp, đó mới gọi là *“thâm nhập Kinh Tạng”*. Bất luận là bộ kinh điển nào, pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp. Vì thế, một bộ kinh thông, hết thảy các kinh đều thông. Nếu quý vị nói “hết thảy các kinh đều thông, hãy còn có một hai bộ chưa thông”, đó là giả!

Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, có rất nhiều ví dụ như vậy. Năm xưa, tôi mới học Phật, thầy chỉ định công khóa ấy cho tôi tự học tập. [Theo Văn Sao], từng có một người tu Thiền, đổ công sức tu tập chẳng ít năm, trong bộ Ngũ Đăng Hội Nguyên của Thiền Tông có một ngàn bảy trăm công án, nói theo cách hiện thời, đó là những gương khai ngộ, [bộ sách ấy chép] gương khai ngộ của hơn một ngàn bảy trăm người, phương pháp mỗi người mỗi khác. Người ấy rất thích Thiền, tốn vài chục năm [nghiên cứu], viết thư gởi Ấn Quang đại sư, nói gần như một ngàn bảy trăm công án ông ta đều tham thấu triệt, đều hiểu rõ, chỉ có vài công án hãy còn vướng mắc. Ấn Quang đại sư viết thư trả lời: Đặc biệt là những thứ trong Tông Môn, hễ một ngộ thì hết thảy ngộ. Nếu trong một ngàn bảy trăm công án mà ông tham thấu triệt, hiểu rõ một công án, sẽ hiểu được toàn bộ. Ông nói ông gần như đều hiểu trọn, nhưng còn một hai công án chẳng tham thấu triệt, tức là ông hoàn toàn chẳng hiểu công án nào cả! Người ấy sau đó chẳng còn học Thiền, buông Thiền xuống, theo Ấn Quang đại sư niệm A Di Đà Phật. Giả trất, khi thật sự kiến tánh, há còn có thứ gì chẳng hiểu? Chẳng có lẽ ấy! Nay chúng ta hiểu lý này, vì sao? Hết thảy các pháp chẳng lìa tự tánh. Chỉ cần quý vị kiến tánh, bất luận quý vị đã học rồi hay chưa, dẫu là Phật giáo, hay là các tôn giáo khác, thậm chí tất cả học thuật thế gian như khoa học kỹ thuật hiện thời, chẳng có một điều nào quý vị không biết. Nếu có điều gì quý vị chẳng biết, tức là quý vị chưa kiến tánh, kiến tánh chẳng phải là giống như vậy. Chư vị chớ nên không biết chuyện này.

Vì sao? Người thế gian mê mất tự tánh rất sâu, nhưng trọn chẳng biết. Họ cũng chẳng phải là cố ý lừa gạt người khác. Trong Phật pháp có một danh từ là Tăng Thượng Mạn. Sự ngạo mạn ấy chẳng phải là thật sự mong gạt người! Kẻ ấy chưa chứng đắc, nhưng cứ tưởng chính mình đã chứng đắc. Chẳng ngộ nhập kinh giáo, cứ tưởng chính mình đã ngộ nhập. Năm xưa, tôi còn gặp một người, người ấy là vợ của một người bạn thân thiết của tôi. Người bạn ấy còn kể như là cấp trên của chúng tôi, nhưng không trực tiếp cai quản chúng tôi, ông ta là một vị tướng quân trong cơ quan của tôi. Vợ ông ta cũng học Phật. Tôi vừa học Phật, bà ta rất hoan hỷ. Có một hôm mời tôi đến nhà bà ta, kiên quyết nói bà đã chứng đắc quả A La Hán. Tôi nói cách nào bà ta cũng lắc đầu: “Tôi đã thật sự chứng đắc, chẳng giả”. Đến cuối cùng, tôi hết cách, liền bảo bà ta: Đối với sáu thứ năng lực, Sơ Quả Tu Đà Hoàn khôi phục hai thứ, còn A La Hán thì cả sáu thứ đều khôi phục, [các năng lực ấy] được gọi là Lục Thần Thông, hay Lục Thông. Tôi nói: Sơ Quả Tu Đà Hoàn có năng lực là Thiên Nhãn Thông và Thiên Nhĩ Thông. Thiên Nhãn Thông là gì? Bà ta sẽ có thể thấy [những vật] ở ngoài vách tường. Nhà bà ta ở cạnh một con sông nhỏ, hai bên là một con đường. Tôi nói: Chúng ta ngồi ở chỗ này, vừa khéo chỗ bà ta ngồi đối diện cửa lớn, chẳng có cửa sổ. Tôi nói: “Người bên ngoài làm này nọ, bà có thể thấy hay không?” Bà ta đáp: “Chẳng thấy”. Tôi nói: “Vậy là giả, chẳng thật! Cách một bức tường mà bà đã chẳng có năng lực nhìn xuyên qua, lấy đâu ra Thiên Nhãn Thông?” Tôi nói A La Hán có Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thần Túc Thông, Lậu Tận Thông, đó là A La Hán thật sự. Nói như vậy, bà ta mới phục. Vì thế, chẳng phải là bà ta lừa gạt chúng tôi mà là hiểu lầm.

Người như vậy xưa nay rất nhiều, không chỉ là kẻ tại gia, người xuất gia cũng chẳng phải là ngoại lệ. Trong câu chuyện Dã Hồ Thiền thời thiền sư Bách Trượng, [nhân vật chính] là người xuất gia, chẳng phải kẻ tại gia, cũng là một vị pháp sư. Có người hướng về vị ấy thưa hỏi, vị ấy tùy tiện đáp, vì cũng tưởng chính mình đã thông suốt. Người ta hỏi câu gì? Người đại tu hành có còn rơi vào nhân quả hay không? Sư trả lời “không rơi vào nhân quả”. Vị pháp sư ấy, tức vị pháp sư trả lời câu hỏi ấy, sau khi chết liền đọa làm thân chồn, nên gọi là *“dã hồ thân”* (thân chồn hoang), [mang thân chồn] suốt năm trăm đời, do nói sai một chữ. Vì sao? Hướng dẫn người khác sai lầm! Vấn đề này nghiêm trọng lắm! Con chồn ấy xem như trong đời quá khứ có tu hành, là pháp sư trong Phật môn, trong năm trăm đời cũng tu luyện thành thân người, chẳng dễ dàng. Thị hiện thành một cụ già, râu tóc đều trắng toát, cụ già mà! Bách Trượng đại sư hằng ngày giảng kinh, cụ già đều đến nghe, là một thính chúng rất kiền thành. Người khác đều không biết, chỉ có Bách Trượng đại sư biết cụ già chẳng phải là người, mà là hồ ly tinh, nhưng ông cụ chẳng có ác ý, chẳng hại người. Có một hôm, ông cụ hướng về Bách Trượng đại sư nói chính mình có câu hỏi: “Làm thế nào để thoát thân súc sanh?” Bách Trượng đại sư nói: “Được rồi, ngày mai ông đến đây. Trong quá khứ, người ta hỏi ông như thế nào, ông cứ hỏi tôi [như vậy]”. Đến hôm sau, Bách Trượng đại sư thăng tòa, ông cụ liền quỳ xuống thỉnh giáo, thưa hỏi: “Bậc đại tu hành có còn rớt trong nhân quả hay không?” Bách Trượng thiền sư sửa một chữ, thành *“bất muội nhân quả”* (chẳng lầm nhân quả). Quý vị thấy trước kia cụ già nói “chẳng rơi vào nhân quả”, nay [ngài Bách Trượng nói] “chẳng lầm nhân quả”, cụ liền giác ngộ, ngày hôm sau liền thoát khỏi thân chồn. Lão hòa thượng biết: “Đi thôi! Chúng ta đến sau núi, cầm theo ky và cuốc”. Đại sư nói: “Chúng ta đến lo liệu hậu sự cho ông ta, ngày hôm qua cụ già ấy đã vãng sanh”. Đến sau núi, quả nhiên thấy một con chồn, bèn dựa theo lễ tiết dành cho người xuất gia để mai táng, chôn cất. Đại sư liền nói người xuất gia này đời quá khứ là một vị đại pháp sư [bị đọa thân chồn vì] đã nói sai một chữ.

Nói năng chẳng thể không gánh trách nhiệm, nếu viết thành sách lại càng chẳng được. Viết thành sách thì đến khi nào quý vị mới có thể thoát tội? Khi nào quyển sách do quý vị viết bị tiêu diệt trong thế gian này, chẳng còn một quyển nào, quý vị mới có thể thoát khỏi. Nếu thế gian này, hãy còn một quyển sách chưa mất, quý vị sẽ chẳng có cách nào thoát lìa tội ấy, quý vị nói xem có đáng sợ lắm hay không? Những vị đại đức giảng kinh, thuyết pháp thời cổ chịu trách nhiệm, viết thành sách càng đáng ngại hơn. Các Ngài như thế nào? Các Ngài sợ nhân quả. Người hiện thời chẳng tin nhân quả. Nhân quả chẳng phải là nói “hễ tin bèn có, chẳng tin thì không”, chẳng phải vậy! Không tin thì nó vẫn có y hệt, phiền phức ở chỗ này! Chúng ta chưa khai ngộ, có dám giảng kinh hay không? Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chưa khai ngộ có dám chú giải kinh hay không? Chúng ta đọc bản chú giải của cụ, chẳng phải là lời chú giải của chính cụ. Cụ đọc một trăm chín mươi ba loại kinh luận, tham khảo tài liệu, toàn là trích lục những lời chú giải, nên cụ có căn cứ. Chẳng phải là tôi sai. Quý vị nói tôi sai thì là trong kinh luận của họ đã phạm sai lầm, chứ tôi chẳng phạm lỗi. Đó là gì? Nhằm thị hiện cho người trong thời đại này. Chúng tôi học giảng kinh, khi ấy, đã biết một chút đạo lý này, chẳng dám! Thầy khuyên dạy chúng tôi: “Nếu chờ đến khai ngộ rồi mới giảng kinh, chẳng biết đợi tới năm nào. Nếu suốt đời này, anh chẳng khai ngộ, tức là suốt đời này chẳng thể giảng kinh! Vậy là chẳng có ai giảng kinh, Phật pháp sẽ bị diệt trên thế giới này”. Giải quyết vấn đề này như thế nào? Do đó, thầy dạy chúng tôi. Chính bản thân thầy cũng khiêm hư. Thầy nói: “Không chỉ quý vị chẳng dám, mà chính tôi cũng chẳng dám. Nay chúng ta giảng kinh là giảng gì? Giảng chú giải!” Câu nói ấy đã cảnh tỉnh chúng tôi, chúng ta chọn lọc chú giải của cổ nhân, diễn dịch chú giải thành lời văn Bạch Thoại để nói, chắc chắn chẳng thể nói sai ý nghĩa. Chúng ta giảng theo cách như vậy, nếu nẩy sanh vấn đề, họ (những vị chú giải) chịu trách nhiệm, chúng ta chẳng lãnh trách nhiệm. Do hiểu chỗ này, chúng tôi mới dám làm. Vì thế, lúc mới học giảng kinh, tôi tìm [chú giải] của những vị lão pháp sư trong hiện thời, tôi nói đến những bản chú giải bằng văn Bạch Thoại. Về sau, dần dần tương đối thâm nhập, mới tìm chú giải của cổ đại đức. Thầy còn dặn dò, ắt phải lấy chú giải của cổ đại đức làm chủ. Vì sao? Các Ngài đã thật sự khai ngộ. Thời cổ, chưa khai ngộ, chẳng ai dám viết lách. Hơn nữa, sách cổ gần như đều đã trải qua tra xét nghiêm ngặt, người tra xét là ai? Những vị cao tăng đại đức thuở ấy. Các Ngài tra duyệt, nhận định là chẳng có vấn đề rồi mới tấu trình Hoàng Thượng. Hoàng Thượng phê chuẩn cho nhập tạng (đưa vào Đại Tạng Kinh). Vì thế, Đại Tạng Kinh đáng tin cậy nhất, vì đã được kiểm tra nghiêm ngặt. Quý vị nói chú giải, vậy thì bản chú giải ấy có trong Đại Tạng Kinh hay không? Hễ trong Đại Tạng Kinh mà có thì [bản chú giải ấy] rất đáng tin cậy. Hiện thời chẳng có hoàng đế, đã đổi thành Dân Quốc. [Chánh quyền] Dân Quốc gạt chuyện này sang một bên, mặc cho nó tự sanh tự diệt. Vì thế, xã hội Dân Quốc động loạn to lớn so với thời đại đế vương trước kia, thật sự là có mối quan hệ nhân quả. Vì sao? Đế vương hộ pháp, đế vương học Phật, đế vương cung kính Tam Bảo, nên quốc thái dân an, Phật là phước điền lớn nhất của hết thảy chúng sanh. Do đó, người đại phú đại quý trong thế gian, quá nửa là đã gieo phước nơi Phật môn trong đời quá khứ, nay họ hưởng phước. Hưởng phước mà không biết gieo phước lần nữa, nên hưởng hết phước thì làm như thế nào? Chẳng phải là lại xuất hiện vấn đề ư? Cổ nhân tin tưởng, kính trọng tổ tông, tín ngưỡng bậc thánh hiền. Hiện thời, tổ tông cũng chẳng kính, cũng chẳng ngó ngàng tới hiền nhân, tuyên bố Phật, Bồ Tát là mê tín. Xã hội hiện tại trở thành nông nỗi này, địa cầu lắm tai nạn ngần ấy, rốt cuộc là do nguyên nhân gì, người thâm nhập kinh tạng bèn hiểu rõ.

 Do vậy, thâm nhập kinh tạng thì phải hiểu: Thâm nhập một bộ kinh, chẳng phải là thâm nhập mỗi bộ kinh, chẳng có ý nghĩa ấy. Chẳng phải là bảo quý vị đọc rất nhiều kinh luận, học rộng, nghe nhiều, chẳng phải vậy. Học rộng nghe nhiều vào lúc nào? Thật sự giáo hóa chúng sanh, đó là khi nào? Sau khi chính mình đã minh tâm kiến tánh mới lại học rộng, nghe nhiều, nhất định phải hiểu rõ thứ tự. Tứ Hoằng Thệ Nguyện đã nói rõ thứ tự tu học ấy. Học Phật đầu tiên là phải phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm là gì? Tâm độ chúng sanh, chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Quý vị thấy trong lục đạo đông đảo chúng sanh đang khổ sở! Làm thế nào để giúp họ lìa khổ được vui? Quý vị phải phát đại tâm ấy! Muốn giúp đỡ người khác, nhất định là phải thành tựu chính mình trước! Chính mình chưa thành tựu, làm sao giúp đỡ người khác cho được? Do đó, nguyện thứ nhất là *“chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”.* Nói theo sự tu học của chính mình thì đó là một động lực thúc đẩy quý vị phải thật sự làm. Muốn giúp đỡ chúng sanh, nhất định là quý vị phải thành tựu đức hạnh và học vấn của chính mình. Đức hạnh thứ nhất là *“phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”*, thành tựu đức hạnh. Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, mục đích là gì? Nhằm mục đích đoạn phiền não. Quý vị thấy nhé: Đã đoạn Kiến Tư phiền não, quý vị bèn thành Chánh Giác, chứng quả A La Hán. Đoạn Trần Sa phiền não, quý vị là Bồ Tát, chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác. Phá vô thỉ vô minh, quý vị thành Phật, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những chuyện này đều phải cậy vào thâm nhập một môn, phải cậy vào đại định rất sâu. Từ tu Định trở về tự tánh vốn định. Sau khi triệt ngộ, tự tánh vốn định hiện tiền, được gọi *“Tánh Tu bất nhị”* (Tánh và Tu chẳng hai). Chưa kiến tánh bèn tu Định, đó là *“tu công”* (công phu tu hành). Sau khi đã kiến tánh, bèn là tánh định. Tu Định nhằm mục đích khai phát tánh định. Đã đạt công phu ấy rồi mới học rộng nghe nhiều: *“Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”.* Hiểu rõ thứ tự này, nếu hai điều trước vẫn chưa có, mà toan pháp môn vô lượng thệ nguyện học, học suốt một đời, học cũng khá lắm, rất dụng công, sẽ học được gì? Phật học, tức là kiến thức thông thường về Phật học, người hiện thời gọi là “tri thức”, chẳng phải là trí huệ, sai biệt quá ư to lớn! Người hiện thời có ai hiểu trí huệ? Toàn là một mực noi theo hướng tri thức, đi theo con đường ấy. Trí huệ và tri thức hoàn toàn khác nhau! Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, tri thức chẳng được! Trí huệ có thể quán thông hết thảy, có thể hoàn toàn quán thông hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vì vậy, [đi theo con đường tri thức] chính là đã nhận lầm toàn bộ phương hướng và mục tiêu, hy vọng các đồng học chúng ta đều có thể hiểu điều này.

 Phật luôn mong mỏi chúng ta đi theo con đường tắt, hy vọng chúng ta có thể thành tựu rất nhanh chóng. Do vậy, học Phật thì đầu tiên là chúng ta phải tự mình nghiêm túc kiểm điểm, phản tỉnh xem chính mình là căn tánh gì, chúng ta chọn lựa pháp môn nào, điều này rất trọng yếu. Chọn đúng pháp môn, đời này quyết định thành tựu. Chọn sai pháp môn, đời này rất khó thành tựu, chẳng có kẻ nào thành tựu do may mắn cả! Trong thiện căn, nói tới những điều quan trọng nhất, sẽ là ngộ tánh, công phu định lực, thành kính. Ấn Quang đại sư đã nói rất hay: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Chúng ta đối với chính mình có thành kính hay chăng? Đối với khóa trình tu học của chúng ta, đối với các kinh luận, có lòng tin chân thành hay không? Đối với thầy, thầy là Thích Ca Mâu Ni Phật, có lòng tin chân thành hay không? Đối với các vị tổ sư truyền thừa nhiều thế hệ đều phải có tín tâm chân thành thì mới có thể thành tựu. Vì lẽ đó, người học đông đảo ngần ấy, kẻ thành tựu ít dường ấy, quý vị phải hiểu đạo lý này, biết đó là chuyện tự nhiên, họ chẳng trọn đủ những điều kiện ấy. Thích Ca Mâu Ni Phật là một vị thầy gương mẫu, tôn giả A Nan là một người học trò ngoan.

 Trong những phần trước, chúng ta đã học xong phần Chứng Tín Tự, hôm nay là Phát Khởi Tự, tức *“đại giáo duyên khởi đệ tam”*. Trước hết, chúng ta đọc kinh văn một lượt, trong kinh văn có rất nhiều đoạn ngắn, Chúng ta xem từng đoạn một.

 ***(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn, oai quang hách dịch, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sướng biểu lý, hiện đại quang minh, sổ thiên bách biến.***

**(經) 爾 時 世 尊。威 光 赫 奕。如 融 金 聚。又 如 明 鏡。影 暢 表 裡。現 大 光 明。數 千 百 變。**

 *(****Kinh****: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn oai quang rạng rỡ như khối vàng nung, lại cũng như gương sáng trong ngoài sáng tỏ, hiện quang minh lớn, biến hiện ra mấy trăm ngàn thứ).*

 Đoạn này *“quang thụy phát khởi”* (dùng quang minh và tướng lành để phát khởi). Đức Phật phóng quang, hiện thụy tướng, dùng phương pháp này khiến cho đại chúng có cảm xúc hy hữu. Lại xem phần kế tiếp:

 ***(Kinh) Tôn giả A Nan tức tự tư duy: “Kim nhật, Thế Tôn sắc thân chư căn, duyệt dự thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm. Tùng tích dĩ lai, sở vị tằng kiến”, hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm.***

**(經) 尊 者 阿 難。即 自 思 惟。今 日 世 尊 色 身 諸 根。悅 豫 清 淨。光 顏 巍 巍。寶 剎 莊 嚴。從 昔 以 來。所 未 曾 見。喜 得 瞻 仰。生 希 有 心。**

 *(****Kinh****: Tôn giả A Nan liền tự suy nghĩ: “Hôm nay, đức Thế Tôn sắc thân, các căn vui sướng thanh tịnh, quang nhan vòi vọi, cõi báu trang nghiêm, từ xưa đến nay, ta chưa từng thấy”, mừng rằng mình được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu).*

 Ngài A Nan đại biểu cho đại chúng. Ngài trông thấy thụy tướng của Phật, trong tâm cảm động. Thụy tướng ấy quá hy hữu. Ngài A Nan là thị giả của đức Phật, chưa từng thấy tướng mạo trang nghiêm của đức Phật như ngày hôm nay, trong tâm hoan hỷ. *“Duyệt dự thanh tịnh”* là tâm hoan hỷ hy hữu khôn sánh do trông thấy [thụy tướng ấy]. Kế đó là…

 ***(Kinh) Tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, trường quỵ hiệp chưởng.***

**(經) 即 從 座 起。偏 袒 右 肩。長 跪 合 掌。**

 *(****Kinh****: Liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, quỳ thẳng, chắp tay).*

 Đây là hành lễ. Trước hết, hướng về thầy hành lễ rồi mới thỉnh pháp.

 ***(Kinh) Nhi bạch Phật ngôn: “Thế Tôn, kim nhật nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo”.***

**(經) 而 白 佛 言。世 尊 今 日 入 大 寂 定。住 奇 特 法。住 諸 佛 所 住 導 師 之 行。最 勝 之 道。**

*(****Kinh****: Mà bạch Phật rằng: “Đức Thế Tôn ngày nay nhập đại tịch định, trụ pháp kỳ đặc, trụ hạnh đạo sư của chư Phật trụ, là đạo tối thắng”).*

 Đây chính là điều ngài A Nan thấy và cảm nhận, nên thưa trình, mà cũng là đại diện cho đại chúng trong pháp hội [thưa trình]. *“Tối thắng chi đạo”*, đạo tối thắng là gì? Dưới đây sẽ cho biết.

 ***(Kinh) Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm. Vị niệm quá khứ, vị lai chư Phật da? Vị niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố oai thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ. Nguyện vị tuyên thuyết.***

**(經) 去 來 現 在 佛 佛 相 念。為 念 過 去 未 來 諸 佛 耶。為 念 現 在 他 方 諸 佛 耶。何 故 威 神 顯 耀。光 瑞 殊 妙 乃 爾。願 為 宣 說。**

 *(****Kinh:*** *Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật nghĩ đến nhau. Ngài nghĩ đến quá khứ vị lai chư Phật hay chăng? Ngài nghĩ đến chư Phật hiện tại ở phương khác hay chăng? Vì sao Ngài lại oai thần sáng đẹp, tướng lành trong quang minh tuyệt vời đến mức như thế? Xin tuyên nói cho).*

 Theo Phật đã nhiều năm, hằng ngày nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp, huân tập cũng khá đáng kể, nên biết pháp thù thắng khôn sánh trong hết thảy các pháp là Niệm Phật, có phải là hôm nay đức Thế Tôn đang niệm Phật? Niệm Phật thì là niệm quá khứ Phật, hay niệm vị lai Phật, hay là niệm chư Phật trong hiện tại ở các thế giới phương khác? Vì sao hôm nay thị hiện *“oai thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ”* (oai thần sáng đẹp, tướng lành trong quang minh tuyệt vời đến mức như thế), trước nay chưa hề thấy dáng vẻ như thế này? Thật ra, đức Thế Tôn đang niệm A Di Đà Phật, muốn tuyên thuyết và giới thiệu pháp môn nhiếp thọ chúng sanh của A Di Đà Phật với mọi người. Một đoạn này bao hàm những ý nghĩa gì? Pháp môn này là pháp môn thù thắng khôn sánh, [nên để giảng nói pháp môn ấy, đức Phật] hiện thụy tướng hy hữu, ngay cả ngài A Nan cũng cảm thấy hết sức đặc biệt, lạ lùng. *“Trụ kỳ đặc pháp”* (trụ trong pháp đặc biệt, lạ lùng), hết sức hiếm lạ, hết sức đặc thù, đều nhằm biểu thị pháp môn này. Nay chúng ta hiểu rất rõ, rất minh bạch, thời Mạt Pháp kể từ đây về sau hãy còn hơn tám ngàn năm, chỉ có bộ kinh này là có thể giúp đỡ chúng sanh thành tựu trong thời Mạt Pháp. Mọi người có thể tự mình thí nghiệm các pháp môn khác, cách thí nghiệm như thế nào? Quý vị chiếu theo pháp môn ấy để tu, coi thử phiền não tập khí có thể đoạn được hay không? Chẳng cần phiền não tập khí quá sâu, rõ rệt, nông cạn nhất là năm thứ Kiến Hoặc, tức Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến, quý vị hãy thử [đoạn trừ] những phiền não ấy. Vì sao? Nếu đã đoạn hết những thứ ấy, quý vị liền chứng quả Tu Đà Hoàn. Trong Tiểu Thừa, đó là Sơ Quả, trong Đại Thừa, xét theo Thập Tín Vị Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, sẽ là Sơ Tín. Quý vị hãy thử xem, dùng thời gian trọn hết một đời, xem quý vị có thể làm được hay không. Thưa cùng quý vị, Sơ Quả thì hai thứ thần thông sẽ hiện tiền, [tức là] Thiên Nhãn hiện tiền, Thiên Nhĩ hiện tiền, quý vị hãy thử xem. Nếu không được, hãy vội vã quay đầu thì hãy còn kịp. Nếu cứ một mực mê chấp, sẽ lầm lỡ một đời này, trong tương lai chẳng biết lại gặp pháp môn này trong đời nào, kiếp nào! Thật đấy, chẳng giả đâu! Do đó, quý vị thấy [kinh này chép] phóng quang minh, hiện tướng lành, hãy so sánh với các kinh khác, [sẽ thấy] trong các kinh khác chẳng có cách nói này! Từng câu từng chữ trong kinh giáo đều bao hàm vô lượng nghĩa, chớ nên khinh dễ đọc lướt qua!

 Chúng ta hãy xem chú giải của lão cư sĩ: *“Thích Tôn tương dục diễn thuyết vô thượng thù thắng Tịnh Độ pháp môn, cố hiện thụy, phóng quang”* (đức Thích Ca sắp diễn nói pháp môn Tịnh Độ vô thượng thù thắng, nên hiện tướng lành, tỏa quang minh), thị hiện tướng lành, phóng quang để dẫn khởi. Nay chúng ta nói *“hưng khởi”* (興起) là dẫn khởi (引起), nhằm dẫn dụ ngài A Nan nêu câu hỏi. *“Tịnh linh văn giả sanh hy hữu tưởng”* (và khiến cho người nghe sanh ý tưởng hy hữu), người tham dự hội này cũng rất đặc thù, đặc biệt đông đảo. *“Sanh nan tao tưởng”* (sanh ý tưởng khó gặp gỡ), pháp môn này rất khó gặp gỡ. *“Y giáo phụng hành, cầu sanh Tịnh Độ”*, thành tựu trong một đời này. Sự thành tựu này là bảo đảm, là chân thật. Trên thực tế, chúng ta chưa đoạn một phẩm phiền não nào, công phu niệm Phật chỉ là chế phục phiền não. Đối với bất cứ pháp môn nào [ngoài Tịnh Độ], chế phục phiền não là chưa được, chẳng thể thành tựu, phải đoạn phiền não! Đối với pháp môn này, hễ chế phục phiền não, bèn có thể vãng sanh. Nếu đã đoạn phiền não vãng sanh, tối thiểu là [sanh trong] cõi Phương Tiện Hữu Dư, có công phu Tiểu Thừa. Trong giáo pháp Đại Thừa, nói theo kinh Hoa Nghiêm, quý vị có công phu của địa vị Thập Tín, từ Sơ Tín đến Thập Tín đều sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư. Trong cõi Phương Tiện Hữu Dư có ba bậc, chín phẩm. Người chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, thông thường đều sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Địa cầu này là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, [đây là cõi Đồng Cư của] Thích Ca Mâu Ni Phật, có lục đạo luân hồi. Cõi Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có hai đường, chẳng có lục đạo, ba bậc chín phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư là nhân thiên đạo. Thế giới Cực Lạc chẳng có súc sanh, chẳng có ngạ quỷ, chẳng có địa ngục.

 Lại còn hết sức kỳ đặc, đúng là *“trụ kỳ đặc pháp”*, kỳ đặc là gì? Người vãng sanh cõi Phàm Thánh Đồng Cư, thuộc phẩm thấp nhất, tức là người vãng sanh hạ hạ phẩm, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát thì địa vị thấp nhất sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, bằng với gì? Bằng với người tu hành minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật trong thế giới này, bằng với công phu ấy. Trong hết thảy các kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, chẳng có lời này, chỉ riêng kinh này có, đó là pháp kỳ đặc. Nói cách khác, người hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư bèn thành Phật. Có phải là người ấy thật sự thành Phật? Chẳng thật. Vì lẽ đó, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất hay: Những người vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nếu quý vị nói người ấy đã thành Phật, thì Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh một phẩm chẳng đoạn, họ là phàm phu chánh cống! Nếu quý vị nói họ là phàm phu, thì trí huệ, thần thông, đạo lực của họ bằng với A Duy Việt Trí Bồ Tát, kỳ diệu thay! Trong các cõi Phật khắp mười phương, chẳng tìm thấy điều này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có, nên mới gọi là hiếm hoi, lạ lùng! Đối với bọn chúng ta, điều này có sức hấp dẫn rất lớn, vì sao? Phiền não tập khí rất nặng, biết rất khó, gặp gỡ pháp môn này thì chúng ta còn được cứu, vui sướng lắm! Nhưng quý vị thật sự mong thành tựu trong một đời, thành tựu trí huệ, đức năng, tướng hảo, thì đối với những điều kinh dạy mà giảm bớt một phần [chẳng thực hiện] cũng không được! Kinh dạy chúng ta tu như thế nào? Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm A Di Đà Phật. Quý vị xen tạp những thứ khác sẽ chẳng được, công phu sẽ bị phá hủy. Ấn Quang đại sư khuyên dạy chúng ta, khuyên người niệm Phật, tốt nhất là trong thời khóa sáng tối hãy niệm thêm một ngàn câu danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, như vậy thì có tính là xen tạp hay không? Chẳng tính! Vì sao? Một ngàn câu Phật hiệu ấy chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh khổ nạn trong thế gian này, vì bọn họ mà niệm, đó là tâm từ bi. Chẳng phải là cầu Quán Thế Âm Bồ Tát gia hộ cho ta, chẳng phải vậy, mà là cầu Quán Âm Bồ Tát gia hộ chúng sanh khổ nạn trên địa cầu này, và cũng gia hộ [diệt trừ] các tai biến hiện thời trên địa cầu, hy vọng địa cầu khôi phục bình thường, chẳng nên có các tai nạn nữa, đặc biệt vì họ mà niệm. Do đó, quý vị vẫn là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, phù hợp với *“một mực chuyên niệm”* như trong kinh đã dạy.

 Chúng ta tiếp tục xem phần kế tiếp: *“Án viên đốn chư kinh, cụ thuyết Bổn Sư Thích Tôn phóng quang chi tướng, kim kinh diệc nhiên”* (Xét ra, các kinh Viên Ðốn đều có nói tướng Bổn Sư Thích Tôn phóng quang, nay kinh này cũng như vậy). Đức Phật giảng những kinh ấy, trong các kinh Đại Thừa gần như đều có phóng quang. Phóng quang cũng nhằm biểu thị pháp. Chúng ta hãy xem đoạn kinh văn này được nói [như thế nào] trong năm bản dịch gốc của kinh Vô Lượng Thọ: *“Hán dịch viết: Ư thời Phật tọa, tư niệm chánh đạo, diện hữu ngũ sắc quang, sổ thiên bách biến, quang thậm đại minh. Hiền giả A Nan, tức tùng tòa khởi, cánh chánh y phục, khể thủ Phật túc”* (Khi ấy, đức Phật đang ngồi, nghĩ đến chánh đạo, mặt Ngài có ánh sáng năm màu biến hiện mấy trăm ngàn thứ. Ánh sáng hết sức sáng rực. Hiền giả A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, dập đầu lễ dưới chân Phật). Ngài A Nan sau khi sanh tâm hy hữu, từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn quần áo, rồi mới hướng về Phật hành lễ. *“Tiền bạch Phật ngôn: - Kim Phật diện mục quang sắc, hà dĩ thời thời cánh biến, minh nãi nhĩ hồ? Kim Phật diện mục quang tinh sổ bách thiên sắc, thượng hạ minh triệt, hảo nãi như thị? Ngã thị Phật dĩ lai, vị tằng kiến Phật thân thể quang diệu, nguy nguy trùng minh nãi nhĩ”* (Bạch trước đức Phật rằng: “Nay vẻ mặt của Phật rạng rỡ, cớ sao mỗi lúc lại biến đổi sáng rực đến thế? Nay vẻ mặt đức Phật rạng ngời tinh thuần có hơn trăm ngàn sắc, trên dưới sáng tỏ, đẹp đẽ đến thế. Con từ khi hầu Phật đến nay, chưa từng thấy thân thể Phật rực sáng, sáng vằng vặc bội phần đến như thế ấy”). Kinh văn trong bản Hán dịch, tức Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, đã miêu tả như trên đây, nói tỉ mỉ hơn phần kinh văn [trong bản hội tập] ở đây. Ngài A Nan trông thấy quang minh năm màu, lại còn biến hiện mấy trăm ngàn thứ, quang minh rất lớn. Trong quá khứ, ngài A Nan chưa hề thấy chuyện này, lần đầu tiên thấy thân tướng của Phật tốt đẹp dường ấy! *“Ngã vị tằng kiến Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác”* (con chưa từng thấy đấng Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác), Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác là từ ngữ ngài A Nan dùng để ca ngợi đức Phật. *“Quang minh oai thần, hữu như kim nhật”* (quang minh oai thần giống như hôm nay), *“Ngô dịch đồng chi, duy văn tự sảo giản”* (Bản Ngô dịch cũng ghi giống như vậy, chỉ có điều văn tự hơi đơn giản hơn), còn những bản khác thì *“tắc ngữ nhi vị tường”* (các bản dịch khác có đề cập đến điểm này, nhưng không ghi tỉ mỉ).

 *“Ngụy dịch trung lưỡng độ vân: ‘Quang nhan nguy nguy’, hựu vân: Oai thần quang quang”* (Bản Ngụy dịch hai lượt ghi: “Vẻ mặt rực sáng vòi vọi”, lại còn ghi: “Oai thần rạng rỡ”). Bản Ngụy dịch chính là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải được lưu hành rộng nhất. *“Đường dịch vân: Oai quang hách dịch, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ngưng chiếu quang huy”* (Oai quang rạng rỡ như khối vàng nung, lại như gương sáng tĩnh lặng, tỏa chiếu sáng ngời). Ở đây, [cụ Hoàng đã trích dẫn] để cho quý vị thấy các bản dịch gốc khác nhau, và cũng có thể khiến cho chúng ta tham chiếu bản hội tập của Hạ lão cư sĩ, [sẽ thấy] từng câu, từng chữ trong bản hội tập của cụ đều có căn cứ, chẳng phải là viết tùy tiện. Bản Tống dịch ghi là: *“Diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm”* (vẻ mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm). Vì thế, *“ngũ dịch hợp tham”*, [nghĩa là] gộp lại cả năm bản để xem, *“tiện tri Hán Ngô lưỡng dịch tối tường, dư dịch nãi kỳ giản lược. Duy Tống dịch trung bảo sát trang nghiêm”* (liền biết hai bản dịch đời Hán và đời Ngô tường tận nhất, các bản dịch khác chỉ nói giản lược. Chỉ có bản Tống dịch có câu “bảo sát trang nghiêm”), trong các bản khác chẳng có, [chỉ riêng bản này] có một câu như thế. Vì thế, câu này cũng được chép trong bản hiện tại (bản hội tập), có câu *“bảo sát trang nghiêm”. “Hiển quang trung hiện sát chi nghĩa”* (hiển thị ý nghĩa “trong quang minh hiện ra cõi nước”). Trong các bản khác, chẳng có câu này, câu này [có nghĩa] là trong Phật quang thấy mười phương các cõi Phật. *“Khả bổ cổ dịch chi bất túc, do thị diệc khả kiến hội tập chư dịch chi tất yếu”* ([Câu này] có thể dùng để bổ túc chỗ thiếu sót của các bản dịch cũ. Do điểm này, cũng có thể thấy việc hội tập các bản dịch là điều tất yếu). Vì thế, hiện nay chúng ta dùng bản hội tập, giống như năm bản dịch gốc đều đọc trọn hết.

*“Hựu cổ chú kinh gia, đa vị Bổn Sư thuyết thử kinh thời vị tằng phóng quang, cái vị tường khảo Hán Ngô cổ dịch chi cố nhĩ”* (Hơn nữa, đa số các nhà chú thích kinh thời xưa cho rằng khi đức Bổn Sư nói kinh này chưa từng phóng quang. Ðó là do họ chưa đọc kỹ tường tận các bản dịch cổ đời Ngô và Hán vậy). Trong năm bản dịch, có mấy bản tỉnh lược chuyện phóng quang, nhưng cũng rất khó nói, vì đức Thế Tôn đã nhiều lần tuyên thuyết bộ kinh này, chẳng phải chỉ giảng một lần. Xét theo nội dung của năm bản dịch gốc, tối thiểu đức Phật đã giảng ba lần; nhưng tại Trung Hoa, kinh Vô Lượng Thọ có mười hai bản dịch, từ mục lục của Đại Tạng Kinh có thể thấy bảy bản trong số đó bị thất truyền. Đối với bảy bản ấy, có thể là còn có những sai biệt rất lớn so với những bản chúng ta trông thấy, không chỉ là tuyên giảng ba lần. Điều này rất đặc thù, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh trước nay chưa hề trùng lặp, chỉ có bộ kinh này được trùng lặp nhiều lần, điều này cũng nhằm tuyên nói pháp môn này hết sức thù thắng, hết sức trọng yếu. Trong tương lai cho đến khi Phật pháp diệt, pháp vận của đức Thế Tôn là một vạn hai ngàn năm, khi kinh pháp đã diệt, kinh Vô Lượng Thọ còn lại trên cõi đời một trăm năm, bị diệt mất cuối cùng. Những tin tức này đều đáng để cho chúng ta tham khảo, tăng trưởng tín tâm và nguyện lực của chúng ta.

 Kế đó, cụ Hoàng mới giải thích từng câu. Trước hết là giải thích chữ Thế Tôn, *“chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật. Tịnh Ảnh Sớ viết: Phật cụ chúng đức, vị thế tôn trọng, cố hiệu Thế Tôn”* (chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Đức Phật đầy đủ các đức, do được cõi đời tôn trọng, nên hiệu là Thế Tôn”). Phật đoạn sạch vô minh phiền não tập khí, kinh Hoa Nghiêm nói Phật thuộc địa vị Diệu Giác, đã chứng đắc Diệu Giác, trở về tự tánh viên mãn. Đạt đến Diệu Giác, chúng ta hiểu cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng tồn tại. Vì sao cõi Thật Báo tồn tại? Do vô thỉ vô minh phiền não tập khí chưa đoạn sạch, nhưng tập khí ấy chẳng trở ngại sự, chẳng trở ngại quý vị xứng tánh phát huy trong mười phương thế giới, phát huy trí huệ và đức tướng trong tự tánh của quý vị để ứng với hết thảy chúng sanh. Hễ chúng sanh có cảm, Ngài bèn có ứng. Vì thế, nói thật ra, Bồ Tát ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng khác Thường Tịch Quang, vận dụng trí huệ, thần thông, đạo lực bình đẳng, chẳng có sai biệt. Điểm sai biệt là một đằng đã đoạn tập khí, một đằng chưa đoạn. Chưa đoạn thì ở trong cõi Thật Báo, đoạn hết thì ở trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Do Thường Tịch Quang tuy chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nên lục căn chẳng duyên được, nhưng nó tồn tại, khởi tác dụng, chẳng phải là không khởi tác dụng. Hiện thời, chúng ta nghe các nhà khoa học báo cáo, họ cảm thấy rất lạ lùng. Đối với vũ trụ, tức là nói đến toàn bộ không gian, vũ trụ vĩ mô, họ nói là dùng những dụng cụ khoa học thì có thể quan sát đại khái mười phần trăm của toàn thể vũ trụ. Nói cách khác, còn có chín mươi phần trăm vũ trụ không thấy, họ cảm thấy rất kỳ quái, [cớ sao] chẳng thấy được! Họ nói điều này, trong tâm chúng tôi liền hiểu rõ: Vì sao chẳng thấy? Đã trở về Thường Tịch Quang. Trở về Thường Tịch Quang thì lục căn chẳng có cách nào tiếp xúc, chẳng phải là nó không tồn tại. Nó tồn tại, nhưng đã trở về Thường Tịch Quang. Do đó, sự phát hiện của khoa học giúp cho chúng ta tiến thêm một bước trong việc lý giải kinh điển, càng biết những điều ấy là chân thật, chẳng giả.

 *“Phật cụ chúng đức”* (Phật đầy đủ các đức), Tánh Đức viên mãn, *“vị thế tôn trọng”* (được thế gian tôn trọng). *“Thế”* ở đây là mười pháp giới, tức lục phàm tứ thánh, chẳng có pháp giới nào không tôn trọng Phật, nên hiệu là Thế Tôn. Kính Phật, lễ Phật, niệm Phật là phước huệ song tu. Chúng ta tu hằng ngày, dường như phước huệ chẳng tăng trưởng, có phải là Phật chẳng linh? Chẳng phải vậy! Phước huệ chẳng tăng trưởng là vì quý vị chẳng tu đúng pháp. Cớ sao chẳng tu đúng pháp? Quý vị chẳng có tâm thành kính! Vẫn là như pháp sư Ấn Quang đã nói rất hay: Quý vị có mười phần thành kính sẽ được mười phần phước huệ, quý vị có một phần sẽ được một phần phước huệ. Vẫn phải đánh dấu hỏi trong ấy, phước huệ chẳng thể hiện tiền, đạo lý là như thế đó. Thế hệ hiện thời đối với Phật pháp, đối với Thích Ca Mâu Ni Phật hoặc hết thảy chư Phật mà thật sự có thể sanh khởi lòng thành kính rất ư là khó. Vì sao? Vì từ bé chúng ta đã tiếp nhận nền giáo dục thông thường, luôn nói tôn giáo là mê tín, tôn giáo gạt người. Quý vị thấy nhé, những điều này đã mọc rễ trong tâm chúng ta, thâm căn cố đế, nay tiếp xúc [Phật pháp], muốn gột sạch những quan niệm cũ trước đây, tái lập tâm chân thành mới mẻ, há dễ dàng ư? Người thời cổ niệm Phật, lễ Phật, xưng tán Phật, vì sao có hiệu quả to lớn như vậy? Nếu chẳng có hiệu quả, làm sao họ có thể tin tưởng được? Vì sao trước kia có hiệu quả rõ rệt như vậy? Chẳng có gì khác! Từ bé, họ đã được tiếp nhận sự giáo dục hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, tôn sư trọng đạo. Vì lẽ đó, Phật pháp truyền đến Trung Hoa, Phật là thầy, ý niệm tôn sư trọng đạo bèn nẩy sanh rất tự nhiên, cho nên hiệu quả rất rõ rệt. Hiện thời, học Phật thật khó, vô cùng chẳng dễ dàng, chẳng thể không nhấn mạnh thiện căn, phước đức, nhân duyên. Quý vị thật sự có thiện căn, thật sự có phước báo, hễ nói ra bèn thật sự tin tưởng, thật sự có thể sanh khởi tâm kiền thành, cung kính, đạt được phước huệ, những điều này đều là sự thật ngàn vạn phần xác đáng.

Tiếp đó lại nói: *“Phật thị thế gian cực tôn, cố xưng Thế Tôn”* (Phật là đấng tôn quý nhất trong thế gian, nên gọi là Thế Tôn). Đấng tôn quý nhất trong thế gian ai biết? Bồ Tát biết, A La Hán biết, thánh hiền thế gian cũng có thể biết. Vì sao nói Phật là cực tôn? Ngài đã chứng đắc viên mãn tự tánh, đạo lý là như thế đó. Chúng ta khế nhập Hoa Nghiêm đôi chút, bèn hiểu đạo lý này. Trong những người tu hành Bồ Đề đạo, hoặc có thể gọi là “đạo thành Phật”, có các đẳng cấp, tức là năm mươi hai đẳng cấp, đức Phật thuộc giai vị thứ năm mươi hai, tôn quý cùng cực. So với năm mươi mốt địa vị, Ngài còn ở trên Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát được gọi là tôn quý, Phật còn cao hơn Đẳng Giác, nên gọi là “cực tôn”. Từ Đẳng Giác trở xuống, chẳng có ai không tôn trọng Phật. Thông thường [chữ Thế Tôn được liệt kê] trong mười hiệu, phẩm tiếp theo sẽ giảng chuyện này, giáo pháp Đại Thừa cũng thường nói, [do Phật] trọn đủ mười hiệu nên gọi là Thế Tôn. Trong Phật pháp, có một chuyện vô cùng tuyệt diệu: Phật chẳng phải là độc tôn, “đấng cực tôn quý trong thế gian chỉ là một mình ta”, chẳng phải vậy. [Nếu độc tôn] thì chẳng phải là Phật pháp. Phật đã nói như thế nào? Đối với địa vị cực tôn quý trong thế gian, quý vị cũng có phần! Ai nấy đều như vậy, chẳng phải là một mình Phật riêng có! Quý vị có thể đoạn sạch tập khí vô minh phiền não từ vô thỉ, chẳng phải là quý vị trở thành cực tôn ư? Điều này khác với các tôn giáo. Trong các tôn giáo, thần (Chúa, Thượng Đế, Allah) là cực tôn, bất cứ ai cũng chẳng thể sánh bằng thần, [trong Phật giáo] chẳng có lẽ ấy! Phật giáo là ai nấy đều là Phật, những vị đã thành Phật đều khẳng định “hết thảy chúng sanh vốn sẵn là Phật” .

 Do đó, hiện thời nói dân chủ, tự do, cởi mở, [những điều đó] hoàn toàn thuộc về Đại Thừa Phật pháp. Dân chủ, tự do, cởi mở chẳng dễ dàng, chúng ta hãy quan sát cẩn thận. Thế giới Hoa Tạng dân chủ, tự do, rộng mở. Thế giới Cực Lạc dân chủ, tự do, rộng mở. Dân chủ, tự do, cởi mở, nhân dân phải như thế nào thì mới hòng thật sự hưởng thụ lợi ích chân thật của dân chủ, tự do, cởi mở? Ai nấy đều minh tâm kiến tánh, quý vị sẽ đạt lợi ích. Nếu đều là mê hoặc, điên đảo thì dân chủ, tự do, cởi mở sẽ có rất nhiều vấn đề, chưa chắc đã là một chuyện tốt đẹp. Cổ nhân nói tới chế độ, hiện thời nói là chế độ, người thuở trước gọi [chế độ] là “pháp”. Pháp là căn cứ quan trọng để quản trị quốc gia, nhưng pháp chẳng sống động, mà chết cứng. Nếu người tốt vận dụng pháp, pháp ấy là tốt đẹp. Nếu gặp kẻ bất hảo vận dụng pháp, vận dụng pháp tốt nhất để tự tư tự lợi thì đối với nhân dân sẽ là hữu hại vô lợi, mà đối với chính mình là hữu lợi vô hại, biến thành tình trạng như vậy. Vì thế, cổ nhân nói đến đạo cai trị thì trong đạo cai trị, nhân tài là cội nguồn, phải xét xem pháp được vận dụng bởi người nào. Nói như vậy rất có lý. Do đó, quy về cội nguồn thì chính là giáo dục. Người dân trong nước đều tiếp nhận sự giáo dục của thánh hiền về luân lý, đạo đức, nhân quả; trong tuyển cử, sẽ bầu ra người tốt thật sự. Nếu chẳng có chuẩn mực ấy, lá phiếu có thể mua được, giống như buôn bán, chuyện tuyển cử giống như buôn bán: Mua lá phiếu, mua cho đến khi chính mình có thể đắc cử, nhất định sẽ là quơ về một vốn vạn lợi! Ai thua thiệt? Dân chúng bị thua thiệt! Vì thế, chế độ dân chủ [phải được thực hiện] ở chỗ nào? Trước hết, thực hiện giáo dục cho tốt thì chế độ dân chủ sẽ nẩy sanh tác dụng. Chẳng thực hiện giáo dục tốt đẹp, chưa chắc dân chủ đã là chuyện tốt đẹp.

 Cổ nhân nói đúng lắm, pháp tùy thuộc kẻ nào sử dụng. Chế độ chẳng tốt đẹp, nhưng con người tốt đẹp thì vẫn có thể làm ra chuyện tốt. Pháp tốt nhất, vô cùng nghiêm mật, nhưng con người chẳng tốt, sẽ là một mực làm chuyện xấu, cổ nhân nói như vậy. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: *“Chẳng nghe lời cổ nhân, bị thua thiệt trước mắt”*, lời cổ nhân có đạo lý to lớn trong ấy. Vì thế, Trung Hoa mấy ngàn năm bền vững, theo chế độ đế chế, Trung Hoa có lúc nào là dân chủ, cởi mở hay chăng? Có! Chính là thời thịnh trị đại đồng, [điều đó] lại còn được thực hiện tại Trung Hoa. Khổng Tử khẳng định Trung Hoa vào thời đại Nghiêu, Thuấn, Vũ là thời thịnh trị đại đồng. Vua Vũ chẳng có tâm riêng tư, truyền ngôi cho con. Vì sao? Con trai ông ta quá tốt đẹp, mọi người đều đề cử người ấy. Nào ngờ truyền cho con, sau đấy, con ông ta lại truyền ngôi cho con mình, biến thành độc chiếm thiên hạ. Khi vua Vũ truyền ngôi cho Hạ Khải [[22]](#footnote-23)[6], chẳng có tâm ấy! Do vậy, từ thời Hạ Khải trở về sau, chẳng còn là thời đại đồng thịnh trị nữa, mà biến thành thời Tiểu Khang. Vì thế, Khổng Tử nói: Từ sau thời Hạ Khải, là các triều đại Thang (Thương Thang [[23]](#footnote-24)[7]) và Châu, Khổng Tử sanh vào thời Xuân Thu nhà Châu, Ngài sanh vào thuở đó, gọi thời đó là đời loạn. Trước thời Ngài, phải là trong khoảng thời gian một ngàn năm, Trung Hoa thuộc vào thời đại Tiểu Khang. Xuân Thu Chiến Quốc là đời loạn. Trong tâm tưởng, [Khổng Tử] thường hoài niệm thời đại đồng thịnh trị, cũng thường nghĩ đến thời Tiểu Khang. Như vậy thì chúng ta thấy qua kinh điển, đức Thế Tôn đã giới thiệu tỉ mỉ nhất không gì bằng thế giới Hoa Tạng và Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là thời đại đồng thịnh trị, ai nấy đều ngưỡng vọng. Vãng sanh thế giới Cực Lạc chính là tiến nhập cõi đời đại đồng!

 Đối với câu *“oai quang hách dịch”,* [sách Chú Giải] đã giới thiệu chữ Oai [như sau]: *“Oai giả, hữu uy khả úy vị chi Oai”* (Oai (威) là có uy đáng sợ, nên gọi là Oai). Chúng ta thường nói là *“oai nghiêm”*. Đức Phật có oai nghiêm, ở đây [chữ Oai] chỉ *“oai thần”*,thần thông diệu dụng. Đối với năng lực của lục căn, mắt của chúng ta có thể thấy xa đến tận bờ mé của vũ trụ, đó là nói theo phương diện to lớn, nhìn theo thế giới vĩ mô. Nếu nhìn theo phương diện vi tế, sẽ có thể thấy hạt cơ bản. Các nhà khoa học hiện thời còn nói có cái nhỏ hơn nữa là lượng tử, còn gọi là tiểu quang tử, có thể thấy được! Vì thế, năng lượng của cái Thấy là chẳng có số lượng. Người Hoa nói *“lớn mà chẳng ra ngoài, nhỏ mà chẳng ở trong”*, đều có thể thấy, còn cặn kẽ hơn khoa học hiện thời. Khoa học chẳng thể nào sánh bằng Phật pháp, Lượng Tử Lực Học vẫn chưa phát hiện: Trong một hạt lượng tử còn có thế giới, thế giới trong ấy và thế giới bên ngoài chẳng khác nhau. Kinh đã dạy: Phổ Hiền Bồ Tát thường tiến vào thế giới bên trong vi trần, thế giới trong vi trần lại có vi trần, trong vi trần ấy lại có thế giới, trùng trùng vô tận, các nhà khoa học chẳng phát hiện điều này. Vì thế, hai câu nói ấy của cổ nhân khiến cho chúng ta cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn. *“Lớn mà chẳng ra ngoài”* là nói đến điều gì? Nói đến Thường Tịch Quang, khi đạt đến bờ mé của thế giới sẽ trở về Thường Tịch Quang. *“Nhỏ mà chẳng ở trong”*, tức là bên trong còn có cái bên trong nữa, bên trong của cái bên trong ấy lại có cái bên trong khác, chẳng cùng tận. Trong hiện tượng nhỏ nhặt ngần ấy, nghiễm nhiên chứa đựng thông tin của khắp pháp giới hư không giới, chẳng thiếu thứ gì!

 Vì vậy, có khi chúng tôi nói tới khoa học kỹ thuật hiện thời, dùng tinh phiến (晶片: chip điện tử), một con chip to bằng cái móng tay, rất nhỏ. Một con chip to bằng móng tay út có thể chứa cả một bộ Đại Tạng Kinh, đúng là phi thường! Nhưng kinh Phật đã dạy chúng ta, một hạt vi trần, tức là một quang tử, bé tí xíu như thế, chẳng thấy bằng mắt thường, lại chứa đựng viên mãn tin tức của khắp pháp giới hư không giới. Quý vị nói xem: Khoa học hiện thời làm sao có thể sánh bằng, thua kém rất xa! Khi tôi học Phật, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã giới thiệu cho tôi biết Phật pháp, [cụ đã nói] Phật pháp là đỉnh cao nhất trong triết học của toàn bộ thế giới. Chúng tôi học Phật đã nhiều năm ngần ấy, nay phát hiện, trong Phật pháp có khoa học đạt đến tột đỉnh so với khoa học của toàn thể thế giới. Những vấn đề mà khoa học và triết học chẳng thể giải quyết đều được giải đáp trong Phật pháp, kỳ diệu thay! Phật pháp dùng phương pháp gì để giải quyết? Thiền Định. Thiền Định là gì? Buông xuống là được! Phật pháp dạy quý vị buông xuống, buông chấp trước xuống, buông phân biệt xuống, buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị liền kiến tánh. Tánh là một thứ hết sức vi diệu, điều gì cũng chẳng phải là nó, nhưng nó có thể biến ra hết thảy vạn vật. Y báo và chánh báo trang nghiêm như kinh Phật thường nói, đều do nó biến hiện, biến hiện như thế nào và quá trình biến hiện đều được giảng trong kinh rất cặn kẽ, rất minh bạch.

 Do vậy, xét từ những phương diện này, chúng ta chẳng thể không bội phục cổ nhân. Người hiện thời xem thường cổ nhân, vì hiện thời khoa học tiến bộ, người thời cổ chẳng có khoa học, sai mất rồi! Người hiện tại thua kém cổ nhân rất xa! Khoa học kỹ thuật hiện tại phải dùng Toán Học, phải sử dụng các dụng cụ khoa học tiên tiến, cổ nhân chẳng cần, cổ nhân dùng Thiền Định. Hiện tượng đầu tiên sau khi nhập Định là thời gian và không gian chẳng có. Trong Định, có thể thấy quá khứ, mà cũng có thể thấy vị lai, có thể thấy cõi này, có thể thấy phương khác. Do chẳng có thời gian, nên chẳng có trước sau. Do chẳng có không gian, nên chẳng có khoảng cách. Quý vị thấy cả khoa học lẫn triết học đều hướng tới những điều này, nhưng chẳng làm được! Phật pháp cho biết: Từ trong Thiền Định, sẽ có thể làm được. Phật, Bồ Tát có thể làm được. Phật, Bồ Tát bảo mỗi người chúng ta đều có thể làm được. Do đó, quý vị chẳng làm được là vì chính quý vị chẳng chịu buông xuống. Điều đầu tiên quý vị chẳng thể buông xuống là chấp trước. Nói cách khác, quý vị chẳng đạt được mức Thiền Định sơ cấp. Thiền Định cao cấp thì không chỉ buông chấp trước xuống, mà phân biệt cũng buông xuống. Thiền Định cao nhất là Thiền Định của Pháp Thân Bồ Tát, ngay cả khởi tâm động niệm đều buông xuống, thật sự đạt tới trình độ lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần mà không khởi tâm, chẳng động niệm. Cảnh giới ấy chính là tình huống chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian; đó là oai thần của Phật, Bồ Tát.

 Tiếp đó, [cụ Hoàng] trích dẫn: *“Thắng Man Bảo Quật viết: Ngoại sử vật úy, mục chi vi Oai. Nội nan trắc độ, xưng chi vi Thần”* (sách Thắng Man Bảo Quật [[24]](#footnote-25)[8] giảng: “Ngoài thì khiến cho chúng sanh kiêng sợ, nên gọi là Oai, trong thì khó thể dò lường bèn gọi là Thần”), giảng giải hai chữ Oai Thần. Chữ Vật (物) chỉ chúng sanh trong mười pháp giới. Sở dĩ Ngài (Gia Tường Cát Tạng đại sư) không dùng chữ Nhân (người), mà dùng chữ Vật; vì nếu nói là “người”, sẽ chỉ có nhân đạo trong mười pháp giới, chẳng bao gồm những pháp giới khác. Dùng chữ Vật sẽ có phạm vi to lớn, trên là tứ thánh, dưới là lục đạo. Hữu tình chúng sanh trong tứ thánh lục đạo đều có cảm giác kính sợ, nên gọi là Oai, *“mục chi vi Oai”* [có nghĩa là như vậy]. Chúng ta kém xa Ngài về trí huệ và đức năng, nên tâm kính sợ tự nhiên nẩy sanh. *“Nội nan trắc độ”* [nghĩa là], đối với trí huệ, thần thông, và đạo lực của Ngài, chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng là cao bao nhiêu, sâu cỡ nào! Thật ra, đức Phật đã giảng đạo lý này rất rõ ràng, đối với oai thần của Phật như đã được hiển hiện, biểu hiện, mỗi người chúng ta có [oai thần ấy] hay không? Có, chẳng thua kém Phật, nhưng chẳng thể hiển hiện. Vì sao chẳng hiển hiện được? Do bản thân chúng ta có chướng ngại, [chướng ngại] chính là vì có phiền não, tập khí. Phiền não, tập khí khiến chúng ta mê mất cái tâm thanh tịnh. Chúng ta bộp chộp, hời hợt, khiến cho cái tâm bình đẳng bị chôn vùi, do vậy mà mê muội, chẳng giác.

Thật ra, nếu chúng ta đã học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, Ngài đã giảng rất rõ ràng: Bất luận hiện tượng vật chất hoặc hiện tượng tinh thần, đối với chánh báo bèn lấy một sợi lông. Lông trên thân, chót đầu sợi lông, [được gọi] là *“mao đoan”* (毛端). Đối với y báo, bèn lấy một vi trần, vi trần quá nhỏ, chẳng thấy được, một hạt cát thì quý vị thấy được, một hạt cát, cát rất mịn, giống như bột mì. Một hạt cát thì quý vị trông thấy, nhưng hiện tượng dao động của nó, chúng ta chẳng nhìn thấy. Nó có [hiện tượng dao động hay không]? Có! Hiện tượng dao động có ba tính chất đặc biệt:

1) Thứ nhất là *“trọn khắp pháp giới”*. Sợi lông trên thân chúng ta là thật, chẳng giả. Dao động mà bất động, tức là không lay động, thì hiện tượng ấy sẽ chẳng tồn tại. Rất khó có là hiện thời, điều này đã được các nhà khoa học Lượng Tử Lực Học khẳng định, họ nói hiện tượng vật chất là gì? Họ đã hiểu rõ bản chất của vật chất, [khẳng định]: Chẳng có vật chất! Vật chất là do ý niệm tích lũy liên tục sanh ra huyễn tướng. Vì thế, chẳng có hiện tượng dao động ấy thì thứ gì cũng đều chẳng có, vật chất lẫn tinh thần đều chẳng có. Hết thảy hiện tượng toàn là do dao động sanh ra. Dao động vừa mới động, liền trọn khắp pháp giới, tốc độ ấy nhanh lắm! Đối với chuyện “trọn khắp pháp giới”, chúng ta hãy nghĩ xem: Ánh sáng có tốc độ đi từ mặt trời đến địa cầu, khoảng cách ấy chẳng đáng kể là xa, [nhưng phải mất thời gian] khoảng hơn tám phút, nhưng hiện tượng ấy (hiện tượng dao động của một sợi lông) vừa mới động bèn trọn khắp pháp giới. Đó là đặc tánh thứ nhất.

2) Đặc tánh thứ hai: *“Có thể sanh ra vạn pháp”.* Nó là cơ sở và căn bản của hết thảy vạn pháp. Tất cả hết thảy vạn pháp do hiện tượng dao động tạo thành. Lại còn chẳng có trước, sau, do tốc độ quá nhanh, ánh sáng chẳng thể sánh bằng, thua kém rất xa! Gần đây nhất, chúng tôi thấy một tin tức, các nhà khoa học phát hiện một thái dương hệ ngoài không gian. Họ quan sát, có người nói là nó gồm năm hành tinh, có người nói là bảy hành tinh, xoay quanh mặt trời, rất giống địa cầu, cách chúng ta một trăm hai mươi bảy năm ánh sáng (quang niên). Ánh sáng [từ bên đó chiếu đến địa cầu] phải mất một trăm hai mươi bảy năm, tốc độ ánh sáng đấy nhé! Sợi lông của chúng ta vừa động, liền trọn khắp pháp giới, tốc độ ánh sáng chẳng thể sánh bằng! Chư vị hãy suy nghĩ đi!

3) Điều sau đây rất quan trọng, đó là đặc tánh thứ ba: *“Hàm dung Không Hữu”* (chứa đựng Có và Không). Chúng ta thường nói *“hàm dung Không Hữu”* là *“tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”*. Hàm (含) là gì? Là hư không. Bao trùm cả hư không, trong ấy chứa đựng cả hư không, dung nạp vạn hữu. Toàn thể vũ trụ đều ở trong đó. Tâm lượng trong một sợi lông của chúng ta lớn ngần ấy, nay tâm lượng của chúng ta biến thành nhỏ hẹp ngằn này, ngay cả một người còn chẳng thể dung nạp, quý vị nói có đáng thương xót hay chăng? Tâm lượng trong một lỗ chân lông hay một sợi lông của chúng ta đều to dường ấy, đều có thể bao trùm hư không pháp giới. Quý vị hãy nói xem: Chúng ta làm người mà đã làm thành cái dạng gì mất rồi? Rất khó chấp nhận, chẳng thể bào chữa được! Khoa học cận đại ngày càng liên quan mật thiết với Phật pháp, đó là chuyện tốt đẹp, đó là gì? Đó là những chỗ rất khó hiểu. Do vậy, chúng ta bội phục cổ nhân, cổ nhân chẳng có căn cứ khoa học, thế thì họ hiểu bằng cách nào? Từ chỗ này, chúng ta có thể nghĩ: Tâm cổ nhân định. Cổ nhân dùng phương pháp gì để tin sâu chẳng ngờ những cảnh giới trong kinh Phật? Từ trong Định, họ thấy được. Tâm thanh tịnh là định, tâm thanh tịnh sanh trí huệ, có đạo lý, chẳng phải là vô lý!

 *“Quang giả, quang minh dã. Tự oánh vị chi Quang, chiếu vật vị chi Minh, tức phóng quang chiếu diệu chi nghĩa”* (Quang là quang minh. Tự tỏa sáng là Quang, chiếu soi vạn vật là Minh, cũng có nghĩa là phóng quang chiếu rạng ngời). Đó là *“oai quang hách dịch”*, *“hách dịch”* (赫奕) có nghĩa là hình trạng rất lớn. *“Tự oánh”* (自瑩) là bản thân có ánh sáng. Điều này là thật. Do Lượng Tử được gọi là Tiểu Quang Tử, nên có thể thấy chính nó có ánh sáng. Ánh sáng ấy giống như ánh chớp, mau hơn tia chớp. Thật ra, ánh chớp quá chậm, nên mắt thường có thể trông thấy. Còn ánh sáng của Lượng Tử quá nhanh, mắt thường chẳng thể nhìn thấy, ắt phải nhờ vào dụng cụ, máy móc tinh vi quý vị mới có thể phát hiện. Nhưng chúng tôi đã nói, trong kinh đức Phật thường nói đến điều này, đối với bản năng (năng lực sẵn có) của chúng ta, năng lực sẵn có của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đều là khắp pháp giới hư không giới. Chúng ta thấy như vậy, mà nghe cũng như vậy. Mũi ngửi, lưỡi nếm, thân thể tiếp xúc, đều là khắp pháp giới hư không giới. Nói theo phương diện tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chúng ta có thể tiếp nhận. Tất cả hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, các chúng sanh ấy là các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi, nên gọi là chúng sanh. Bao gồm những gì? Bao gồm động vật, thực vật, khoáng vật và các hiện tượng tự nhiên, dùng danh từ này (“chúng sanh”) để bao gồm toàn bộ. Những hiện tượng ấy có cùng một Thể, lại còn tương thông lẫn nhau. Vì thế, nếu quý vị tu hành đạt đến một mức độ càng cao, thân tâm càng linh mẫn, những tin tức cực kỳ vi tế trong các thế giới phương khác, quý vị đều có thể cảm nhận được. Thân quý vị giống như một cỗ máy tiếp nhận sóng điện, đồng thời bản thân chúng ta cũng phát sóng ra ngoài, nên khắp pháp giới hư không giới giống hệt như mạng Internet. Chẳng phải là một mình chúng ta có thể phát xạ, mà ý niệm trong đầu óc của chúng ta cũng có thể phát xạ. Đối với mỗi tế bào, phải hiểu tế bào do các phân tử hợp thành, phân tử do các nguyên tử hợp thành, nguyên tử do các điện tử hợp thành, sau này cũng nói đến quang tử, tiểu quang tử, lượng tử, trên thân có bao nhiêu [hạt như vậy] đều có thể phát xạ, đều có thể tiếp thu. Đó là chân tướng sự thật.

 Nhưng nay chúng ta đang phát xạ mà chẳng cảm nhận được, khi tiếp nhận cũng chẳng cảm nhận, hồ đồ đến mức cho là chuyện dĩ nhiên, nên gọi là mê hoặc, điên đảo. Đức Phật nói, Phật có năng lực ấy, Pháp Thân Bồ Tát có năng lực ấy, tức là các Ngài đã hoàn toàn khôi phục năng lực ấy. Từ chỗ này, chúng ta mới hiểu chúng ta đã mê đến mức độ nào, vì sao chúng ta chôn vùi bản năng? Đức Phật nói: Thật ra, bản năng chẳng mất đi, mà là mê mất, chỉ cần quý vị giác ngộ, nó bèn hiện tiền. Nay chúng ta đã hiểu, đã giác ngộ, nhưng giác ngộ thì vẫn chưa được, quý vị chưa buông xuống. Buông xuống là thật sự giác ngộ; chưa buông xuống là giả giác ngộ. Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị thật sự giác ngộ. Quý vị thấy trong hiện tại, chúng ta khởi tâm động niệm vẫn là có tự tư tự lợi, vẫn có thị phi, nhân ngã, làm sao gọi là giác ngộ cho được? Chúng ta cách biệt giác ngộ rất xa, nhưng chúng ta cũng rất khó có! Từ kinh điển, chúng ta có được những tin tức về chân tướng sự thật ấy, điều này khá khó khăn. Kinh điển bảo cho chúng ta biết các chân tướng sự thật ấy, nay chúng ta phải tu tập, y giáo tu hành thì mới có thể thật sự khế nhập cảnh giới. Những gì được nói trong kinh điển toàn là trí huệ và đức năng của chính chúng ta. Đức Phật giảng kinh chẳng phải là giảng cho chúng ta nghe. Nếu quý vị nói Ngài giảng cho chúng ta nghe thì sai mất rồi, chúng ta đã khinh nhờn Phật! Phật dạy chúng ta chứng đắc, giảng cho quý vị nghe, để quý vị nương theo phương pháp ấy mà cầu chứng, thật sự có thể chứng đắc. Sau khi quý vị đã chứng đắc, sẽ hoàn toàn giống với những gì đức Phật đã giảng.

Những thứ rất sâu, rất thần kỳ, rất kỳ đặc này, đúng là khó khăn, nhưng chẳng phải là nói dối. Quý vị thấy sau khi đã đoạn vô minh, hãy còn có tập khí, phải đoạn sạch tập khí, nhưng chẳng có cách nào đoạn tập khí, cứ để mặc nó, tự nhiên sẽ chẳng còn nữa! Cứ để lâu ngày, nó sẽ nhạt bớt. Thời gian bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tập khí ấy mới hoàn toàn chẳng có, quý vị biết [đoạn trừ] tập khí có bao nhiêu khó khăn! Nhưng chỉ cần đoạn vô minh, tập khí hãy còn vẫn chẳng sao cả, nó chẳng trở ngại sự, đối với trí huệ, thần thông, đạo lực, tự thọ dụng và tha thọ dụng trong tự tánh đều chẳng có chướng ngại mảy may. Đây cũng chẳng phải là một chuyện dễ dàng, dễ dàng nhất vẫn là sanh về thế giới Cực Lạc, dễ dàng hơn nhiều! Tối thiểu chúng ta có thể tu tập đạt tới cảnh giới như Sơ Tổ Tịnh Tông là Huệ Viễn đại sư. Viễn Công đại sư niệm Phật, trong đời Ngài đã thấy thế giới Cực Lạc trong Định, niệm Phật nhập Định, nhưng chưa hề nói với ai, chúng ta phải học theo điều này. Lần thấy [thế giới Cực Lạc] khi vãng sanh là lần cuối cùng, tức là lần thứ tư, Ngài bảo mọi người, ta sắp tới thế giới Cực Lạc, ta đã thấy thế giới Cực Lạc. Người khác hỏi Ngài: “Tình trạng như thế nào?” [Ngài đáp]: “Giống hệt như kinh đã nói”.

Thời Ngài, kinh Tịnh Độ là một quyển, tức kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta muốn biết bản đó là bản nào, nhưng trong thời đó đã có mấy bản dịch. Viễn Công đại sư là người sống vào thời Đông Tấn, [vào thời ấy], bản dịch của ngài Khang Tăng Khải đã xuất hiện, bản dịch Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh đời Hán [cũng có]. Có thể là hai ba bản dịch Ngài đều đọc, nhưng các bản dịch đời Đường, đời Tống quyết định chẳng có, vì Ngài sống trước thời Đường, Tống. Kinh Di Đà còn chưa được dịch ra. Do vậy, kinh bổn căn cứ để Huệ Viễn đại sư lập Đông Lâm Niệm Phật Đường Phật ở Lư Sơn sớm nhất chính là quyển kinh này. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật còn chưa phiên dịch, kinh Di Đà chưa xuất hiện, chỉ có mình kinh này. Ngài nói *“giống hệt như trong kinh đã nói”*, tức là giống như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Nay chúng ta có bản hội tập tốt đẹp, toàn bộ những điều được nói trong năm bản dịch đều đã có, bản này hoàn chỉnh nhất. Chúng ta cũng có thể giống như Viễn Công đại sư, thật sự thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, chính mình có tín tâm quyết định vãng sanh. Có thể sanh về Tây Phương thế giới hay không, kinh đã nói rất hay: Ba điều kiện là Tín, Nguyện, Hạnh. Nay chúng tôi còn thêm vào ba căn nữa, vì sao Ngài chẳng nói [mà nay chúng tôi lại thêm thắt]? Người thuở ấy thường là ai nấy đều có đủ ba căn, nên chẳng cần phải nói! Ba căn ấy đã học từ bé, do cha mẹ trong nhà dạy, ai nấy đều có, thâm căn cố đế. Chẳng giống như trong thế giới hiện thời, thế giới hiện thời chẳng có ba căn. Chẳng có ba căn thì Tín, Nguyện, Hạnh chẳng vững vàng, nên người tu Tịnh Độ đông đảo, vãng sanh ít ỏi. Thuở ấy, họ tu Tịnh Độ, đúng là *“vạn người tu, vạn người đến”*, rất ít ai nói: “Tu Tịnh Độ chẳng thể vãng sanh”, vì quá ít, hiện thời quá nhiều! Trước kia, thầy Lý bảo chúng tôi: *“Một vạn người tu Tịnh Độ niệm Phật, thật sự vãng sanh chỉ có ba bốn người”*. Do nguyên nhân gì? Chẳng có căn! Vì sao căn là trọng yếu? Vừa mở kinh điển ra, *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*, quý vị chẳng phải thiện nam tử, mà cũng chẳng phải thiện nữ nhân, làm sao có thể vãng sanh cho được? Vun trồng bền vững ba căn, quý vị sẽ là thiện nam tử, thiện nữ nhân, chuyện là như vậy đó. Người thuở trước chẳng cần nói đến chuyện vun trồng căn cội, do ai nấy đều có căn. Hiện tại, chẳng thể không nhắc đến chuyện này. Không đề cập chuyện này, sẽ chẳng thể vãng sanh. Có ba căn ấy thì Tín, Nguyện, Hạnh của quý vị đều có căn. Tín có căn, Nguyện có căn, Hạnh có căn, lẽ đâu quý vị chẳng vãng sanh! So sánh giữa thời này và thuở ấy, khác nhau!

Đối với quang minh, chính mình có ánh sáng thì gọi là Quang, quang chiếu sáng vật bên ngoài thì gọi là Minh. Đó chính là ý nghĩa của câu *“phóng quang chiếu diệu”. “Quang minh hữu nhị dụng”*, [nghĩa là quang minh] có hai thứ tác dụng: Thứ nhất là *“phá ám”* (phá tối tăm), thứ hai là *“biểu pháp”. “Nhân Phật chi quang minh, chánh thị trí huệ chi tướng”* (do quang minh của Phật đúng là tướng trí huệ). Vì vậy, quang minh là một tướng. Vì sao các nhà Lượng Tử Lực Học hiện thời phát hiện lượng tử có ánh sáng? Ánh sáng do đâu mà có? Ánh sáng do trí huệ mà có. Đức Phật dạy: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Nếu trong tự tánh chẳng có trí huệ, sẽ chẳng có quang. Trong tự tánh có trí huệ viên mãn; khi mê, nó trọn chẳng bị mất đi, nên vẫn là phóng quang. Sự phóng quang ấy là gì vậy? Sự phóng quang ấy được khoa học hiện tại gọi là “dao động”, vì ánh sáng chỉ xẹt thoáng qua. Di Lặc Bồ Tát đã nói rất rõ ràng, trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu [tế niệm]? Chớp nháng mấy lần? Ba trăm hai mươi triệu lần! Quý vị thấy trong một cái khảy ngón tay [là như vậy đó]. Tôi tin là có người khảy nhanh hơn tôi. Tuổi tôi đã già, khảy chẳng lẹ. Nếu khảy mau, đại khái là một giây có thể khảy năm lần. Nếu khảy năm lần, phải là một ngàn sáu trăm triệu. Trong một giây là một ngàn sáu trăm triệu lần, làm sao quý vị có thể thấy cho được?

 Quang ấy chính là mỗi một lần [tế niệm sanh diệt] thì là một lần chớp nháng. Một giây là một ngàn sáu trăm triệu lượt, chẳng dễ dàng, nhưng đã bị các nhà khoa học phát hiện. Đó là Bát Nhã quang trong tự tánh đang động, hễ động, nó liền biến thành vật chất, biến thành hiện tượng tinh thần. Do trong tự tánh có thấy, nghe, hay, biết; sau khi mê, thấy, nghe, hay, biết biến thành gì? Biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong Thọ có thấy, nghe, hay, biết, trong Tưởng cũng có thấy, nghe, hay, biết. Trong Hành và trong Thức thảy đều trọn đủ. Chúng ta có thể cảm nhận Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nhưng chẳng thể cảm nhận thấy, nghe, hay, biết, vì chúng vi tế! Chúng là Tánh Đức. Các nhà khoa học chẳng kiến tánh, nên chẳng tìm thấy căn nguyên này. Lượng Tử do đâu mà có? Từ trong Không sanh ra Có, họ chỉ thấy điều ấy. Xác thật là từ trong Không sanh ra Có, tuy nhiên, nó chớp nháng một chút rồi lại chẳng còn. Vì thế, chúng ta thấy vật chất là tướng liên tục, chúng do ý niệm tích lũy, họ (các nhà khoa học) nói là ý niệm tích lũy, do tích lũy liên tục bèn sanh ra huyễn tướng. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều là như vậy. Ở đây, đã nói rõ ràng, quang minh chính là tướng trí huệ.

 *“Hách giả, minh dã. Dịch giả, thịnh dã”* (Hách là sáng, Dịch là tràn trề), [ý nói] quang minh rất lớn, hết sức rạng rỡ. *“Cố tri oai quang hách dịch, biểu Phật sở phóng chi quang, hùng mãnh hữu oai, minh diệu thịnh đại”* (Vì vậy, câu “oai quang hách dịch” hàm ý quang minh do đức Phật phóng ra hùng mãnh, có oai thế, sáng chói, số lượng rất nhiều). Phật quang chiếu khắp! *“Thử hạ dĩ dung kim dụ chi”* (Tiếp theo đó, dùng ngay hình ảnh vàng được nung chảy để sánh ví): Kế đó là vận dụng tỷ dụ. *“Như kim dung tụ”* (Như khối vàng được nung chảy), vàng sau khi được nung chảy, nhìn rất đẹp. Bản thân vàng rất đẹp, lại dùng nhiệt độ cao để nung chảy vàng thành chất lỏng, ánh vàng nung vô cùng xinh đẹp, dùng điều này làm tỷ dụ. *“Kim sắc hoảng diệu, dung kim di thậm. Dụ Phật quang minh, như dung kim tụ tập, cố viết như dung kim tụ”* (Sắc vàng vốn đã chói sáng, khi bị nung chảy còn chói lọi hơn nữa. Sánh ví quang minh của Phật như vàng bị nung chảy ra đọng lại, cho nên nói là “như khối vàng nung”). Chúng ta đọc những điều này, quan trọng nhất là biết Phật và chúng ta chẳng hai, chẳng khác, những thứ tốt đẹp nơi Ngài chúng ta thảy đều có phần, hay ở chỗ này! Nói theo tôn giáo, [những phẩm chất, đức năng mà] Thần có, chúng ta chẳng có, vĩnh viễn phải phục tùng thần. Phật pháp chẳng phải vậy, ai nấy đều là Phật, bình đẳng. Những gì mà đức Phật có như trong kinh Phật đã nói, trong tự tánh của chúng ta đều có toàn bộ, chỉ cần chúng ta buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, sẽ chứng đắc toàn bộ. Đây là chỗ thù thắng khôn sánh của Phật pháp, là chỗ hoàn toàn khác biệt giữa Phật pháp và các tôn giáo, chúng ta chớ nên không biết, tuyệt đối chẳng phải là mê tín. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 69 hết**

# Tập 139

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm năm mươi chín, hàng cuối cùng:

  *“Hựu như minh kính, ảnh sướng biểu lý”* (lại như gương sáng, chiếu suốt trong ngoài), *“Ảnh giả, quang ảnh dã. Sướng giả, thông đạt dã. Hải Đông Cảnh Hưng viết”* (Ảnh (影) là bóng của ánh sáng, Sướng (暢) là thông đạt. Ngài Hải Đông Cảnh Hưng nói), pháp sư Cảnh Hưng [nói], *“kính quang ngoại chiếu, danh vi ảnh biểu, tức đồng Phật thân quang minh ngoại thư. Ngoại chiếu chi quang hiển ảnh, sướng tại kính nội, diệc đồng sở phóng quang hoàn diệu nguy nhan, cố vân biểu lý”* (ánh sáng của gương chiếu ra ngoài gọi là “ảnh biểu”, giống như thân Phật có quang minh tỏa ra ngoài. Ánh sáng chiếu ra ngoài lại hiện rõ hình ảnh trong gương, cũng giống như quang minh đã phóng ra bèn soi ngược lại, khiến cho vẻ mặt rạng rỡ. Do vậy, bảo là “biểu lý”). Chúng ta xem đoạn này.

Đây là câu kinh văn thứ hai: *“Hựu như minh kính, ảnh sướng biểu lý, hiện đại quang minh, sổ thiên bách biến”* (lại cũng như gương sáng, chiếu suốt trong ngoài, hiện quang minh lớn, biến hiện ra mấy trăm ngàn thứ). Đây là tỷ dụ, tỷ dụ chuyện đức Phật phóng quang. Trong kinh Đại Thừa, thông thường đức Phật phóng quang đều nhằm biểu thị pháp, biểu thị những nội dung được giảng trong lần này, từ sự phóng quang [thính chúng] sẽ có thể cảm nhận được. *“Ảnh sướng biểu lý”*:Ảnh (影) là hình bóng của ánh sáng, Sướng (暢) là thông đạt, chẳng bị chướng ngại. Hải Đông (海東) là Nhật Bản. Pháp sư Cảnh Hưng (憬興) của Nhật Bản [[25]](#footnote-26)[1] có chú giải kinh Vô Lượng Thọ. *“Kính quang ngoại chiếu”*: Đây là nói tỷ dụ, ánh sáng từ trong gương chiếu hắt ra, bèn gọi là *“ảnh biểu”* (影表). *“Tức đồng Phật thân quang minh ngoại thư”* (giống như thân Phật có quang minh tỏa ra ngoài): Đức Phật phóng quang, có khi là đỉnh đầu phóng quang, có khi phóng quang từ bạch hào. Bạch hào ở giữa hai chân mày, bạch hào phóng quang. Có khi là diện môn phóng quang, có khi toàn thân phóng quang. Trong đoạn kinh văn này, chẳng nói là bộ phận nào, nhưng *“oai quang hách dịch”* (oai quang rạng ngời, tràn trề) thì phải là quang minh nơi toàn thân, điều này hết sức đặc thù. *“Ngoại chiếu chi quang hiển ảnh”* (Ánh sáng chiếu ra ngoài soi rõ hình ảnh), ảnh ở chỗ nào? Ảnh ở trong gương.*“Sướng tại kính nội”* (hiện rõ trong gương), *“diệc đồng sở phóng chi quang”* (cũng giống như quang minh đã phóng ra), ý nghĩa này được nói rõ trong câu kế tiếp: Ánh sáng không chỉ chiếu ra ngoài, mà còn tự chiếu chính mình. Đó là *“quang minh biến chiếu”* (quang minh chiếu trọn khắp). Chiếu ra ngoài là *“ảnh biểu”*, chiếu chính mình là *“biểu lý”*, trong lẫn ngoài đều chiếu.

 *“Tịnh Ảnh Sớ viết”* (Tịnh Ảnh Sớ giảng), bản chú giải này là của Trung Hoa, tức Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, trong ấy cũng nói theo cách này: *“Kính quang ngoại chiếu, danh vi ảnh biểu. Ngoại chiếu chi quang, minh hiển kính nội, danh vi ảnh lý. Phật thân như thị, quang minh ngoại chiếu sở phóng chi biểu, hiển diệu Phật thân, danh ảnh biểu lý”* (Ánh sáng từ gương chiếu ra ngoài, gọi là Ảnh Biểu. Quang minh chiếu ra ngoài rồi lại hiện rõ trong gương gọi là Ảnh Lý. Thân Phật giống như vậy, quang minh chiếu ra ngoài là Biểu, chiếu rạng ngời thân Phật là Ảnh Biểu Lý). Tiếp đó, lão cư sĩ bảo: *“Án thượng lưỡng thuyết”* (Xét theo hai thuyết trên đây), đó là cách giảng của các vị tổ sư đại đức Trung Hoa và Nhật Bản từ xưa, *“Phật thân nội ngoại ánh triệt”* (thân Phật trong ngoài rạng ngời), phóng quang lần này rất đặc thù, toàn thân phóng quang, trong ngoài sáng ngời, *“dụ như minh tịnh chi kính”* (ví như tấm gương sáng sạch), dùng gì? Dùng tấm gương sáng ngời sạch làu hết mức để tỷ dụ. *“Do kính phóng quang ngoại chiếu”* (từ kính tỏa ánh sáng chiếu ra ngoài), đó là *“ảnh biểu”*. *“Sở phóng quang minh hoàn chiếu kính nội”* (quang minh đã tỏa ra lại chiếu ngược vào kính), đó là *“ảnh lý”* (影裡).

Trong hai bản dịch đời Ngô và Hán, [các câu như] *“Phật quang sổ bách thiên sắc, sổ bách thiên biến, quang thậm đại minh, thượng hạ minh triệt, nguy nguy trùng minh, giai hiển ảnh sướng biểu lý chi nghĩa”* (quang minh của Phật mấy trăm ngàn sắc, mấy trăm ngàn thứ biến hiện, quang minh rất mực sáng rực, trên dưới chiếu thấu suốt, sáng ngời, càng sáng vằng vặc bội phần, đều nhằm nói rõ ý nghĩa “ảnh sướng biểu lý”). Đây là xét theo các bản dịch khác nhau. *“Tống dịch vi diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm, tắc cánh hiển Phật quang minh trung, ảnh hiện thập phương bảo sát, như đại viên bảo kính, ánh hiện thập phương. Như Chân Giải sở thích: Tắc quang nhan nguy nguy trung, ảnh hiện bảo sát trang nghiêm tướng, kỳ do châu bảo kính trung, năng hiện sâm la vạn tướng. Thượng thuyết chánh hiển Hoa Nghiêm cảnh giới”* (Câu “sắc mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm” trong bản Tống dịch đã chỉ rõ: Trong quang minh của Phật hiện bóng mười phương cõi báu, như gương báu to tròn hiện bóng mười phương. Sách Chân Giải giảng rằng: “Trong ánh quang minh vằng vặc, hiện bóng tướng trang nghiêm của các cõi báu trong mười phương, giống như trong gương châu báu hiện ra tướng sâm la vạn hữu”. Thuyết trên đây thật đúng là đang nói về cảnh giới Hoa Nghiêm). Hợp mấy bản này lại để xem, có thể thấu hiểu đôi chút ý nghĩa sâu xa của quang minh này.

Hiện tượng này quả thật đã khiến cho ngài A Nan kinh ngạc, lạ lùng. Ngài nghĩ chuyện này hy hữu, thù thắng, đặc biệt. Trong quá khứ, nghe đức Phật giảng kinh, chưa hề thấy tướng tốt đẹp như vậy. Chúng ta biết ngài A Nan là thị giả của đức Phật, gần như mỗi buổi giảng Ngài chẳng vắng mặt. Đức Phật giảng kinh phóng quang là hiện tượng bình thường, Ngài cũng đều đã thấy; nhưng hôm nay thấy đức Phật toàn thân phóng quang, đó là chuyện hy hữu. Trong Phật pháp, quang minh biểu thị trí huệ, toàn thân phóng quang biểu thị điều gì? Trí huệ viên mãn. Bộ kinh này hiển lộ trí huệ viên mãn của Như Lai, có ý nghĩa này. Thật ư? Chẳng giả tí nào! Chỉ có riêng bộ kinh này là có thể độ hết thảy chúng sanh. Một vạn năm trong đời Mạt Pháp đã trải qua một ngàn lẻ ba mươi bảy năm, từ nay trở đi hãy còn hơn tám ngàn năm, thật sự có thể đắc độ, thành tựu viên mãn trong một đời, chỉ có mỗi pháp môn này, mà cũng chỉ có mình bộ kinh này! Vì thế, [thời tiết, nhân duyên ấy] cảm Như Lai toàn thân phóng quang. Đức Phật phóng quang có phải là do ý nghĩ của chính Ngài hay không? Nghĩ sẽ phóng quang ở chỗ nào, bèn phóng quang tại đó ư? Chẳng phải vậy. Nếu đức Phật có ý nghĩ, Phật sẽ biến thành phàm phu! Do vậy, chúng ta nhất định phải lý giải, phải ghi nhớ: Bất luận đức Phật biểu hiện như thế nào, Ngài chẳng hề khởi tâm động niệm! Chẳng khởi tâm động niệm, chúng ta biết phóng quang là cảm ứng. Quý vị nói xem: Pháp môn này, bộ kinh điển này có tác dụng lớn cỡ nào? Bao nhiêu chúng sanh được lợi ích? Tự nhiên. Như chúng ta đã thấy trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn phóng quang từ diện môn, chẳng phải là toàn thân. Do diện môn chẳng phải là toàn thân, chúng ta hiểu bộ kinh ấy cũng hết sức tuyệt diệu, nhưng độ người thuộc căn tánh nào? Bậc thượng căn trở lên. Trong quá khứ, Thiền Tông ắt phải tu kinh này, Mật Tông cũng phải tu. Pháp môn này, tức pháp môn Tịnh Tông *“thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn căn”.* Bất luận căn tánh như thế nào, trừ phi quý vị chẳng gặp gỡ, chứ khi quý vị gặp được, chẳng có ai không thành tựu!

 Trong kinh có nói nhiều câu như thế, Phật quang *“mấy trăm ngàn màu”*, đó là màu sắc của quang minh. *“Mấy trăm ngàn thứ biến hiện”* là sự biến hóa. *“Quang minh rất mực sáng rực”*, *“trên dưới chiếu thấu suốt”*,quý vị thấy đó, *“sáng vằng vặc bội phần”*. Văn tự trong các bản dịch đều nhằm hiển thị ý nghĩa *“ảnh sướng biểu lý”*. Nhất là chẳng thể nghĩ bàn là như trong bản Tống dịch có nói, các bản khác chẳng có: *“Diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm”* (Sắc mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm). Bản ấy có câu này, [hàm nghĩa] trong quang minh hiện cõi nước, trong cõi nước hiện Phật, trong Phật quang có thể thấy các cõi nước của mười phương chư Phật. Điều này quá hy hữu, cảnh giới ấy là cảnh giới Hoa Nghiêm. Vì thế, cổ nhân nói: Kinh này được gọi là Trung Bổn Hoa Nghiêm là có lý, lời lẽ ấy chẳng phải là nói tùy tiện. Chúng ta nghĩ tới sự thù thắng trong thế giới Cực Lạc, điều ấy cũng có thể khơi gợi chúng ta, khiến cho chúng ta tin sâu, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Chỉ cần sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị nhất định viên mãn Bồ Đề trong một đời, có thể chứng đắc Phật quả rốt ráo, tức Vô Thượng Bồ Đề. Pháp môn này ai nấy đều có phần, bất luận căn tánh như thế nào, thật sự chịu tu, chịu tin và chịu tu, người ấy chẳng phải là phàm nhân. Đừng thấy người ấy hiện thời dường như thiếu học thức, chẳng biết chữ, là hạng ông già, bà cả, người ta thiện căn trong đời quá khứ sâu dầy. Nếu không, người ấy vừa nghe, vừa thấy, vì sao liền tin tưởng? Vì sao có lắm kẻ đọc bộ kinh này vẫn nửa tin, nửa ngờ? Người này chẳng biết chữ, chưa hề niệm kinh, quý vị dạy người ấy niệm A Di Đà Phật, người ấy liền tin tưởng, lạ lùng thay! Thật ra, nếu quý vị thâm nhập kinh tạng, sẽ chẳng thấy kỳ quái. Trong đời quá khứ, trong A Lại Da Thức [của người ấy] đã có căn, đã có chủng tử Phật pháp sâu dầy, tương ứng với Tịnh Tông, nên mới có hiện tượng ấy. Người ấy chắc chắn thành tựu trong một đời.

 Chúng ta xem mấy câu tiếp theo có nói rõ: *“Hiện đại quang minh, sổ thiên bách biến, chỉ Phật ư hội thượng phóng đại quang minh, thuấn tức vạn biến, quang sắc tham hồi, tự nhiên tối thắng”* (“hiện quang minh lớn biến hiện mấy trăm ngàn thứ”, ý nói: Trong pháp hội, đức Phật phóng quang minh lớn, trong chớp mắt, biến hiện muôn thứ, màu sắc của các tia sáng quyện lẫn vào nhau, trang nghiêm thù thắng tự nhiên). Mấy câu này sẽ được nói cặn kẽ trong phần kinh văn phía sau. Chúng ta trông thấy, có thể cảm nhận đức Phật phóng quang, trong quang minh biến hóa, màu sắc của các tia sáng hòa quyện lẫn nhau, các tia sáng chiếu rọi lẫn nhau, đẹp khôn kể xiết! Tiếp đó bèn nói: *“Tự nhiên tối thắng”*. Sự tự nhiên này do Tánh Đức vốn là như thế đó. Các nhà khoa học hiện thời đã nói: Tất cả các hiện tượng trong vũ trụ sanh diệt đều chẳng lìa khỏi ý niệm. Điều này giống như Tướng Tông thường nói: *“Duy thức sở biến”.* Hãy đặc biệt chú ý chữ Duy. Duy (唯) là chỉ có một mình. [Duy Thức là] trừ Thức ra, thứ gì cũng chẳng có. Thức là gì? Thức là ý niệm. Duy thức sở biến (chỉ do thức biến) thì giới hạn trong mười pháp giới; ngoài mười pháp giới là Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật và đại Bồ Tát. Cảnh tượng trong ấy hễ đã thành tựu bèn chẳng thay đổi, nên gọi là Nhất Chân, bất biến! Con người [trong cõi Thật Báo] sống thọ vô lượng, mà cũng chẳng già suy, vĩnh viễn là dáng vẻ trẻ trung, bất biến. Vì sao? Họ chẳng có thức, thức là gì? Phân biệt, chấp trước, họ chẳng có. Không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, ngay cả khởi tâm động niệm cũng chẳng có. Sở dĩ Nhất Chân pháp giới hiện tiền là do tập khí vô thỉ vô minh biến hiện, khoa học hiện thời chẳng phát hiện hiện tượng này. Thật ra, khoa học hiện thời cũng rất lỗi lạc, đã nói đến A Lại Da, [A Lại Da là] nguyên khởi của y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Họ có thể nêu ra chân tướng sự thật, chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong kinh Đại Thừa từ ba ngàn năm trước. Khoa học đã chứng minh, giải thích cho chúng ta biết cảnh giới chứng đắc của chư Phật, Bồ Tát.

 Trong đoạn văn này, lão cư sĩ nói: *“Như Pháp Hoa Kinh Tự Phẩm viết: Mi gian bạch hào, đại quang phổ chiếu”* (như trong phẩm Tự của kinh Pháp Hoa chép*:* “Từ tướng bạch hào giữa mày có ánh sáng lớn chiếu khắp”). Trong phẩm Tự của kinh Pháp Hoa, đức Phật phóng quang từ tướng bạch hào. Trong các kinh điển, bạch hào phóng quang được nhắc tới nhiều nhất, cũng là thường thấy nhất, quang minh to lớn chiếu trọn khắp. *“Cố tri ‘hiện đại quang minh’, tức bỉ chi đại quang phổ chiếu. Cố tri Ngụy dịch trung chi ‘oai thần quang quang’ diệc ưng đồng thử, hàm biểu Phật chi oai quang minh diệu quảng đại, vô năng tỷ giả”* (Do vậy biết “hiện đại quang minh” chính là “đại quang phổ chiếu” trong kinh ấy. Vì vậy, câu “oai thần rạng ngời” trong bản Ngụy dịch cũng tương đồng với câu này, cùng biểu thị quang minh oai thế chiếu soi rạng ngời của đức Phật rất rộng lớn, không gì sánh nổi). Phật, Bồ Tát phóng quang, quang minh ấy do đâu mà có? Từ trong trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh mà ra. Tìm kiếm căn nguyên của nó, căn nguyên ấy có sẵn trong tự tánh. Nó hiện tướng là phóng quang; người hiện thời nói [phóng quang] là hiện tượng vật lý, nhưng nó chẳng phải là vật lý, mà là Tánh Đức. Chúng ta nói là “quang”, giống như ánh sáng mặt trời, còn nói “điện”, tức “thiểm điện” (閃電: tia chớp) thì là hiện tượng vật lý. Phật, Bồ Tát phóng quang là hiện tượng từ tự tánh, hoàn toàn chẳng giống hiện tượng vật lý. Ánh sáng thuộc hiện tượng vật lý có thể tổn thương con người, Phật quang nhu hòa, chẳng tổn hại con người. Phật quang chẳng nhức mắt, mà nhu hòa. Dẫu quang minh sáng đến mấy, vẫn chẳng tổn hại mắt.

 Tiếp đó, sách viết: *“Chí ư sổ thiên bách biến, tắc đồng ư bổn kinh Thọ Lạc Vô Cực phẩm”* (Còn như câu *“*mấy trăm ngàn thứ biến hiện” thì giống như trong phẩm Thọ Lạc Vô Cực của kinh này), câu này được nói trong phẩm ba mươi hai: *“Tự nhiên quang sắc tham hồi, chuyển biến tối thắng”* (tự nhiên màu sắc của từng tia quang minh hòa quyện vào nhau, chuyển biến tối thắng), có hai câu ấy. Chúng ta hãy đặc biệt chú ý chữ *“tự nhiên”.* *“Tự nhiên”* là nói rõ: Chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước. Sở dĩ quang minh hiện tướng, nhất định là do cảm ứng. Chúng sanh có cảm, Phật tự nhiên có ứng. Từ điểm này, chúng ta cũng có thể hoàn toàn lãnh hội: Phật vì hết thảy chúng sanh mà thị hiện đủ mọi thân tướng, đáng nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy, quyết định là chẳng có nghĩ ngợi gì! Chẳng có ý niệm! Ý niệm là Thức. Chẳng có A Lại Da Thức, hoàn toàn do tự tánh lưu lộ. Chúng sanh cảm, sự cảm ấy có sức mạnh to lớn dường ấy, có thể khiến cho trí huệ và đức năng trong tự tánh hiện đủ mọi tướng, các thứ tướng ấy trọn đủ mấy trăm ngàn thứ biến hóa. Thấu hiểu mấy trăm ngàn thứ biến hóa ấy từ chỗ nào? Thật khó! Chúng ta rất may mắn, sanh trong thời đại này, do gặp gỡ Lượng Tử Lực Học nên chúng ta hiểu rõ. Chẳng gặp Lượng Tử Lực Học, sẽ chẳng hiểu Phật pháp, giống như Di Lặc Bồ Tát dạy: Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm; đó là “mấy trăm ngàn thứ biến hóa”, vì mỗi niệm đều chẳng giống nhau. Xưa kia, để giải thích ý nghĩa này, chúng tôi đã nói là một tướng tương tự liên tục. Vì sao? Hoàn toàn chẳng phải là tương đồng, hai ý niệm hoàn toàn chẳng tương đồng, nhưng một niệm sanh diệt quá nhanh. Quý vị hãy ngẫm xem: Đối với một cái khảy ngón tay, các đồng học chúng ta đã tính toán, trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu niệm? Ba trăm hai mươi triệu niệm, mỗi niệm đều khác nhau, một cái khảy ngón tay đấy nhé! Kinh nói là “mấy trăm ngàn thứ biến hóa”. Vì tích lũy nhiều ngần ấy, nên mới sanh ra hiện tượng. Chúng ta có thể cảm nhận hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần. Hiện thời, các nhà khoa học phát hiện Lượng Tử, còn gọi là tiểu quang tử, biết nó là chuyện như thế nào: Ý niệm tích lũy liên tục, phát sanh huyễn tướng. Nói cách này, chúng ta dễ hiểu. Trên thực tế, hoàn toàn giống như Di Lặc Bồ Tát đã nói, mà cũng là nói rõ: Chân tướng của vũ trụ và nhân sinh do đức Phật đã thấy từ ba ngàn năm trước đến nay đã được các nhà khoa học chứng thực, là thật, chẳng giả!

 Liễu giải chân tướng sự thật thì quý vị mới có thể thật sự buông xuống. Vì sao chẳng thể buông xuống? Do chẳng liễu giải chân tướng. Nay chúng ta có thật sự liễu giải hay chăng? Chẳng có! Vì sao? Nay chúng ta chỉ nghe nói mà thôi, biết là có chuyện như thế đó, vì sao vẫn chẳng thể buông xuống? Làm thế nào để chứng tỏ quý vị thật sự liễu giải? Thật sự buông xuống, chứng tỏ quý vị thật sự hiểu rõ. Chẳng buông xuống, chứng tỏ quý vị vẫn chưa thật sự hiểu rõ. Trong bài kệ Hồi Hướng có câu: *“Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu”* (nguyện đạt được trí huệ thật sự hiểu rõ), trí huệ ấy là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh. Trí huệ ấy mà khai, quý vị sẽ thật sự hiểu rõ. Thật sự hiểu rõ, sẽ thật sự buông xuống, ngay cả ý niệm trong tâm cũng chẳng tồn tại thì mới là thật sự buông xuống. Có lúc vẫn khởi tâm động niệm thì chưa được! Chưa buông xuống! Buông xuống chẳng dễ dàng, cũng có nghĩa là chẳng dễ gì thật sự hiểu rõ! Hiểu biết nửa vời thì được, chứ thật sự hiểu rõ ràng thấu triệt khó lắm! *“Cố tri Ngụy dịch trung chi oai thần quang quang diệc ưng đồng thử”* (vì thế biết câu “oai thần rạng ngời” trong bản Ngụy dịch cũng phải giống như câu này), có cùng một ý nghĩa, đều là biểu thị oai quang của Phật, tức là quang minh oai đức của Ngài chiếu soi rộng lớn, chẳng gì có thể sánh bằng!

  *“Tự nhiên quang sắc tham hồi, chuyển biến tối thắng”* (tự nhiên màu sắc của từng tia quang minh hòa quyện vào nhau, chuyển biến tối thắng), sự chuyển biến tối thắng ấy chính là điều thứ hai trong ba thứ trọn khắp như sách Hoàn Nguyên Quán đã nói, từ trọn khắp pháp giới, *“xuất sanh vô tận”.* Xuất sanh vô tận là thuận theo ý niệm, là A Lại Da; nói cụ thể, sẽ là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đồng thời xuất hiện. Kế đó là nói: *“Đồng biểu Phật quang tự nhiên giao tham hồi chuyển, quang sắc biến hóa dũ biến dũ thắng, vô hữu cùng cực”* (cùng biểu thị Phật quang tự nhiên hòa quyện vào nhau, xoay chuyển, màu sắc của quang minh biến hóa, càng biến hóa càng thù thắng chẳng cùng cực). Khi khai ngộ, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói: *“Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp”*,đây cũng là nói tới y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Lớn thì chúng ta nói đến thế giới Hoa Nghiêm, nhỏ thì chúng ta nói đến cảnh giới trước mắt, càng biến hóa càng thù thắng, chẳng có cùng tận. “Chẳng có cùng tận” rất khó hiểu, đấy là Tánh Đức, nó biến hóa đúng là chẳng có cùng tận, rất khó tưởng tượng. Câu kinh văn này khiến cho chúng tôi nghĩ đến lúc bé chơi kính vạn hoa rất giống chuyện này. Kính vạn hoa cấu tạo hết sức đơn giản; từ đó, quý vị có thể thấy hai câu này, càng biến hóa càng thù thắng, chẳng có cùng tận. Ngay cả kính vạn hoa mà còn hiển thị cảnh giới, huống hồ tự tánh. Tự tánh là một ống kính vạn hoa lớn.

 *“Tôn giả A Nan, tức tự tư duy”* (Tôn giả A Nan liền tự suy nghĩ), *“tôn giả A Nan nãi bổn kinh chi đương cơ”* (tôn giả A Nan là đương cơ của kinh này). Đương cơ của bộ kinh này là hai vị, nửa bộ trước là tôn giả A Nan, nửa bộ sau là Di Lặc Bồ Tát, biểu thị ý nghĩa rất sâu về mặt pháp. Ngài A Nan biểu thị pháp vận một vạn hai ngàn năm của Thích Ca Mâu Ni Phật. A Nan truyền thừa giáo học và giáo pháp của đức Phật, Di Lặc Bồ Tát biểu thị đức Phật kế tiếp. Di Lặc Bồ Tát hiện đang ngự trên trời Đâu Suất, tu gì? Tu tri túc, tri túc thường lạc. Đâu Suất có nghĩa là Tri Túc, Ngài tu tri túc ở đấy. Thật sự tri túc thì mới có thể làm Phật. Kẻ chẳng tri túc sẽ chẳng thể thành Phật, ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu. Tri túc đến mức độ nào? Tri túc đến mức vô cầu, thật sự chẳng tranh cùng người, chẳng cầu nơi đời, thật sự tri túc, mảy may ý niệm đều chẳng có! Cuộc sống thì sao? Sống cuộc đời hoàn toàn tùy duyên, chẳng có gì không tốt. Trong cảnh giới, xác thực chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Chúng ta phải hiểu rõ, phải học tập điều này, ý nghĩa biểu pháp trong kinh này quá sâu!

 Di Lặc Bồ Tát đến thành Phật trong thế gian này, thời gian còn rất dài. Kinh nói là năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm sau, Ngài mới từ trời Đâu Suất giáng hạ. Thời gian chẳng có Phật rất ư là dài, nếu Phật, Bồ Tát chẳng quan tâm tới các chúng sanh khổ nạn, tâm từ bi ở chỗ nào? Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh khổ nạn. Chỉ cần chúng sanh có cảm, các Ngài bèn hiện, hiện thân gì vậy? Thân Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng là gì? Cần phải biết: Pháp môn Địa Tạng biểu thị lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, tôn trọng thầy. Nói đơn giản là hiếu kính. Hiếu kính là làm người, sanh lên cõi trời, đó là cội gốc to tát để thành Phật. Quý vị chẳng thể tiếp nhận Phật pháp, khi Phật chẳng trụ thế, bèn dùng gì để giáo hóa nhân dân? Dạy họ hiếu kính. Có thể làm được hai chữ này khó có lắm, người ấy đời đời kiếp kiếp chẳng đọa trong ba ác đạo, có thể giữ vững thân người. Trong tương lai, Di Lặc Bồ Tát xuất thế, người ấy có duyên phận, tức là có duyên phận với Di Lặc Bồ Tát, sẽ tham dự ba hội Long Hoa. Pháp hội của Di Lặc Bồ Tát vô cùng rộng lớn, chẳng giống Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật có tất cả hơn ba trăm hội, hơn ba trăm hội to nhỏ, Di Lặc Bồ Tát chỉ có ba hội. Chúng ta có thể lý giải, thời gian của ba hội ấy rất dài, trong mỗi hội chắc chắn có rất nhiều hội nhỏ thì Ngài mới có thể độ hết những chúng sanh hữu duyên. Phàm là những người tu hành chẳng đạt thành tựu trong thời đại Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng chứng quả, trong tương lai đều có thể tham dự ba hội Long Hoa, vì sao? Nay quý vị đã gieo thiện căn nơi Thích Ca Mâu Ni Phật, vẫn chưa thể thành tựu trong thời mạt pháp thuộc pháp vận Thích Ca Mâu Ni Phật, vậy thì quý vị sẽ thành tựu trong pháp hội của Di Lặc Bồ Tát. Mỗi vị Phật đều kế tục nhau độ chúng sanh, từ bi đến tột bậc!

 Chúng ta phải hiểu: Đáng thương nhất là gì? Chính là đời đời kiếp kiếp chẳng thấy Phật pháp, chẳng nghe Phật pháp, trong A Lại Da Thức chẳng có chủng tử Phật pháp, thật sự đáng thương! Người ấy chẳng có thiện căn. Nếu trong một đời có thể nghe một lần, nghe một câu A Di Đà Phật, liền gieo thiện căn trong A Lại Da Thức. Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, phải liễu giải chân tướng sự thật này, niệm niệm chẳng quên giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, dùng phương pháp gì để giúp đỡ họ? Niệm Phật. Đối với hết thảy các động vật nhỏ, chúng ta thấy muỗi, trùng, kiến, bèn chắp tay *“A Di Đà Phật”*, gieo thiện căn cho chúng. Nhiều đời nhiều kiếp sau, chúng nó sẽ nhờ vào một câu A Di Đà Phật ấy mà đắc độ, ai gieo thiện căn ấy cho chúng? Quý vị gieo cho chúng. Người học Phật chẳng bỏ uổng ngày nào, niệm niệm chẳng bỏ lỡ, đó là gì? Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Lại còn thù thắng hơn là những chúng sanh mà nhục nhãn của chúng ta không thấy, họ ở chung quanh chúng ta, có khi chúng ta cảm nhận được, bèn niệm một câu A Di Đà Phật hồi hướng cho họ, họ sẽ cảm ơn. Những công đức tụng kinh, đọc kinh, giảng kinh của chúng ta hoàn toàn có thể chia sẻ cùng mọi người. Trong Phật pháp gọi là “hồi hướng”, danh từ hiện thời là “chia sẻ”, chẳng có ai không đạt được lợi ích. Thường giữ cái tâm này, niệm niệm chẳng bỏ, vô lượng công đức! Tu tập tích lũy công đức trọn chẳng nhất định phải tốn tiền. Có những kẻ giàu có, đâm ra chẳng biết tu công đức, những điều họ đã tu tập là phước đức. Công đức là Bồ Đề tâm, là thiện duyên, là tâm yêu thương hết thảy chúng sanh, nguyện tâm chẳng bỏ chúng sanh, đó là thành tựu công đức của quý vị. Tâm Bồ Đề của chúng ta cũng được bồi dưỡng như vậy trong cuộc sống hằng ngày. Do đó, trong đại hội hoằng pháp của chư Phật, quý vị cũng giống như tôn giả A Nan sẽ làm bậc đương cơ của đại hội.

 Tiếp đó, sách viết: *“Nhược luận kỳ bổn”* (nếu luận về Bổn), Bổn, tức căn bản của A Nan [[26]](#footnote-27)[2], *“thật diệc tùng quả hướng nhân chi Pháp Thân đại sĩ”* (cũng thật sự là bậc Pháp Thân đại sĩ từ quả hướng đến nhân). Nói rõ ngài A Nan cũng là thị hiện. Trong hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài có thân phận gì? Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Đó là biểu diễn trên sân khấu. Trên sàn diễn, Ngài có thân phận là Tu Đà Hoàn, tức Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Sau sân khấu Ngài là gì? Sau sân khấu bèn là Pháp Thân Bồ Tát, bậc Pháp Thân đại sĩ minh tâm kiến tánh. Từ quả hướng đến nhân thì tối thiểu chúng ta có thể tin tưởng, chẳng hoài nghi. Tiếp đó, còn chứng cứ, rất khó có: *“Pháp Hoa kinh trung Phật cáo Bồ Tát viết: Ngã dữ A Nan đẳng ư Không Vương Phật sở, đồng thời phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. A Nan thường nhạo đa văn, ngã thường cần tinh tấn. Thị cố ngã dĩ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhi A Nan hộ trì ngã pháp, diệc hộ tương lai chư Phật pháp tạng, giáo hóa thành tựu Bồ Tát chúng”* (Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật bảo các vị Bồ Tát: “Ta cùng nhóm ông A Nan ở chỗ Không Vương Phật đồng thời phát tâm Vô Thượng Chánh Ðẳng Chánh Giác. A Nan thường ưa Đa Văn, ta thường siêng tinh tấn. Vì vậy, ta đã đắc Vô Thượng Chánh Ðẳng Chánh Giác mà A Nan hộ trì pháp của ta, cũng sẽ hộ trì pháp tạng của chư Phật trong tương lai, giáo hóa thành tựu các Bồ Tát”). Chuyện này do chính đức Phật nói, chẳng giả. Ngài A Nan đúng là Pháp Thân đại sĩ thừa nguyện tái lai, đến biểu diễn cho chúng ta thấy. Đức Phật đã nói ra chuyện quá khứ. Ở đây, *“ta”* là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, Phật Thích Ca cùng *“A Nan đẳng”*, [ý nói, ngoài A Nan ra] còn có người khác. *“Ư Không Vương Phật sở”* (ở chỗ Không Vương Phật), Không Vương Phật là tên gọi chung của hết thảy chư Phật, mỗi vị Phật đều có thể gọi là Không Vương Phật. Đây là nói tới sự chứng đắc của Ngài, chứng đắc lý Nhị Không, tức là mỗi vị Phật đều chứng đắc Nhân Ngã Không và Pháp Ngã Không. Ở đây, [Không Vương Phật] là một vị Phật trong quá khứ. Ngài nói khi ở chỗ Không Vương Phật, đức Thế Tôn và A Nan đều cùng tu Bồ Tát đạo, phát Bồ Đề tâm, đồng thời phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đó là Bồ Đề tâm. *“A Nan thường nhạo đa văn”* (A Nan thường thích nghe nhiều), tập khí khác nhau. A Nan chuộng nghiên cứu kinh giáo, có hứng thú hết sức rộng rãi. Nói cách khác, Ngài tiến bộ khá chậm chạp vì Ngài học quá nhiều thứ, quá tạp. Thích Ca Mâu Ni Phật thật thà hơn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, nên Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật trước. *“Thường cần tinh tấn”* (thường siêng năng tinh tấn) là thâm nhập một môn.

 Chư vị phải biết, thành Phật là do từ Giới, Định, Huệ mà thành tựu, chẳng phải là do học rộng nghe nhiều mà thành tựu, nhất định phải biết điều này. Nhưng căn tánh mọi người khác nhau, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, đối với người ưa thích học rộng nghe nhiều, đức Phật mở ra pháp gì? Pháp Tướng Duy Thức, mở ra môn học ấy. Mở ra môn học ấy là do chuyên vì loại người thuộc căn tánh đó. Thật sự là người thật thà, thượng căn lợi trí, đức Phật mở ra môn Thiền Tông, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, mau chóng lắm! Nếu là người trung hạ căn hoặc hạ hạ căn, có thể dũng mãnh tinh tấn, đức Phật liền mở ra Tịnh Độ Tông cho người ấy. Thâm nhập một môn, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, thành tựu trong một đời cũng chẳng thua kém kẻ khác. Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát, chẳng thua sút người khác. Do nguyên nhân gì? Được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, trọn chẳng phải là giả. Lẽ nào A Di Đà Phật vọng ngữ? Điều kiện quan trọng nhất trong pháp môn này là lòng tin. Quý vị phải thật sự tin, thật sự nguyện, chẳng thể có mảy may nghi lự nào, sẽ thành công. Nếu quý vị có hoài nghi, có nghi ngại, sẽ chẳng thể thành công, quý vị hành theo môn này chẳng trót lọt! Tuy chẳng hành trót lọt, đã gieo thiện căn. Có thiện căn ấy, quý vị có duyên gặp gỡ pháp môn này. Gặp pháp môn rồi lại tiếp tục tu, đến giai đoạn nào đó, thật sự buông xuống, sẽ thành tựu trong giai đoạn ấy. Trong một đời này, chúng ta đã hiểu rõ: Buông xuống vạn duyên, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, sẽ thành tựu trong một đời này. Đời này niệm Phật chẳng thể vãng sanh, đời sau hoặc đời sau nữa còn có duyên phận, còn có thể tiếp tục tu học. Chúng ta hiểu rõ: *“Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai”.* Chư Phật, Bồ Tát hộ niệm hết thảy chúng sanh còn chu đáo hơn mẹ hiền chăm sóc con thơ. Ân đức của Phật chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta thường quên mất Phật, nhưng Phật chẳng thời khắc nào quên chúng ta! Chúng ta được chiếu trụ trong Đại Viên Kính Trí của các Ngài, đó là sự gia trì của đức Phật đối với chúng ta. Bản thân chúng ta thật sự là phiền não, nghiệp chướng quá nặng, chẳng cảm nhận được, nhưng Phật thật sự gia trì chúng ta.

 Ngài A Nan cũng hết sức khó có, ưa chuộng đa văn, phát tâm hộ trì Phật pháp. Vì thế, hoằng pháp và hộ pháp đều chẳng dễ dàng. Quý vị chẳng thông hiểu Phật pháp, làm sao hoằng pháp, làm sao hộ pháp? Phật pháp quyết định chẳng thể dùng ý nghĩa của chính mình để giải thích, [nếu dùng ý mình để giải thích thì] sai mất rồi! Kể từ xưa, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế đã xuất hiện trạng huống ấy, kinh Phật gọi trạng huống ấy là Tăng Thượng Mạn. Phiền não rất phiền phức, chướng ngại quý vị khai ngộ, chướng ngại quý vị chứng quả. Không chỉ là như thế, thậm chí còn chướng ngại thiện pháp của quý vị, phiền phức lắm! Vì quý vị tự cho là đúng, chính mình chẳng có chứng đắc, ngỡ đã chứng đắc, chẳng liễu giải, cứ ngỡ đã liễu giải, dạy bảo người khác như thế, hướng dẫn chúng sanh sai lầm. Hướng dẫn sai lầm, phải chịu trách nhiệm nhân quả. Quý vị xem công án của thiền sư Bách Trượng đời Đường sẽ thấy có kể một câu chuyện: “Nói lầm một chữ chuyển ngữ, đọa thân chồn hoang năm trăm đời”. Vì sao tạo thành hiện tượng ấy? Tăng Thượng Mạn. Chỗ này cũng ban cho chúng ta một khai thị rất trọng yếu, học Phật quyết định chớ nên có tâm ngạo mạn, ngạo mạn là do chính quý vị không biết. Nếu người ta hỏi quý vị: “Tôi chẳng có ngạo mạn, rất khiêm hư, không ngạo mạn”, xác thực là chính người ấy chẳng thể cảm nhận [chính mình đang ngạo mạn]. Đối trị ngạo mạn như thế nào? Khiêm hư. Đối trị ganh tỵ như thế nào? Tùy hỷ. Bồ Tát đều có phương pháp [để đối trị các tật xấu ấy]. Căn bệnh rất nặng, quý vị chẳng có phương pháp đối trị, nó liền khởi tác dụng, chướng đạo.

 Ngài A Nan hộ trì Phật pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Xưa kia, Ngài là bạn học của Thích Ca Mâu Ni Phật. Một vị Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ, người có duyên với Phật đều đến giúp Ngài. Hoặc là dùng thân phận Bồ Tát, thân phận Thanh Văn, làm đệ tử, hoặc kẻ tại gia hộ pháp của Ngài, khiến cho một đời giáo học của Ngài được viên mãn. Ngài A Nan cũng hộ trì pháp tạng của chư Phật trong tương lai, Ngài nhất định đã phát đại nguyện ấy. Ở đây, Thích Ca Mâu Ni Phật đã tiết lộ: *“Giáo hóa thành tựu Bồ Tát chúng”.* Nói là *“Bồ Tát chúng”*, cho thấy ngài A Nan là Đại Thừa, chẳng phải là Tiểu Thừa. *“Nhược luận kỳ Tích”* (nếu luận về Tích của ngài A Nan), Tích (跡) là thân phận thị hiện của Ngài trong hiện tiền, *“tắc vi kết tập Kinh Tạng, truyền Phật tâm ấn, truyền thọ Mật Thừa, thừa truyền đại giáo chi quan kiện nhân vật”* (là nhân vật then chốt kết tập Kinh Tạng, truyền tâm ấn của Phật, truyền dạy Mật Thừa, truyền thừa đại giáo). Thật sự hộ trì, nay chúng ta nói là *“hộ pháp”.* Hộ pháp chính là ba chuyện ấy. Kết tập Kinh Tạng: Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế giảng kinh, giáo học, chẳng lưu lại văn tự, chẳng có kinh bổn. Kinh do đâu mà có? Chẳng giống các tôn giáo thông thường. Các tôn giáo thông thường có rất nhiều kinh điển từ cõi trời giáng xuống, Phật giáo chẳng phải vậy. Phật giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên giảng cho mọi người trong thuở Ngài tại thế. Khi ấy, chẳng ghi chép bằng văn tự, do đâu mà có kinh điển? Ngài A Nan trùng tuyên, nhắc lại những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói một lượt. Năm trăm vị Đại A La Hán chứng minh cho Ngài, làm thính chúng. Nghe những lời A Nan đã nói, mọi người đồng ý, đều tán thành, thì mới có thể dùng văn tự để ghi chép, lưu truyền hậu thế, kinh Phật do như vậy mà có. Nếu có một người chẳng đồng ý, nói “tôi nghe đức Phật nói câu này không phải như vậy”, đoạn ấy phải gạt bỏ, thà thiếu chứ không thừa, nhằm giữ chữ tín với đời sau. Do đó, kết tập Kinh Tạng nghiêm ngặt như vậy, chẳng phải là thiểu số phục tùng đa số. Chẳng phải vậy! Một người chẳng đồng ý bèn chẳng thông qua! Đó là kết tập kinh tạng, đó là hộ pháp trong thuở ấy, khiến cho những gì đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm chẳng đến nỗi bị tiêu mất!

 Cổ nhân rất dụng tâm, chỉ sợ kinh điển bị thất truyền, đã khắc kinh điển lên đá, chứa trong hang núi, gọi là *“tàng chư danh sơn”* (cất giữ trong các quả núi danh tiếng) hòng lưu truyền hậu thế. Năm xưa, tôi đến Bắc Kinh thăm cụ Hoàng Niệm Tổ, quen biết hội trưởng hiệp hội Phật giáo thuở ấy là lão cư sĩ Triệu Phác Sơ. Chúng tôi nói chuyện hết sức hợp ý, lão cư sĩ bảo tôi: “Thầy đã tới Bắc Kinh, nhất định phải đến Phòng Sơn xem kinh đá”. Cụ sai người lái xe đưa tôi đi thăm, tôi thấy toàn bộ Đại Tạng Kinh, trong những kinh được khắc ấy còn có mấy bộ chẳng có trong Tạng Kinh hiện thời. Quý vị thấy họ đã sưu tập hoàn chỉnh dường ấy! Nghe nói những bộ kinh ấy đã khắc trong vòng tám trăm năm, khắc qua nhiều đời suốt tám trăm năm, cất trong thạch động tại Phòng Sơn. Dường như có tất cả bảy động, [kinh điển được] cất giữ trong bảy hang động, chữ rất lớn, khắc hết sức đẹp đẽ. Chúng tôi thấy rất thích, cũng thấy hết sức cảm động trước dụng tâm của cổ nhân. Điều này thuộc về truyền thừa Kinh Tạng, chỉ sợ khi có tai nạn, kinh Phật bị thất truyền, nên dùng phương pháp ấy. Hiện thời, thuật ấn loát phát triển, để cho kinh Phật chẳng đến nỗi bị thất truyền, tốt nhất là ấn hành với số lượng lớn, cất giữ các nơi trên cả thế giới. Chúng ta biết là chắc chắn có tai nạn, nhưng chẳng thể là toàn thể thế giới có tai nạn, chẳng thể nào! Nói chung là vẫn có nơi không bị, [kinh Phật] sẽ được bảo tồn. Vì thế, số lượng càng nhiều càng an toàn. Khắc vào đá xong xuôi, cất trong danh sơn, nếu phát sanh động đất, những kinh ấy bị tiêu hết! Chúng ta chẳng thể không bận tâm: Nếu bị động đất thì làm như thế nào đây? Vì thế, ấn hành lưu thông tốt hơn bất cứ cách nào khác. Sau đấy, có một năm tôi sống ở Tân Gia Ba, có một vị cư sĩ cúng dường món tiền năm trăm vạn Mỹ Kim, món tiền ấy rất đáng kể. Chuyện đầu tiên tôi nghĩ đến là in thạch kinh ở Phòng Sơn để lưu thông, có thể in một ngàn bộ. Tôi thương lượng chuyện này với cục tôn giáo của Trung Quốc, vẫn chẳng có cách nào thỏa nguyện. Chẳng phải là đơn vị ấy không đồng ý, mà là cá nhân chẳng đồng ý. Vì thế, chuyện này chẳng thể hoàn thành, tiền giữ lại đó chẳng sử dụng vào đâu được! Năm trước, Thương Vụ Ấn Thư Quán bắt đầu tái bản bộ Tứ Khố Toàn Thư, tôi nghĩ đây cũng là chuyện tốt lành, bèn mua từ Thương Vụ Ấn Thư Quán một trăm bộ, mỗi bộ là năm vạn Mỹ Kim, một trăm bộ là năm trăm vạn, dùng hết số tiền ấy. Hiện thời, sách đã in xong, chúng tôi biếu tặng quốc nội và hải ngoại, đó là quốc bảo của Trung Quốc. Bản gốc được Thương Vụ Ấn Thư Quán của Đài Loan sử dụng là từ Văn Uyên Các [[27]](#footnote-28)[3], tức là bộ được biên chép tốt nhất trong bảy bộ thuở ấy, cất giữ trong hoàng cung. Tuy chẳng phải là in sách Phật, nhưng đó là truyền thống văn hóa Trung Hoa. Văn hóa truyền thống Trung Hoa là cơ sở [để học hỏi] Phật pháp. Chẳng có truyền thống văn hóa Trung Hoa, học Phật nhất định phải tạo lập cơ sở vững vàng từ Tiểu Thừa. Trong tương lai, tại đạo tràng này sẽ cất giữ một bộ. Vì thế, phải thường nghĩ làm thế nào để có thể bảo tồn Phật pháp lâu dài? Hiện thời, tuy khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta hãy nghĩ, nếu vạn nhất có một ngày đại tai nạn hủy sạch khoa học kỹ thuật, chẳng có điện thì sẽ làm như thế nào đây? Computer, đĩa CD/DVD đều chẳng dùng được, đều biến thành phế vật! Có thể như vậy hay không? Có thể lắm chứ! Vì thế, phương pháp thật sự vẫn là in thành sách tốt hơn, lưu thông với một số lượng lớn. Đó là truyền kinh điển.

 *“Truyền Phật tâm ấn”*: Đây là Thiền Tông. Tôn giả A Nan là tổ sư đời thứ hai của Thiền Tông. Sơ Tổ Thiền Tông là tôn giả Ca Diếp. Ngài Ca Diếp truyền cho ngài A Nan; trong Thiền Tông, ngài A Nan là Nhị Tổ. Quý vị thấy *“truyền Giáo, truyền Tông”*, Tông là Thiền Tông. Không chỉ là như vậy, Ngài còn truyền dạy Mật Tông, nên Ngài là nhân vật then chốt truyền thừa đại giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tiếp đó là nói tới kinh điển Mật Tông. Trong Liên Hoa Sanh Đại Sĩ Ứng Hóa Nhân Duyên Kinh có nói: *“Mật Giáo Sơ Tổ Liên Hoa Sanh đại sĩ tùng A Nan thọ Thích Tôn dự chúc truyền phó chi Mật Pháp”* (Sơ Tổ Mật Giáo là đại sĩ Liên Hoa Sanh đã từ ngài A Nan nhận lãnh sự phó chúc truyền thừa Mật Pháp của đức Thích Ca). Thích Ca Mâu Ni Phật đã đem Mật Pháp truyền sẵn cho ngài A Nan, để ngài A Nan truyền lại cho Liên Hoa Sanh đại sĩ, cho thấy Ngài xác thực là truyền nhân của Mật Tông. *“Hựu Thai Tạng Giới Mạn Đà La Sao tam viết: A Nan mật hiệu Tập Pháp Kim Cang”* (Sách Thai Tạng Giới Mạn Đà La Sao, quyển ba viết: “Ngài A Nan có mật hiệu là Tập Pháp Kim Cang”), Mật là Mật Tông. Trong danh hiệu của Mật Tông, tôn giả A Nan có hiệu là Tập Pháp Kim Cang. *“Thử hựu hiển A Nan chi Bổn, cái Kim Cang tức Phật dã”* (điều này lại hiển thị Bổn của A Nan, vì Kim Cang chính là Phật). Mật Tông gọi Kim Cang là Phật, [A Nan] đã thành Phật. *“Cố tri A Nan hộ trì Phật pháp thị kỳ bổn nguyện”* (do vậy, A Nan hộ trì Phật pháp chính là bổn nguyện của Ngài). Trong lúc tu nhân, trong khi tu hành, Ngài đã phát nguyện hộ trì Phật pháp, hết sức yêu mến Phật pháp. Điều này có mối quan hệ với tập khí đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. *“Hiện tắc thị hiện vi Phật thị giả”* (nay thì thị hiện làm thị giả của đức Phật), lần này, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, Ngài đến thị hiện làm thị giả của đức Phật. *“Tục Phật huệ mạng, kế vãng khai lai, cố ư bổn kinh đương cơ”* (tiếp nối huệ mạng của Phật, tiếp nối quá khứ dẫn đến tương lai. Do vậy, trong kinh này, Ngài là đương cơ), điều này chỉ rõ ngài A Nan và Tịnh Tông có duyên hết sức sâu đậm. Đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, Ngài là người khải thỉnh đầu tiên. Thấy đức Phật phóng quang, hiện tướng lành, Ngài liền thay mặt đại chúng hướng về đức Phật thỉnh pháp, khiến cho đức Phật nói ra pháp môn này. *“Nãi năng thiện tự tư duy, phát thử diệu vấn”* (bèn có thể tự khéo tư duy, nêu ra câu hỏi hay khéo này). Khá nhiều kinh giáo đều do có người khải thỉnh rồi đức Phật mới nói. [Những kinh] không có ai khải thỉnh, mà đức Phật tự nói, rất ít, không nhiều lắm, nhưng đức Phật Thuyết A Di Đà Kinh là không có ai hỏi mà tự nói, không có ai khải thỉnh. Không có ai khải thỉnh mà đức Phật cũng nói là do thấy duyên của chúng sanh đã chín muồi, đức Phật bèn tuyên bố pháp môn ấy, giảng giải cùng mọi người. Mọi người có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, có thể chứng, đó gọi là *“duyên của chúng sanh chín muồi”*. Tuy chẳng có ai khải thỉnh, đức Phật cũng nói ra. Kinh như vậy, đức Thế Tôn trong bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp có nói, nhưng không nhiều lắm.

 *“Sắc thân chư căn, duyệt dự thanh tịnh”* (Các căn nơi sắc thân, vui sướng thanh tịnh). Trong hai câu kinh văn này, chữ *“chư căn”* chỉ sắc tướng, tức là thân thể chúng ta, năm căn nơi thân thể là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân.*“Duyệt dự”* (悅豫) là vui sướng. *“Thanh tịnh, Gia Tường Sớ viết: Quang hiển dã”* (Thanh tịnh: Gia Tường Sớ giảng: “Sáng ngời, rõ rệt”), dùng “sáng ngời, rõ rệt” để giải thích thanh tịnh. *“Hựu Bảo Tích kinh viết: Như Lai thân giả, tự tánh thanh triệt, hà dĩ cố? Như Lai cửu dĩ viễn ly nhất thiết phiền não chư cấu uế cố”* (Kinh Bảo Tích lại chép: “Thân Như Lai tự tánh trong trẻo, vì cớ sao? Vì Như Lai từ lâu đã xa lìa hết thảy phiền não và các cấu uế”). Há có lẽ nào thân Phật chẳng thanh tịnh? Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng hoàn toàn đều đoạn hết; vì thế, thân tâm thanh tịnh. Trong kinh giáo thường tán thán chư Phật Như Lai là *“Kim Cang bất hoại thân”.* Kim Cang hình dung sự kiên cố, trong bất hoại còn có thanh tịnh. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta đọc thấy đức Phật nói: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*, thân này là tướng hảo. Nói cách khác, thân mỗi người và thân Phật chẳng khác. Thân gì vậy? Thân hiện tiền, tức là cái thân hiện tại của chúng ta và thân Phật chẳng khác gì nhau. Nơi chúng ta đang sống và Tịnh Độ chẳng khác gì nhau. Trong Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã nói: *“Thân ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là thân ta”. “Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này”*,nói như vậy là đúng, chẳng hề nói sai. Vì sao? Vì các Ngài đã đoạn hết tập khí phiền não, nên thân tâm thanh tịnh hiện tiền. Nỗi phiền phức của chúng ta trong hiện thời là gì? Bị nhuốm bẩn: Thân bị tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê nhuốm bẩn, tâm bị tham, sân, si, mạn, nghi nhuốm bẩn, đạo lý là như thế đó. Nếu buông tham, sân, si, mạn, nghi trong tâm xuống, buông tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê, Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp nơi thân xuống, quý vị và Phật sẽ chẳng khác gì nhau. Thân Phật và thân chúng sanh không hai, không khác. Lời này là thật, chẳng giả.

 Lục đạo chúng sanh một thân lắm bệnh, bệnh do đâu mà có? Tham, sân, si, mạn, nghi là gốc bệnh của quý vị, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghê là ngoại duyên khiến quý vị bị nhiễm bệnh. Mừng, giận, buồn, vui là nội duyên khiến quý vị bị nhiễm bệnh. Nhân duyên trọn đủ, quý vị bị bệnh, đạo lý là như thế đó. Rất khó đoạn cái nhân, đó là tập khí phiền não, chẳng dễ đoạn. Đoạn được, quý vị sẽ chứng quả! Nếu có thể đoạn hết duyên, đoạn duyên như thế nào? Đức Phật dạy chúng ta lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy; quý vị có thể chịu khổ, có thể trì giới, thân tâm thanh tịnh, sẽ được tự tại. Nếu nói: “Thật sự buông xuống ngũ dục, lục trần, buông thất tình ngũ dục xuống, con người đúng là chẳng có gì vui sướng, học Phật để làm cái quái gì?” Đức Phật đã nêu gương, học Phật là lìa khổ, được vui. Những gì là khổ? Thất tình ngũ dục là khổ, thân tâm quý vị chẳng khỏe mạnh, thân tâm bị nhiễm ô. Đức Phật dạy chúng ta toàn là những lẽ thật, chẳng giả tí nào, bản thân chúng ta phải biết, phải hiểu rõ. Vì thế, phải học thân Như Lai tự tánh trong trẻo, chúng ta phải học theo Phật xa lìa hết thảy phiền não. Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não thảy đều buông xuống.

 *“Như Lai thân giả, xuất quá thế gian, hà dĩ cố? Bất vị thế pháp chi sở nhiễm ô cố”* (Thân Như Lai vượt trỗi thế gian, vì cớ nào? Chẳng bị nhiễm bẩn bởi pháp thế gian). Quý vị chẳng còn bị ô nhiễm bởi tất cả các pháp thế gian. Chẳng bị ô nhiễm thì có hai biện pháp:

1) Phương pháp nông cạn là chúng ta xa lìa, không tiếp xúc nó. Đó là biện pháp trị đằng ngọn, chẳng phải là trị tận gốc.

2) Nếu có Thiền Định sâu, chúng ta tu học bất cứ pháp môn nào cũng đắc tam-muội, từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, xa lìa ở một mức độ càng sâu hơn. Chẳng có tâm xa lìa mà trong hết thảy các pháp, tự nhiên chẳng khởi tâm không động niệm, đó là thật sự lìa.

*“Nãi chí Như Lai thân giả, như tịnh kính trung vi diệu chi tượng, như tịnh thủy trung minh mãn chi nguyệt”* (cho đến thân Như Lai như hình ảnh vi diệu trong gương trong sạch, như mặt trăng tròn sáng trong nước sạch). Đây là tỷ dụ, rất giống với hình ảnh được chiếu bởi tấm gương sạch làu, hình ảnh hiển hiện trong gương. Lại giống như trong nước sạch, nước ấy sạch sẽ, chẳng nổi sóng, trăng hiện bóng trong nước. *“Tổng thượng dẫn chứng, kinh văn thích vi: Đương thời Thế Tôn, nhãn đẳng ngũ căn, đồng hiện hỷ dung”* (Tổng hợp những điều vừa dẫn trên đây, có thể giải thích kinh văn như sau: Lúc ấy, đức Thế Tôn nơi năm căn như mắt v.v... đều hiện vẻ vui sướng), nói rõ vì sao đức Phật phóng quang? Vì sao hiện tướng hoan hỷ ấy? Hoan hỷ! *“Tâm trung an lạc, diệu tướng thanh triệt”* (Trong lòng an lạc, diệu tướng trong sáng, rạng ngời). Cổ nhân nói là *“người gặp việc vui sướng, tinh thần sảng khoái”*. Khi đức Phật hiện tướng ấy, chúng ta biết là do tâm Phật biểu hiện ra, những điều này đều thuộc về thị hiện, trong lòng an lạc, diệu tướng bèn trong sáng, rạng ngời. *“Như kính trung ảnh, như thủy trung nguyệt”* (như ảnh trong gương, như trăng trong nước), ảnh trong gương và bóng trăng trong nước bao hàm ý nghĩa sâu xa *“bất tức, bất ly”* (chẳng phải chính là, mà cũng chẳng phải là tách lìa), vừa không, vừa có. Có và Không chẳng hai!

 *“Quang minh viên mãn, tịnh nhược vô hình, hòa duyệt hoan hỷ, thanh tịnh trang nghiêm”* (quang minh viên mãn, trong sạch như không có hình chất, hoan hỷ, sung sướng, thanh tịnh trang nghiêm), đây là lý do vì sao đức Phật an lạc, vui sướng? *“Tịnh Ảnh Sớ viết: Hỷ hữu nhị nghĩa”* (Tịnh Ảnh Sớ nói: “Hỷ có hai nghĩa”), giải thích cho chúng ta biết đức Phật hoan hỷ là có hai ý nghĩa biểu thị pháp:

1) *“Niệm Di Đà Phật sở thành hạnh đức khả khánh, cố hỷ”* (nghĩ đến hạnh đức đã thành tựu của Phật Di Đà đáng vui mừng, nên hoan hỷ). Đây là Phật niệm Phật. Trong phần trước, ngài A Nan đã hỏi: “Nay đức Phật hoan hỷ, có lẽ nhất định là niệm Phật, niệm quá khứ hay vị lai Phật, hay niệm đức Phật ở phương khác trong hiện tại?” Ngài A Nan từng hỏi câu ấy. Vì thế, ở đây chỉ rõ: Niệm A Di Đà Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật nghĩ tới hạnh đức đã thành tựu của A Di Đà Phật đáng vui mừng nên hoan hỷ.

2) *“Niệm chúng sanh đắc ích thời chí, cố hỷ”* (Nghĩ chúng sanh đã đến lúc được lợi ích nên hoan hỷ). Duyên của chúng sanh với Tịnh Độ đã chín muồi, cũng có nghĩa là chúng sanh có thể tiếp nhận pháp môn này. Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế giới này, nói theo thực tế, mục đích thật sự là để tuyên dương pháp môn này.

Ai đã nói lời ấy? Thiện Đạo đại sư vào thời Đường đã nói. Thiện Đạo đại sư là tổ sư đời thứ hai của Tịnh Độ Tông. Ở chỗ này, phải nói kèm thêm cho rõ với các đồng học. Tổ sư Tịnh Độ Tông chẳng phải là đời đời truyền cho nhau, chẳng phải là truyền thừa, mà là dân chủ. [Các vị tổ sư Tịnh Độ Tông] được mọi người công nhận, chọn lựa, chẳng phải là truyền thừa từng thế hệ một. Vào thời đại ấy, vị đại đức đó tu học, hộ trì Tịnh Độ Tông hữu lực nhất, có thành tựu nhất, người đời sau bèn chọn Ngài làm Tịnh Tông tổ sư, chẳng phải là truyền thừa. Do đó, Tịnh Tông đến hiện thời chỉ có mười ba đời. Quý vị thấy mỗi tông phái đều có mấy chục đời, tối thiểu cũng là bảy, tám mươi đời, Tịnh Tông mới là mười ba đời. Thời đại nào chẳng có người [phù hợp tiêu chuẩn] bèn chẳng chọn. Do đó, [tổ sư Tịnh Độ] là do dân chủ mà có, nhất định được mọi người công nhận. Không dễ dàng! Duyên thành tựu của chúng sanh đối với Tịnh Độ chẳng dễ dàng, lẽ nào đức Phật chẳng hoan hỷ? Vì sao? Thành tựu trong một đời.

 Vì lẽ đó, Thiện Đạo đại sư đã nói hai câu: *“Chư Phật sở dĩ xuất thế, chỉ để nói biển bổn nguyện của Phật Di Đà”*, nêu rõ vì sao chư Phật Như Lai xuất hiện trên thế gian? Xuất hiện trên thế gian vì chuyện gì? Vì chuyện này, giới thiệu pháp môn Tịnh Độ cùng mọi người, khuyên mọi người hãy chân tín, chân nguyện, thật sự niệm Phật, trong đời này quyết định được sanh về Tịnh Độ. Người chỉ cần vãng sanh Tịnh Độ bèn thành Phật, lời này là thật, chẳng giả! Vì sanh về thế giới Cực Lạc, dẫu phiền não chẳng đoạn một phẩm nào, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư, đó là mức độ thấp nhất, sanh về thế giới Cực Lạc, đều được bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát là thành Phật. Quý vị thấy Thiền Tông nói “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, đó là hạng người nào? Đó là A Duy Việt Trí Bồ Tát, kiến tánh thành Phật. Người ấy (người hạ hạ phẩm vãng sanh) có kiến tánh hay không? Chẳng kiến tánh! Cớ sao chẳng kiến tánh mà cũng thành Phật? Do Phật lực gia trì người ấy, nên thần thông và đạo lực liền bằng với minh tâm kiến tánh. Nói cách khác, người ấy có năng lực cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh. Chúng sanh có cảm, người ấy có ứng, đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn có thể hiện thân Phật. Đây là điều chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh Độ, chính là cái được gọi là “pháp khó tin” trong Tịnh Độ.

 Quý vị nói với kẻ bình phàm trong Giáo Hạ, họ sẽ lắc đầu, chẳng tin, há có đạo lý ấy! Tức là chẳng tin tưởng vào sự gia trì do bổn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật, cho nên khó tin. Khó tin mà chúng ta có thể tin, nay chúng ta tin tưởng, dựa vào đâu?

1) Điều thứ nhất là thiện căn sâu dầy trong đời quá khứ. Điều này là khẳng định.

2) Điều thứ hai, nếu thiện căn chẳng đủ sâu dầy, trong một đời này, do huân tu kinh giáo Đại Thừa trong một thời gian dài, cũng có thể nâng cao thiện căn lên tới một mức độ nhất định. Điều này phải có duyên phận.

Bản thân tôi đối với Tịnh Tông thiện căn chẳng đủ sâu dầy. Nếu chẳng có sự huân tu bằng kinh giáo Đại Thừa trong nhiều năm ngần ấy, tôi vẫn chẳng tin tưởng, không dễ dàng! Thuở trẻ, lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam dạy tôi Tịnh Độ, khuyên dạy tôi hãy nghiêm túc học tập, tôi chẳng dám chống trái thầy, nhưng chẳng làm theo. Đi theo con đường của ngài A Nan, chẳng nghiêm túc tu tập mà cứ học rộng nghe nhiều, hết sức ưa thích kinh giáo, nhất là đối với Hoa Nghiêm và Lăng Nghiêm. Tôi kể cùng chư vị đoạn lịch sử này.

 Tôi tin tưởng Tịnh Độ là nhờ Hoa Nghiêm và Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm là khóa trình chủ tu của tôi thuở trẻ. Tôi nhớ đã giảng bảy lần, nhưng trong bảy lần chỉ có hai lần giảng viên mãn, năm lần khác chẳng giảng viên mãn. Về sau, giảng kinh Hoa Nghiêm. Mười mấy năm sau, khi đã giảng kinh Hoa Nghiêm được một nửa, đột nhiên có một ngày nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền học pháp môn gì? Kinh Hoa Nghiêm vẫn chưa nói đến. Trong phần sau, lật đến phần sau của kinh điển, lật đến quyển ba mươi chín của Tứ Thập Hoa Nghiêm, trong đó có nói. Nguyên lai, Văn Thù và Phổ Hiền đều niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Lại chú tâm quan sát Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử là đệ tử nhập thất của Văn Thù Bồ Tát, là môn sinh đắc ý, là truyền nhân của Ngài, sở học và sở truyền chắc chắn vâng theo thầy, chẳng thể nào khác thầy được! Chú tâm xem kỹ phần năm mươi ba lần tham học, quả nhiên chẳng sai! Quý vị thấy: Vị thiện tri thức đầu tiên, người Hoa nói *“điều gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu”*, là tỳ-kheo Cát Tường Vân, Ngài tu pháp môn gì? Ban Châu tam-muội, chuyên tu niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đối với vị thứ nhất, Trung Hoa và Ấn Độ đều có cùng cách nói *“điều gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu”*, có quan hệ lớn nhất. Vị cuối cùng trong năm mươi ba lần tham học là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ: Thiện Tài đồng tử vốn là chuyên tu Tịnh Độ, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, thành tựu trong một đời. Trong ấy, năm mươi ba lần tham học là khóa trình tu học ắt cần phải có nhằm hoằng pháp và hộ pháp, chứ để cho chính mình thành tựu thì một môn là đủ rồi. *“Hoằng hộ”* (hoằng pháp và hộ pháp) thì hết thảy đều phải hiểu, hoằng hộ là gì? Thành tựu Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết.

 Khi nào, Ngài mới đi tham học? Đã đạt được Căn Bản Trí. Trong hội Văn Thù, Ngài đắc Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Kinh Bát Nhã nói *“Bát Nhã vô tri”*. Sau đó, tham học là *“không gì chẳng biết”*, chính là Hậu Đắc Trí. Hai thứ trí huệ viên mãn thì mới có thể nói đến chuyện hoằng hộ! Nhưng học Hậu Đắc Trí thì nhất định phải là đã đạt Căn Bản Trí; chưa đạt được Căn Bản, lấy đâu ra Hậu Đắc? Giống như trồng cây, Hậu Đắc Trí là cành lá. Chẳng có căn bản, lấy đâu ra cành lá? Khó khăn lớn nhất của người hiện thời là chẳng có căn bản mà đã muốn làm chuyện cành lá; do đó, toàn bộ cành lá đều thất bại. Nói theo Tứ Hoằng Thệ Nguyện, *“phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”* là Căn Bản Trí, *“pháp môn vô lượng thệ nguyện học”* là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch, người biết học phải y giáo phụng hành. Vì vậy, khi chưa thành tựu Căn Bản Trí, sở học của chúng ta thảy đều vì cầu Căn Bản Trí. Trong giai đoạn ấy, nhất định là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Thâm nhập một môn thì quý vị mới có thể đắc Định, trong Phật pháp gọi là tam-muội. Sau khi thành tựu tam-muội, trí huệ liền khai. Trí huệ ấy là Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là gì? Trong kinh này, chúng ta nói “thanh tịnh, bình đẳng, giác” là Căn Bản Trí. Cả ba điều ấy quý vị đều đạt được, nên quý vị học Hậu Đắc Trí rất mau chóng, vừa tiếp xúc liền hiểu rõ toàn bộ. Khi ấy, học tập vô cùng nhanh chóng, quý vị chẳng có chướng ngại. Phiền Não Chướng chẳng có, mà Sở Tri Chướng cũng chẳng có.

 Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: *“Quang nhan nguy nguy”*, *“Quang”* (光) là quang minh, *“nhan”* (顏) là dung nhan. Vô Lượng Thọ Kinh Tiên Chú là tác phẩm [chú giải kinh Vô Lượng Thọ] của cư sĩ Đinh Phước Bảo [đã viết]: *“Phật chi nhan hữu quang”* [nghĩa là] khuôn mặt tỏa ánh sáng, nên gọi là *“quang nhan”.* *“Nguy nguy, cao đại tôn thắng chi mạo”* (vòi vọi là diện mạo cao, lớn, tôn quý, thù thắng). *“Gia Tường Sớ viết: Nguy nguy ngôn đức thịnh, cao hiển”* (Chữ “vòi vọi” ý nói đức nhiều, cao cả, rõ rệt). Phật là bậc đại đức. Người hiện thời nói là đức Phật phong độ, dáng vẻ rạng rỡ, đều nhằm nói tới ý nghĩa “đức thù thắng, cao cả, rạng rỡ” từ trong nội tâm phát ra. Người hiện thời chẳng có [phong thái ấy], nhưng họ dùng cách hóa trang, hoàn toàn là bề ngoài. Đặc biệt khi lên sân khấu biểu diễn, nhất định phải hóa trang, khiến cho họ trước ống kính đều là *“quang nhan nguy nguy”*, cũng có tình hình ấy. Vì thế, lên sâu khấu luôn có chuyên viên hóa trang, có người chuyên nghiệp giúp quý vị, còn ở đây là tự nhiên. *“Tổng biểu Phật chi đức dung”* (Nói chung, câu này diễn tả vẻ mặt của Phật viên mãn các đức), đức ở bên trong, dung mạo ở bên ngoài. *“Hiển diệu quang minh, siêu ư nhất thiết”* (rạng ngời quang minh hơn hẳn hết thảy), *“hết thảy”* là nói các vị Bồ Tát từ Đẳng Giác trở xuống, không ai có thể sánh bằng Phật. *“Hiển”* (顯) là rõ rệt, *“diệu”* (曜: chiếu sáng) cũng là như trong phần trước đã nói *“mấy trăm ngàn biến hóa”*, có ý nghĩa này. Trí huệ và đức năng của Phật đều từ tướng hảo mà thấu lộ, vượt trỗi hết thảy, Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng. Thanh Văn, Duyên Giác, chư thiên, nhân dân đương nhiên càng chẳng sánh bằng.

 Đối với những điều được nói trong kinh, chúng ta ắt cần phải biết, những gì Phật có, chúng ta hoàn toàn đều có, nghe xong cũng chẳng cần phải hâm mộ, chúng ta chẳng kém Phật mảy may nào! Vì sao hiện thời chẳng hiển lộ? Phải biết: Vì chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Nói cách khác, nếu chúng ta có thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, hiện tướng ấy bèn hiện tiền. Chúng ta thật sự muốn, nay đang thuộc địa vị phàm phu, thật sự mong muốn, mong mỏi trí huệ và đức tướng đều có thể viên mãn như Phật, hãy nghiêm túc thật sự thực hiện. Nghiêm túc thật sự thực hiện thì chẳng thể quên Tam Học Giới, Định, Huệ. Thứ tự nhất định là nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Nếu nghĩ ta chẳng cần giới luật, thứ này quá phiền phức, ta thực hiện từ Định và Huệ, có được hay không? Chẳng được! Quý vị chẳng đắc Định, chẳng thể khai Huệ. Mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều đi theo con đường này mà thành tựu. Chúng ta chẳng noi theo đường cũ, tự mình mong khai sáng một con đường mới, phiền phức to lớn! Quý vị chỉ nên đi theo đường xưa, đường xưa chỉ có một lối, tự mình muốn khai sáng con đường mới, người hiện thời mong sáng tạo, càng sáng tạo càng nát be nát bét. Đúng là *“chẳng nghe lời người già, chịu thua thiệt trước mắt”.* Những người già trong nhiều đời, nhiều thế hệ đều đi theo con đường xưa cũ này, quý vị ngỡ là hiện thời khoa học phát triển, phải sáng tạo cái mới, quý vị cứ làm thử xem! Chớ nên không biết điều này, chẳng thể không tôn trọng tổ tiên, chẳng tôn trọng người trước. Nếu có mảy may ý nghĩ ngạo mạn nào, ta sống trong thế kỷ hai mươi mốt, là thời đại khoa học kỹ thuật phát triển, lẽ nào đi theo họ? Quý vị không đi theo họ, con đường của quý vị là tam đồ, khẳng định là ở trong tam đồ, chúng ta chớ nên không biết điều này! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

# Tập 140

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm sáu mươi hai, dòng thứ tư.

 *“Bảo sát trang nghiêm, tập tự Tống dịch. Thượng hữu diện sắc viên mãn tứ tự”* (“Bảo sát trang nghiêm”: Câu này được hội tập từ bản Tống dịch, phía trước câu này có bốn chữ “sắc mặt viên mãn”). Câu kinh văn này đọc như sau: *“Diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm”.* *“Biểu Phật diện dung sở phóng diệu quang minh trung, ánh hiện thập phương Phật độ chi trang nghiêm bảo sát”* (ý nói: Trong quang minh vi diệu phóng ra từ khuôn mặt đức Phật, hiện bóng cõi nước báu trang nghiêm của mười phương cõi Phật).

Tiếp đó là: *“Sát giả, Pháp Hoa Văn Cú Ký nhị”* (Sát: Theo quyển hai sách Pháp Hoa Văn Cú Ký), đây là cuốn thứ hai, *“viết: Thử vân Điền”* (giảng: “Cõi này nói là Điền”). *“Thử”* là Trung Hoa, chữ Sát (剎) được dịch sang nghĩa tiếng Hán là Điền Địa (田地). *“Tức nhất Phật sở vương thổ dã. Cố tri Sát tức Phật độ, Phật quốc chi nghĩa”* (tức là vương thổ của một đức Phật. Vì thế, Sát có nghĩa là cõi Phật hoặc nước Phật). Chữ Bảo Sát (寶剎) chỉ một cõi nước Phật. Nói theo cách hiện thời, sẽ là khu vực dạy học của đức Phật, chúng ta càng dễ hiểu. Do đó, Sát có nghĩa là Sát Độ (ksetra). Vào thời cổ, tại Trung Hoa, người ta dịch chữ này là Điền Địa. Thuở đức Thế Tôn tại thế, giáo học, Ngài chẳng dựng đạo tràng. Nói theo hiện thời, Ngài và Tăng đoàn sống theo phương thức du mục, không ở một nơi cố định mà di chuyển khắp nơi. Ở đâu có duyên bèn đến đó. Đức Phật vô cùng tự tại, cũng chẳng có bất cứ điều kiện gì. Người nào thành tâm thành ý đến khải thỉnh, Ngài đều chấp thuận, nhận lời mời. Vì các Ngài đều trụ trong núi, rừng, ven sông, đêm nghỉ dưới cội cây, nên chẳng cần nơi chốn riêng biệt, bất luận chỗ nào cũng đều được. Đó là phương thức giáo học của đức Thế Tôn trong thuở ấy. Chúng tôi cảm thấy phương thức này hết sức tự tại, chẳng phiền nhiễu người khác chút nào! Người lễ thỉnh rất tự tại, chẳng có bất cứ gánh nặng gì. Khi đức Phật nhận lời mời cũng tự tại. Chúng ta nói là ứng xử với các Ngài cũng rất tự tại, chẳng làm phiền người khác. Đây là nguyên tắc giáo học cơ bản của đức Phật, đức Phật chẳng khiến cho người nào khởi phiền não. Vì thế, nói đến điền địa thì điền địa chính là chỗ Ngài giảng kinh, thuyết pháp, chẳng cần bất cứ dụng cụ gia đình nào! Đức Phật trải một chút cỏ tươi rồi ngồi trên đó, các học trò cũng là như thế, ngồi trên cỏ vây quanh bốn phía đức Phật. Chẳng như hiện thời có giảng đường, có bàn ghế, có lắm thiết bị như vậy, lắm thứ bắt buộc phải có, thời ấy chẳng có. Vì thế, chúng ta liễu giải trạng huống khi ấy. Đó chính là ý nghĩa của chữ Sát.

 *“Bảo sát”* (寶剎): Bảo (寶) là hình dung sự giáo học và thuyết pháp của đức Phật, nên gọi là Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo. Tam Bảo trọn đủ, ba thứ này đều hết sức khó có. Phật là thầy, là người có thể thuyết pháp, Tăng là học trò, bao gồm thính chúng tại gia. Ý nghĩa gốc của chữ Tăng là đoàn thể. Bốn người trở lên, cùng học tập một chỗ thì gọi là Tăng Chúng, bất luận tại gia hay xuất gia, chư vị nhất định phải biết điều này. Do vậy, Tăng đoàn là đoàn thể học tập giáo pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, nên gọi là Tăng đoàn. Không nhất định là tại gia hay xuất gia, nam chúng hay nữ chúng đều gọi là Tăng đoàn. Nếu gọi là tỳ-kheo Tăng đoàn thì khác, nhất định phải là nói về xuất gia nam chúng. Không nói cố định thì tại gia hay xuất gia đều gọi là Tăng đoàn. Điều kiện nhất định của một Tăng đoàn là trì giới, nhất định là Lục Hòa. Nếu chẳng trì giới, chẳng có Lục Hòa, chẳng tính là Tăng đoàn, giống như hiện thời đạo tràng quy mô to đến mấy, đều chẳng thể gọi là Tăng đoàn. Đối với hàm nghĩa của những danh từ thuật ngữ trong Phật môn, chúng ta phải nhận biết chánh xác!

 Nay đức Phật muốn giới thiệu cùng mọi người Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, nên Ngài đặc biệt hoan hỷ. Trong phần trước, chúng ta đã thấy Ngài vô cùng hoan hỷ. Hoan hỷ là do cơ duyên chín muồi, vô lượng chúng sanh sẽ do lần giảng diễn này mà đạt đến lợi ích thù thắng khôn sánh, trong một đời này có thể vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới. Lại còn đúng như Mật Tông đã nói *“tức thân thành Phật”* (thành Phật ngay trong thân này), điều này chẳng giả tí nào! Trong phần trước, chúng ta đã đọc rất nhiều. Dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, sẽ như nguyện hai mươi đã nói: *“Giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát”* (đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát). Tiêu chuẩn của A Duy Việt Trí Bồ Tát, tiêu chuẩn thấp nhất, chính là như Thiền Tông Trung Hoa đã nói *“minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”*, tiêu chuẩn ấy! Vì thế, A Duy Việt Trí Bồ Tát vượt trỗi mười pháp giới. Ngài ở nơi đâu? Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Phật cũng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính mình, chư vị phải biết điều này. Đức Phật có bốn cõi, mỗi người chúng ta đều có bốn cõi. Bốn cõi hiển hiện như thế nào? Đều do ý niệm của chính mình hiển hiện, nói cách này mọi người sẽ dễ hiểu. Kinh Phật có nói: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, cũng có nghĩa là bốn cõi sanh từ tâm tưởng. Trong tâm quý vị có Vô Minh phiền não, có Trần Sa phiền não, có Kiến Tư phiền não, tâm quý vị có ba thứ phiền não ấy, cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong tự tánh của quý vị liền hiện tiền. Như quả địa cầu hiện thời là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, khởi tâm động niệm, ba loại phiền não ấy thảy đều trọn đủ. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng có người rất hạnh phúc, rất sung sướng, có người rất đau khổ, chịu tội, do nguyên nhân nào? Mỗi người có nghiệp lực khác nhau. Người tâm thiện, hành vi thiện, ở trong cõi Đồng Cư bèn có hạnh phúc, mỹ mãn, sung sướng, cảnh giới ấy hiện tiền. Nếu tâm hạnh người ấy chẳng lành, tiêu chuẩn thiện là Thập Thiện Nghiệp Đạo, [do tâm hạnh của người ấy] trái nghịch Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ hiện thành cõi nước bất thiện, có lắm nỗi đau khổ, như kinh đã nói *“tám nỗi khổ xen nhau nung nấu”*, có hiện tượng ấy xuất hiện. Nếu nghiêm trọng thì trong cõi Đồng Cư sẽ hiện gì? Hiện ra ba ác đạo là ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục.

 Chẳng phải do điều gì khác mà có, mà do tự tâm hiện ra. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói *“duy thức sở biến”*, Thức là phân biệt, chấp trước. Từ phân biệt, chấp trước của quý vị mà biến hiện cảnh giới ấy, cho nên đạo lý *“cảnh chuyển theo tâm”* là ở chỗ này. Chúng ta liễu giải đạo lý này, biết chân tướng sự thật này, đối với lời Phật dạy, chẳng hoài nghi mảy may. Vì thế, trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng chẳng oán trời hờn người, biết là gì? Đúng là tự làm tự chịu, chẳng liên quan đến ai khác. Bởi lẽ, nhân quả cá nhân do chính mình gánh vác. Nếu quý vị oán người khác, sẽ là tội càng thêm tội, phiền phức có thể to lớn, hứng chịu khổ báo chẳng hết. Vì thế, phải hiểu rõ. Như thế nào thì sẽ có thể thoát ly biển khổ, thoát khổ, thoát nghèo? Phật pháp dạy chúng ta lìa khổ, được vui. Lìa khổ là lìa thoát nghèo khổ, lìa thoát bệnh khổ, đạt được an lạc, quý vị đoạn ác tu thiện. Quý vị đoạn hết Thập Ác, nghiêm túc nỗ lực tu Thập Thiện, mạng vận sẽ chuyển biến, quả báo cũng chuyển biến. Phật pháp nói mạng vận, nhưng mạng vận không phải là nhất định, nó biến đổi theo ý niệm. Một niệm thiện, cảnh giới thiện quả nhân thiên bèn hiện tiền. Một niệm ác, cảnh giới ba ác đạo liền hiện tiền. Thiên biến vạn hóa, chẳng nhất định! Hiện thời, cả thế giới động loạn, tai biến dị thường trên địa cầu toàn thể thế giới đều có. Do nguyên nhân nào? Các đồng học học Phật đều biết, do tâm hạnh chẳng lành của chúng sanh sống trên địa cầu cảm vời, chứ chẳng do điều gì khác! Nếu chúng ta hỏi, khi nào xã hội sẽ có thể khôi phục hòa hài, người Hoa gọi chuyện đó là “thiên hạ thái bình”, khi nào sẽ có thể khôi phục? Khi nào hoàn cảnh vật chất trên địa cầu sẽ khôi phục bình thường? Các khoa học gia cho biết: Năm nay rất bất thường, tai nạn nhiều, mùa Đông lại còn đặc biệt lạnh, mùa Hạ đặc biệt nóng, thời gian hai mùa Xuân và Thu rất ngắn. Xuân, Thu vốn đều là ba tháng, có thể là mùa Xuân chỉ có một tháng rưỡi, mùa Thu cũng chỉ có một tháng rưỡi. Thời gian Đông và Hạ rất dài, vốn cũng là ba tháng, có thể [bị kéo dài] từ bốn tháng đến năm tháng, bất bình thường! Vì sao phát sanh tình hình này? Do ý niệm của chúng ta sai trái. Hoàn cảnh là thức biến, Thức là ý niệm. Ý niệm của chúng ta chẳng lành, nên phải chịu tội nhiều hơn. Mùa Đông đặc biệt lạnh, quý vị thấy bốn năm tháng lạnh cóng, chịu tội nhiều! Mùa Hạ đặc biệt nóng, thời gian Xuân và Thu rút ngắn, chẳng phải là tự nhiên, do con người gây ra!

 Kinh Phật nói kiểu này, hết sức khó có. Hiện thời, các nhà Lượng Tử Lực Học đã chứng minh, họ chứng minh như thế nào? Họ chứng minh hiện tượng vật chất là giả, hoàn cảnh [cư trụ] của chúng ta là hiện tượng vật chất. Còn có nhà khoa học nói: Về căn bản, thế gian này chẳng có vật chất tồn tại, vậy thì chân tướng của vật chất là gì? Họ nói vật chất là huyễn tướng do ý niệm tích lũy liên tục sanh ra. Chúng ta thật sự hiểu đạo lý này. Quý vị thấy đức Phật đã nói từ ba ngàn năm trước, đến gần đây, gần đây, các nhà khoa học mới phát hiện, có cùng ý nghĩa như đức Phật nói, nhưng ngôn ngữ hơi bất đồng, ý nghĩa hoàn toàn giống như nhau, chứng minh những điều kinh điển đã nói là đúng, trong kinh điển có khoa học cao cấp. Những thông tin ấy đem lại tin tức tốt đẹp cho chúng ta: Chúng ta có năng lực khôi phục trật tự xã hội, khôi phục địa cầu bình thường, chỉ cần biến đổi ý niệm là được rồi. Đối với khởi tâm động niệm, tổ tiên đã nói luân lý, đạo đức, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, đơn giản lắm. Đơn giản thì quý vị mới có thể ghi nhớ. Đơn giản thì lưu truyền ức vạn năm chẳng bị sai, cương lãnh trọng yếu là mấy chữ như vậy đó. Chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực thực hiện: *“Phụ tử hữu thân”* (cha con có tình thân), thật sự làm được niềm thân ái ấy, tức là hiếu đạo. Giáo học của thánh hiền không gì chẳng đặt vững căn cội nơi chữ Hiếu. Giáo học của thánh hiền là cội gốc to lớn. Hiếu là nói tới điều gì? Quý vị nhìn vào chữ Hán. Chữ Hán là phù hiệu trí huệ, chữ Hiếu (孝) biểu thị ý nghĩa gì? Nửa phần trên là chữ Lão (老), nửa phần dưới là chữ Tử (子), [hai phần ấy] hợp thành [chữ Hiếu], chúng ta có thể thấu hiểu ý nghĩa ấy. Thế hệ trước và thế hệ sau cùng một Thể, chẳng thể tách rời. Trên đời trước còn có đời trước nữa, sau đời sau còn có đời sau nữa; ý nghĩa này đã được bao hàm trong ấy. Lão Tử nói: *“Thiên địa và ta cùng gốc, vạn vật và ta cùng một Thể”*, chẳng phải là ý nghĩa này ư? Người Hoa nói đến Hiếu, phát minh chữ ấy trước khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc. Trung Quốc có năm ngàn năm văn hóa, Phật giáo mới truyền đến Trung Quốc mới hai ngàn năm. Trước khi Phật giáo truyền đến, Trung Quốc đã có ba ngàn năm văn hóa, nói tới căn cội này: Căn cội hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, chẳng hai, chẳng khác với những điều kinh Đại Thừa đã dạy.

 Kinh giáo Đại Thừa giảng rõ ràng hơn. Trong Bồ Tát Giới Kinh có nói: *“Hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta”.* Đấy là nói về quan hệ Ngũ Luân. Trong Phật pháp có nói: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”.* Những lời ấy đều do đức Phật nói. Vì vậy, giáo dục truyền thống Trung Quốc vun quén căn bản nơi *“phụ tử hữu thân”*, còn giáo học Phật pháp đặt vững căn bản nơi *“hết thảy chúng sanh vốn là Phật”*. Mục đích giáo dục và giáo học của đức Phật ở chỗ nào? Nay quý vị đang mê mất tự tánh, quý vị vốn là Phật, nay đã mê, biến thành lục đạo phàm phu, mục tiêu chung cực của đức Phật trong việc dạy bảo chúng ta là muốn khiến cho chúng ta chuyển phàm thành thánh, trở về vị Phật vốn sẵn có thì sự giáo dục của đức Phật bèn viên mãn. Thành Phật có khó hay không? Sau khi quý vị đã hiểu rõ nguyên lý được giảng trong kinh, sẽ biết là chẳng khó chút nào, buông xuống mà thôi! Buông Kiến Tư phiền não xuống, bèn thành A La Hán, buông Trần Sa phiền não xuống, sẽ là Bồ Tát, buông vô minh phiền não xuống, quý vị bèn thành Phật, trở về tự tánh. Do vậy, tu học Phật pháp, nói tới công phu tu hành thật sự thì là gì? Từ đầu tới cuối là buông xuống mà thôi! Vì sao bảo quý vị buông xuống? *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*,chẳng có gì là thật. Nếu là thật, đức Phật sẽ chẳng bảo chúng ta buông xuống. Bảo quý vị buông xuống vì tất cả đều là hư vọng. Quý vị buông những thứ hư vọng xuống, chân thật liền hiện tiền, chân thật là gì? Phật tánh. *“Tự tánh thanh tịnh viên minh thể”* như Hoàn Nguyên Quán đã nói bèn hiện tiền, buông vọng xuống, Chân liền hiện tiền, đó gọi là *“chứng Chân”*. Trong kinh, đức Phật đã giảng vấn đề này, giảng về nguyên khởi của vũ trụ, giảng chánh báo do đâu mà có. Chánh báo là gì? Chính mình, chính bản thân ta, ta do đâu mà có.

 Kinh Đại Thừa nói rất rõ ràng, rốt cuộc thân thể của ta là như thế nào? Nhục thân bao gồm xương, máu, lông trên da, lông tơ, tóc, đều thuộc về chánh báo. Đó là hiện tượng vật chất. Vật chất và tinh thần đồng thời phát sanh, vì sao? Trong tự tánh vốn trọn đủ. Huệ Năng đại sư kiến tánh đã bảo: *“Nào ngờ tự tánh bổn tự trọn đủ”*, trọn đủ những gì? Trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng thần thông, vô lượng tướng hảo, hết thảy đều là vô lượng, chẳng khiếm khuyết mảy may! Vì sao nói là vô lượng? Thật sự là vô lượng. Các khoa học gia hiện thời có tính toán, đáng tiếc là tôi chẳng ghi chép những con số ấy, sau này, tôi tìm người giỏi toán viết những con số ấy ra. Trên thân người chúng ta, họ biết trên thân người có bao nhiêu tế bào. Những tế bào ấy phân tích ra thành bao nhiêu phân tử, lại phân tích ra thành bao nhiêu nguyên tử, [sẽ biết] trên thân có bao nhiêu nguyên tử, bao nhiêu lạp tử. Nay đã phân tích đến lượng tử, trên thân này có bao nhiêu lượng tử. Những lượng tử nhỏ như vậy vẫn là Ngũ Uẩn như đức Phật đã nói. Đức Phật giảng rất hay, lớn đến mức như vũ trụ, nhỏ đến mức như lượng tử, đều chẳng thể vượt ngoài Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn là gì? Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần. Thọ (受) là gì? Nó có năng lực cảm thụ, tiếp nhận. Nó có thể thấy, có thể nghe, có thể tiếp xúc bên ngoài. Nó có Tưởng, có Hành, Hành (行) là gì? Hành là như trong phần trước của kinh đã nói *“mấy trăm ngàn thứ biến hóa”*. Đó là Hành, mấy trăm ngàn thứ biến hóa là hình dung nó có thể biến hóa. Nó có Thức, nay chúng ta gọi Thức là *“tư tấn”* (資訊), tức tin tức. Có bao nhiêu tin tức? Trong một tiểu quang tử có tin tức trọn khắp pháp giới hư không giới, tất cả tin tức đều ở trong đó, chẳng sót một điều nào. Vì vậy, trong Phật pháp có khoa học bậc cao.

 Có người hỏi tôi một câu hỏi khó: Con giun, tức là một loại trùng bò nho nhỏ, quý vị dùng dao chặt nó làm đôi, nó liền biến thành hai con. Nó chẳng chết, cả hai con đều sống. Người ấy hỏi tôi chuyện gì? Người ấy nói thần thức là một, nay biến thành hai con giun, có phải là có hai thần thức? Đúng vậy! Có hai thần thức thì trong tương lai, chúng thành Phật chẳng phải là thành hai vị Phật ư? Giải đáp vấn đề này như thế nào? Chúng tôi giải đáp theo tướng. Nói theo sự, nói theo tướng, thân của nó tồn tại, tồn tại ở chỗ nào? Mỗi tiểu quang tử đều là một thể hoàn chỉnh. Nói cách khác, thần thức là vô lượng vô biên, chẳng sai! Một người có thể trở thành vô lượng, vô biên Phật, nói cho quý vị biết là thật, cũng chẳng giả! Nếu một người tạo tác tội nghiệp trong địa ngục, có phải là vô lượng vô biên thân hứng chịu vô lượng vô biên tội hay không? Đúng vậy! Trong kinh, đức Phật đã nói như thế. Vì sao chúng ta nói rất nhiều người đầu thai trong lục đạo, [đầu thai] là một thần thức, chẳng phải là hai ư? Nói cho thông suốt, hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng. Ý niệm của quý vị chấp trước thân này là chính mình, thân đã chết mà vẫn chẳng nỡ rời khỏi, giữ rịt lấy thân thể này, nên gọi là *“thủ thi quỷ”* (quỷ giữ thây), trọn chẳng biết thân lẫn tâm đều là giả. Chẳng phải là Quán Thế Âm Bồ Tát đã nói rất rõ ràng trong Tâm Kinh, mọi người hằng ngày đều niệm kinh ấy, vì sao hoàn toàn chẳng sử dụng được? Bồ Tát nói rất rõ ràng: *“Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không”* (khi hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật Đa, soi thấy năm uẩn đều không). Sau đấy, càng nói tỉ mỉ hơn: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức diệc phục như thị”* (Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như vậy). Nếu quý vị tham cứu thấu triệt kinh văn ấy, vấn đề của quý vị sẽ được giải đáp. Chẳng còn nữa! Quý vị chẳng có vấn đề ấy! Bởi lẽ, nếu quý vị chấp trước, nó sẽ biến thành một. Nếu chẳng chấp trước, nó liền biến thành rất nhiều. Vì vậy, Phật, Bồ Tát có thể phân thành vô lượng vô biên thân. Địa ngục cũng là như thế, xác thực là phân thành vô lượng vô biên thân trong địa ngục để lãnh chịu vô biên hình phạt.

 Đến nay, kinh văn đã được học thuyết khoa học chứng minh, dễ hiểu hơn trước kia. Vì thế, đối với kinh văn sâu xa, uyên áo như thế này mà cổ nhân có thể thấu hiểu, chúng ta bội phục họ năm vóc sát đất. Hiện thời, nhờ các báo cáo của các nhà khoa học, chúng ta được đắc lực rất nhiều. Đem chúng so sánh với Phật học, chúng ta liễu giải Phật pháp càng rõ ràng hơn. Ở đây là nói đến nguồn cội của Bảo Sát (cõi báu). Mặt đức Phật phóng quang, trong quang là gì? Trong quang minh có vô lượng vô biên cõi Phật, quý vị thấy quang minh hiện bóng cõi báu trang nghiêm của mười phương cõi Phật. Nói cách khác, trong Phật quang hiện ra đạo tràng thuyết pháp giáo học của mười phương chư Phật. Bảo sát là đạo tràng, các Ngài hoạt động tại đó, giảng kinh, dạy học nơi đó. Người nào có thể thấy hiện tượng này? Pháp Thân Bồ Tát. Vì sao? Các Ngài chẳng có chướng ngại. Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới vẫn chưa được, chẳng thấy, trừ phi Phật và các Ngài có duyên liền đặc biệt gia trì thì sẽ có thể thấy. Chẳng được Phật lực gia trì, sẽ chẳng thấy, nhưng Pháp Thân Bồ Tát không cần gia trì, bất cứ lúc nào cũng đều có thể thấy.

Tiếp đó là: *“Tống dịch tục vân: Như thị công đức, đắc vị tằng hữu. Cái vị chiêu thị thập phương, Phật tương khai diễn đệ nhất hy hữu chi pháp, cố hiện thị tiền sở vị kiến chi thụy. Cố bổn kinh trung tục viết: Tùng tích dĩ lai, vị sở tằng kiến, hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm”* (bản Tống dịch ghi thêm: “Công đức như vậy là chưa từng có”. Ấy là vì tỏ rõ với mười phương: Đức Phật sẽ khai diễn pháp hy hữu bậc nhất. Vì vậy, đức Phật hiện tướng lành chưa từng bao giờ thấy như thế. Do đó, kinh này chép tiếp rằng: “Từ xưa đến nay, chưa từng được thấy, mừng rằng mình được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu”). Mấy câu này cho biết, trong bản Tống dịch có hai câu như thế, tiếp theo đó, có tất cả bốn câu: *“Diện sắc viên mãn, bảo sát trang nghiêm, như thị công đức, đắc vị tằng hữu”* (Sắc mặt viên mãn, cõi báu trang nghiêm, công đức như thế là chưa từng có). Đó là kinh văn trong bản Tống dịch. *“Chiêu thị thập phương”*: Chiêu là chiêu minh (昭明: sáng tỏ) Thị (示) là thị hiện (示現), thị hiện rõ rệt cho mười phương chúng sanh được thấy nghe, bao hàm ý nghĩa: Nay Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ khai diễn pháp hy hữu bậc nhất. Chúng ta phải ghi nhớ câu này, phương pháp hy hữu bậc nhất là kinh Vô Lượng Thọ. Vì vậy, kinh Vô Lượng Thọ có thể gọi là kinh bậc nhất [trong các kinh do] chư Phật đã nói. Lời này cũng chẳng phải do chúng tôi tùy tiện thốt ra. Thiện Đạo đại sư đã nói: *“Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế”* (sở dĩ chư Phật xuất hiện trong cõi đời), các Ngài đến hiện thân, thuyết pháp trong thế gian này, *“duy thuyết Di Đà bổn nguyện hải”* (chỉ để nói biển bổn nguyện của Phật Di Đà), có nghĩa là Phật đến thế gian này để giáo hóa chúng sanh, độ thoát chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, giúp chúng sanh lìa khổ, được vui, Ngài đã dùng phương pháp gì? Thứ nhất là dùng phương pháp này. Vô lượng pháp môn khác nhằm phụ trợ phương pháp này. Giống như một cội cây to, phương pháp này là cội rễ, ngàn kinh vạn luận là cành cây, thân cây, ngọn cây, lá cây, là những thứ đó, còn kinh này là căn bản.

Chúng ta cũng nghe các tổ sư đại đức bảo Hoa Nghiêm là căn bản của hết thảy các pháp. Chẳng sai! Chẳng sai tí nào cả! Kinh Hoa Nghiêm xác thực là căn bản, vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật minh tâm kiến tánh, sau khi kiến tánh, Ngài đã hoàn toàn nói ra cảnh giới đã thấy. Đó là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, há có sai! Đương nhiên [Hoa Nghiêm] là căn bản pháp luân. Hết thảy các pháp được nói trong bốn mươi chín năm đều là cành lá của Hoa Nghiêm, từ xưa các vị tổ sư đại đức đã công nhận điều này. Vậy thì vì sao kinh Vô Lượng Thọ lại biến thành bậc nhất? Chúng ta đọc kỹ kinh Hoa Nghiêm sẽ hiểu rõ. Kinh Hoa Nghiêm cho đến cuối cùng viên mãn như thế nào? Tự tu viên mãn, độ chúng viên mãn, viên mãn như thế nào? Cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Dẫn về Cực Lạc là dẫn về kinh Vô Lượng Thọ, Hoa Nghiêm đạt đến rốt ráo viên mãn là trở về Vô Lượng Thọ. Do vậy, kinh Vô Lượng Thọ liền biến thành căn bản của căn bản, chúng ta chớ nên không biết điều này, chớ nên không nhận thức rõ ràng! Nếu không, thì sao? Đã gặp pháp môn này vẫn nghĩ pháp môn khác khá lắm, chẳng trọn đủ tín tâm đối với pháp môn này. Tín tâm chẳng đủ, Phật pháp chẳng bị thiệt thòi, mà chính là quý vị bị thiệt thòi: Pháp hy hữu bậc nhất ở ngay trước mặt mà quý vị bỏ lỡ, đời sau vẫn bị luân hồi, vẫn phải sanh tử, quý vị sai lầm mất rồi! Vì thế, câu này có ý nghĩa sâu xa, quý vị phải thừa nhận bộ kinh này là pháp hy hữu bậc nhất.

 *“Cố hiện thị tiền sở vị kiến chi thụy”* (nên hiện tướng lành chưa từng thấy như trên đây): Đức Phật hiện tướng lành, *“phóng quang hiện thụy”* (phóng quang, hiện tướng lành), trong hết thảy các kinh, quý vị chẳng thấy Ngài toàn thân phóng quang. Vì thế, kinh này nói tiếp: *“Tùng tích dĩ lai”* (từ trước tới nay), đây là nói về tôn giả A Nan. Ngài A Nan là thị giả của đức Phật. Đức Phật giảng kinh, Ngài chưa hề vắng mặt buổi nào, trước nay, Ngài chưa thấy đức Phật hoan hỷ dường ấy, đức Phật hiện tướng thù thắng ngần ấy. Chúng ta phải ghi nhớ tướng được biến hiện này. Đức Phật chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, vì sao mỗi ngày hiện tướng khác nhau? Đức Phật vĩnh viễn trụ trong tự tánh. Sách Hoàn Nguyên Quán nói *“tự tánh thanh tịnh viên minh thể”*, đó là trụ xứ của Phật, chẳng lìa tự tánh. Trong tự tánh, chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng có khởi tâm động niệm. Đức Phật thị hiện trong mười pháp giới, thị hiện trong tam đồ, cũng chẳng có khởi tâm động niệm. Hết thảy chúng sanh thấy Phật thị hiện, toàn là do nghiệp cảm của chúng sanh, nghiệp của chúng sanh niệm niệm khác nhau. Phàm phu chúng ta không biết, chúng ta biết thô niệm, nhưng chẳng biết tế niệm. Di Lặc Bồ Tát bảo: *“Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm”*. Chúng ta chẳng biết các niệm ấy, chúng là thật, chẳng giả! Nếu là người khảy ngón tay mau lẹ, trong một giây có thể khảy năm lần thì trong một giây có bao nhiêu niệm? Tính theo cách nói của Di Lặc Bồ Tát, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Một giây là một ngàn sáu trăm triệu, làm sao quý vị có thể biết được nổi? Niệm niệm đều khác nhau. Vì thế, kinh nói *“mấy trăm ngàn thứ biến hóa”*, lời ấy là thật, chẳng giả tí nào. Ngài nói toàn là chân tướng sự thật, toàn là cảnh giới Như Lai đích thân chứng đắc, chẳng phải là tùy thuận ý niệm của phàm phu chúng ta, mà là cảnh giới do Ngài đích thân chứng. Vì thế, ngài A Nan trông thấy, A Nan đại diện cho đại chúng dự hội, *“hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm”* (mừng được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu), khẳng định trong các đại chúng dự hội [cũng có một tâm trạng ấy].

  *“Thử biểu A Nan tuy cửu thị Phật trắc, đản như tư thụy tượng, tiền sở vị kiến. Kim nhật hạnh năng chiêm thị khâm ngưỡng, kiến thử quang minh, tâm trung hoan hỷ, nãi khởi hy hữu nan tao chi tưởng”* (Điều này cho thấy ngài A Nan tuy hầu bên cạnh Phật đã lâu, nhưng các tướng lành như thế ấy từ trước đến nay Ngài chưa từng được thấy. Ngày nay may mắn ngắm nhìn, khâm phục. Thấy quang minh này, trong tâm hoan hỷ, liền khởi lên ý tưởng hy hữu, khó gặp). Câu này ý nói lên cảm nhận của tôn giả A Nan vào lúc ấy, quá hy hữu, cơ hội thành Phật viên mãn trong một đời đã đến rồi! *“Ư thị, A Nan tùng tòa nhi khởi, ca-sa bị thể, đản lộ hữu kiên, thử danh thiên đản hữu kiên, nãi tỳ-kheo trí kính chi cực”* (Do vậy, A Nan liền từ chỗ ngồi đứng lên, kéo áo ca-sa đắp thân để lộ vai hữu, chuyện này được gọi là “trật áo vai phải”, đó chính là cách tỏ lòng cung kính cùng cực của tỳ-kheo). Đấy là sự lễ kính của hàng đệ tử xuất gia đối với đức Phật. *“Thiên đản hữu kiên”* (偏袒右肩: trật áo, lộ vai phải) là cách kính lễ nhất. Tấm y mà giới Phật giáo Trung Hoa đắp hiện thời được gọi là Ca Sa (Kāṣāya), quý vị thấy để lộ vai phải, vì sao phải lộ vai phải? Niệm niệm chẳng quên phụng sự thầy, đối trước thầy hành lễ. Thầy có chuyện gì muốn sai bảo quý vị làm, sẽ hết sức thuận tiện, tay phải ở ngoài [ca-sa], sẽ phục vụ rất nhanh nhẹn, có thể tiếp nhận, [hở vai áo phải nhằm biểu thị] niệm niệm chẳng quên phụng sự sư trưởng. Ở nhà thì hiếu thuận với cha mẹ, cũng là niệm niệm chẳng quên chuyện do cha mẹ đã giao phó, sẽ thực hiện rất nhanh, chớ nên lười nhác, biểu thị ý nghĩa này. Bình thường thì sao? Bình thường thì y ca-sa phủ kín hai vai. Hở vai bên phải là hành lễ. Quý vị thấy trong Tiểu Thừa, Nam Truyền Tiểu Thừa, họ quấn ca sa trên người, bước vào đại điện bèn lộ tay phải. Phật giáo truyền đến Trung Quốc, Trung Quốc thuộc khu vực ôn đới. Thuở Phật cư trụ tại Ấn Độ, Ấn Độ là xứ nhiệt đới, nên họ ăn mặc rất đơn giản, ba y là đủ rồi. Xứ nhiệt đới thì đến đêm, ba y coi như chăn đắp, ban ngày đều phủ lên thân. Khi làm lụng, chỉ dùng một tấm y, thường nói y năm điều là quần áo lao động. Y bảy điều là lễ phục thông thường, là lễ phục mặc thường xuyên. Từ chín điều trở lên cho đến hai mươi lăm điều là đại lễ phục. Tấm y hiện thời của chúng ta là hai mươi lăm điều, là đại lễ phục, khi hành lễ mới dùng. Đức Phật giảng kinh, chúng ta đến nghe kinh là đại lễ. Bởi lẽ, trong giảng đường, hoạt động Phật giáo là giảng học, chẳng có hoạt động nào khác. Đức Thế Tôn thăng tòa thuyết pháp, học trò cung kính đến nghe giảng, tất cả đều trật áo hở vai phải, đều mặc đại lễ phục.

 *“Trường quỵ hiệp chưởng: Trường quỵ giả, song tất trước địa”* (Quỳ thẳng chắp tay: Quỳ thẳng là hai gối đặt sát đất), có thể quỳ lâu dài. Khi hành lễ bái Phật, có lúc sử dụng hồ quỵ (胡跪). Hồ quỵ là chỉ có một chân đặt xuống đất, cũng là hành lễ, biểu thị đức Phật có sai phái gì, quý vị bèn đứng lên rất mau, đều là tâm thái ắt phải có để phụng sự bậc trưởng thượng, chẳng dám lười nhác, tán loạn, sử dụng theo ý nghĩa này. Trong trường quỵ cũng có hồ quỵ, một chân đặt sát đất, ở đây nói là hai gối đặt sát đất, cũng là trường quỵ. Trong trường quỵ có hai loại, chớ nên không biết. *“Hiệp chưởng giả, hợp tả hữu lưỡng chưởng chi thập chỉ, cố hựu danh Hiệp Thập. Ấn Độ dĩ hiệp chưởng biểu kính lễ, biểu nhất tâm chuyên chú, cung kính chi nghi”* (“Chắp tay” là khép mười ngón tay từ hai bàn tay trái và phải lại, nên lại gọi là “hiệp thập” (ép sát mười ngón tay lại). Ấn Độ dùng chắp tay để biểu thị sự kính lễ, biểu thị nhất tâm chuyên chú, là nghi lễ tỏ lộ sự cung kính). Mười đầu ngón tay biểu thị điều gì? Biểu thị tán loạn. Chúng ta có rất nhiều ý niệm, nghĩ Đông tưởng Tây. Khi cung kính bèn chắp hai tay lại, biểu thị chúng ta thu hồi sự tán loạn, nhất tâm chuyên chú, có ý nghĩa này. Vì thế, khi chắp tay, nhất định phải chắp sao cho các ngón thật khít nhau nhằm biểu thị nhất tâm. Có người chắp tay [mà các ngón tõe ra] như thế này, tức là không chuyên tâm, mà cũng chẳng cung kính, làm cho có mà thôi, chẳng có thành ý! Vì thế, khi thành ý, nhất định phải chắp lại thật khít, biểu thị thành ý. Điều này là lễ tiết nhỏ nhặt, nhưng lễ tiết vụn vặt chớ nên bỏ. Lễ tiết nhỏ nhặt cũng chẳng bỏ mất thì đại đức mới có thể thành tựu. Vì vậy, trong hiện thời, thành tựu đại đức rất khó khăn, vấn đề là vì đối với lễ tiết nho nhỏ đã tùy tiện, cứ ngỡ những chi tiết nhỏ nhặt cứ qua loa cũng được. Do đó, chẳng thể thành tựu đại đức.

 Chữ *“Bạch”* (白) là từ ngữ tôn kính. Đối với bề trên, đối với trưởng bối, như chúng ta thường thấy trong kinh chép là *“bạch Phật ngôn”* (bạch cùng đức Phật rằng), hiện thời nói là “báo cáo”. Bạch có nghĩa là báo cáo. *“Biểu bạch dã. A Nan trường quỵ, hiệp chưởng, hướng Phật trần thuyết, kính phát sở vấn dã”* (“Bạch” là thưa bày. A Nan quỳ dài, chắp tay, hướng về đức Phật tỏ bày, cung kính thốt lời thưa hỏi). Những chữ được nêu trên đây toàn là lễ tiết. Những lễ tiết ấy thường được vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, là lễ tiết đối với tất cả các vị tôn trưởng. Đức Phật là thầy, cũng là trưởng bối. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có trọn đủ những lễ tiết, lễ phép hay không? Lễ tiết thật sự trọng yếu dường ấy ư? Trọng yếu! Vì sao? Tâm chân thành thanh tịnh của quý vị người khác nhìn chẳng ra, nhưng nó sẽ được bộc lộ qua các động tác. Chúng ta làm theo cách như vậy, đương nhiên là chính mình chân thành, biểu thị sự chân thành của chính mình, ngoài ra còn là giáo hóa chúng sanh. Đặc biệt là trong thời đại này, mọi người quên khuấy lễ kính, chúng ta bất luận ở nơi đâu, quý vị làm chuyện này sẽ là công đức, là tu công đức. Bất luận ở nơi chốn nào, quý vị thấy người khác, người khác là trưởng bối của chúng ta, hoặc tuổi tác cao hơn chúng ta, lớn hơn mười tuổi trở lên là trưởng huynh, lớn hơn hai mươi tuổi là bậc ngang vai vế với cha ta, chính mình là vãn bối, hoặc là [trông thấy người] cấp bậc cao hơn chúng ta, hễ trông thấy phải hành lễ, lễ thì phải cung kính. Lễ tiết trong Phật môn là khi xá chào phải khom mình chín mươi độ để hành lễ, điều này có tất yếu hay không? Có chứ! Quý vị thấy chúng tôi hễ nhìn thấy người khác bèn khom mình chín mươi độ để hành lễ, trong tâm quý vị bèn sanh lòng hoan hỷ. Người hiện thời chẳng có lễ tiết, thấy cha mẹ, người trên mà gật đầu thì kể ra cũng còn khá, [vì] có lúc, đầu họ cũng không thèm gật nữa kia! Nếu chẳng có lễ, thưa cùng chư vị, chẳng có tâm cung kính, vì sao? Điều gìn giữ trong lòng nhất định thấu lộ ra ngoài. Trong tâm quý vị thật sự thành kính, bên ngoài tự nhiên là lễ tiết như vậy, chẳng cần ai dạy. Quý vị rất cung kính một ai đó, trông thấy người ấy, đúng là sẽ [cư xử] khác hẳn.

Vì thế, người hiện thời bỏ sót lễ, cũng chẳng có ai dạy, nên tâm thành kính chẳng có, học thứ gì cũng đều học chẳng thành. Vì sao? Ấn Quang đại sư nói rất hay: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Quý vị chẳng có thành kính, làm sao đạt được? Dẫu là vị thầy giỏi đến mấy, hoặc bậc thánh hiền đến dạy quý vị, Phật, Bồ Tát đến dạy quý vị, quý vị đều chẳng đạt được lợi ích, vì sao? Thiếu tâm thành kính. Điều này cho thấy, chẳng phải là Phật, Bồ Tát không đến, mà là do Phật, Bồ Tát thấy quý vị chẳng có thành kính, có đến cũng vô dụng! Phật, Bồ Tát thật sự đến, sẽ giúp quý vị tạo nghiệp, Phật, Bồ Tát chẳng nỡ lòng nào! Vì sao? Không chân thành bất kính là tội, là lỗi, lẽ nào Phật, Bồ Tát giúp quý vị tạo tội lỗi? Vì vậy, các Ngài lánh xa, đó là lòng từ bi chân chánh, chẳng khiến cho chúng ta vì bất kính thánh hiền mà phạm tội lỗi, nên các Ngài tránh né. Quý vị thấy Phật, Bồ Tát vì chúng ta thị hiện là từ bi, mà tránh né chẳng đến vẫn là từ bi! Hiểu đạo lý này, chúng ta muốn cầu học, thật sự mong cho học nghiệp và đạo nghiệp của chính mình thành tựu thì thành tựu từ nơi đâu? Thành tựu từ tâm cung kính, điều này rất quan trọng. Bản thân tôi cầu học thuở trước là một thí dụ tốt. Chúng tôi chẳng có quan hệ gì với thầy, căn bản là chẳng quen biết. Nghe tiếng thầy được rất nhiều người cung kính, tán thán, chúng tôi biết đó là một vị thầy tốt nên được nhiều người tán dương như vậy, học đòi Mao Toại [[28]](#footnote-29)[4] tự tiến cử, viết thư gởi cho thầy. Chúng tôi là một gã nghèo túng, hèn mọn, mong học mà chẳng có duyên phận, viết một bức thư thỉnh cầu thầy chấp thuận cho chúng tôi được học bàng thính. Khi thầy dạy, cho phép chúng tôi được dự thính. Tôi cung kính viết lá thư ấy. Thầy nhận được thư bèn hẹn tôi gặp mặt, trực tiếp nói chuyện. Chúng tôi giữ lễ đối với thầy, xác thực là có biểu hiện, tuy chẳng phải là mười phần cung kính, nhưng phải là được bảy tám phần, chẳng giống các bạn học thông thường.

 Thầy không chỉ là chịu dạy, mà mỗi tuần còn dành cho tôi hai giờ, dạy tôi ở nhà thầy hai tiếng đồng hồ, chẳng thể tưởng tượng được! Một xu học phí cũng chẳng có! Nếu gặp người khác thì trong giờ lên lớp, anh đến nghe ké chẳng phải là đã được rồi hay sao? Đặc biệt dành ra thời gian, mỗi tuần dạy tôi hai giờ, giảng cho tôi một bộ khái luận triết học, chẳng theo sách giáo khoa. Nhân duyên học Phật của tôi do vậy mà có. Chủ đề trong khoa mục cuối cùng là triết học trong kinh Phật, thầy bảo tôi: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”*, quét sạch mọi thứ hiểu lầm trong thời trẻ của tôi đối với Phật giáo. Vì chúng tôi vốn nghĩ Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, chẳng có ý niệm muốn tiếp xúc. Khi thầy giới thiệu như thế, mới biết trong Phật pháp có đại học vấn, bèn sửa đổi quan niệm trong quá khứ, bắt đầu đến chùa miếu. Đến chùa miếu để làm gì? Tìm xem kinh sách. Thầy chỉ định những kinh điển nào mong chúng tôi sẽ đọc. Thuở ấy, kinh điển chẳng thể mua từ bên ngoài, chỉ trong chùa miếu mới có Đại Tạng Kinh, phải sao chép từ trong Đại Tạng Kinh ra. Thuở ấy, tôi còn sao chép mười mấy bộ. Đó là gì? Đó là chính mình thuở bé học được đôi chút tôn sư trọng đạo do cha mẹ dạy, sau này đạt được sự tiện nghi ấy, chẳng dễ dàng! Vì thế, thảy đều do từ lễ nghi cung kính mà được thầy hoan hỷ, chịu dạy tôi, chẳng cần đóng học phí, đặc biệt bỏ ra thời gian dạy học, duyên phận ấy hy hữu, khó gặp! Vì thế, cầu thiện tri thức thì phải đầy đủ điều kiện để cầu thiện tri thức, chớ nên không biết!

 Tiếp đó là lời hỏi của A Nan, A Nan mở miệng thưa: *“Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định”* (nay đức Thế Tôn nhập đại tịch định). Ở đây, cụ Niệm Tổ có giải thích: *“Ly nhất thiết tán động, cứu cánh tịch tĩnh, vị chi đại tịch”* (Lìa hết thảy tán động, tịch tĩnh rốt ráo thì gọi là “đại tịch”). Tiếp đó là nói: *“Đại tịch định giả, Như Lai sở nhập chi Thiền Định”* (Ðại tịch định là Thiền Định được đức Như Lai nhập). Trên thực tế, đại tịch định là gì? Là tự tánh vốn định. Khi kiến tánh, Huệ Năng đại sư đã nói, Ngài báo cáo [tâm đắc với Ngũ Tổ], câu thứ tư là: *“Nào ngờ tự tánh vốn chẳng dao động”*. Đó là đại tịch định, trở về tự tánh. Vì thế, lìa hết thảy tán động, Trần Sa phiền não là Tán, Kiến Tư phiền não là Động. Tịch tĩnh rốt ráo, cảnh giới ấy cao lắm. Chẳng có hai chữ “rốt ráo” thì tịch tĩnh là Bồ Tát, thêm vào hai chữ “rốt ráo” sẽ là Như Lai, cao hơn Bồ Tát, gọi là “đại tịch”. Vì thế, đại tịch định là môn Thiền Định do đức Như Lai đã nhập, là tự tánh vốn định. *“Niết Bàn kinh tạp viết”* (kinh Niết Bàn quyển thứ ba mươi chép), đức Phật nói, *“Ngã ư thử gian Sa La song thụ, nhập đại tịch định. Đại tịch định giả, danh Đại Niết Bàn”* (Ta ở rừng Sa La song thụ trong cõi này, nhập đại tịch định. Ðại tịch định có tên là Ðại Niết Bàn). Kinh Niết Bàn do đức Thế Tôn nói khi Ngài nhập diệt. Thích Ca Mâu Ni Phật rời khỏi thế gian này, người thế gian nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã chết, Phật có sanh tử hay không? Thưa cùng chư vị, chẳng có! Phật chẳng có sanh tử; chúng ta có sanh tử hay không? Nói cho quý vị biết, chúng ta cũng không có sanh tử. Chúng ta sanh tử là thân có sanh tử, nhưng linh hồn chẳng có sanh tử, thật vậy, chẳng giả! Linh hồn hết sức tích cực trong khoảng thời gian và không gian này.

 Chúng ta xem quyển sách này, Khải Tát Quân Đoàn Đông Chinh Trung Quốc Chi Mê (bí ẩn về đoàn quân đông chinh Trung Quốc của Caesar). Chuyện này được phát hiện gần đây nhất, là chuyện từ hai ngàn một trăm năm trước, là thật, chẳng giả. Đại đế Khải Tát (Caesar) của đế quốc La Mã phái một đoàn quân hơn mười vạn người xâm lược Trung Quốc, quả thật đường sá xa xôi, đội quân đến mười mấy vạn người, theo báo cáo cho biết, kỵ binh là hai phần ba, bộ binh một phần ba. Một đội ngũ khổng lồ chẳng thể di chuyển quá nhanh. Nếu kỵ binh tiến trước, đằng sau bị lạc khỏi đội ngũ thì không được rồi! Ban đêm đóng quân nghỉ trong lều, đều ở cùng một chỗ. Một đoàn quân khổng lồ như vậy, đi từ La Mã đến Trung Quốc mất hơn một năm. Khi đi đến vùng Tân Cương hiện thời, đoàn quân ấy gần như đã có hai vạn người chết vì bệnh truyền nhiễm. Chúng ta biết họ rời khỏi La Mã, chẳng bổ sung thêm quân, nên số lính một mực giảm bớt, chẳng được bổ sung. Ở Trung Quốc, họ cùng quân Trung Quốc giao chiến tại Tân Cương. Quân đội La Mã được huấn luyện kỹ càng, thuở ấy họ vô cùng nổi tiếng nhất Âu Châu là quân đội rất hung hãn. Vì thế, họ cũng rất kiêu ngạo, coi thường người Hoa, người Hoa nhỏ con hơn họ, vóc dáng lại lùn tịt. Nhưng người Hoa có mưu mẹo, dùng trí để thắng. Đánh một trận đầu với người Hoa, bị chết hơn chín ngàn người. Sau khi giao chiến với Trung Quốc, chẳng dám khinh địch, niềm tin sẽ chiếm lãnh Trung Quốc cũng mất đi, chỉ sợ chẳng có năng lực chiếm đóng Trung Quốc, nhưng mệnh lệnh của đại đế Caesar chẳng thể trái nghịch, cứ tiếp tục tiến về hướng Đông. Đi đến hành lang Hà Tây, tức là đến vùng Cam Túc, quân đội đã mất đi hai phần ba, tử vong vì giao tranh trên đường đi, hoặc tử vong khi hành quân, hoặc tử vong vì bị tai nạn bất ngờ. Đặt biệt là chẳng chịu nổi khí hậu sa mạc, nên tới được Hành Lang Hà Tây, [cả đoàn quân chỉ còn sót lại] gần như chưa tới một vạn người. Cuối cùng, toàn bộ cánh quân ấy bị diệt, rốt cuộc, còn lại hơn một trăm người tự sát tập thể tại Cam Túc, Trung Quốc.

 Câu chuyện đã được kể rất rõ ràng, và cũng được kể hết sức tường tận, là thật, chẳng giả. Quý vị thấy quỷ hồn của những người đã chết từ hai ngàn một trăm năm trước, được gọi là “cô hồn dã quỷ”, họ ôm nỗi chấp trước, vẫn [tự coi mình] là một quân đoàn trú đóng tại nơi ấy. Thống soái khá lắm, là con trai thứ ba của Caesar, tức tam vương tử. Binh lính yêu mến vị thống soái này, thống soái cũng yêu thương binh lính. Hiện thời, cánh quân linh hồn ấy đã biến thành du hồn, hết sức tích cực, dựa vào thân một người để kể câu chuyện này. Chúng tôi đến thăm La Mã, đem chuyện này nói với người La Mã, người La Mã có biết hay không? Biết, quả thật là trong lịch sử của họ có ghi chép, sau khi đã phái đi một đạo quân bèn chẳng có tin tức, biến thành một điều bí ẩn. Thuở ấy, người ta tưởng chắc là do bị lạc đường, nên đội quân ấy bị mất tích. Nay thì biết toàn bộ đã chết tại Trung Quốc. Quý vị thấy chuyện cách đây hai ngàn một trăm năm, những linh hồn ấy vẫn còn hết sức tích cực, chẳng giả. Sau khi đã chết, họ biết rất nhiều chuyện, biết gì vậy? Giết người phải đền mạng, cướp đoạt phải đền nợ! Chẳng đạt được tí ti tiện nghi nào! Vì thế, cuốn sách ấy là giáo dục nhân quả. Sau nhiều năm sống trong khổ sở như vậy, họ gặp Phật pháp, bèn quy y Tam Bảo tập thể. Bồ Tát từng bảo họ: “Trung Quốc chẳng phải là chỗ của quý vị, quý vị đến đây làm gì?” Tôi đọc cuốn sách ấy, đối với tôi, câu nói đó có một sự khải thị rất lớn, nói rõ điều gì? Dùng chiến tranh để cướp đoạt thì [đoạt được] vẫn là do trong mạng quý vị vốn có, quý vị nói xem có oan uổng hay không? Trong mạng chẳng có, dùng phương pháp chiến tranh vẫn chẳng thể đạt được! Vì thế, lập tức khiến cho chúng tôi nghĩ đến người Nhật phát động chiến tranh xâm lược Trung Quốc, đánh nhau tám năm rồi đầu hàng. Trung Quốc chẳng phải là nơi chốn của Nhật Bản, quý vị đến làm gì? Tin tức này cho chúng ta biết: Dùng võ lực chiếm đoạt người khác, rất sai lầm, phạm tội ác rất nặng.

 Cổ nhân nói rất hay: *“Mạng lý hữu thời chung tu hữu, mạng lý vô thời mạc cưỡng cầu”* (Trong mạng có, ắt rồi phải có; số đã không có, chớ cưỡng cầu). Quý vị phải tin vào nhân quả báo ứng. Quý vị mong phát tài, trong kinh có lý luận và phương pháp để phát tài. Quý vị học theo thì mới có thể phát tài; đúng lý, đúng pháp thì mới có thể đạt được. Chẳng đúng lý, chẳng đúng pháp, dựa vào phiền não tập khí của chính mình, dùng các thứ thủ đoạn bất chánh để đạt được, vẫn là do trong mạng có. Nếu trong mạng chẳng có, sẽ không đạt được, dẫu đạt được rồi cũng bị mất đi, sao lại khổ sở đến thế? Vì thế, giáo dục nhân quả tốt đẹp lắm, có thể giúp chúng ta sống cuộc đời bình thường. Chúng ta cầu trí huệ, cầu sống lâu, cầu của cải, trong kinh Phật đều có các phương pháp, có lý luận. Hãy đúng lý, đúng pháp mà cầu. *“Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”*, chẳng có gì không cầu được. Khó nhất là cầu thành Phật. Quý vị thấy thành Phật mà còn có thể cầu được, những thứ tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, thường gọi là “công danh, phú quý”, nhìn theo Phật pháp sẽ toàn là chuyện vặt vãnh, quá nhỏ nhoi, lẽ nào chẳng thể cầu được! Vì sao không dùng phương pháp bình thường để cầu, mà cứ phải dùng thủ đoạn phi pháp? Do thủ đoạn phi pháp mà cầu được, là do trong mạng quý vị có, nhưng vẫn là phạm tội! Phạm tội thì tuy quý vị cầu được, trong mạng đã bị chiết khấu, suy giảm, nhưng chính quý vị chẳng biết! Nếu quý vị biết, trong mạng quý vị phú quý là do nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ đã tu tập, tích lũy. Trong Phật pháp có đạo lý to lớn, chớ nên không biết.

 Kinh văn đã nêu rõ trạng huống khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Ngài ở trong rừng Sa La Song Thụ, lìa khỏi thế gian ở nơi ấy, nhập đại tịch định. Đại tịch định là Đại Bát Niết Bàn, nhập Vô Dư Niết Bàn, đức Phật đã khuất bóng. Đây là tướng cuối cùng trong tám tướng thành đạo của Thích Ca Mâu Ni Phật, vì sao phải thị hiện tướng ấy? Nếu đức Phật chẳng thị hiện tướng ấy, thường trụ trong nhân gian, kẻ bình phàm sẽ nẩy sanh hiểu lầm: Phật là một vị thần, trường sanh bất lão, làm sao chúng ta có thể làm được? Chúng ta sẽ chẳng dám học tập Ngài. Vì thế, đức Phật thị hiện giống như kẻ bình phàm chúng ta, có sanh, lão, bệnh, tử, mọi người liền tin tưởng. Phật chẳng phải là thần, Phật là người, Ngài có thể làm được, chúng ta cũng có thể làm được, tín tâm bèn mười phần trọn đủ. Đồng thời, Ngài đã ban cho chúng ta một sự cảnh giác cao độ, lúc quý vị thấy đức Phật tại thế, tuy theo học với Ngài, nhưng chẳng nghiêm túc, giải đãi, lười nhác, tán loạn. Đức Phật đã tịch rồi, đức Phật đã khuất bóng thì không còn chỗ nương cậy, nếu không nghiêm túc nỗ lực, mai sau sẽ xoay sở ra sao? Kích động, phát khởi đạo tâm nghiêm túc tu học của chính mình! Có hai thứ ý nghĩa như vậy, khiến cho chúng ta biết đức Phật chẳng thường trụ lâu dài trong nhân gian, Phật sẽ ra đi, chúng ta phải nắm chặt thời tiết nhân duyên này! Sau khi đức Phật đã khuất bóng, Ngài có dạy chúng ta, pháp vận của lão nhân gia dài đến một vạn hai ngàn năm. Pháp vận, nói theo cách hiện thời, sẽ là *“sức ảnh hưởng”.* Nói theo phương diện không gian, Ngài có sức ảnh hưởng trên cả thế giới. Nói theo phương diện thời gian, Ngài có sức ảnh hưởng suốt một vạn hai ngàn năm. Đó là đại đức. Chẳng phải là đại đức thì làm sao có thời gian ảnh hưởng lâu dài như thế?

Chúng ta hiểu rõ, chỉ biết Phật giáo hiện thời tuy suy vi, pháp vận của đức Phật hãy còn kéo dài tới tám ngàn năm sau. Pháp vận của đức Phật có lúc lên cao, có khi xuống thấp, hiện thời nhằm lúc thoái trào, trong tương lai sẽ có cao trào hay chăng? Khẳng định là có. Nhưng chúng ta nhất định phải nhận biết Phật pháp là giáo dục, quyết định chẳng phải là tôn giáo, phải hiểu rõ điều này. Phật giáo thừa nhận trong vũ trụ có thần, có quỷ thần, có thiên thần, có Phật, Bồ Tát trong các thế giới phương khác, đó là vũ trụ quan Phật giáo. Nhưng Phật trọn chẳng sùng kính thần, chư vị phải biết điều này. Nói đúng ra là quan hệ giữa chúng ta và Phật giống như quan hệ giữa người và người, chỉ là chúng sanh trong các chiều không gian khác nhau. Dục Giới Thiên và Sắc Giới Thiên khác chiều không gian với chúng ta. Quỷ thần cũng chẳng thuộc cùng một kích thước không gian với chúng ta. Nếu chúng ta có thể đột phá các chiều không gian, quý vị có thể thấy trọn vẹn. Có năng lực đột phá hay không? Có năng lực, tâm thanh tịnh hiện tiền, thời gian và không gian đều chẳng có. Nói theo Phật pháp, quý vị có thể chứng đắc quả vị A La Hán, có thể siêu việt thời gian và không gian. Bồ Tát có năng lực lớn hơn nữa, năng lực của Phật trọn khắp pháp giới, hết thảy chướng ngại đều chẳng có. Vì lẽ đó, bao nhiêu là thiên thần và quỷ thần đều là đệ tử Tam Bảo, quy y Phật Đà, họ cũng nghe kinh, nghe pháp, cũng tu hành, cũng niệm Phật, người cầu sanh Tịnh Độ cũng rất nhiều. Quỷ thần đều phát tâm cầu sanh Tịnh Độ; nếu chúng ta chẳng phát tâm thì ngay cả quỷ thần cũng chẳng sánh bằng, chớ nên không hiểu đạo lý này!

 Tiếp theo là: *“Hựu Chân Giải vân: Phổ Đẳng tam-muội cập đại tịch định, tịnh thị Niệm Phật tam-muội dị danh dã. Kim Phật vị thuyết Niệm Phật pháp môn, trụ Niệm Phật tam-muội”* (Sách Chân Giải lại viết: “Phổ Đẳng tam-muội và đại tịch định đều là tên gọi khác của Niệm Phật tam-muội. Nay đức Phật vì để nói pháp môn Niệm Phật bèn trụ trong Niệm Phật tam-muội”). Cách giải thích càng ngày càng gần gũi Tịnh Tông. Phổ Đẳng tam-muội: Phổ (普) là phổ biến, trọn khắp pháp giới là Phổ; Đẳng (等) là bình đẳng. Ba căn đều thích hợp trọn khắp, thâu gồm toàn bộ lợi căn và độn căn, đó là Đẳng. Bất luận căn tánh như thế nào, pháp môn Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là phổ đẳng, tức là chẳng có mảy may sai biệt, phổ biến bình đẳng. Chỉ cần quý vị gặp gỡ, chỉ cần quý vị có thể tin, hiểu, thật tu, chẳng có ai không vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể nào không thành Phật. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành Phật có sớm hay muộn, đó là do mỗi người siêng năng hay lười biếng khác nhau. Dũng mãnh, tinh tấn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thành Phật rất nhanh. Giải đãi, lười biếng, tán loạn, chẳng sốt sắng, sẽ chẳng bị thoái chuyển, [chỉ là] tiến bộ chậm hơn, nhưng vẫn thành Phật. Do đó nói pháp môn này là pháp môn Phổ Đẳng, còn đến đâu để tìm nữa? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, có rất nhiều môn bất bình đẳng, có những pháp môn chỉ thích hợp bậc thượng thượng căn, kẻ bình phàm chẳng tu được. Có những pháp môn chỉ thích hợp bậc thượng căn, kẻ trung hạ chẳng có phần. Có những pháp môn thích hợp kẻ hạ căn, người thượng căn cũng chẳng thể học. Ví như trong kinh Tiểu Thừa, có rất nhiều kinh giảng pháp nhân thiên, những bậc thượng căn biết sanh thiên chẳng rốt ráo, nên chẳng muốn học. Chẳng giống như pháp môn Tịnh Tông, pháp môn này đúng là Phổ Đẳng tam-muội, học pháp môn này bình đẳng. Chúng ta chọn cách trì danh niệm Phật. Trong Thập Lục Quán Kinh, Trì Danh Niệm Phật là phép Quán cuối cùng, tức phép Quán thứ mười sáu. Được liệt kê cuối cùng thì cũng là pháp môn kỳ lạ, đặc biệt nhất. Đối với chuyện này, Cổ Ấn Độ và Trung Hoa có nhiều chỗ rất giống nhau, khi diễn xuất nghệ thuật, màn biểu diễn hay nhất được đặt cuối cùng, người Ấn Độ cũng giống như vậy. Vì thế, phép Quán cuối cùng trong mười sáu phép Quán sẽ là pháp môn trọng yếu nhất và thù thắng nhất trong mười sáu phép Quán, tức là Trì Danh Niệm Phật. Trước nó, có các phép Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, cuối cùng là Trì Danh Niệm Phật, chúng ta phải biết đạo lý này.

 Kinh dạy: *“Phổ Đẳng tam-muội cập đại tịch định, tịnh thị Niệm Phật tam-muội dị danh”* (Phổ Đẳng tam-muội và đại tịch định đều là tên gọi khác của Niệm Phật tam-muội), là biệt danh. Phổ Đẳng tam-muội là Niệm Phật tam-muội, kinh còn gọi nó là Đại Tịch Định. *“Kim Phật vị thuyết Niệm Phật pháp môn, trụ Niệm Phật tam-muội”* (nay vì nói pháp môn Niệm Phật, đức Phật trụ trong Niệm Phật tam-muội): Trong pháp hội hiện thời, đức Phật vì đại chúng nói pháp môn Niệm Phật, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới cặn kẽ cùng đại chúng. Phật trụ ở nơi đâu? Phật trụ trong Niệm Phật tam-muội. *“Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật”* (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật), tin tức này nhằm bảo với chúng ta: Trong tâm chúng ta tưởng Phật, miệng niệm Phật, được Phật lực gia trì; hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật là Phật lực gia trì. Phật ở chỗ nào? Không nơi đâu, Phật chẳng hiện diện, không lúc nào chẳng tồn tại. Thiền sư Trung Phong bảo chúng ta: *“Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này”.* Vì thế, Phật không lúc nào chẳng hiện diện, không nơi đâu chẳng hiện hữu. Phật do đâu mà có? Phật là tự tánh biến hiện. *“Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”*, *“tâm ta chính là Di Đà, Di Đà chính là tâm ta”*. Quý vị thấy đó: Nói rất rõ ràng, rất minh bạch, những đoạn kinh văn khai thị ấy đã giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Khi trước, tôi thường nói: Chúng ta mong mỏi xã hội an định, thế giới hòa bình, phải như thế nào thì mới thực hiện được? Người trên thế giới ai nấy đều có thể làm tròn những việc thuộc về bổn phận của chính mình, điều này rất trọng yếu. Tương thân, tương ái những người có nghề nghiệp khác biệt, cùng nhau hợp tác, xã hội sẽ an định, phồn vinh, thế giới cũng thật sự hài hòa, mà cũng chẳng có tai nạn, [các tai nạn đã bị] hóa giải rồi! Mỗi người thực hiện tốt đẹp những chuyện thuộc bổn phận, bổn phận của người xuất gia học Phật là gì? Bổn phận là giảng kinh, giáo học, bổn phận là như vậy đó! Xuất gia thì phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, tại gia phải học theo cư sĩ Duy Ma. Cư sĩ Duy Ma là đức Phật tại gia, Thích Ca Mâu Ni Phật là Phật xuất gia, các Ngài có cùng đẳng cấp, chẳng có cao thấp!

 Từ kinh điển, từ kinh Duy Ma Cật, chúng ta thấy cư sĩ Duy Ma giảng kinh, thuyết pháp, các vị Đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất đến nghe kinh. Quý vị thấy các Ngài đối với cư sĩ Duy Ma lễ kính, đảnh lễ ba lạy, nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, lễ tiết hoàn toàn giống như gặp Thích Ca Mâu Ni Phật. Sự biểu diễn ấy nhằm bảo chúng ta: Phật giáo là sư đạo, là giáo dục. Trong sư đạo, thầy lớn nhất, tôn sư trọng đạo. Chẳng thể nói quý vị là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, đến chỗ cư sĩ Duy Ma nghe kinh, sẽ cao hơn người ta một bậc. [Nếu nghĩ như vậy] trật mất rồi! Chẳng có đạo lý ấy! Vì thế, người thăng tòa giảng kinh là lớn nhất. Cư sĩ Duy Ma là nam tử. Nếu là nữ chúng tỳ-kheo-ni thăng tòa giảng kinh, nam chúng đến nghe kinh, phải ghi nhớ: “Thầy luôn là lớn nhất!” Chẳng còn phải bàn ra tán vào chi nữa! Bà ta thăng tòa, đại diện cho Phật giảng kinh, giáo học, tỳ-kheo trông thấy phải lễ bái. Không lễ bái tức là chẳng tôn trọng pháp! Vị tỳ-kheo-ni ấy lại chẳng dám nhận lễ, làm như thế nào? Đặt trên giảng đài, trước mặt vị ấy một bức tượng Phật. Khi người ta lạy sẽ là lạy tượng Phật, ta ở sau tượng Phật, cách làm này cũng đúng pháp, cũng rất tốt. Trước giảng đài thờ tượng Phật, khi tỳ-kheo đến sẽ bái Phật. Do đó, Phật pháp có phương tiện thiện xảo, chẳng đánh mất tâm cung kính. Vì tâm cung kính, chẳng phải chỉ là cung kính pháp, cung kính thầy, mà còn khiến cho đại chúng đều trông thấy, làm cho đại chúng đều học tập, người lên đài thăng tòa đại diện cho Phật! Khi vị thầy của chính mình nếu đến nghe [học trò giảng] kinh thì cũng phải đối trước [người giảng] xá chào, cung kính Tam Bảo. Đó là biểu diễn, thường nói là làm Ảnh Hưởng Chúng, đều nhằm hướng dẫn, giáo hóa chúng sanh. Vì vậy, dụng ý biểu thị pháp rất sâu.

 *“Cố tri đại tịch định, thông thuyết tức vi Phật chi Thiền Định, danh Đại Bát Niết Bàn. Nhược án kim kinh, tắc chỉ Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội xưng Bảo Vương tam-muội, vi tam-muội trung vương. Kim nhật Thế Tôn khai diễn Tịnh Độ pháp môn, cố nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội”* (Như vậy, Ðại Tịch Ðịnh nói chung là một thứ Thiền Định của Phật mang tên Ðại Niết Bàn. Nếu xét theo kinh này, chữ *“đại tịch định”* chỉ Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội được gọi là Bảo Vương tam-muội, là vua trong các tam-muội. Giờ đây, đức Thế Tôn khai diễn pháp môn Tịnh Ðộ, nên Ngài nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội). Ý nghĩa này rất sâu, từ danh xưng của tam-muội, chúng ta có thể thấu hiểu, *“kim kinh”* là nói đến kinh Vô Lượng Thọ, nói về điều gì? Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội được gọi là Bảo Vương, hai chữ này rất khó có. Bảo (寶) là tỷ dụ, hình dung pháp môn này quý báu. Quý vị thấy bảy báu trong thế gian, vàng, bạc, lưu ly, mã não… Quý vị có được bảy báu, sẽ xa lìa sự nghèo cùng thiếu thốn trong cuộc sống vật chất, đạt được của cải, giàu có. Ở đây, chữ Bảo chỉ Phật pháp. Phật pháp còn trân quý hơn bảy báu của thế gian. Của báu trong thế gian có thể giúp đỡ thân mạng, khiến cho thân mạng quý vị sống thoải mái. Pháp Bảo có thể giúp đỡ huệ mạng, cũng có nghĩa là Pháp Bảo đem lại cuộc sống tinh thần còn thù thắng hơn cuộc sống vật chất. Cuộc sống vật chất dẫu phong phú cách mấy đi nữa mà chẳng có cuộc sống tinh thần; đó gọi là “giàu mà không vui”. Người ấy tuy giàu có, tuy địa vị rất cao, sống cuộc đời rất nhọc nhằn. Chúng ta thường thấy chuyện này, trong xã hội, gần như mỗi ngày quý vị đều thấy như vậy. Họ sống cuộc đời chẳng vui sướng, chẳng hạnh phúc! Người có cuộc sống tinh thần phong phú, sẽ sung sướng. Tuy nghèo cùng, chẳng có của cải, hèn mọn, chẳng có địa vị, [tức là] chẳng có địa vị trong xã hội, chẳng có tài sản, nhưng mỗi ngày sống vui sướng. Niềm vui do đâu mà có? Niềm vui sanh từ trí huệ, trí huệ là cội nguồn của cuộc sống tinh thần, thật sự đem lại hạnh phúc mỹ mãn, vui sướng vô cùng! Nói nông cạn, người có trí huệ chẳng tạo nghiệp. Không tạo nghiệp sẽ chẳng hứng chịu khổ báo, tương lai chẳng có thân này, tuyệt đối không vào ba ác đạo. Tâm địa thanh tịnh, người công phu tốt đẹp một chút sẽ biết chính mình đến đâu, không nhất định phải là học Phật thì mới biết trước lúc mất, người chẳng học Phật cũng tự biết trước lúc mất. Có nhiều người sanh lên cõi trời, lúc mạng chung, chư thiên đến tiếp dẫn, đồng nam đồng nữ cõi trời đến tiếp dẫn người ấy vãng sanh, biết sẽ ra đi khi nào. Phước báo cõi trời lớn hơn nhân gian nhiều lắm, tâm địa cũng thanh tịnh hơn nhiều! Người công phu tu hành tốt đẹp, chứng đắc quả vị, lại càng chẳng cần phải nói nữa. Có A La Hán tiếp dẫn, thiện thần tiếp dẫn, Bồ Tát tiếp dẫn. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, quý vị thấy thù thắng dường ấy. Đó gọi là Bảo Vương tam-muội.

 Tu Niệm Phật tam-muội như thế nào? Kinh dạy chúng ta: *“Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm”.* Khi nào sẽ đắc tam-muội? Tam-muội là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Chánh Thọ, hoặc Chánh Định. Thọ (受) là hưởng thụ. Chánh Thọ là sự hưởng thụ đúng đắn. Trong kinh, đức Phật đã dạy: Lục đạo phàm phu hưởng thụ cuộc sống hằng ngày bất bình thường! Đức Phật nói có năm thứ [cảm thụ], thân có khổ vui, tâm có lo mừng. Vì thế, năm thứ cảm thụ ấy là nói gộp thân và tâm lại, tức là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Chữ cuối cùng là Xả, tức là thân chẳng có khổ, vui, tâm cũng chẳng có lo, mừng; nay khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều chẳng có, nên gọi là Xả Thọ. Trên thực tế, Xả Thọ và Chánh Thọ hết sức gần gũi, vì sao chẳng gọi Xả là Chánh? Vì thời gian Xả rất ngắn, rất nhanh, quý vị lại có khổ, lạc, ưu, hỷ. Chánh Thọ là khổ, lạc, ưu, hỷ thật sự chẳng có. Chẳng có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thì gọi là Chánh Thọ. Chánh Thọ là như trong tựa đề kinh có nói *“thanh tịnh, bình đẳng, giác”.* Thanh tịnh là Chánh Thọ của A La Hán và Bích Chi Phật, là cảnh giới tam-muội của các Ngài. Bình đẳng là Chánh Thọ của Bồ Tát. Giác là Chánh Thọ của chư Phật, chúng ta thường nói là bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ. Đạt đến giác, đương nhiên thanh tịnh và bình đẳng đều trọn đủ. Đạt đến bình đẳng, chẳng đạt được giác. Đạt được bình đẳng bèn có thanh tịnh, điều sau bao gồm điều trước, điều trước chẳng bao gồm điều sau. Do đó, pháp môn Niệm Phật được gọi là Bảo Vương tam-muội, điều này quá khó có, hy hữu! *“Kim nhật Thế Tôn khai diễn Tịnh Độ pháp môn, cố nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội”* (Giờ đây, đức Thế Tôn khai diễn pháp môn Tịnh Ðộ, nên Ngài nhập Niệm Phật Bảo Vương tam-muội); do đó mới có chuyện kỳ đặc phóng quang, hiện tướng lành, đó là tự nhiên cảm ứng, đức Phật chẳng khởi tâm động niệm, chúng ta nhất định phải biết điều này. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Phần 70 hết**

1. [1] Xin lưu ý cách tính theo lối cổ này khác với cách hiểu thông thường về chữ Triệu (million) hiện thời. Theo cách hiểu hiện thời, Triệu là một trăm vạn, tức sáu số 0 sau số 1, còn Triệu trong cách tính này là một vạn ức, mà Ức là một vạn vạn, tức là Ức=10.000x10.000, như vậy Triệu ở đây là 10.000x10.000x10.000 (12 số 0 sau số 1; như vậy triệu của Trung Hoa bằng một triệu triệu thông thường). Mười Triệu là một Kinh, mười Kinh là một Cai. Do đó, Cai là 10x10=100 Triệu, tức là 1à mười bốn số 0 sau số 1. [↑](#footnote-ref-2)
2. [2] Kinh Xưng Tán Đại Thừa Công Đức do ngài Huyền Trang dịch vào đời Đường. Trong kinh ấy, khi đức Phật ngự tại điện Bảo Hoa, Đức Nghiêm Hoa Bồ Tát bèn thưa hỏi: “*Thế nào là bạn ác của Bồ Tát, Bồ Tát mới học cần phải biết để xa lìa?”*. Đức Phật bèn dạy các phương pháp để phân biệt, cũng như nói rõ tội hủy báng Đại Thừa, giảng giải các danh nghĩa Đại Thừa. [↑](#footnote-ref-3)
3. [3] Vương Khải, tức là Hạ Khải (2197-2188) trước Công Nguyên, là vị vua thứ hai trong vương triều nhà Hạ, là con vua Vũ. Ông tính tình lạnh lùng, cương nghị, nhưng tiết kiệm, kính lão, tôn hiền, chăm chỉ nên được mọi người kính trọng. Khi còn sống, vua Hạ Vũ tính truyền ngôi cho Cao Dao, nhưng Cao Dao mất sớm, nên truyền ngôi cho Bá Ích. Do mọi người kính trọng Hạ Khải, nên Bá Ích bèn nhường ngôi cho Hạ Khải. Việc Hạ Khải nối ngôi Hạ Vũ đã mở đầu truyền thống cha truyền con nối, chấm dứt chế độ “truyền hiền” của các triều đại trước đó. Theo dã sử, Hạ Khải đã đánh nhau với Bá Ích để giành ngôi vua, cũng như chinh phạt bộ lạc Hữu Hộ, cũng như đánh dẹp các con nổi loạn vì họ muốn giành ngôi với thái tử Thái Khang. Hạ Khải đã lưu đày đứa con út hung hăng nhất là Vũ Quan đến Tây Hoàng Hà. Do đó, từ thời của Hạ Khải trở đi, không còn là thời đại thế giới đại đồng nữa, mà chỉ gọi là Tiểu Khang (hàm ý tạm được, khá an ổn, tuy có chiến tranh, loạn lạc, nhưng chưa đạt đến mức khốc liệt dữ dội như thời Chiến Quốc, quân vương chưa đến nỗi quá sức bạo ngược). [↑](#footnote-ref-4)
4. [4] Xuân Thu là giai đoạn từ năm 770 đến 476 trước Công Nguyên, tức là kể năm đầu của triều đại Châu Bình Vương cho đến năm bốn mươi ba đời Châu Kính Vương (khi ba gia đình quý tộc tiêu diệt hoàng tộc nước Tấn, tách Tấn ra thành ba nước Triệu, Ngụy, Hàn). Trong giai đoạn này, thế lực nhà Châu suy sụp, các vua chư hầu lần lượt nổi lên tranh hùng xưng bá, đặc biệt là Ngũ Bá (Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công, Sở Trang Vương). Tên gọi này xuất phát từ bộ sử Xuân Thu của Khổng Tử (thường gọi là kinh Xuân Thu).

Thời Chiến Quốc kể từ năm 476 dến năm 221 trước Công Nguyên (tức là kể từ thời nước Tấn tách thành ba nước cho đến khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Nguyên). Do các nước liên tục đánh nhau không ngừng, nên gọi là Chiến Quốc. [↑](#footnote-ref-5)
5. [5] Theo truyền thuyết, Toại Nhân là người đầu tiên phát hiện ra lửa, dạy cho nhân dân dùng lửa nấu chín thức ăn; đôi khi Toại Nhân được coi là một trong Tam Hoàng. Theo phát hiện của ngành khảo cổ, Toại Nhân Thị chính là một thị tộc cổ Trung Hoa theo chế độ mẫu hệ, sống chủ yếu bằng săn bắn, biết dùi gỗ lấy lửa, hoặc đập đá cho xẹt ra lửa. Hiện thời, vùng Ân Khư vẫn còn di tích của họ. Toại Nhân được coi là thời vua đầu tiên của Trung Hoa. Sau Toại Nhân là Phục Hy và Thần Nông (theo Thượng Thư). Sau họ Thần Nông là các đời vua Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn (gọi chung là Ngũ Đế). Toại Nhân, Phục Hy và Thần Nông thường gọi chung là Tam Hoàng. [↑](#footnote-ref-6)
6. [1] Đây là một bài kinh giảng về cái Tâm được coi là do Lữ Thuần Dương (Lữ Động Tân) giáng cơ trong đàn cầu tiên của Đạo gia, không phải là tác phẩm chú giải Tâm Kinh (mạo danh Lữ Tổ) với nội dung xuyên tạc Tâm Kinh để đề cao phép luyện đan của bọn đạo sĩ. Bài Tâm Kinh này khá ngắn, xin trích một đoạn như sau: *“Thiên sanh vạn vật, duy nhân tối linh. Phỉ nhân năng linh, thật tâm thị linh. Tâm vi chủ tể, nhất thân chi quân, dịch sử bách hài khu xứ, quần tình; vật vô kỳ vật, hình vô kỳ hình, bẩm thụ ư thiên, lương tri, lương năng, khí câu dục tế, nhật thất kỳ chân. Thử tâm tức thất, thử thân diệc khuynh. Dục thiện kỳ thân, tiên trị kỳ tâm. Trị tâm như hà, tức tâm trị tâm. Dĩ lão lão tâm, trị bất hiếu tâm. Dĩ trưởng trưởng tâm, trị bất đễ tâm. Dĩ ủy trí tâm, trị bất trung tâm. Dĩ thành khác tâm, trị bất tín tâm. Dĩ cung kính tâm, trị vô lý tâm…”* (trời sanh vạn vật, chỉ có con người là linh thông nhất. Chẳng phải là con người có thể linh thông, mà thật sự là do cái tâm linh thông. Tâm làm chúa tể, là vua của thân, sai khiến cái thân gồm hình hài xác thịt và các mối tình cảm. Tâm dường như là vật, nhưng chẳng phải là vật, tâm dường như có hình dáng, nhưng chẳng có hình dáng, được bẩm thụ từ trời, nên có lương tri và lương năng. Do bị dục vọng huân tập, che lấp, nên dần dần đánh mất tánh thiên chân. Cái tâm này đã mất, cái thân cũng lệch lạc theo. Muốn cho cái thân tốt lành, trước hết phải trị cái tâm. Trị tâm như thế nào? Hãy dùng tâm để trị tâm. Dùng cái tâm tôn kính người già của kẻ khác như người già của chính mình để trị cái tâm bất hiếu. Dùng cái tâm coi người bề trên của kẻ khác như bề trên của chính mình để trị cái tâm chẳng cung kính tôn trưởng. Dùng cái tâm tận tụy để trị cái tâm bất trung. Dùng cái tâm thành khẩn để trị cái tâm bất tín. Dùng cái tâm cung kính để trị cái tâm vô lý…) [↑](#footnote-ref-7)
7. [2] Công Quá Cách do đạo sĩ Tịnh Minh Đạo biên soạn vào đời Tống, với nội dung phân loại những điều ác và điều thiện để tự xét nhằm chấm điểm hành vi của chính mình hằng ngày. Nội dung các hạng mục dựa theo quan điểm tích thiện của Đạo giáo, luân lý Nho gia, cũng như thuyết nhân quả báo ứng của Phật giáo, nhưng các hạng mục chủ yếu đều lấy những điều đã được nêu trong Âm Chất Văn làm chuẩn. [↑](#footnote-ref-8)
8. [3] Hoằng Hóa Xã là một cơ sở lưu thông kinh sách Phật giáo. Thuở đầu, vào năm 1930, do Ấn Quang đại sư đề xướng, Giác Viên Tịnh Nghiệp Xã được thành lập tại Thượng Hải, pháp sư Minh Đạo thuộc chùa Thái Bình chịu trách nhiệm điều hành. Trước tiên, Tịnh Nghiệp Xã chỉ lưu thông những kinh sách do các nơi đã in. Sau đó, dưới sự giúp sức của các cư sĩ Hoàng Hàm Chi, Vương Nhất Đình, Quan Quýnh Chi v.v…, một tiểu tổ của Tịnh Nghiệp Xã đặc trách ấn hành kinh sách mang tên là Hoằng Hóa Xã được thành lập để tự ấn loát kinh sách. Tổ Ấn Quang chịu trách nhiệm giảo duyệt, tu đính, trình bày, pháp sư Minh Đạo và các vị cư sĩ nói trên chịu trách nhiệm quyên góp, liên lạc với xưởng in, ấn định giá thành, phân phối sách… Về sau, mọi người chỉ biết đến Hoằng Hóa Xã, không còn danh xưng Tịnh Nghiệp Xã nữa. Năm 1931, Hoằng Hóa Xã dời về chùa Báo Quốc ở Tô Châu là nơi Ấn Quang đại sư bế quan. Năm 1935, pháp sư Minh Đạo qua đời, không có người giao phó, tổ Ấn Quang phải đích thân trông nom Hoằng Hóa Xã mãi cho đến khi Tổ viên tịch. Sau khi Tổ vãng sanh vào năm 1940, Hoằng Hóa Xã lại chuyển từ Tô Châu về chùa Giác Viên ở Thượng Hải (trong giai đoạn này, Hoằng Hóa Xã do pháp sư Đức Sâm đảm nhiệm. Sau khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, pháp sư Diệu Chân tiếp tục chủ trì, nhưng chỉ được phép hoạt động cầm chừng). Trong giai đoạn đầu sau khi tổ Ấn Quang mất, Hoằng Hóa Xã dốc sức tái bản các bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Chánh Biên, Tục Biên, Gia Ngôn Lục, Tinh Hoa, và xuất bản tờ Hoằng Hóa Nguyệt San (tờ báo này thoạt đầu do ông Chung Cát Ninh chủ biên, về sau do Du Hữu Duy chủ trì và Vương Vĩnh Nguyên làm tổng biên tập) cho đến khi Mao Trạch Đông chiếm lãnh toàn bộ Hoa Lục, các hoạt động ấn loát và lưu thông kinh sách Phật giáo của các chùa bị cấm ngặt, nội dung báo chí Phật giáo hoàn toàn bị cán bộ văn hóa chỉ đạo. Năm 1956, Hoằng Hóa Xã được lệnh kết hợp với Thượng Hải Phật Học Thư Cục và Đại Pháp Luân Thư Cục, đổi tên thành Thượng Hải Phật Giáo Thư Điếm (tiệm sách Phật giáo Thượng Hải, do nhà nước quản lý); Hoằng Hóa Xã biến mất. Mãi cho đến thập niên 1990, khi chùa Báo Quốc ở Tô Châu được chính quyền Hoa Lục cho mở cửa lại, tăng chúng bèn tái lập Hoằng Hóa Xã trong khuôn viên viện bảo tàng Phật Giáo Tô Châu. [↑](#footnote-ref-9)
9. [4] Do người Hán tính năm theo Thiên Can (Giáp, Ất, Bính, Đinh…) và Địa Chi (Tý, Sửu, Dần, Mão…), nên mỗi năm có tên gọi lần lượt là Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần v.v…hợp thành sáu mươi danh xưng như thế. Cứ sau sáu mươi năm, tên gọi lại trở về danh xưng khởi điểm là Giáp Tý nên chu kỳ sáu mươi năm thường được gọi là “một giáp tý”. [↑](#footnote-ref-10)
10. [5] Tướng Phần (còn gọi là Thủ Tướng Phần), chính là đối tượng của nhận thức (khách thể), tức là cái sẽ được nhận thức bởi tâm thức, tức là vật chất, sắc tướng.

Kiến Phần (còn gọi là Năng Thủ Phần), chủ thể của sự nhận thức. Hiểu thô thiển thì khi mắt ta nhìn bông hoa, bông hoa là Tướng Phần, mắt tiếp nhận hình ảnh bông hoa thì sự tiếp nhận đó là Kiến Phần.

Tự Chứng Phần còn gọi là Tự Thể Phần, là tác dụng nhận biết của tâm thức khi Kiến Phần duyên với Tướng Phần. Như trong thí dụ trên, khi mắt nhìn thấy bông hoa, tiếp nhận hình ảnh bông hoa, Duy Thức gọi chuyện đó là “Kiến Phần duyên Tướng Phần”, tâm thức khởi tác dụng nhận biết hoa có màu gì, thơm hay không, tên hoa là gì, hoa có mấy cánh, hoa còn tươi hay đã héo, ưa thích hay chán ghét bông hoa ấy v.v… Những tác dụng tâm lý ấy thuộc về Tự Chứng Phần. [↑](#footnote-ref-11)
11. [6] “Tám chữ Bất” là nói đến một chủ đề chánh yếu trong Trung Quán Luận của Long Thọ Bồ Tát qua bài kệ mở đầu Trung Quán Luận: *“Bất sanh, diệc bất diệt, bất thường diệc bất đoạn, bất nhất diệc bất dị, bất lai diệc bất xuất”.*  [↑](#footnote-ref-12)
12. [1] Chúng tôi nghĩ ở đây có sự sai lầm trong sự phiên dịch giữa người Hoa và người Ấn Độ trong chuyến du hành ấy. Vì theo từ điển Sanrit-Anh và Phật Môn Từ Điển, Am Ma La là phiên âm của chữ Āmalaka trong tiếng Phạn, và tên tiếng Anh tương ứng của nó là Emblic Myrobalan, nay người Ấn Độ thường gọi là Amala, Amilika, Amla, hoặc Dhatrik, và thường được biết với tên Indian Gooseberry. Đây là một loại trái có thịt mọng, nhỏ chừng bằng trái cà pháo, có màu xanh vàng, ở giữa có một hạt cứng, da mịn, khi còn xanh rất cứng, có sáu rãnh, có vị chua, đắng. Khi chín, trái đổi sang màu nâu tím hơi giống trái bồ quân. Lá cây này giống như lá me. Hơn nữa, trái ổi gọi theo tiếng Sankrit sẽ là Bijabura. Người Ấn Độ thường đem muối trái Am Ma La với muối và nghệ, dùng làm thức ăn mặn như ta ăn dưa muối. Riêng đối với chữ Đề Hồ, hòa thượng nói là Salad, nhưng chúng tôi nghĩ Ngài muốn nói loại sốt (dressing) để ăn với rau xà lách thường chế từ phó mát. [↑](#footnote-ref-13)
13. [2] Tân Cương vốn là tên gọi sau này của vùng được coi là Tây Vực (đúng ra là phần lớn của Tây Vực cổ), bao gồm địa bàn của các vương quốc cổ đại (như Nhục Chi, Lâu Lan, Hung Nô, Khố Xương, Tây Liêu, Tinh Tuyệt v.v…), phần nhiều sống du mục, đã bị diệt quốc. Kể từ đời Hán, nhà Hán đã đặt Tây Vực Đô Hộ Phủ để khống chế các sắc dân này. Tây Vực hoàn toàn bị Trung Hoa biến thành thuộc địa dưới đời Càn Long. Trong niên hiệu Quang Tự thứ mười (1884), khi Tả Tông Đường thành công đuổi quân xâm lăng A Cổ Bách ra khỏi vùng này, bèn tâu xin nhà vua đặt vùng này thành tỉnh mới, đặt tên là Tân Cương (cương vực mới). Tân Cương hiện thời nằm lọt giữa các tỉnh Cam Túc, Thanh Hải, khu tự trị Tây Tạng và khu tự trị Nội Mông. Dân tộc chủ yếu sống trong vùng này là Hồi Hột, Mông Cổ, Cáp Tát Khắc (Kazakh), Duy Ngô Nhĩ (Uigur) v.v… [↑](#footnote-ref-14)
14. [3] Hành lang Hà Tây (Hà Tây Tẩu Lang), còn gọi là Cam Túc Tẩu Lang là một giải bình nguyên hẹp nằm giữa các vùng núi cao, phía Đông kể từ Ô Tiêu Lãnh, phía Tây từ Ngọc Môn Quan, phía Bắc giáp ranh Kỳ Liên Sơn và A Nhĩ Kim Sơn, dài đến 900 km, bề ngang chỉ có mấy cây số, giống như một hành lang hẹp, lại nằm ở phía Tây Hoàng Hà, nên mới có tên gọi là Hà Tây Tẩu Lang. Đây là tuyến đường trọng yếu để từ Trung Nguyên ra vào vùng Tân Cương. [↑](#footnote-ref-15)
15. [4] Thống Chiến Bộ là tên gọi tắt của Trung Quốc Cộng Sản Đảng Trung Ương Ủy Viên Hội Thống Nhất Chiến Tuyến Công Tác Bộ, thường được gọi tắt là Trung Cộng Trung Ương Thống Chiến Bộ, là một tổ chức ngoại vi của đảng Cộng Sản Trung Quốc, nhằm liên kết, thống nhất tư tưởng và hành động các thành phần trí thức, viên chức, tôn giáo, quân dân không phải là đảng viên Cộng Sản trong xã hội (thực chất là kiểm soát), nhằm đảm bảo họ sẽ trung thành và ủng hộ mọi đường lối của chính phủ. Tổ chức này còn đồng thời chủ trì công tác Hoa vận để nối dài quyền lực kiểm soát nơi các cộng đồng Hoa Kiều hải ngoại. Điều này thường được gọi châm biếm là “expand soft power” trong các sách báo ngoại quốc. Nói cách khác, đây chính là một tổ chức tương đương với cơ cấu Mặt Trận Tổ Quốc của chính quyền Việt Nam hiện thời, nhưng có quyền lực lớn hơn. [↑](#footnote-ref-16)
16. [5] Theo A Dục Vương Tự Chí, Lợi Tân Bồ Tát chính là sư Huệ Đạt, tổ khai sơn A Dục Vương Tự. Theo đó, vào năm Thái Khang thứ ba (282) đời Tây Tấn, Lưu Tát Ha là người xứ Ly Thạch, Khai Châu, tỉnh Sơn Đông. Do cầu xá-lợi, ông Lưu đến vùng núi Kê Mậu, kết lều tranh trên Ô Thạch, thấy tháp xá-lợi từ dưới đất vọt lên, bèn dựng lều, xây thảo am tu hành tại đó, lâu ngày thành chùa. Sư lấy đạo hiệu là Huệ Đạt. Về sau, tăng đông, đất hẹp, mới chọn vùng đất thuộc Cận Châu để lập chùa. Trong vùng đất cũ của A Dục Vương Tự vẫn còn tháp thờ cốt ngài Huệ Đạt. [↑](#footnote-ref-17)
17. [1] Đại Pháp Cự Đà La Ni Kinh gồm 20 quyển, 52 phẩm, do ngài Xà Na Quật Đa dịch vào đời Tùy. Do Thiện Oai Quang thiên tử thỉnh vấn pháp Đà La Ni, đức Phật bèn nhập Đại Lực Trang Nghiêm Tam Muội, thuật lại chuyện chư Như Lai đã phóng quang nói kinh này trong đời quá khứ, và cách hành trì các pháp Đà La Ni. [↑](#footnote-ref-18)
18. [2] Thích Tăng Triệu (394-414) là đệ tử đắc ý và nổi danh nhất của La Thập đại sư. Ngài họ Trương, người xứ Kinh Triệu (Trường An), nổi tiếng là một nhà lý luận và tư tưởng của Đại Thừa Phật giáo tại Trung Hoa. Ngài được coi như đã có công bản địa hóa tư tưởng Trung Quán của Bát Nhã và mạnh dạn dùng những khái niệm sẵn có trong triết học Trung Hoa để diễn đạt tư tưởng Bát Nhã. Trước khi học Phật, Ngài từng học Nho, đặc biệt yêu thích Lão Trang, nhưng vẫn chưa cảm thấy thỏa mãn. Đến khi đọc kinh Duy Ma Cật, tỉnh ngộ, bèn xuất gia, nghiên cứu Phật học càng tinh thâm, chưa đầy hai mươi tuổi mà danh tiếng đã vang rền khắp nước. Về sau, nghe ngài La Thập đến xứ Cô Tạng (nay thuộc huyện Vũ Oai, tỉnh Cam Túc), Sư tìm dến, vô cùng ngưỡng mộ, tận lực theo hầu. Khi ngài La Thập đến Trường An, Ngài xin tham gia dịch trường, cùng với các vị Đạo Dung, Tăng Duệ và Đạo Sanh được gọi là Quan Trung Tứ Kiệt. Ngài đặc biệt tinh thông Trung Quán, nên được người đương thời tôn xưng là bậc Giải Không Đệ Nhất. Ngài cũng tham gia dịch trường của ngài Phật Đà Da Xá để dịch Tứ Phần Luật và Trường A Hàm Kinh. Tiếc là Ngài mất rất sớm. Pháp sư Ấn Thuận hết sức ngưỡng mộ ngài Tăng Triệu, tôn xưng Ngài là đệ nhị tổ của Tam Luận Tông. [↑](#footnote-ref-19)
19. [3] Câu này hơi khó hiểu nên chúng tôi mạn phép vẽ rắn thêm chân như sau: Theo Duy Thức Học, Tướng Phần (vật chất) phát sanh từ Kiến Phần (cái tâm phát sanh tác dụng nhìn thấy). Luận điểm này được diễn tả bằng câu: “Kiến thì nhất định phải thấy, hễ trông thấy bèn có huyễn tướng”. Tiếp đó, cổ nhân dùng một tỷ dụ giả thiết như sau: Trừng mắt nhìn hồi lâu, do mắt mỏi, sẽ thấy các đốm sáng chao lượn trước mắt”. Tức là do từ cái nhìn đó mà có huyễn tướng xuất hiện. Hòa thượng nói tỷ dụ này không phù hợp lắm (vì mắt mỏi mà có tướng hoa đốm, chẳng liên quan đến vọng tâm), vẫn chưa giải thích rõ vì sao từ Kiến Phần sanh ra Tướng Phần, nên mới bảo là: “Dùng cách ấy để nói thì không khoa học”. Hòa thượng cho rằng: Do Kiến Phần (tác dụng của tâm thức, tức là vọng tâm), vọng tâm thường sanh khởi ý niệm, vật chất do ý niệm tích lũy tạo thành. Đấy chính là đã nói rõ Kiến Phần sanh ra Tướng Phần. [↑](#footnote-ref-20)
20. [4] Chùa Quán Tông ở thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, được sáng lập vào năm 1081 bởi pháp sư Giới Nhiên, ngài Giới Nhiên là đồ tôn đời thứ năm pháp sư Tri Lễ (tổ thứ mười bảy của tông Thiên Thai), thoạt đầu chùa mang tên Thập Lục Quán Đường trực thuộc chùa Diên Khánh. Chùa gần như hoang phế dưới thời Quang Tự, ngài Đế Nhàn đã trùng tu chùa này, khôi phục tông phong Thiên Thai. Chùa trải qua nhiều nỗi thăng trầm: Năm 1951 bị nhà nước tịch thu biến thành trường huấn luyện cán bộ, rồi trường Đảng vào năm 1958, phá bỏ rất nhiều kiến trúc trong chùa. Đến năm 1993, mới được trả lại cho Phật giáo, và đưa về trực thuộc chùa Diên Khánh như cũ. [↑](#footnote-ref-21)
21. [5] Tứ Thiên Hạ là danh xưng khác của Tứ Bộ Châu (Đông Thắng, Tây Ngưu, Diêm Phù và Bắc Câu). Gọi là Tứ Thiên Hạ vì tầng trời ngay trên Tứ Bộ Châu là tầng trời của bốn vị Thiên Vương (Đa Văn, Quảng Mục, Trì Quốc, Tăng Trưởng). “Tứ thiên hạ vi trần” nghĩa là số vi trần trong một tứ thiên hạ. [↑](#footnote-ref-22)
22. [6] Vua Vũ họ Tự, thị tộc Hạ Hầu, tên là Vũ, tự Văn Mạng, là cháu đời thứ tám của Hiên Viên Hoàng Đế, được phong tước Hạ Bá đời vua Nghiêu, nên sử thường gọi ông là Bá Vũ hay Hạ Vũ. Cha vua Vũ là Cổn, được vua Nghiêu phong thái ấp ở Tung Sơn, sai trị thủy (chống nạn lụt). Ông Cổn dùng biện pháp đắp đê ngăn nước, nào ngờ lụt dữ dội hơn, bị phạt. Vua lại sai ông Vũ đảm nhiệm. Ông Vũ trị thủy thành công, được vua Thuấn nhường ngôi, lập ra vương triều Hạ, đóng đô ở Dương Thành, sau đổi sang Âm Thành. Khải là con của Hạ Vũ và Đồ Sơn Thị. Do chồng bận rộn trị thủy đến nỗi ba lần đi qua nhà, không ghé vào thăm, bà Đồ Sơn Thị sáng tác ra khúc hát Hầu Nhân Hề Y để tỏ lòng nhớ chồng. Khải thiên đô sang Dương Địch, và truyền ngôi cho con là Thái Khang. Nhà Hạ truyền được mười chín đời. [↑](#footnote-ref-23)
23. [7] Thương Thang là tên vị vua sáng lập nhà Thương, ông họ Tử, tên Lữ (Lý), ông là thủ lãnh của bộ tộc Thương. Do vậy, khi lật đổ vua Kiệt nhà Hạ, ông đã đặt tên cho vương triều mới là Thương. Sách cổ chỉ ghi ông được gọi với nhiều tên như Vũ Thang, Thiên Ất, Thành Thang, Thành Đường, Đại Ất, Cao Tổ Ất v.v… nhưng không giải thích vì sao Thương Thang có các tên gọi đó. [↑](#footnote-ref-24)
24. [8] Sách Thắng Man Bảo Quật do ngài Cát Tạng viết vào đời Tùy, là tác phẩm chú giải Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện Phương Quảng Kinh tường tận nhất. Đầu tiên, Ngài dùng Ngũ Trùng Huyền Nghĩa để giải thích tựa đề, thuật duyên khởi, biện định tông chỉ v.v… Kế đó, tán thán công đức của chân thật nghĩa, giảng giải vô biên thánh đế, tự tánh thanh tịnh, xiển dương tông chỉ, yếu nghĩa trong kinh Thắng Man. Để tăng tính thuyết phục trong lập luận, Ngài đã dẫn hơn mười mấy bộ kinh luận như Pháp Hoa, Duy Ma, Đại Trí Độ Luận v.v… và các điển tịch khác như Tượng Pháp Quyết Nghi Kinh, Xà Vương Sám Hối Kinh v.v… (Sở dĩ gọi các bộ này là điển tịch vì chúng không nằm trong Đại Tạng Kinh), cũng như biện luận các nhận định của những bộ chú giải khác như Thắng Man Kinh Chú Sớ Yếu Nghĩa... [↑](#footnote-ref-25)
25. [1] Thật ra, ngài Cảnh Hưng là người xứ Tân La (một vương quốc cổ vào thời Tam Quốc của Đại Hàn), không rõ năm sanh và năm mất (có thuyết nói Ngài sanh vào thế kỷ thứ bảy), có họ ngoài đời là Thủy, quê ở xứ Hùng Xuyên, xuất gia năm mười tám tuổi, tinh thông Tam Tạng, được tôn làm Quốc Sư, trụ trì chùa Tam Lang, chuyên tâm trước thuật. Ngài đặc biệt ưa thích kinh Hoa Nghiêm. Một hôm cưỡi ngựa vào hoàng cung, được Văn Thù Bồ Tát ngầm răn dạy, nên từ đó không bao giờ cỡi ngựa nữa. Ngài cho khắc sự tích này vào văn bia tại chùa Tam Lang. Ngài trước thuật khá nhiều, đặc biệt là các bộ Đại Bát Niết Bàn Kinh Sớ, Kim Quang Minh Kinh Thuật Tán, Tứ Phần Luật Yết Ma Ký, Đại Thừa Khởi Tín Luận Vấn Đáp, Du Già Luận Sớ… rất nổi tiếng. Ngài được tôn là sáng tổ của Pháp Tướng Tông tại Đại Hàn. Đặc biệt là bộ Vô Lượng Thọ Kinh Liên Nghĩa Thuật Văn Tán của Ngài được các vị Nguyên Tín (Pháp Nhiên thượng nhân, sáng tổ Tịnh Độ Tông Nhật Bản) và Thân Loan (sáng tổ Tịnh Độ Chân Tông Nhật Bản) trích dẫn rất nhiều trong trước thuật của họ, nên dễ gây hiểu lầm ngài Cảnh Hưng là một vị danh tăng người Nhật. [↑](#footnote-ref-26)
26. [2] Bổn (本) ở đây có nghĩa là quả vị chứng đắc thật sự, trong khi Tích (跡) là những sự thị hiện nhằm hóa độ. Chẳng hạn, ngài A Nan thị hiện thân phận Sơ Quả Tu Đà Hoàn, nhưng Bổn của Ngài phải là bậc Pháp Thân Đại Sĩ, vì trong kinh Pháp Hoa đã nói rõ các đệ tử Thanh Văn của Ngài là*“nội bí Bồ Tát hạnh, ngoại thị hiện Thanh Văn”* (bên trong là hạnh Bồ Tát bí mật, bên ngoài hiện tướng Thanh Văn). [↑](#footnote-ref-27)
27. [3] Văn Uyên Các (文淵閣, tên Mãn Châu là Šu Songkon Asari) chính là tàng thư lâu của triều đình nhà Thanh. Kiến trúc nằm phía Bắc điện Văn Hoa, thuộc trong phạm vi của Tử Cấm Thành. Thật ra, công trình này được kiến tạo vào đời Vĩnh Lạc nhà Minh. Cũng giống như Văn Uyên Các thuộc cố cung Nam Kinh, Văn Uyên Các ở Bắc Kinh cũng nằm ở góc Đông Nam cửa Tả Thuận, và đã hư hại theo thời gian. Đến thời Càn Long, nhà vua hạ lệnh xây Văn Uyên Các phía sau điện Văn Hoa trên nền cũ của Thánh Tế Điện, mãi đến năm Càn Long 41 (1776) mới dựng xong, chủ yếu để lưu trữ Tứ Khố Toàn Thư và Khâm Định Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành. Sau khi xây xong, mỗi tháng vua ra lệnh cho các đại học sĩ mở một buổi kinh diên (khóa giảng về kinh sách Nho giáo) cho các học trò Quốc Tử Giám tại đó. [↑](#footnote-ref-28)
28. [4] Mao Toại là người nước Triệu, sống vào thời Chiến Quốc, là môn khách của Bình Nguyên Quân (Triệu Thắng) đã lâu, nhưng chưa ai biết tới tài năng. Năm thứ chín đời Triệu Hiếu Thành Vương (275 trước Công Nguyên), nước Tần vây hãm kinh thành Hàm Đan của nước Triệu, Bình Nguyên Quân cầm tiết việt sang nước Sở cầu cứu. Mao Toại thừa dịp, tự giới thiệu, đề cao mình, đối đáp khẳng khái, nên được Bình Nguyên Quân cho theo đàm phán. Khi Bình Nguyên Quân và Sở Khảo Liệt Vương đang bàn cãi, Mao Toại bèn nói rạch ròi lẽ lợi hại, khiến vua Sở đồng ý liên minh với Triệu. Vì chuyện này mới có thành ngữ *“Mao Toại tự tiến”.* Bình Nguyên Quân là con của Triệu Linh Vương (Triệu Ung), em trai Triệu Huệ Văn Vương (Triệu Đan), từng giữ chức Tể Tướng của hai đời vua Triệu Huệ Văn Vương và Triệu Hiếu Thành Vương. Ông là một chính trị gia nổi tiếng, đồng thời nuôi rất nhiều môn khách (danh sĩ đến làm cố vấn). Bình Nguyên Quân cùng với Mạnh Thường Quân (Điền Văn) nước Tề, Tín Lăng Quân (Ngụy Vô Kỵ) nước Ngụy, và Xuân Thân Quân (Hoàng Hiệt) nước Sở nổi tiếng là những người rộng lượng, hiền đức, được người đương thời gọi chung là Chiến Quốc Tứ Công Tử. [↑](#footnote-ref-29)